

1756

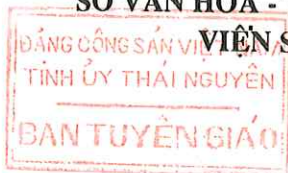
DANH NHÂN LỊCH SỬ
LƯU NHÂN CHÚ
(Kỷ yếu hội thảo khoa học)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TỰ NHIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TỰ NHIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TỰ NHIÊN

1994

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN THÁI NGUYÊN
VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM



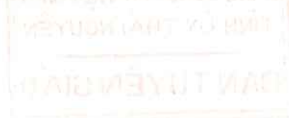
DANH NHÂN LỊCH SỬ LƯU NHÂN CHỦ

(KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC)

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN THÁI NGUYÊN
XUẤT BẢN NĂM 2001

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

MẠNG TÀI NGUYÊN VĂN HÓA VIỆT NAM



ĐANH NHÃN LỊCH SỬ

LƯU NHÃN CHỦ

(KÝ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC)

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

XUẤT BẢN NĂM 2001

LỜI GIỚI THIỆU

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của giặc Minh, là một trong những chiến công chói lọi trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hết sức tự hào vì đã tích cực góp phần vào thắng lợi vĩ đại đó.

Trước khi khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ (1418), Thái Nguyên là một trong những trung tâm kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, với phong trào khởi nghĩa nổ ra mạnh mẽ, quy mô rộng lớn. Với vị thế của một dòng họ từng bốn đời thế tập làm Phiên trấn Thái Nguyên, có uy tín và thế lực để tập hợp lực lượng tổ chức cuộc kháng chiến ngay tại quê nhà, nhưng ngay từ đầu, cha con Lưu Nhân Chú đã hướng về đất Lam Sơn, tự nguyện đứng dưới cờ nghĩa của người anh hùng Lê Lợi.

Là một trong những người tham gia dự Hội thề Lũng Nhai, có mặt ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, chỉ huy trực tiếp nhiều trận đánh lớn của nghĩa quân Lam Sơn, đặc biệt là những trận chiến đấu mang tính chất quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến, Lưu Nhân Chú thực sự tỏ rõ bản lĩnh và tài năng của một nhà quân sự xuất sắc, có những cống hiến to lớn vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa dẫn tới sự thành lập Vương triều Lê - một vương triều thịnh đạt nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam.

Nhân vật lịch sử Lưu Nhân Chú đã được Lê Lợi cũng như sử sách xưa nay đánh giá cao. Nhằm tôn vinh một

Danh nhân lịch sử dân tộc, vừa qua Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, đã tổ chức Hội thảo khoa học về Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú. Cuộc Hội thảo đã đi sâu phân tích và lý giải có sức thuyết phục, làm sáng rõ hơn phẩm chất và những cống hiến to lớn của Lưu Nhân Chú trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước vào những thập niên đầu thế kỷ XV.

Với tấm lòng trân trọng sự giúp đỡ của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, các nhà khoa học xã hội ở các cơ quan Trung ương và địa phương, đã tâm huyết, công phu tìm tòi, nghiên cứu và có những kiến giải, đánh giá thỏa đáng về Lưu Nhân Chú - người con ưu tú của các dân tộc tỉnh Thái Nguyên, Danh nhân lịch sử của đất nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo tập hợp các báo cáo khoa học trong hội thảo để in kỷ yếu phục vụ cho việc nghiên cứu và giáo dục truyền thống, lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Xin trân trọng giới thiệu Kỷ yếu Hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú với đồng bào các dân tộc Thái Nguyên và đông đảo bạn đọc trong cả nước.

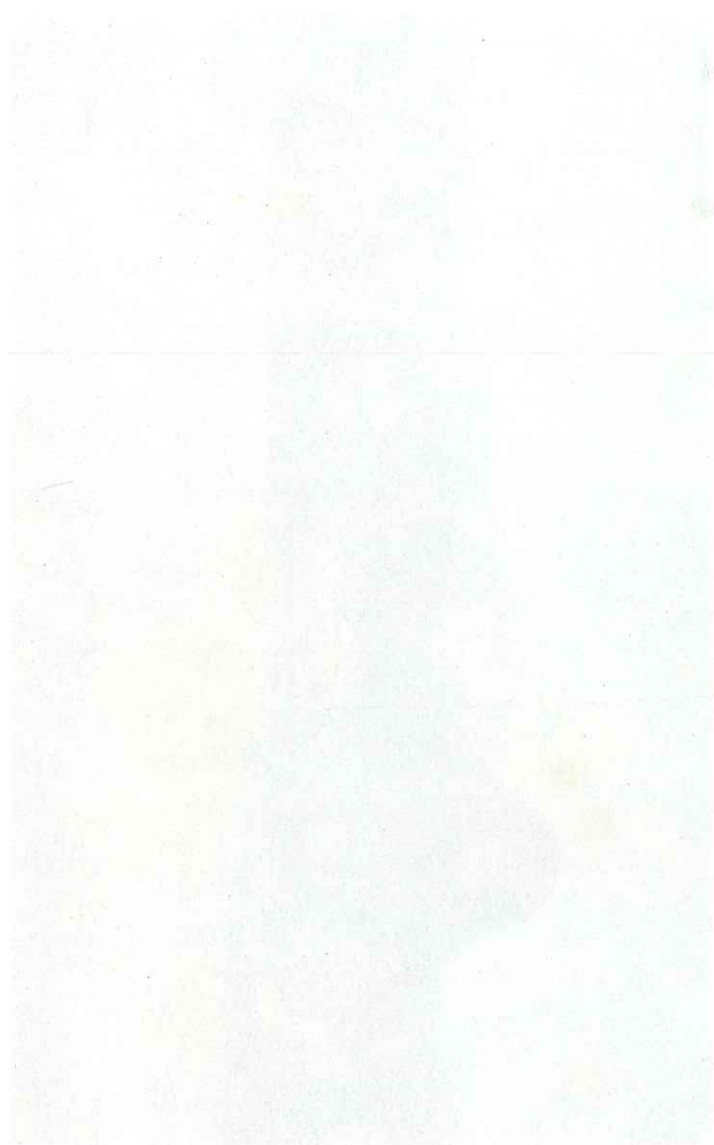
Thái Nguyên, ngày 10 tháng 9 năm 2001

LƯƠNG ĐỨC TÍNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên



Núi Võ, Núi Quần Ngựa, xã Văn Yên, huyện Đại Từ -
Quê hương Danh nhân lịch sử Lý Nhân Chủ.
Ảnh: **ĐÔNG KHẮC THỌ**
(Bảo tàng Thái Nguyên)



QUÊ HƯƠNG THÁI NGUYÊN VÀ DANH NHÂN LỊCH SỬ LƯU NHÂN CHÚ



Nguyễn Thị Phương Thảo
Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên

Kính thưa các quý vị đại biểu!

Hôm nay, chúng ta tổ chức cuộc Hội thảo khoa học nhằm làm sáng tỏ thêm về quê hương, con người, sự nghiệp và những cống hiến lớn lao của Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo và những đóng góp to lớn của ông trong những năm đầu của triều đình Lê sơ.

Trước hết thay mặt Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên, tôi xin gửi tới các đồng chí lãnh đạo Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học Việt Nam, các nhà khoa học và toàn thể quý vị đại biểu dự Hội thảo lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt. Chúc Hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú thành công tốt đẹp.

Kính thưa các quý vị!

Từ buổi bình minh dựng nước, vùng đất thuộc tỉnh Thái Nguyên ngày nay đã nằm trong cương vực nước

Văn Lang. Kể từ ấy, con người Thái Nguyên đã từng vun đắp được bề dày truyền thống lịch sử chống ngoại xâm rất đáng tự hào. Đồng bào các dân tộc Thái Nguyên từng tham gia vào những cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần, Triệu, Hán, Tống, Nguyên...

Đầu thế kỷ XV, cuộc chiến đấu của vua tôi nhà Hồ chống giặc Minh xâm lược thất bại. Ách thống trị tàn bạo của quân xâm lược nhà Minh làm cho nhân dân Đại Việt vô cùng khốn khổ. Không thể chấp nhận sự áp bức hà khắc của kẻ thù, khắp cả nước sục sôi căm giận, nhiều nơi nổi lên khởi nghĩa chống giặc. Là một vùng đất có truyền thống quật cường, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đứng lên và tham gia các cuộc khởi nghĩa của: Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí, Nguyễn Khắc Chẩn, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân, Ông Lão. Đặc biệt trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, Lưu Nhân Chú đã tham gia và trở thành Danh nhân lịch sử của dân tộc.

Lưu Nhân Chú người xã Thuận Thượng, huyện Đại Từ, phủ Thái Nguyên. Ngày nay, vùng quê ấy là xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình hào phú ở địa phương, sẵn có truyền thống yêu nước, thương dân, lại

được chứng kiến ách cai trị hà khắc của giặc Minh và sự
thôi thúc mãnh liệt của các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên
tục ở địa phương, Lưu Nhân Chú và cha là Lê Trung đã
sớm tìm vào Lam Sơn tụ hội cùng Lê Lợi, tham gia Hội
thề Lũng Nhai lịch sử.

Năm 1416, cha con Lưu Nhân Chú theo lệnh của Lê
Lợi trở về quê hương, chiêu mộ quân lính, chờ thời cơ
khởi nghĩa. Tại quê hương Thái Nguyên, họ đã tập hợp
được rất nhiều quân sĩ, ngày đêm tập luyện binh đao, võ
nghệ.

Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, cha con Lưu Nhân
Chú đã từng tham gia những trận đánh đầu tiên trong
hàng ngũ nghĩa quân Lam Sơn và trở thành những tướng
lĩnh tiên phong của nghĩa quân Lam Sơn. Trong nhiều
năm, từ 1418 đến 1424, quân Minh liên tục bao vây, tấn
công hòng tiêu diệt lực lượng nghĩa quân, Lưu Nhân
Chú và các tướng lĩnh, nghĩa quân đã xả thân chiến đấu
bảo vệ Lê Lợi, bảo vệ căn cứ địa Lam Sơn, thắng giặc
nhiều trận lớn và phát triển lực lượng, đưa tình thế của
nghĩa quân Lam Sơn từ thế phòng ngự sang thế tấn
công.

Theo Sách Lam Sơn thực lục, Đại Việt sử ký toàn
thư... cho biết, Lưu Nhân Chú là một trong những tướng
chỉ huy trận đánh Khả Lư, Bồ Ải; tiêu diệt viện binh

đường thủy của giặc từ Đông Quan vào cứu Tây Đô. Đặc biệt, trong giai đoạn cuối của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Lưu Nhân Chú là vị tướng có công đầu trong chiến dịch tiêu diệt toàn bộ viện binh nhà Minh do Liễu Thăng cầm đầu.

Là một tướng lĩnh tài giỏi, có nhiều công lao chiến trận, Lưu Nhân Chú đã được Lê Lợi ban phong nhiều chức tước cao, được giao nhiều quyền hành lớn: Hành quân Đốc quân; Nhập nội Đại tư mã lĩnh tiền, hậu, tả, hữu tứ vệ kiêm tri tân vệ chư quân dân sự; Suy trung tán trị hiệp mưu dương vũ công thần; Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự; Á thượng hầu; Nhập nội tư khấu; ban quốc tính. Công lao cống hiến, vai trò, địa vị của Lưu Nhân Chú và sự tin cậy của Thái tổ Lê Lợi đối với ông, sẽ không có ai đánh giá chính xác bằng chính bản thân nhà vua qua bài chế tặng Lưu Nhân Chú:

"Mến người là người giúp việc tài giỏi ở đời, là bề tôi tận tụy của nước. Nên trăm cho cái vinh hạnh ở ngôi Tế tướng mà vẫn giữ cái trách nhiệm về binh quyền.

Xét (Lưu Nhân Chú)... đây: Tài năng như cây tùng, cây bách, đồ dùng cho nước như ngọc "Phan", ngọc "Dư". Vậy cho người đứng đầu hàng võ, kiêm coi chính sự trong nước."

Kính thưa quý vị đại biểu!

Truyền thống lịch sử hào hùng của quê hương Thái Nguyên đã góp phần tạo ra một Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú đầu thế kỷ XV.

Tài năng, cống hiến của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh do Lê Lợi lãnh đạo nói riêng, cho Quốc gia Đại Việt nói chung, đã góp phần làm ngời sáng thêm trang sử tự hào của quê hương Thái Nguyên.

Lưu Nhân Chú xứng đáng là một Danh nhân lịch sử. Tên tuổi của ông sống mãi trong lòng đồng bào các dân tộc Thái Nguyên, sống mãi với lịch sử dân tộc Việt Nam anh hùng.

Chúng tôi mong muốn rằng, Hội thảo khoa học Quốc gia về Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia phối hợp tổ chức sẽ làm sáng tỏ thêm bức chân dung của Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú, để từ đó nâng cao truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức, trách nhiệm của thế hệ hôm nay và mai sau với truyền thống lịch sử vẻ vang của cha ông chúng ta.

Chúng tôi cũng mong rằng, sau Hội thảo này, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nghiên cứu khoa học

của Trung ương sẽ quan tâm giúp đỡ để tôn tạo khu di tích Núi Văn, Núi võ xứng đáng với tầm vóc của Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú.

Với ý nghĩa ấy, thay mặt cho hai đơn vị đồng tổ chức Hội thảo, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú.

Xin chúc các quý vị sức khỏe, hạnh phúc, đạt nhiều thành tựu trong nghiên cứu lịch sử dân tộc.

Xin cảm ơn quý vị!

LƯU NHÂN CHÚ - MỘT CUỘC ĐỜI, MỘT SỰ NGHIỆP ĐÁNG KÍNH

Giáo sư-Viện sĩ Nguyễn Duy Quý

Giám đốc Trung tâm KHXH & NVQG

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước trải hàng ngàn năm của dân tộc ta, thế kỷ XV được coi là thế kỷ quật khởi, phục hưng và phát triển cường thịnh của Quốc gia Đại Việt.

Vào những thập niên đầu thế kỷ XV, dân tộc ta đứng trước những thử thách nặng nề. Năm 1407, giặc Minh ô ạt tiến công xâm lược nước ta. Trước thế giặc hùng mạnh và tàn bạo, cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước của nhà Hồ thất bại. Sau 5 thế kỷ khôi phục và gìn giữ nền độc lập dân tộc, giờ đây đất nước ta lại rơi vào một thời kỳ đen tối, nhân dân sống trong cảnh lầm than khổ cực, rên xiết dưới gông xiềng tàn bạo của ngoại bang. Nhưng với tinh thần đấu tranh bất khuất, với ý thức sâu sắc về nền độc lập tự chủ từng được xây nền vun đắp qua từng chặng đường lịch sử,

nhân dân ta đã quật cường đứng lên giải phóng đất nước mình, dân tộc mình.

Ngày 7-2-1418 tức ngày 2 tháng Giêng năm Mậu Tuất, dưới sự lãnh đạo của người Anh hùng dân tộc Lê Lợi, từ núi rừng Lam Sơn (Thanh Hóa) đã nhen lên một ngọn lửa yêu nước và nhanh chóng bốc cao tỏa sáng khắp mọi miền. Từ một địa bàn nhỏ hẹp là vùng rừng núi Thanh Hóa, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sâu rộng trong toàn quốc. Núi rừng Lam Sơn - quê hương của người Anh hùng dân tộc Lê Lợi - trở thành trung tâm hội tụ sức mạnh của toàn dân tộc.

Sau 10 năm kháng chiến trường kỳ, anh dũng, phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Ngày 27-12-1427, đám tàn binh cuối cùng của quân xâm lược lũ thú rút khỏi nước ta. Đất nước sạch bóng quân xâm lược, cả nước vang khúc khải hoàn. Ngày 15 tháng Tư năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế ở Đông Đô, lấy niên hiệu là Thuận Thiên, đặt quốc hiệu là Đại Việt, khai mở cho dân tộc ta một thời đại mới - thời đại độc lập, thái bình và phát triển phồn vinh.

Góp phần làm nên những thắng lợi to lớn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, của phong trào giải phóng dân tộc

đầu thế kỷ XV là một tập thể anh hùng xuất thân từ nhiều tầng lớp khác nhau trong xã hội. Họ là những người dân "manh lệ", là tầng lớp địa chủ, thương nhân, quý tộc hay quan lại cũ... từ nhiều miền quê đến Lam Sơn tụ nghĩa, sát cánh cùng chủ tướng Lê Lợi chiến đấu và chiến thắng kẻ thù đem lại cho dân tộc một cuộc hồi sinh diệu kỳ.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã cắm một mốc lớn trong tiến trình lịch sử nước ta. Vai trò và ý nghĩa to lớn của nó đã được sử sách ghi nhận và khẳng định. Nhiều nhân vật lịch sử của thời kỳ này - thời kỳ phục hưng nền độc lập dân tộc - cũng đã được sử sách làm sáng tỏ, được hậu thế tôn vinh và đời đời ghi nhớ. Tuy nhiên, do sự hạn chế về tài liệu (nguồn sử liệu, nguồn tư liệu văn hóa dân gian và các nguồn tư liệu bổ trợ khác), nhiều nhân vật lịch sử đương thời vẫn chưa được tìm hiểu, nghiên cứu một cách đầy đủ và đánh giá thỏa đáng. Lưu Nhân Chú - Danh tướng tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, công thần khai quốc của vương triều Lê - là một trong những trường hợp như vậy.

Cuộc Hội thảo khoa học của chúng ta hôm nay nhằm mục đích làm sáng tỏ hơn nữa cuộc đời và sự nghiệp

của nhân vật lịch sử Lưu Nhân Chú. Bằng cái nhìn khách quan khoa học, với quan điểm lịch sử cụ thể, với nguồn sử liệu phong phú đáng tin cậy..., các nhà khoa học, trước hết là sử học sẽ giúp cho chúng ta có những nhận thức mới, sâu sắc và đúng đắn về vai trò to lớn của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cũng như trong buổi đầu tạo dựng vương triều Lê, góp phần tôn vinh ông lên vị trí xứng đáng trong hàng ngũ các Danh nhân lịch sử đương thời. Trong cuộc Hội thảo này chúng ta cũng hy vọng rằng những "ẩn số" của lịch sử, của chính cuộc đời ông sẽ được các nhà khoa học làm sáng tỏ.

Những gì liên quan đến thân thế và sự nghiệp của Lưu Nhân Chú sẽ được các bản tham luận trực tiếp đề cập đến với từng nội dung cụ thể; ở đây tôi chỉ xin phác họa đôi nét về những cống hiến của ông và góp một vài ý kiến nhỏ để chúng ta cùng thảo luận, trao đổi.

Lưu Nhân Chú quê ở xã Thuận Thượng (nay là xã Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) - một vùng quê giàu truyền thống yêu nước chống ngoại xâm. Tổ tiên ông nổi đời làm phụ đạo vùng phiên trấn. Lưu Nhân Chú cùng với cha là Lưu Trung và em rể là Phạm Cuống

tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ rất sớm. Tháng Hai năm Bính Thân (1416), Lưu Nhân Chú tham dự Hội thề Lũng Nhai lịch sử. Tại Hội thề này, chủ tướng Lê Lợi cùng 18 người bạn chiến đấu của mình nguyện cùng chung lòng dốc sức chiến đấu chống quân xâm lược giải phóng quê hương, đất nước. Sau Hội thề, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi phái về quê nhà chiêu tập nghĩa sĩ, rèn luyện võ nghệ, tích trữ binh lương, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa.

Tháng Giêng năm Mậu Tuất (1418), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa, chiêu tập hào kiệt 4 phương, Lưu Nhân Chú trở thành một tướng lĩnh trụ cột ngay từ buổi đầu của cuộc khởi nghĩa.

Trong suốt 10 năm tham gia khởi nghĩa hoạt động ở vùng rừng núi Thanh Hóa, tiến vào Nam giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa và tiến ra Bắc giải phóng Đông Đô hoàn thành công cuộc cứu nước, Lưu Nhân Chú luôn được chủ tướng Lê Lợi tin cậy giao cho nhiều trọng trách. Ông trực tiếp cầm quân tham dự nhiều trận đánh lớn quan trọng như trận Bồ Ải (cuối năm Giáp Thìn - 1424); trận đánh thành Tây Đô (Thanh Hóa) tháng 5 năm Ất Ty; trận đánh thành Xương Giang tháng 12 năm

Bính Ngọ - đầu năm 1427 và quan trọng nhất là trận mai phục ải Chi Lăng chặn đánh viện binh của Liễu Thăng, đánh tan viện binh của quân Minh (tháng 9 năm Đinh Mùi - 1427) v.v...

Tháng 3 năm Đinh Mùi, Lưu Nhân Chú được thăng chức Hành quân đô đốc Tổng quản, Nhập nội Đại tư mã lĩnh 4 vệ Tiền, Hậu, Tả, Hữu kiêm coi quân Tân vệ sau đó được thăng chức Tư không rồi Suy trung tán trị Hiệp mưu Dương vũ công thân Nhập nội kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự. Trong bài chế ban cho Lưu Nhân Chú, vua Lê Thái Tổ đã đánh giá rất cao công lao của ông: *"Núi Linh Sơn đói khổ mấy tuần, người hằng lo lắng; xứ Ai Lao muôn phần vất vả, người chẳng tiếc thân. Cứu nguy, phù suy giành lại cơ đồ trong những ngày cháo rau cơm hẩm; trừ hung dẹp bạo, quét thanh trời đất khỏi tai ương ngựa sắt gươm vàng. Trận đánh ở Bồ Đằng, Khả Lưu như trúc chẻ tro bay; trận đánh ở Xương Giang, Chi Lăng như băng tan ngói lở. Giúp nên nghiệp lớn, càng rõ công to sáng nghiệp là khó khăn, người đã lấy võ công mà dẹp nạn; thủ thành không phải dễ, nước cần có hiền tài để giúp phò. Vậy cho người đứng đầu hàng võ trong triều, kiêm coi chính sự nhà nước..."*.

Trong đợt ban thưởng công thần tháng 2 năm Mậu Tuất (1428) gồm 221 người, Lưu Nhân Chú được phong công thần hạng 2, được ban quốc tính và phong chức Trung lượng đại phu Tả phụng thần vệ tướng quân tước Đại trí tự. Tháng 5 năm Kỷ Hợi (1429) vua Lê Thái Tổ ban biểu ngạch công thần cho 93 người, Lưu Nhân Chú được phong Huyện hầu. Năm Thuận Thiên thứ 4 (1431) Lưu Nhân Chú được phong làm Nhập nội tư khấu. Sau khi vua Lê Thái Tổ mất (1433), vua Thái Tông còn nhỏ tuổi, ông bị bọn quyền thần lộng hành lập mưu sát hại. Ông mất tháng 2 năm Giáp Dần niên hiệu Thiệu Bình thứ nhất (1434).

Lưu Nhân Chú để lại cho hậu thế một sự nghiệp thật đáng trân trọng, một tấm lòng trọn đời vì nước vì dân. Bằng những nhận xét đánh giá thực sự khách quan, trong buổi Hội thảo khoa học này chúng ta hy vọng sẽ tìm thấy những tiếng nói chung từ các nhà sử học góp phần tôn vinh hơn nữa tên tuổi và sự nghiệp của ông. Đó chính là tấm lòng tri ân, là tình cảm thiêng liêng của hậu thế đối với các bậc tiên liệt đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp gìn giữ nền độc lập và xây dựng Tổ quốc phồn vinh thịnh vượng. Đó là sự thể hiện trọn vẹn

nhất đạo lý "uống nước nhớ nguồn" - một trong những giá trị truyền thống bền vững và trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Chúc cuộc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp.

Chúc sức khỏe toàn thể các đồng chí và các bạn.

DANH NHÂN LỊCH SỬ LƯU NHÂN CHÚ SỐNG MÃI TRONG LÒNG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC TỈNH THÁI NGUYÊN

Hứa Đức Nhị

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
Chủ tịch HĐND tỉnh Thái Nguyên

Kính thưa các đồng chí đại biểu.

Sử sách thời nhà Lê, nhà Nguyễn và nhiều tài liệu nghiên cứu sau này đã ghi chép nhiều về danh tướng Lưu Nhân Chú. Sách Lịch triều hiến chương loại chí, phần nhân vật (quyển 9) có chép 10 tướng có tiếng và tài giỏi đời Lê, trong đó có Lê Nhân Chú, người ở sườn đông Tam Đảo. Cùng với Gia phả thực lục dòng họ Lưu ở xã Vân Yên (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) mà con cháu của dòng họ Lưu còn giữ được và những di tích: Núi Văn, Núi Võ, Đồi Quân Ngựa, Đầm tắm ngựa, những truyền thuyết về một thời oanh liệt ở đây, đã cho chúng ta biết thêm nhiều chi tiết có thể khẳng định về quê hương, về dòng họ của ông sau này.

Đã 567 năm trôi qua, kể từ ngày Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú qua đời, nhưng tên tuổi và những cống hiến to lớn của ông cho đất nước, quê hương vẫn còn lưu mãi. Cuộc Hội thảo khoa học "Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú" tổ chức tại quê hương ông những năm đầu của thiên niên kỷ thứ 3 này với các báo cáo khoa học của các nhà sử học có tên tuổi, của các cơ quan nghiên cứu Trung ương càng làm rõ thêm về quê hương, gia đình, thân thế, sự nghiệp, công danh của Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú. Đây hẳn là một sự minh chứng về sự tôn kính của hậu thế đối với các danh nhân lịch sử dân tộc, là sự thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của con người Việt Nam, là tình cảm to lớn mà nhân dân Thái Nguyên dành cho người con ưu tú của quê hương mình.

Nhân dân các dân tộc Thái Nguyên thật tự hào vì có Lưu Nhân Chú là một người con của quê hương và chính ông đã làm rạng danh cho mảnh đất quê hương mình. Lưu Nhân Chú đã và vẫn là biểu trưng cho tinh thần yêu nước, không cam chịu làm nô lệ, chiến đấu hết mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Thái Nguyên nói riêng, của dân tộc Việt Nam nói chung.

Những năm cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV là những năm đầy biến động của quốc gia Đại Việt. Sau 175 năm tồn tại, nhà Trần sụp đổ (1226 - 1400), nhà Hồ lập vương triều mới với nhiều cải cách lớn lao, nhưng chưa đủ thời gian thu phục lòng dân thì năm 1407 giặc Minh kéo sang xâm lược. Thành trì kiên cố, quân đông, thuyền lớn, súng to... đã không giúp được nhà Hồ chống được quân xâm lược. Đại Việt chìm đắm dưới ách cai trị của nhà Minh. Nằm ở phía bắc thành Đông Quan, lại sớm nổ ra liên tiếp các cuộc nổi dậy khởi nghĩa chống giặc, Thái Nguyên là một phủ bị cai quản chặt chẽ, bị bóc lột hà khắc, bị đàn áp nặng nề.

Theo Gia phả thực lục của dòng họ Lưu, thì đất Thuận Thượng là do công lao của ông tổ họ Lưu chiêu mộ dân chúng khai sơn, phát thạch mà thành ruộng, thành làng. Họ Lưu Thuận Thượng được nhà Trần phong chức tước, cho thế tập làm Phụ đạo chính ở đất Thái Nguyên đã 4 đời.

Các bộ thư tịch cổ cho biết, Lưu Nhân Chú cùng với cha là Lưu Trung và em rể Phạm Cuống là 3 trong số 18 người đã cùng Lê Lợi lập Hội thề ở Lũng Nhai năm 1416. Sau hội thề, Lưu Nhân Chú được giao trở

về quê hương chiêu mộ quân lính, chờ lệnh của Lê Lợi để vào Lam Sơn tham gia khởi nghĩa.

Những năm đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, nghĩa quân phải liên tục chống đỡ những trận tấn công, bao vây quy mô lớn của giặc Minh vào căn cứ. Biết bao lần, Lưu Nhân Chú đã cùng nghĩa binh "liều chết xông ra đánh giặc, tự mình vào trận trước", "đua nhau lên trước phá trận giặc, giặc thua to vỡ chạy".

Năm 1425, lực lượng nghĩa quân đã lớn mạnh, chuyển sang thế tấn công, Lưu Nhân Chú được tham gia với cương vị là một trong những tướng chỉ huy trận Bồ Đằng, Khả Lưu, đánh thành Tây Đô.

Cuối năm 1425, Lê Lợi triển khai kế hoạch đánh chiếm toàn bộ vùng đất rộng lớn ở Bắc Bộ để cô lập thành Đông Quan (Hà Nội). Lưu Nhân Chú được giao làm chủ tướng cầm đầu cánh quân đánh chiếm vùng hữu ngạn sông Hồng. Trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược, chiến dịch chặn đánh, tiêu diệt toàn bộ viện binh địch ở Chi Lăng, Cần Trạm, Xương Giang thực sự là trận quyết chiến chiến lược, là những thắng lợi quyết định toàn bộ cục diện chiến tranh khiến Tổng binh Vương Thông phải

bó giáo rút quân về nước. Trong chiến dịch này, Lưu Nhân Chú là một trong số rất ít tướng lĩnh cao cấp của nghĩa quân Lam Sơn đã có công đầu.

Với tài năng xuất chúng và công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi ban phong nhiều chức tước lớn: Tư không, Nhập nội Tư khấu, Thượng tướng quân, Ban quốc tính, Hành quân Đốc quản, Nhập nội Đại tư mã, lĩnh tiền, hậu, tả, hữu tự vệ chư quân dân sự.

Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) ông còn được truy tặng là Thái phó Vinh quốc công.

Chính Lê Lợi đã ca ngợi viên tướng tài giỏi dưới trướng, người bạn chiến đấu của mình và "cho người đứng đầu hàng võ, kiêm coi chính sự trong nước".

Kính thưa các đồng chí.

Thái Nguyên là tỉnh có truyền thống lịch sử, văn hóa từ lâu đời. Sự phát hiện một loạt di chỉ trong các hang động thuộc thung lũng Thần Sa có niên đại hàng vạn năm cho phép khẳng định: có một nền văn hóa khảo cổ trung kỳ thời đại đồ đá cũ - Văn hóa Thần Sa

và Thái Nguyên là một trong những cái nôi sinh ra con người.

Thái Nguyên luôn tự hào bởi truyền thống chống giặc ngoại xâm. Tham gia trong kháng chiến chống giặc Tần (thế kỷ III Tr CN); tham gia khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (năm 40); khởi nghĩa của Lý Bí (năm 542), rồi chống giặc Tống, giặc Nguyên - Mông, giặc Minh... quân dân Thái Nguyên đã có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tên tuổi của nhiều người con của Thái Nguyên đã trở thành niềm tự hào cho quê hương.

Thái Nguyên xưa cũng tự hào bởi là đất "có học". Về học phong của đất Thái Nguyên, Phan Huy Chú có viết trong Lịch triều hiến chương loại chí: "Phủ Phú Bình (Thái Nguyên ngày nay) tuy kém 4 Thừa tuyên (Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam) và trấn Thanh Hóa, Nghệ An, nhưng 7 huyện đều có người đỗ đạt". Nhiều vị đại khoa của đất Thái Nguyên trở thành đại thần triều đình, để lại tiếng thơm muôn thuở cho quê hương, như Đỗ Cận, Phạm Nhĩ, Đàm Chí, Dương Úc...

Phát huy truyền thống quê hương, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng Việt

Nam, Thái Nguyên trở thành nơi Trung ương Đảng, Xứ ủy Bắc Kỳ xây dựng làm An toàn khu dự bị (ATK II tại vùng Tiên Phong - Phổ Yên, Kha Sơn - Phú Bình) thời kỳ 1939-1945; Nơi thành lập Cứu quốc quân II, một trong những lực lượng tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam; Căn cứ địa cách mạng trong chiến khu Việt Bắc giai đoạn trước cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), Thái Nguyên tự hào là "Thủ đô kháng chiến" của cả nước, nơi Bác Hồ, Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy, Bộ Tổng tư lệnh, Bộ Tổng tham mưu quân đội và các cơ quan đầu não khác của cuộc kháng chiến đóng đại bản doanh để lãnh đạo kháng chiến. Nhiều quyết định trọng đại đưa cuộc kháng chiến của dân tộc đến thắng lợi được ra đời tại ATK Định Hóa. Quyết định của Bác Hồ, Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng Quân ủy mở chiến dịch Điện Biên Phủ "lùng lẩy năm châu, chấn động địa cầu" đã ra đời tại đất Thái Nguyên lịch sử này.

Ngày nay, cùng với cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các

dân tộc tỉnh Thái Nguyên đang phát huy truyền thống lịch sử anh hùng, đoàn kết phấn đấu xây dựng quê hương trở thành một trung tâm giao lưu, là hạt nhân phát triển kinh tế - văn hóa vùng Việt Bắc. Qua 15 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới và sau 4 năm tái lập tỉnh Thái Nguyên, các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ có sự phát triển liên tục, bền vững. Sự nghiệp văn hóa, xã hội có những tiến bộ vượt bậc. Đời sống vật chất, tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh được cải thiện rõ rệt. Tỉnh Thái Nguyên, quê hương của các danh nhân lịch sử: Dương Tự Minh, Lưu Nhân Chú, Đỗ Cận... đang đứng trước thời cơ và vận hội mới trong thế kỷ 21, thiên niên kỷ thứ III để phấn đấu "trở thành một tỉnh giàu có, phồn vinh nhất miền Bắc nước ta", như lời Bác Hồ đã dạy.

Truyền thống yêu nước, truyền thống quật cường trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm; truyền thống quên mình vươn lên trong lao động, học tập để xây dựng quê hương... từ thế hệ trước chuyển sang thế hệ sau, cho tới tận hôm nay, đã và đang là những nội lực quan trọng thúc đẩy cuộc sống mới, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên, vì mục tiêu

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú do Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia chỉ đạo, tổ chức sẽ làm sáng tỏ thêm về thân thế, sự nghiệp, những cống hiến của ông cho đất nước, quê hương. Ông là một tấm gương lớn về tinh thần yêu nước, hết lòng chiến đấu vì độc lập dân tộc đối với các thế hệ người dân Thái Nguyên hôm nay và mai sau. Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, tôi xin được gửi tới các đồng chí lãnh đạo Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học Việt Nam và toàn thể các giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu lịch sử, các đồng chí đại biểu dự Hội thảo lời cảm ơn chân thành về những đóng góp to lớn cho công tác nghiên cứu lịch sử về mảnh đất, con người Thái Nguyên. Chúng tôi mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác ngày càng lớn của các đồng chí trong nhiều lĩnh vực để giúp tỉnh Thái Nguyên hoạch định, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX.

Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú, người con của quê hương Thái Nguyên đã và sẽ sống mãi trong tình cảm của đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên, sống mãi cùng lịch sử đất nước Việt Nam.

Kính chúc các đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc hội thảo thành công.

LƯU NHÂN CHÚ - NGƯỜI CỐNG HIẾN TRỌN CUỘC ĐỜI CHO SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC^(*)

TS. Trần Hữu Đính

Phó Viện trưởng Viện Sử học

Phong trào giải phóng dân tộc với đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh xâm lược vào những thập niên đầu thế kỷ XV, nhìn chung, đã được giới sử học xưa và nay tập trung nghiên cứu, đánh giá, làm sáng tỏ nhiều vấn đề cơ bản. Đặc biệt, những lãnh tụ của nghĩa quân Lam Sơn đồng thời là những Anh hùng giải phóng dân tộc như Lê Lợi, Nguyễn Trãi không chỉ là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và nhân văn nước ta, mà còn thu hút sự quan tâm của nhiều nhà sử học, chính trị học, văn học, văn hóa học, khoa học quân sự... của nhiều tổ chức và cá nhân nhiều nước trên thế giới.

Tất cả các bộ sử lớn của nước ta dưới thời phong kiến, bao gồm cả những bộ sử do tổ chức, cơ quan nhà nước và cá nhân biên soạn đã đánh giá đúng đắn, khách

^(*) Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học về Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú.

quan tính chất, đặc điểm và vị trí của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đối với lịch sử dân tộc. Nhiều sự kiện và nhân vật lịch sử đã được làm sáng tỏ, trong đó kể cả nhân vật lịch sử mà chúng ta đang quan tâm - Tể tướng Lưu Nhân Chú. Đối với Lưu Nhân Chú, có thể khẳng định rằng, tuyệt đối không một tài liệu thành văn nào, kể cả chính sử, có những lời bình luận khác về công lao và phẩm hạnh của ông.

Tuy nhiên, yêu cầu của sử học ngày nay buộc chúng ta phải tìm hiểu một cách chi tiết, cụ thể; nghiên cứu, xem xét một cách toàn diện, khách quan; lý giải và đánh giá một cách thỏa đáng những sự kiện và nhân vật lịch sử; từ đó rút ra những bài học lịch sử phục vụ sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước hiện nay.

Tiếp tục sự nghiệp của tiền nhân, giới sử học Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua, đã tập trung nhiều công sức nhằm nghiên cứu, làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề liên quan đến phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV nói chung và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nói riêng. Nhiều nhân vật lịch sử đã được đánh giá thỏa đáng và khách quan. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề, nhiều sự kiện và nhân vật lịch sử liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ và đánh giá thỏa đáng. Trong số đó, trước hết là Lưu Nhân

Chú, một trong những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, tham gia vào quá trình hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc, sáng lập ra Vương triều Lê - một vương triều đã đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển thịnh đạt nhất của xã hội Việt Nam dưới thời phong kiến.

Nhằm khắc phục những khiếm khuyết nói trên, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia giao nhiệm vụ cho Sở Văn hóa-Thông tin Thái Nguyên và Viện Sử học tổ chức nghiên cứu và chuẩn bị nội dung cho cuộc Hội thảo khoa học về Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú.

Ban Tổ chức cuộc Hội thảo đã nhận được trên 20 bản tham luận khoa học của các nhà sử học từ các cơ quan nghiên cứu ở Trung ương và địa phương. Nhìn chung, các bản tham luận tập trung vào 4 chủ đề chính:

1. *Những cống hiến to lớn của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.*
2. *Vai trò của Lưu Nhân Chú trong buổi đầu thành lập Triều Lê.*
3. *Vai trò của quê hương và gia đình Lưu Nhân Chú trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV và khởi nghĩa Lam Sơn.*

4. Những di tích lịch sử liên quan đến Lưu Nhân Chú ở Thái Nguyên và Thanh Hóa, và tình cảm của các thế hệ nhân dân đối với người con ưu tú của quê hương và dân tộc.

Nhìn một cách tổng thể, có thể nói, đây là một bước tiến quan trọng của giới sử học Việt Nam trong quá trình nghiên cứu, nhận thức và đánh giá nhân vật lịch sử Lưu Nhân Chú.

Các cấp lãnh đạo của tỉnh Thái Nguyên đã tạo những điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học tiến hành sưu tầm, khai thác thêm tài liệu, đặc biệt là khảo sát thực địa ở xã Vân Yên - quê hương Lưu Nhân Chú và một số địa bàn thuộc tỉnh Thanh Hóa. Có thêm những sử liệu mới, các nhà sử học đã đưa ra những nhận định mới, cách nhìn mới sáng rõ hơn về Lưu Nhân Chú và quê hương, gia đình ông trong quá trình chuẩn bị và tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Các bản tham luận gửi tới Ban Tổ chức Hội thảo, đã đề xuất nhiều ý kiến lý thú và lý giải có sức thuyết phục những nhận định khoa học sau đây:

1. Về nhận thức và con đường dẫn tới cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của cha con, anh em Lưu Nhân Chú.

Có thể nói, đây là một trong những nội dung có ý

nghĩa như một phát hiện mới của giới sử học trong cuộc Hội thảo lần này.

Các bản tham luận của PGS. TS. Trần Thị Vinh, PGS. TS. Nguyễn Danh Phiệt, TS. Vũ Duy Mên, TS. Nguyễn Đức Nhuận, TS. Trương Sỹ Hùng... đã đặt ra và cố gắng lý giải vấn đề: Tại sao cha con, anh em Lưu Nhân Chú không dừng lại ở việc tổ chức cuộc kháng chiến ở địa bàn Thái Nguyên, mà tìm đến và gia nhập cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo ? Đây quả thật là một điều thú vị của lịch sử. Như mọi người đều thấy, trước khi khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ, Thái Nguyên đã là một trong những trung tâm kháng chiến chống giặc Minh xâm lược và đã có lúc phát triển thành cao trào với nhiều tổ chức nghĩa quân khá mạnh mẽ, diễn ra trong một thời gian tương đối dài và quy mô khá rộng. Là dòng họ từng 4 đời thế tập làm phiên trấn Thái Nguyên, có uy tín và thế lực, lương thảo để tập hợp một lực lượng tương đối lớn tổ chức kháng chiến ngay tại quê nhà. Nhưng ngay từ đầu, ý tưởng của cha con Lưu Nhân Chú là hướng về đất Lam Sơn, tự nguyện đứng dưới cờ của người Anh hùng Lê Lợi.

Tham luận của các tác giả nói trên giúp chúng ta suy ngẫm và đánh giá đúng động cơ yêu nước trong sáng và

tâm nhìn xa trông rộng của Lưu Nhân Chú cũng như những người thân của ông.

2. Về những cống hiến to lớn của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Thực ra, công lao to lớn của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã được sử sách xưa nay ghi nhận. Tham luận của TS. Nguyễn Minh Tường đã nêu rõ vấn đề này. Cái mới thể hiện trong các bản tham luận khoa học lần này là phân tích một cách sâu sắc và toàn diện hơn, có hệ thống về vai trò của Lưu Nhân Chú trong các hoạt động cả về quân sự và ngoại giao của nghĩa quân Lam Sơn. Tham luận của Thượng tá-Tiến sĩ Nguyễn Minh Đức, NCV Yến Trang, TS. Đỗ Đức Hùng, TS. Nguyễn Đức Nhuệ... đã góp phần làm sáng rõ thêm những cống hiến to lớn của ông trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Có thể nói, Lưu Nhân Chú luôn luôn có mặt và là người chỉ huy trực tiếp trên những mặt trận chủ công của nghĩa quân Lam Sơn, đặc biệt là những trận chiến đấu mang tính chất chiến lược nhằm kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

3. Về tài năng và nghệ thuật quân sự của Lưu Nhân Chú.

Có thể coi bản tham luận của Thượng tá-Tiến sĩ Nguyễn Minh Đức, chuyên viên Viện Nghiên cứu Lịch

sử Quân sự Việt Nam, là một đóng góp mới của cuộc Hội thảo. Từ góc độ của một nhà nghiên cứu lịch sử quân sự, tác giả đã phân tích khá rõ bản lĩnh, tài năng và nghệ thuật quân sự của Lưu Nhân Chú. Quả thật, Danh nhân Lưu Nhân Chú đã góp phần quan trọng tạo nên tư tưởng và nghệ thuật quân sự của nghĩa quân Lam Sơn, làm phong phú thêm kho tàng lý luận quân sự của dân tộc ta.

4. Về chức tước và vị trí của Lưu Nhân Chú trong và sau cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Cùng với bản tham luận chính của Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm, một số bản tham luận khác đã cố gắng tìm hiểu và xác định đúng tước vị, chức vụ, từ đó làm nổi bật vị trí của Lưu Nhân Chú trong quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn cũng như trong buổi đầu sáng lập và phục vụ Vương triều Lê. Bằng việc đối chiếu, so sánh cả về đồng đại (với lịch sử Trung Quốc) và lịch đại (với lịch sử Việt Nam), các tác giả nói trên đã đưa ra những bằng chứng có sức thuyết phục để khẳng định vị trí trọng yếu của Lưu Nhân Chú trong và sau cuộc khởi nghĩa.

5. Về vai trò của Lưu Nhân Chú trong buổi đầu thành lập Triều Lê.

Một trong những luận điểm mới của cuộc Hội thảo lần này là làm sáng tỏ vai trò, vị trí của Lưu Nhân Chú

trong việc sáng lập và xây dựng Vương triều Lê, một vương triều thịnh đạt nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Bản tham luận của TS. Nguyễn Thị Phương Chi đã nêu ra và lý giải thỏa đáng về vấn đề này. Bằng những tài liệu lịch sử có sức thuyết phục, tác giả khẳng định rằng: "... Ngay từ buổi đầu xây dựng đất nước sau khi kết thúc cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, Lưu Nhân Chú từng giữ chức vụ cao nhất của triều đình nhà Lê, giúp nhà vua một cách đắc lực trên tất cả mọi lĩnh vực, kể cả quân sự, nội trị và ngoại giao..."

6. Về quê hương và gia đình Lưu Nhân Chú trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc với đỉnh cao là khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV.

Bằng các nguồn tài liệu khai thác được ở địa phương, đối chiếu, so sánh với các tài liệu ghi trong chính sử, tác giả Nguyễn Văn Tiến (Chủ tịch UBND huyện Đại Từ) và các nhà sử học Phạm Văn Kính, Đỗ Đức Hùng, Nguyễn Đức Huệ, Hà Mạnh Khoa đã làm sáng tỏ vị trí, vai trò của quê hương và gia đình Lưu Nhân Chú trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV nói chung, và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nói riêng. Có thể coi đây là một đóng góp mới của cuộc Hội thảo lần này. Nhiều sử liệu thu thập được qua các cuộc khảo sát ở Thái Nguyên và Thanh Hóa cho phép chúng

ta rút ra kết luận: Cuộc đời và Sự nghiệp của Lưu Nhân Chú chủ yếu gắn liền với quê hương và gia tộc của ông, cùng làm nên một sự nghiệp lớn: giải phóng, bảo vệ và xây dựng đất nước vì mục tiêu độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Cũng chính vì vậy, Lưu Nhân Chú và những thân nhân của ông được các thế hệ nhân dân từ đời này sang đời khác khâm phục, ngưỡng mộ và tôn vinh. Tham luận của Thạc sĩ Hoàng Thị Diệp, Giám đốc Sở Văn hóa-Thông tin Thái Nguyên, thể hiện tình cảm và trách nhiệm của hậu thế đối với những bậc tiền bối đã có công lao to lớn trong tiến trình hàng nghìn năm xây dựng và bảo vệ đất nước.

Từ các tham luận nói trên, có thể khẳng định rằng, cuộc Hội thảo gợi ra và lý giải có sức thuyết phục nhằm khẳng định vai trò, vị trí của Lưu Nhân Chú đối với lịch sử dân tộc. Ông là tấm gương sáng cho muôn đời con cháu mai sau về lòng yêu nước, về sự nhìn nhận một cách sáng suốt con đường dẫn tới mục tiêu "quốc thái dân an".

Ghi nhận những thành công mới trong việc nghiên cứu, đánh giá một Danh nhân lịch sử, nhưng do những hạn chế về tài liệu, các bản tham luận trình bày trong cuộc Hội thảo này vẫn chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề về tiểu sử và sự nghiệp của Lưu Nhân Chú. Thời

niên thiếu của ông, ngày tháng năm sinh của ông vẫn là những ẩn số cần phải tìm kiếm. Và ngay cả cái chết của ông, mặc dầu nhiều tác giả đã đề cập và cố gắng lý giải, nhưng những luận cứ đưa ra chưa thật đầy đủ và chưa đủ sức thuyết phục.

Những gì còn tồn tại và khiếm khuyết thuộc về trách nhiệm của giới sử học nói chung và Viện Sử học nói riêng. Nhưng, điều có thể khẳng định một lần nữa là, những tham luận khoa học lần này được thực hiện công phu và nghiêm túc, khách quan và khoa học. Từ cuộc Hội thảo này, cho phép chúng ta rút ra kết luận: Lưu Nhân Chú là một Danh nhân lịch sử; tên tuổi của ông xứng đáng đứng vào hàng ngũ những người con ưu tú của quê hương và đất nước, những di tích lịch sử liên quan đến con người và sự nghiệp của ông cần được bảo tồn, tôn tạo và phát huy như một di sản văn hóa dân tộc.

LƯU NHÂN CHÚ TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI ĐẠI VIỆT NỬA ĐẦU THẾ KỶ XV

PGS. TS. Trần Thị Vinh

(Viện Sử học)

Lưu Nhân Chú - người tướng giỏi tài ba trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn - vị công thần khai quốc của triều Lê, quê ở xã Thuận Thượng (nay là xã Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) - một vùng quê giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Không rõ ông sinh năm nào, chỉ biết ông mất năm 1434 với một nỗi oan khuất do những kẻ lộng quyền ghen ghét, ám hại, để lại bao nỗi xót thương cho quê hương và gia tộc.

Sống cùng thời với Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo và những người anh hùng khác đã cùng nhau làm nên bản anh hùng ca tuyệt vời của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ở đầu thế kỷ XV, Lưu Nhân Chú có một may mắn là được sinh trưởng trong một gia đình "bốn đời thế tập làm quan phiên trấn ở vùng Thái Nguyên" nên sớm được giác ngộ lòng yêu nước và ý chí diệt giặc. Trong hoàn cảnh đất nước bao năm bị tàn phá dưới ách đô hộ của bọn phong kiến nhà Minh, người dân Đại Việt đang trong cơn thử lửa, đã có biết bao người con

yêu nước từ mọi miền của Tổ quốc, từ nhiều thành phần khác nhau lặn lội tìm vào Lam Sơn gặp Lê Lợi, thề cũng nhau giết giặc, cứu nước. Trong số những người dân yêu nước ấy, còn có cha con họ Lưu từ vùng đất Thái Nguyên xa xôi cũng lặn lội tìm đường vào Thanh, cùng nguyện theo Lê Lợi đánh giặc.

Các sách *Đại Việt thông sử*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí* và *Gia phả của dòng họ Lưu* ở Thái Nguyên đều ghi về sự kiện cha con Lưu Nhân Chú tìm về Lam Sơn tụ nghĩa. Theo *Gia phả* của dòng họ Lưu thì thời điểm cha con Lưu Nhân Chú tìm gặp Lê Lợi là lúc Lê Lợi 25 tuổi, khi ông đang là phụ đạo xứ Khả Lam. Lê Lợi sinh ngày 6 tháng 8 năm Ất Sửu (1385), vậy cha con Lưu Nhân Chú đã đến với phụ đạo xứ Khả Lam vào khoảng năm 1409. Từ năm 1409 đến Hội thề Lũng Nhai còn 7 năm và 9 năm nữa khởi nghĩa mới bùng nổ, như vậy cha con Lưu Nhân Chú đã đến với Lam Sơn khá sớm - ngay từ những ngày đầu trướng nước của cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, lúc này không phải mới chỉ có mình cha con Lưu Nhân Chú mà trước đó chắc chắn đã có nhiều người dân yêu nước khác từ Lam Sơn và những vùng xung quanh Lam Sơn đã tìm đến với Lê Lợi. Như Nguyễn Xí ở Nghệ An, từ vùng đất Nghi Lộc - xứ biển "địa linh nhân kiệt" đã tìm

đến Lê Lợi với nghề buôn bán muối ngay từ năm 1405, hoặc những người họ hàng thân thích với Lê Lợi ở đất Lam Sơn có mặt chắc chắn sớm hơn, như Lê Thạch, Lê Khôi, Lê Khiêm, Lê Khang (con của các anh Lê Lợi), Đinh Liệt, Đinh Lễ (cháu ngoại Lê Lợi), Lê Lai cùng các con của ông là Lê Lô, Lê Lộ, Lê Lâm - người làng Dựng Tú (huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa) và hàng loạt những người thân tín khác xung quanh vùng Lam Sơn như Nguyễn Thận, Lê Sát, Lê Ngân, Lê Lý, Lê Văn An, Trịnh Khả, Lý Triện, Lê Văn Linh v.v...

Việc cha con Lưu Nhân Chú tìm vào Lam Sơn cũng như bao người dân yêu nước khác, nhưng Lưu Nhân Chú - người tận Thái Nguyên, cách Lam Sơn tương đối xa, điều gì đã thôi thúc ông tìm đến Lam Sơn sớm như vậy?

Ở vùng phía bắc, xa Lam Sơn lúc này không phải chỉ có Lưu Nhân Chú mà còn có những anh hùng hào kiệt khác như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo, họ cũng tìm đến Lam Sơn gặp Lê Lợi, nhưng họ đến ở những hoàn cảnh khác nhau, tuy cùng chung một chí hướng, một mục đích.

Phạm Văn Xảo đến với Lam Sơn từ vùng Kinh Lộ - với sự hiểu biết hơn người.

Nguyễn Trãi tìm vào Lam Sơn từ thành Đông Quan, sau khi ông đã nung nấu, nghiền ngẫm những pho thao lược, đến với Lê Lợi bằng "Bình Ngô sách".

Trần Nguyên Hãn đến với Lam Sơn tuy từ vùng núi Lập Thạch (Vĩnh Phúc), nhưng ông vốn xuất thân từ tầng lớp quý tộc Trần, ít nhiều ông đã được chứng kiến những sự thất bại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc buổi cuối Trần đầu Hồ.

Còn Lưu Nhân Chú đến với Lam Sơn không phải một mình, mà ông đã đi cùng cha và người anh rể là Phạm Cuống, sau khi được thần nhân báo mộng về việc Lê Lợi làm vua ở đền Gấm (xã Quan Ngoại, huyện Tam Dương, phủ Đọan Hùng, xứ Sơn Tây) giống như Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn được thần nhân báo mộng ở đình làng Chèm (thờ Lý Ông Trọng) và đền Dạ Trạch (thờ công chúa Tiên Dung). Việc Lưu Nhân Chú đến Lam Sơn cùng cha và anh, chứng tỏ vai trò của gia đình có ảnh hưởng rất lớn tới Lưu Nhân Chú. Gia đình Lưu Nhân Chú vốn thuộc dòng dõi bốn đời thế tập làm quan phiên trấn ở Thái Nguyên và được nhà Trần phong tước hầu. Sinh ra, lớn lên và được nuôi dưỡng trong một gia đình nề nếp như vậy, lại được tắm mình trong thời đại của xã hội Việt Nam cuối Trần đầu Hồ cùng với sự xâm lược bạo tàn của quân Minh, Lưu Nhân Chú -

người thanh niên yêu nước không thể không sục sôi ý chí diệt thù. Chỉ có một điều tại sao Lưu Nhân Chú không cùng cha và anh đi tới vùng khác mà lại vào Lam Sơn gặp Lê Lợi, nguyện đi theo Lê Lợi, khi Lê Lợi còn ẩn dấu tung tích.

Theo nhân dân địa phương - con cháu trong dòng họ Lưu cho biết, tổ tiên của dòng họ Lưu vốn có gốc gác từ Thanh Hóa, vì nghèo khó, mới dời ra Thái Nguyên khai khẩn đất đai, rồi sinh cơ lập nghiệp ở đấy. Khi giặc Minh xâm lược, với ý chí quyết tâm tìm người cùng kết hiếu để đánh giặc, cứu nước, cha con họ Lưu đã trở về quê một cách thuận lợi hơn, mặc dù đường đi đến Lam Sơn lúc ấy "khe truông hiểm trở, đường xá gập ghềnh"⁽¹⁾.

Như vậy, nếu tính từ năm 1409 (không kể thời kỳ Lưu Nhân Chú sống ở Thái Nguyên với gia đình) cho đến năm 1434 khi ông qua đời, tất cả là 25 năm. Với một phần tư thế kỷ, không dài so với đời người ấy, Lưu Nhân Chú đã sống và hoạt động như thế nào trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động ở đầu thế kỷ XV. Đây là thời kỳ lịch sử đầy đau thương của dân tộc mà sự bạo tàn của quân thù tăng lên đến mức:

⁽¹⁾ Đặng Nghiêm Vạn: *Tìm thấy gia phả họ Lưu Nhân Chú*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 105, tháng 12-1967, tr. 44.

"Đã hết trúc Nam Sơn cũng không đủ ghi tội ác
Tát cạn nước Đông Hải cũng không rửa hết tanh
nhơ".

(Bình Ngô đại cáo).

Và đây cũng là thời kỳ đầy oanh liệt và hào hùng của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như những năm tháng xây dựng đất nước hùng hực khí thế của những người chiến thắng.

Trong 25 năm đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước (1409-1434), Lưu Nhân Chú đã sống và hoạt động trải qua 4 chặng đường lịch sử vinh quang nhưng cũng hết sức gian nan của cuộc đời.

- Thời kỳ đầu từ 1409 đến 1416 (7 năm trước khi Lê Lợi chiêu tập các anh hào "nêu hiệu gây làm cò" tụ tập khắp "bốn phương mạnh mẽ" tại Hội thề Lũng Nhai).

Đây chính là thời kỳ bản thân Lê Lợi cũng đang còn phải ẩn dấu tông tích, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Chính sử không ghi cụ thể thời kỳ này Lưu Nhân Chú làm gì. Chắc chắn lúc này ông đang có mặt ở Lam Sơn.

Gia phả dòng họ Lưu cho biết, sau khi cha con họ Lưu được Lê Lợi dung nạp, tiếp đãi rất hậu thì ba người luôn luôn qua lại, lúc ở bên cạnh vua (Lê Lợi), lúc đi cày bừa với Trương Lôi (người nhà Lê Lợi) ở Chiêu

Nghi⁽¹⁾. Như vậy, thời kỳ này, Lưu Nhân Chú cùng cha và anh cũng phải ấn dấu tung tích là người dân thường làm ruộng để chờ thời cơ mở vận.

- Thời kỳ thứ hai từ Hội thề Lũng Nhai đến năm đầu dựng cờ khởi nghĩa (1416-1418). Đây là hai năm trước của cuộc khởi nghĩa - là thời kỳ có ý nghĩa lớn đối với Lê Lợi - thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa cũng như những hào kiệt bốn phương. Có rất nhiều người tìm đến với Lê Lợi, xin nguyện được theo hầu Lê Lợi, nhưng chỉ có 18 người thân tín được dự buổi lễ thiềng liêng thề cùng núi sông trời đất tại Hội thề Lũng Nhai năm 1416. Trong số 18 người đó có Lưu Nhân Chú.

Sách *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú đều chép như sau: "Năm Bính Thân (1416), Thái Tổ cùng các tướng văn tướng võ 18 người liên danh thề ước cùng vui cùng lo có nhau, ông cũng được tham dự"⁽²⁾. Trong phần Liệt truyện (Đế kỷ) của sách *Đại Việt thông sử* có ghi rõ họ tên những người hào kiệt là: Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vũ Uy và Lê Xa Lôi⁽³⁾.

(1) Đặng Nghiêın Vay: *Tạp chí Nghiêın cứu Lịch sử*. Sdd, tr. 44.

(2) (3) Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*, trong *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập III. Bản dịch Nxb KHXH, Hà Nội 1978, tr. 204, tr. 33-34.

Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí* - Nhân vật chí, tập I. Bản dịch Nxb Sử học 1960, tr. 254.

Gia phả dòng họ Lưu ghi cụ thể hơn là: "Năm Bính Thân (1416) tháng hai, ngày một (11 - 2)... chúng tôi phụ đạo chính ở lộ Khả Lam, nước A-Nam, cùng với bọn Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê Liễn, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiểm, Võ Uy, Nguyễn Trãi, *Lưu Nhân Chú*, Trịnh Võ, Phạm Cuống, Lê Lý, Đinh Lan, Trương Chiến... Nay nhân bọn giặc Ngô xâm chiếm nước Nam, tàn sát nhân dân rất là khổ sở, nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trương Chiến 18 người, chung sức đồng lòng, giữ vững đất nước, làm cho nhân dân ăn ở được yên lành, thề chết sống đều phải cùng nhau, không dám quên lời thề ước"⁽¹⁾.

Như vậy, đối với Lưu Nhân Chú, việc được tham gia Hội thề Lũng Nhai là một sự kiện trọng đại đánh dấu bước đường đầu tiên trong sự nghiệp cứu nước của ông, xứng với công lao lặn lội của ông bao năm từ vùng đất Thái Nguyên xa xôi đến với Lam Sơn.

Từ sau Hội thề Lũng Nhai, tin Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa được lan truyền nhanh chóng đi khắp nơi. Nhiều anh hùng hào kiệt từ bốn phương đã bất chấp mọi sự kiểm soát ngặt nghèo của quân Minh, bất chấp núi cao

⁽¹⁾ *Nghiên cứu Lịch sử*, số 105, tháng 12-1967, tr. 45.

đèo sâu, đường xá xa xôi đã lần lượt tìm vào Lam Sơn tụ nghĩa. Trong thời điểm này, Lưu Nhân Chú làm gì, sau khi ông được vinh dự có mặt tại buổi lễ thề trọng đại năm 1416.

Theo Gia phả của dòng họ Lưu, thì hơn hai tháng sau Hội thề Lũng Nhai (ngày 20 tháng 4 năm 1416), nhà vua (Lê Lợi) sai cha con Lưu Nhân Chú trở về tứ trấn bí mật mộ binh. Như thế, sau lễ thề ở Lũng Nhai, Lưu Nhân Chú đã rời Lam Sơn về quê Thái Nguyên bí mật hoạt động. Thời kỳ này, cuộc khởi nghĩa chưa bùng nổ nên cha con Lưu Nhân Chú "ban ngày giả làm khách buôn, bí mật mộ quân, đêm cùng nhau lấy mỡ viết vào lá cây "Lê Lợi làm vua nước Nam Việt". Kiến theo mỡ ăn thủng lá thành chữ để làm kế nghi binh với quân giặc và cũng là để hiệu triệu thêm lực lượng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Trong hai năm chuẩn bị, chiêu tập nghĩa sĩ và chờ thời, cha con Lưu Nhân Chú đã gây dựng được một lực lượng khá lớn "tới muôn đội, phục kín đội vua dấy lên".

- Thời kỳ thứ ba gồm mười năm "theo hầu trận mạc", "vào sinh ra tử", "thập tử nhất sinh" từ năm 1418 đến 1427. Đây là thời kỳ oanh liệt và vinh quang nhất trong cuộc đời hoạt động của Lưu Nhân Chú. Phải nói rằng, trong mười năm chiến đấu gian lao, Lưu Nhân Chú luôn

là một vị tướng giỏi, dũng cảm tài ba có mặt ở hầu khắp các trận địa từ những năm đầu của cuộc khởi nghĩa, khi nghĩa quân Lam Sơn còn hoạt động du kích ở miền núi rừng Thanh Hóa, bao lần bị bao vây, nguy khốn, thiếu ăn thiếu mặc; qua thời kỳ nghĩa quân chuyển hướng chiến lược xây dựng căn cứ địa tại Nghệ An; cho đến những trận phản công quyết chiến chiến lược trên chiến trường diệt viện Chi Lăng-Xương Giang lịch sử, vào tháng 10 năm 1427, kết thúc cuộc kháng chiến vinh quang của dân tộc. Ở đâu, Lưu Nhân Chú cũng ghi đậm chiến công, có nhiều trận Lưu Nhân Chú được Lê Lợi khen, ban cho kim phù và những tước hiệu khác nhau về hàng võ.

Chính sử còn ghi lại rằng: "Ông xông pha tên đạn, ra vào trận mạc, đem hết sức ra giúp". Năm Giáp Thìn (1424), trong trận đánh ở Khả Lưu, ông xông lên trước hãm trận, thu được toàn thắng, *nổi tiếng một thời*. Năm Ất Ty (1425) ông cùng các ông Lê Lễ, Lê Sát, Lê Triện, đánh úp phá quân Minh ở thành Tây Đô⁽¹⁾, *được phong tước Thông hầu*. Mùa thu năm Bính Ngọ (1426), vua (Lê Lợi) đang vây Nghệ An, sai các tướng đi tuần các nơi, và sai ông cùng Lê Sát, Lê Bị, Lê Khuyển, Lê Nanh

⁽¹⁾ Đại Việt sử ký toàn thư, tập III. Bản dịch Nxb KHXH, 1971, tr. 21.

đem hai nghìn quân đi đến các lộ Trường Yên, Thiên Trường, Tân Hưng, Kiến Xương để chặn đường về của bọn Phương Chính, Lý An... Tháng 3 năm Đinh Mùi (1427), ông được thăng là *Hành quân đô đốc Tổng quản, Nhập nội Đại tư mã*, lĩnh bốn vệ Tiền, Hậu, Tả, Hữu, kiêm coi việc quân Tân vệ. Tháng 6 thăng chức *Tư không*⁽¹⁾. Khi đã đạt đến chức tước cao như vậy, ông vẫn còn được Lê Lợi căn dặn: "Chức tước đã cao, nên sớm hôm chăm chỉ, không được trễ biếng bỏ phí công lao". Ông thực là một bậc tướng tài, được Lê Lợi tín nhiệm và đặt nhiều hy vọng nên trong trận cuối cùng vào mùa thu đông năm 1427 ông được Lê Lợi giao cho một sứ mệnh trọng đại là tiêu diệt cánh quân viện của nhà Minh kéo vào Thăng Long khi qua vùng Chi Lăng (Lạng Sơn) trước khi chúng vào nghỉ tại thành Xương Giang ở gần thị xã Bắc Giang. Trong chiến dịch diệt viện tài tình này ông là người có công lớn đối với toàn bộ chiến dịch. Ông cùng các tướng lĩnh khác như Lê Sát, Lê Lý, Lê Văn An, Lê Thụ, Lê Linh, Lê Liệt v.v... đã chém được đầu Liễu Thăng trên núi Mã Yên (Chi Lăng - Lạng Sơn), giết được Bảo định bá Lương Minh tại trận, rồi cùng họ tiến quân xuống vây địch trên cánh

⁽¹⁾ *Dại Việt thông sử*, tr. 204; *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I. Sdd, tr. 250.

đồng Xương Giang⁽¹⁾ (Bắc Giang) - làm nên chiến thắng lẫy lừng trên cánh đồng Xương Giang lịch sử vào mùa đông năm Đinh Mùi (1427), kết thúc vẻ vang mười năm kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm, đưa lại nền độc lập lâu dài cho dân tộc.

Thế là, trong 10 năm, nếu kể cả 9 năm trước cuộc khởi nghĩa - 9 năm nung nấu ý chí diệt giặc, ra đi tìm đường cứu nước với danh nghĩa một người đi buôn dầu - tất cả là 19 năm - Lưu Nhân Chú đã cống hiến trọn tuổi thanh xuân đầy sức lực của mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng vinh quang và hiển hách của dân tộc.

Chín năm "ẩn dấu tung tích", mười năm "theo hầu trận mạc" "nắm mật nằm gai" "vào sinh ra tử" chiếm 3/4 quãng thời gian hoạt động của Lưu Nhân Chú (19/25 năm) - là những năm tháng hào hùng nhất, vinh quang nhất và cũng là những năm tháng có ích nhất để ông đóng góp "tài năng như cây tùng cây bách" cho đời. Để rồi ông phải bước sang chặng đường cuối cùng của cuộc đời ở thời hậu chiến không lấy gì làm vui, đó là:

- Thời kỳ thứ tư: Những năm tháng đầu tiên xây dựng đất nước (từ 1428 đến 1434).

⁽¹⁾ Đại Việt sử ký toàn thư, tập III. Sdd, tr. 44.

Đây là thời kỳ xây dựng đất nước hùng hực khí thế của những người chiến thắng, nhưng cũng là thời kỳ đầy "bi ai" của những cựu chiến binh thời hậu chiến.

Sau khởi nghĩa, trong không khí tung bừng của ngày chiến thắng, lên ngôi hoàng đế, Lê Lợi phong cho Lưu Nhân Chú làm: *Suy trung, Tán trị hiệp mưu, Dương vũ công thân, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự*⁽¹⁾. Đây là một tước hiệu đứng đầu trong 24 hiệu vinh phong theo qui chế vinh phong của nhà Lê⁽²⁾, kèm theo có một bài chế rằng: "Trẫm nghĩ: Vua tôi một thể, chân tay giỏi thì đầu được tôn. Giúp đỡ người, rường cột chắc thì nhà mới vững. Người là người phò tá có tài, là bề tôi tận trung với nước. Nên trẫm cho vinh hạnh ở ngôi *Tể tướng*, và vẫn giữ trách nhiệm coi nắm binh quyền. Nay ban tờ chiếu chỉ, để nêu rõ bậc quan sang"⁽³⁾.

Như vậy, vào những năm đầu dựng nước với tài ba của Lưu Nhân Chú, Lê Thái Tổ đã ban tước và cho ông giữ chức *Tể tướng*. Đó là một chức vụ cao sang, đứng đầu hàng võ trong triều đình nhà Lê. Đối với ông, nhà vua còn viết những lời vàng ngọc trong bài chế

(1) (3) Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử*. Sdd, tr. 205.

(2) Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II. Nxb Sử học 1961, tr. 65.

thành "đan thư cất vào nhà đá" để "không quên lời thề xưa"⁽¹⁾.

Sang năm Thuận Thiên thứ 2 (5-1429), trong đợt ban biểu ngạch cho 93 công thần, Lưu Nhân Chú được phong *Á thượng hầu*, tên đứng ở hàng thứ 5⁽²⁾ và được ban *quốc tính*.

Bắt đầu từ đây, Lưu Nhân Chú đã trở thành một *Công thần khai quốc* của nhà Lê và bắt đầu một thời kỳ mới - làm việc cho vương triều Lê với tư cách là một vị Tể tướng - một bậc võ quan trưởng thành từ trong chiến trận.

"Vào sinh ra tử" suốt mười năm nơi trận mạc đã lắm gian nan, nhưng hòa bình rồi, xây dựng đất nước ra sao lại là một điều hết sức nan giải và đầy thử thách đối với hàng loạt công thần, trong đó có Lưu Nhân Chú.

Trong quãng đời ngắn ngủi còn lại sống, làm việc và phụng sự vương triều Lê, Lưu Nhân Chú đã chứng kiến và nếm mùi cay đắng cũng như thử thách của chốn quan trường.

(1) Đan thư là do chữ Đan thư Thiết khoán (Thư son khoán sắt). Theo tích xưa của Hán Cao Tổ hứa hẹn ưu đãi các công thần đã dùng sắt làm khoán ước, dùng son để viết lời răn, có ý nghĩa bảo tồn lời cam kết được lâu dài, việc cất vào nhà đá cũng là để bảo tồn được lâu dài.

(2) Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử*. Sdd, tr. 206.

Đất nước vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh từ ách đô hộ trong vòng 20 năm của phong kiến nước ngoài, chế độ quân chủ tập trung được phục hồi và xác lập sau một thời kỳ lịch sử bị gián đoạn đã mang những đặc điểm riêng.

Khác với vương triều Trần, triều Lê sơ ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc nên không khí xây dựng đất nước sau chiến tranh còn hừng hực khí thế của những người vừa kinh qua "Theo hầu trận mạc, Thập tử nhất sinh". Như vừa nói ở trên, Lê Lợi lên ngôi vua đã làm một việc đầu tiên là phong tước và thưởng công cho những bạn chiến đấu có nhiều công đánh giặc rồi dùng họ phục vụ trong triều đình mới, song song với việc tiến cử người hiền tài ra giúp nước (6-1428) và việc thi cử tuyển chọn nhân tài (5-1429), vì trong buổi ban đầu dựng nước cũng giống như buổi ban đầu của cuộc khởi nghĩa:

"Nhân tài còn lác đác lá thu

Tuấn kiệt còn lưa thưa như sao buổi sớm"

(Bình ngô đại cáo)

Nhưng chưa đầy một năm xây dựng chính quyền, Lê Lợi đã có những biểu hiện đa nghi đối với những người bạn chiến đấu đã từng "vào sinh ra tử với mình" nơi trận mạc. Nhiều tướng lĩnh giỏi, vừa được Lê Lợi

cất nhắc vào làm việc trong triều đình lại lần lượt bị sát hại.

Một đệ nhất công thần - "Tả tướng quốc" Trần Nguyên Hãn đã bị Lê Lợi loại trừ đầu tiên vào tháng 3 năm 1429 vì "sợ ông có tài làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà vua". Người tiếp theo là "Thái bảo Huyện thượng hầu" Phạm Văn Xảo, người có công lớn cũng bị Lê Lợi giết vào tháng 12 năm 1430, vì thấy "Xảo là người Kinh Lộ, có danh vọng đối với mọi người, nhà vua sợ rằng, một ngày kia, có lẽ khó kiểm chế được, cho nên đem lòng nghi kỵ..."⁽¹⁾.

Đây là đợt rơi rụng đầu tiên của những vị công thần khai quốc ở đầu triều Lê vào cuối những năm 20 của thế kỷ XV. Bước sang những năm 30, bắt đầu một đợt rơi rụng, thảm sát công thần lớn hơn - số phận của vị Tể tướng - ông quan đứng đầu hàng võ (Lưu Nhân Chú) lúc này ra sao? Theo lời ghi của sách *Đại Việt thông sử* thì chính Lưu Nhân Chú là người đầu tiên nằm trong đợt thảm sát công thần đợt hai này, với những lời lẽ như sau: "Năm thứ 6 (1434) Lê Thái Tổ mất, Thái Tông còn nhỏ, đại tư đồ Lê Sát ghen ghét ông, ngầm đánh thuốc độc giết chết"⁽²⁾. Tiếp theo ông là hàng loạt công thần

⁽¹⁾ *Việt sử thông giám cương mục* - Chính biên, tập IX, tr. 26.

⁽²⁾ Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 206.

khác như Nguyễn Chích - người có công, xếp hàng thứ tư, sau Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo cũng bị cách chức. Một người tài ba như Nguyễn Trãi cũng bị thôi việc tháng 6-1437. Rồi một loạt đại thần khác lần lượt bị giết - Lê Sát (người vừa ám hại Lưu Nhân Chú) - một Tể tướng phụ chính cho vua Lê Thái Tông bị giết tháng 9-1437, Đại đô đốc Lê Ngân lên cầm quyền thay Tể tướng Lê Sát cũng bị giết vào tháng 12-1437 v.v... và v.v...

Đến nay chúng ta chưa có tài liệu để biết rõ về nguyên nhân cái chết của Lưu Nhân Chú, có phải do Lê Sát ghen ghét ông, ngầm đánh thuốc độc chết, hay do Lê Lợi sai Lê Sát giết? Chỉ biết rằng những sự việc trên đây đã làm đau lòng những người đọc sử thời ấy. Những hiện tượng "vong thân" "mất mạng" của các công thần trên đây không thể cắt nghĩa bằng lý do đạo đức của cá nhân vua Lê Thái Tổ hay Lê Thái Tông mà nguyên nhân của nó nằm trong thiết chế chính trị của triều Lê. Trong bối cảnh phải điều hòa nhiều mối mâu thuẫn trong thể chế quân chủ để đi đến xác lập chế độ quân chủ tập trung quan liêu vào nửa sau thế kỷ XV, dưới thời Lê Thánh Tông.

Ở đây chúng ta không đi sâu vào thiết chế chính trị, song nếu đặt Lưu Nhân Chú với tư cách là ông quan Tể

tướng đứng đầu hàng võ trong triều thì sẽ có một câu hỏi đặt ra rằng: Lưu Nhân Chú có chịu ảnh hưởng của thời đại lúc bấy giờ hay nói cách khác đi trong bối cảnh chung của triều chính nhà Lê, Lưu Nhân Chú có đứng ngoài cuộc hay không? Bởi vì lúc đó Lưu Nhân Chú đang sống và làm việc cùng thời với những sự kiện lịch sử đang diễn ra trong cung đình nhà Lê. Đó là những vụ thảm sát cung đình (như vừa nêu trên) và những mâu thuẫn trong thiết chế nhà nước: mâu thuẫn giữa quân quyền quân chủ tuyệt đối với cộng đồng quan liêu nho sĩ và mâu thuẫn giữa cộng đồng quan liêu với quý tộc.

Lưu Nhân Chú, xuất thân từ tầng lớp "bốn đời thế tập làm quan phiên trấn" từ thời Trần, được trưởng thành từ trong chiến đấu, sau trở thành một viên quan phục vụ trong triều đình nhà Lê - tức sau này ông thuộc tầng lớp quan liêu của nhà Lê. Lớp quan liêu nói chung có mâu thuẫn với quý tộc và mâu thuẫn với quyền quân chủ tuyệt đối đứng đầu là vua. Vì vậy, việc Lưu Nhân Chú bị "vong thân" đầu tiên trong đợt thảm sát công thần lần hai là điều dễ hiểu. Những vinh quang mà ông đạt được trong mười năm chiến đấu gian lao là do thời thế tạo nên; rồi ông sớm bị qua đời cũng là do vấn đề thời thế quyết định - nằm ngoài ý muốn cá nhân hay

nói khác đi đó là do vấn đề hạn chế của thời đại lúc bấy giờ.

Ngày hôm nay, chúng ta ngồi ôn lại hành trạng của Lưu Nhân Chú cũng là để ghi nhận về phía ông là một *Danh nhân lịch sử của dân tộc ta ở đầu thế kỷ XV*.

Hà Nội, tháng 6 năm 2001

trên khác đi do là do vận đề hạn chế của thời đại mà
bấy giờ.

Ngày hôm nay, chúng ta ngồi ở đây thật trong
của Liên Nhân Công cũng là để ghi nhận về quá khứ
là một thành tựu với sự kiện này là là dấu hiệu
kỷ niệm.

Hà Nội tháng 9 năm 2001

LƯU NHÂN CHÚ - TỪ CHỌN HƯỚNG ĐÚNG ĐẮN ĐẾN LẬP THÂN VINH QUANG

PGS. TS. Nguyễn Danh Phiệt
(Viện Sử học)

Cho đến nay, ta chưa có tài liệu để xác định năm sinh của Lưu Nhân Chú. Chính sử chỉ chép ông bị Lê Sát ghen ghét, bức hại bằng thuốc độc vào đầu đời Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất - 1434⁽¹⁾. Căn cứ vào gia phả ta biết ông cùng bố là Lưu Trung và em rể là Phạm Cuống có mặt ở Lam Sơn từ năm Lê Lợi mới 25 tuổi - năm 1409⁽²⁾. Từ đó ta có thể đoán ở thời điểm này Lưu Nhân Chú vừa độ tuổi thành niên.

Vào lúc này cuộc kháng chiến chống giặc Minh của nhà Hồ đã thất bại từ hai năm trước (năm 1407). Đất nước lâm vào ách thống trị của nhà Minh. Cũng vào lúc này Trần Ngỗi đã lên ngôi, tức Giản Định đế, ở Mộ Độ nay thuộc huyện Tam Điệp tỉnh Ninh Bình, mở đầu cuộc kháng chiến dưới ngọn cờ của quý tộc tôn thất nhà Trần. Sử chép là nhà Hậu Trần. Năm 1409 là năm cuộc

⁽¹⁾ *Dại Việt sử ký toàn thư*, tập II. NXB KHXH - 1985, tr. 313.

⁽²⁾ Xem: Đặng Nghiêm Vạn - Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú.

NCLS số 105-196

kháng chiến đã và đang diễn ra quyết liệt ở vùng Nam Định, Ninh Bình ngày nay; đồng thời cũng là lúc nội bộ đội ngũ cầm đầu cuộc kháng chiến nghi kỵ lẫn nhau; Nguyễn Cảnh Chân, Đặng Tất bị giết hại dẫn đến chia rẽ. Cảnh Dị - con của Cảnh Chân, Đặng Dung con của Đặng Tất, đang trấn giữ Thuận Hóa về Thanh Hóa lập Trần Quý Khoáng lên làm vua. Cuộc kháng chiến của nhà Hậu Trần bắt đầu suy yếu, kéo dài đến năm 1413 bị thất bại hoàn toàn. Những điểm tóm lược về bối cảnh lịch sử trên sẽ góp phần làm sáng tỏ vấn đề chọn hướng đi của Lưu Nhân Chú.

Chúng ta biết rằng, không phải đợi đến năm 1409 - khi chàng trai Lưu Nhân Chú rời quê hương vào Lam Sơn Thanh Hóa, mà ngay từ cuối thế kỷ XIV, buổi cuối Trần, đất nước đã lâm vào tình thế loạn lạc. Loạn từ trong nội bộ bộ phận cầm quyền. Tình trạng rệu rã của vương triều Trần trên con đường suy vong đã dẫn đến sự xuất hiện của Hồ Quý Ly với vương triều Hồ. Tiếp đến, sự xâm lược của giặc Minh và cuộc kháng chiến chống giặc cứu nước do họ Hồ tổ chức. Cuộc kháng chiến bị thất bại, vương triều Hồ bị tiêu vong. Ngọn cờ đuổi giặc trao vào tay nhà Hậu Trần, một lần nữa bị thất bại. Nhân dân chịu lầm than dưới ách thống trị tàn bạo của giặc Minh.

Một thời tao loạn với mâu thuẫn hàng đầu là lực lượng yêu nước chống giặc và giặc Minh xâm lược, đô hộ. Trong nội bộ dân tộc là mâu thuẫn giữa những người yêu nước và những kẻ cam tâm làm tay sai cho giặc tham gia chính quyền đô hộ.

Thời nào cũng vậy, vào buổi loạn lạc cùng với việc phân cực như trên còn có một bộ phận trung gian, yên phận thủ thường, không tham gia chống giặc mà cũng không làm tay sai cho giặc. Bộ phận này thường nghiêng ngả, nhẵn nhục, đợi chờ.

Ngay từ đầu người thanh niên Lưu Nhân Chú đã tự chọn con đường đứng vào hàng ngũ những người yêu nước chống giặc.

Là trai thời loạn, Lưu Nhân Chú có nguồn gốc quý tộc, ít nhất là 4 đời thế tập giữ chức phiên thần quản giữ đất đai Thái Nguyên, là bề tôi của vương triều Trần⁽¹⁾. Là phiên thần của nhà Trần, họ Lưu ở Thái Nguyên không hưởng ứng công cuộc chống giặc của Hồ Quý Ly cũng là điều dễ hiểu. Nhưng không tìm đến dưới cờ của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng lại là điều cần phải suy nghĩ.

⁽¹⁾ Xem: *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú*. Bài Tạp chí của Đặng Nghiênn Vãn. Sdd.

Liệu có thể tin được ở điều ghi chép của gia phả về việc bố con họ Lưu nghe lầm câu chuyện giữa các thần linh ở Miếu Gắm, thôn Quan Ngoại, huyện Tam Dương, Sơn Tây về việc Thượng đế với ba phủ (Thiên, Địa, Thủy) cùng họp bàn treo bảng trước điện cho Lê Lợi làm vua; hoặc một đêm ngủ ở đền thờ thần, nằm mộng được điềm tốt để rồi từ bỏ nghề buôn bán dầu, phân phối gia sản, nói dối đi buôn xa, đến thẳng Lam Sơn yết kiến Lê Lợi? Ta biết điều kể này cũng tương tự như trường hợp Trần Nguyên Hãn. Ông thấy thần núi Tản Viên mách bảo với thần Bạch Hạc về việc trời sai Lê Lợi làm vua nước An Nam để rồi vào Lam Sơn theo Lê Lợi. Những câu chuyện hoang đường như vậy, hẳn là của người đời thêu dệt nhằm thần thánh hóa, thuyết minh việc làm của họ Lưu, họ Trần là hành động theo ý trời, hợp lẽ trời do đó hợp với lòng người, tất yếu sẽ thành công theo minh triết phương Đông: "Thuận Thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong". Nếu mọi sự khởi đầu lập nghiệp của họ Lưu, cũng như họ Trần đều theo sự chỉ dẫn, mách bảo của Trời thì còn gì phải bàn. Vấn đề cần tìm hiểu theo một hướng khác - hướng chủ động của con người trên con đường lập nghiệp - "mưu sự tại nhân".

Ở trường hợp Lưu Nhân Chú, chúng tôi tìm hiểu theo hướng khẳng định ba điểm sau:

1. Ông thuộc dòng dõi quý tộc, nhiều đời là phiên thân quản giữ Thái Nguyên - một vùng trọng yếu ở phía Bắc kinh đô Thăng Long. Với uy thế chính trị (quý tộc quan lại) và tiềm lực kinh tế (ruộng rẫy, núi rừng, sông suối) họ Lưu trở thành thủ lĩnh, có uy tín bao trùm trong vùng, được dân chúng nường nhờ, tin cậy. Với nguồn gốc và vị trí xã hội đó ông càng gắn bó với quê hương, đất nước và nhân dân. Đau nỗi đau của quê hương đất nước rơi vào tay giặc, không cam chịu nhìn nhận dân dưới quyền quản giữ của mình sống trong cảnh đời nô lệ, ông nuôi chí cứu nước cứu dân.

2. Tự nhận thức đúng về tài và lực của mình. Là người có uy tín bao trùm thuộc dòng dõi quý tộc, có thừa lòng yêu nước, quyết tâm cứu nước, nhưng hẳn rằng Lưu Nhân Chú nói riêng, họ Lưu nói chung, tự lượng được sức mình chưa đủ tài năng và lực lượng để tự phát cao cờ nghĩa tập hợp hào kiệt 4 phương. Uy tín và thế lực của ông có thể đủ để tập hợp dân chúng ở địa phương, nhưng chưa đủ để kêu gọi tập hợp khắp nơi, đặc biệt ở vùng đất Bắc gần kinh đô Thăng Long, lúc này là Đông Quan - sào huyệt, đầu não của chính quyền đô hộ. Chỉ cần 1 ngày đối với quân kỵ, 4 ngày đối với

quân bộ là giặc Minh từ Đông Quan có thể đặt chân đến vùng đất căn bản của ông, dù là miền núi rừng hiểm yếu. Do đó để thể hiện ý chí, phát huy tài năng chống giặc cứu nước, cứu quê hương thắng lợi ông phải tìm chỗ dựa vững chắc, một sự liên kết rộng rãi hơn.

3. Sáng suốt trong lựa chọn.

Như đã trình bày, trong khoảng thời gian hơn 10 năm đầu thế kỷ XV có hai lực lượng tổ chức chống giặc cứu nước, đó là vương triều Hồ - cha con Hồ Quý Ly với quý tộc Trần - nhà Hậu Trần. Lưu Nhân Chú không theo Hồ Quý Ly đã đành, vì Hồ Quý Ly đoạt ngôi của nhà Trần. Là quý tộc phiên thân nhiều đời phò tá nhà Trần, hưởng lộc nhà Trần nhưng họ Lưu cũng không đến với Trần Ngỗi hoặc Trần Quý Khoáng. Hẳn rằng cũng như nhiều nho sĩ, hào kiệt yêu nước lúc bấy giờ, cuộc kháng chiến của nhà Hậu Trần hiện ra trong con mắt họ như những đốm lửa lay lắt từ cuối thế kỷ XIV, sụp đổ trước thế lực của Hồ Quý Ly, nay vụt bùng lên trong chống giặc Minh trước khi tắt hẳn. Trong thực tế, cuộc kháng chiến có anh dũng kiên cường, nhưng không giành được thắng lợi; mặt khác lại sớm đi vào phân liệt, chia rẽ để lực lượng bị suy mòn, mất lòng tin trong dân chúng. Nói rằng nho sĩ, hào kiệt, những người yêu nước lúc đó nhận thức được tính chất lạc hậu, trì trệ của quý tộc Trần và

hậu duệ Trần nên tìm đến, đặt niềm tin ở một thế lực mới tiêu biểu cho xu hướng phát triển của xã hội đương thời - địa chủ phong kiến - e rằng sẽ hiện đại hóa con người đầu thế kỷ XV. Vấn đề, theo chúng tôi, đơn giản hơn nhiều. Các nho sĩ, hào kiệt, dân chúng yêu nước, trong đó có Lưu Nhân Chú, tìm đến tập hợp dưới cờ của người mà họ tin tưởng. Đó là người có chí đuổi giặc cứu nước, cứu dân, có tài tổ chức chỉ huy, có nhân nghĩa, uy tín và thế lực bao trùm được người người mến phục, truyền tụng, khiến kẻ thù nể sợ. Họ tìm đến một thủ lĩnh khả dĩ bù đắp, hoặc đem lại cho họ những điều mà họ chưa có để cùng hợp sức lập nên nghiệp lớn.

Vấn đề lại càng đơn giản hơn khi xác định đúng Lưu Nhân Chú có nguồn gốc từ Thanh Hóa như lưu truyền, hoặc là "cháu họ" của Lê Lợi như Lê Quý Đôn đã chép trong *Đại Việt thông sử*⁽¹⁾. Tuy nhiên điều này còn cần kiểm thêm tài liệu tin cậy mới xác minh được, do đó chưa thể khẳng định dứt khoát.

Ba điểm mấu chốt trên thuộc về bản thân, khiến Lưu Nhân Chú quyết định hướng lựa chọn con đường lập nghiệp của mình, hoàn toàn không do thần nhân mách

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn - *Đại Việt thông sử*. NXB KHXH, Hà Nội - 1978, tr. 68 chép: "Vua cũng sai con là Tư Tề và cháu họ là Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin, để định hòa ước".

bảo. Ông và người thân đến Lam Sơn vào lúc cuộc kháng chiến của nhà Hậu Trần còn đang tiếp diễn và vị lãnh tụ Lam Sơn còn đang nấu mình chuẩn bị thời cơ phát cao cờ nghĩa.

Là trai thời loạn, Lưu Nhân Chú chọn nghiệp võ, đem tài năng cứu nước cứu dân đã là đẹp, lại chọn đất Lam Sơn với Lê Lợi - tụ điểm của tinh hoa xã hội bấy giờ gặp nhau ở mục đích cứu nước lại một lần nữa khẳng định sự lựa chọn đẹp để sáng suốt của người con ưu tú của dân tộc nói chung, của nhân dân Thái Nguyên đầu thế kỷ XV nói riêng.

Với sự lựa chọn đó, Lưu Nhân Chú đã gắn bó cả cuộc đời và sự nghiệp với quá trình chiến đấu anh dũng, gian lao nhưng vô cùng vẻ vang của dân tộc dưới ngọn cờ Lam Sơn khởi nghĩa.

Lựa chọn hướng đi đúng đắn, sáng suốt là yếu tố tiên quyết, không thể thiếu, nhưng chưa đủ để Lưu Nhân Chú lập nên sự nghiệp lớn. Vấn đề không kém phần quan trọng là đức hy sinh cao cả, xả thân vì nước và tài năng hơn người để có thể gặt hái được vinh quang trên con đường lập nghiệp. Chúng tôi nghĩ rằng, thiếu cái đức và tài đó Lưu Nhân Chú cũng không thể xuất hiện trên bầu trời Lam Sơn khởi nghĩa rực sáng như một trong những vì sao lấp lánh hàng đầu.

Thật vậy, rồi theo ghi chép của sử sách, kết hợp với gia phả, đức và tài của Lưu Nhân Chú được thể hiện qua hành động về sự việc cụ thể, không cần sự viện trợ của tô điểm vẽ vờ. Sự thật đó được thể hiện ở những nét cơ bản như sau:

- Ông có mặt trong khởi nghĩa Lam Sơn từ đầu. Không những thế ông còn có mặt ở Lam Sơn từ nhiều năm trước (1409) để đến Hội thề Lũng Nhai 7 năm sau đó (năm 1416) ông cùng người thân hiện diện với tư cách là người đặt cơ sở đầu tiên, mở màn khởi nghĩa, để trở thành những vị "công thần Lũng Nhai".

- Ông tham gia khởi nghĩa từ đầu cho đến thắng lợi cuối cùng, có mặt ở mọi chiến trường: Thanh Hóa, Nghệ An, Ai Lao, Đất Bắc, biên giới và lập chiến công lớn ở các trận: Khả Lưu (Nghệ An - 1424), Tây Đô (Thanh Hóa - 1425), chặn địch ở vùng Đất Bắc (1426); Chi Lăng (1427); Xương Giang (1427). Sau kháng chiến thắng lợi ông tiếp tục tham gia xây dựng đất nước cho đến cuối đời.

- Trong quá trình chống giặc giữ nước và xây dựng đất nước, Lưu Nhân Chú từng được giao nhiều chức vụ quan trọng:

Thượng hầu năm 1425.

Hành quân đô đốc Tổng quản, Nhập nội Đại tư mã, lĩnh 4 vệ Tiền, Hậu, Tả, Hữu, kiêm coi quân Tân vệ - năm 1427.

Thăng Tư không, 1427.

Sau khi cùng Tư Tề vào Đông Quan làm con tin, ông được phong Suy trung Tán trị Hiệp mưu Dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự - năm 1428.

Kháng chiến thành công, năm 1429 ban biểu ngạch công thần ông được phong Á thượng hầu - năm 1429.

Thăng Nhập nội tư khấu năm 1431.

Từ những nét lớn trên, ta thấy ở Lưu Nhân Chú một sự nghiệp vẻ vang với nhiều chiến công hiển hách.

Tóm lại, là trai thời loạn - thời của chiến tranh chống giặc và giải phóng đất nước, với việc chọn hướng đi đúng đắn, Lưu Nhân Chú đã có điều kiện phát huy tài năng lập nên sự nghiệp lớn lao. Quá trình lập thân, lập nghiệp của ông có thể chia làm 3 giai đoạn rõ rệt:

- Ở tuổi thành niên, từ 1409 đến 1415 đến Lam Sơn theo Lê Lợi xây dựng cơ sở kháng chiến lâu dài.

- Từ 1416 đến 1427 - Tham gia chỉ huy chống giặc, có mặt trên hầu khắp chiến trường với tư cách là tướng lĩnh tài ba lập nên nhiều chiến công hiển hách.

- Từ 1428 đến 1434 tham gia xây dựng đất nước với cương vị Huân thần khai quốc "đứng đầu hàng võ trong triều, kiêm coi chính sự Nhà nước"⁽¹⁾.

Từ lựa chọn hướng đi đúng đắn đến sự nghiệp vinh quang là con đường mà người thanh niên yêu nước Lưu Nhân Chú đã trải qua để được lưu danh trong sử sách, được hậu thế ghi nhớ, ngưỡng vọng với một niềm tôn kính, tự hào.

⁽¹⁾ Lời chế của vua Lê Thái Tổ ban cho Lưu Nhân Chú khi phong chức năm 1428. Lê Quý Đôn - *Đại Việt thông sử*, Sdd, tr. 205.

LƯU NHÂN CHÚ VÀ HỘI THỀ LŨNG NHAİ

TS. Vũ Duy Mên

(Viện Sử học)

Cuộc kháng chiến oanh liệt của nhân dân ta chống quân xâm lược nhà Minh (1416-1427) còn ghi lại hai sự kiện quan trọng, cùng có tên gọi chung là hội thề; nhưng đánh dấu hai mốc thời gian khác nhau; về mặt nội dung - ý nghĩa của mỗi hội thề cũng khác nhau. Đó là Hội thề Lũng Nhai (1416) và Hội thề Đông Quan (1427). Bài tham luận này góp phần tìm hiểu Hội thề Lũng Nhai. Gắn liền với Hội thề này là sự tham gia đóng góp quan trọng của Lưu Nhân Chú - một danh tướng quê xã Thuận Thượng, nay là xã Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

I. Sử liệu liên quan đến Lưu Nhân Chú.

Chúng tôi chưa có điều kiện đi sâu tìm hiểu về nguồn gốc gia tộc, gia phả họ Lưu ở Vân Yên; mà thông qua sự ghi chép của sử liệu mới chỉ chú ý đến những nét đại thể về Lưu Nhân Chú cùng gia tộc của ông trong thời kỳ

trước khi xảy ra cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ở Thanh Hóa, do Lê Lợi chủ xướng.

Theo như gia phả họ Lưu mà Đặng Nghiêm Vạn đã công bố⁽¹⁾ ; và gần đây trong chuyến điền dã ở Vân Yên, Đại Từ chúng tôi đã được ông Lưu Sĩ Lự 68 tuổi, cháu 18 đời của dòng họ Lưu Nhân Chú cho xem bản gia phả, cùng bản ghi ngày giỗ, trong đó ghi rõ: Ông tổ họ Lưu được nhà Trần phong cho chức Thái Nguyên Quản trị phụ đạo; phong tước Thái lai hầu đời đời thế tập. Ông tổ là Lưu Công, thụy là Huyền Nghi. Con là Lưu Xuân Dục, được phong tước hầu, thụy là Khắc Thuần. Con Khắc Thuần là Lưu Bá Thịnh. Bá Thịnh sinh ra Lưu Trung. Lưu Trung sinh ra Lưu Nhân Chú và Lưu Thị Ngọc Ngoan, sau gả cho Phạm Cuống. Như vậy Lưu Nhân Chú sinh ra trong gia đình quý tộc đã ba đời thế tập.

Điều đáng chú ý gia phả ghi lại cả truyền thuyết, làm tăng thêm sự huyền bí về sự ra đời của Lưu Trung, Phạm Cuống và Lê Lợi - vị thủ lĩnh của khởi nghĩa Lam Sơn, như một điểm báo trước.

Lúc bấy giờ quân Minh đã xâm chiếm nước ta, không đâu chúng không tìm đến vợ vết của cải và gây tội ác

⁽¹⁾ Đặng Nghiêm Vạn - *Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* - NCLS số 105/1967, tr. 42 - 49, 56.

với nhân dân ta. Ba cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống phải nấu mình, ấn dấu tung tích chờ thời cơ để ứng nghĩa. Theo truyền ngôn của con cháu trong dòng tộc họ Lưu ở Vân Yên thì tổ tiên xa đời của họ ở đất Thanh Hóa. Vào thời hậu Trần do loạn lạc, nghèo khổ nên phải chuyển cư đến vùng Thuận Thượng - Đại Từ - Thái Nguyên để làm ăn sinh sống. Do vậy đến đời Lưu Trung, Lưu Nhân Chú họ vẫn chưa quên gốc; có thể vẫn còn mối liên hệ với quê Thanh. Cũng có thể vì thế mà gia phả và *Lam Sơn thực lục* đều chép: Cha con Lưu Trung đã từ Thuận Thượng vào Lam Sơn từ năm 1409, trước khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa. Gặp được Lê Lợi, sau một thời gian cha con Lưu Nhân Chú mới chiếm được lòng tin. Sau đấy cha con Lưu Trung trở lại quê nhà (Thuận Thượng) gây dựng lực lượng; rồi vào Lam Sơn tụ nghĩa.

Gần đây khi khảo cứu bản *Lam Sơn thực lục* mới phát hiện ở Thanh Hóa, Nguyễn Diên Niên đã chỉ ra nhiều chi tiết ghi sai về Lưu Nhân Chú, và cho rằng: "Ông (Lưu Nhân Chú) có thể là ở trong hoàng tộc. Bởi vì mẹ ông trước kia lấy người họ Trịnh, cháu bà Trịnh Thị Ngọc Thương (thân mẫu Lê Lợi), bà này sinh ra Trịnh Khắc Phục. Vì thế mà *Toàn thư* chép

Lưu Nhân Chú và Trịnh Khắc Phục là anh em cùng mẹ"⁽¹⁾.

Nếu sự thật như thế thì bà mẹ của Lưu Nhân Chú đã một lần tái giá. Bà lấy Lưu Trung, sau lấy ông họ Trịnh (cháu bà Ngọc Thương). Theo tập quán phụ quyền gia trưởng con đương nhiên được mang dòng họ của cha. Lưu Nhân Chú là con Lưu Trung, Trịnh Khắc Phục là con ông họ Trịnh. Như vậy "Khắc Phục là em cùng mẹ của Lưu Nhân Chú"⁽²⁾, và khác cha như đã nêu.

Đại Việt thông sử cho biết thêm "Tuyên tổ Trịnh hoàng hậu (mẹ vua Thái Tổ) - Thánh từ ý văn Hoàng thái hậu họ Trịnh, tên húy là Ngọc Thương, người xã Thủy Chú, huyện Lôi Dương, tổ tiên húy là Thạm, vốn là người sách Mộc Trung, phủ Thanh Hoa"⁽³⁾.

Sau cuộc kháng chiến chống Minh, *Lam Sơn thực lục* có ghi rõ tính danh, quán chỉ (địa chỉ nguyên quán) của 36 người, nhiều người trong số đó được ban quốc tính (họ Vua); tên của các công thần được xếp theo thứ tự như sau:

"7. Lê Nhân Chú: Lôi Dương huyện, Thủy Chú sách..."

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục* (bản mới phát hiện) - Nguyễn Diên Niên khảo chứng. Lê Văn Vông chủ dịch - Ty Văn hóa Thanh Hóa 1976, tr. 37.

⁽²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III, Nxb KHXH Hà Nội, 1972, tr. 82.

⁽³⁾ *Lê Quý Đôn toàn tập*. Tập III - *Đại Việt thông sử* - Nxb KHXH, Hà Nội, 1978, tr. 117.

27. Lưu Trung: Lương Giang huyện, Đàm Thi xã..."⁽¹⁾.

"Vô danh tính 88 người.

38. Lê Khắc Phục: Lôi Dương huyện, Thủy Chú xã..."⁽²⁾.

Những ghi chép trên cho chúng ta biết thêm quê quán (nguyên quán?) của các công thần. Lưu Trung ở xã Đàm Thi, huyện Lương Giang; Lưu Nhân Chú, Trịnh Khắc Phục ở sách (xã) Thủy Chú, huyện Lôi Dương - cùng quê với thân mẫu Lê Lợi, thuộc phủ Thanh Hoa.

Từ những thông tin tản mạn nêu trên góp phần vào việc lý giải nguyên do tại sao từ vùng rừng núi Thuận Thượng - Đại Từ xa xôi cách trở mà cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuồng đã sớm có liên hệ với Lam Sơn, Thanh Hóa; sớm biết đến Lê Lợi - người tích nhân, chứa đức đang ra sức thu nạp hào kiệt bốn phương để đánh đuổi giặc Minh. Khi cha con Lưu Nhân Chú gặp được Lê Lợi đã nhanh chóng bỏ qua nghi kỵ, sớm được tin dùng. Lưu Nhân Chú là một trong 18 người đã tham gia Hội thề Lũng Nhai - hội thề cùng đồng tâm đánh đuổi giặc Minh, cứu non sông.

(1) (2) *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 205 - 208, 211.

II. Hội thề Lũng Nhai.

Bấy giờ quân Minh đã chiếm được nước ta, chúng đã gây nên bao tội ác chất chồng, khiến "Chặt hết trúc Nam Sơn khó ghi đầy tội ác".

Thần người đều căm giận

Trời đất chẳng dung tha..." (Đại cáo bình ngô).

Hầu hết các cuộc khởi nghĩa của các quý tộc Trần và nhân dân ta ở nhiều nơi đều bị quân Minh đàn áp. Với lòng yêu nước, căm thù giặc thôi thúc, các nghĩa sĩ từ nhiều địa phương lặn lội đến với núi rừng Lam Sơn, cùng Lê Lợi mưu đánh đuổi quân giặc, khôi phục đất nước. Hội thề Lũng Nhai được diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử như vậy. Nhưng vì sao Lê Lợi cùng các nghĩa sĩ lại chọn hình thức hội thề để cùng biểu tỏ quyết tâm sát đá phá giặc Minh cứu non sông? Tìm hiểu những trang sử cũ sẽ giúp chúng ta sáng tỏ hơn, hiểu ngọn nguồn hơn về tục thề - hội thề đó.

Về lễ thề hay hội thề, khởi đầu là một hình thức sinh hoạt dân gian. Trong đó có thể cá nhân thề với tập thể (thủ lĩnh thề với bộ lạc), hoặc cũng có khi tập thể này thề với tập thể kia (bộ lạc này thề với bộ lạc kia) trước một cuộc chiến tranh cùng chống một kẻ thù; hoặc cùng cầu nguyện các thần linh ban cho được mùa, săn được nhiều thú, hay cứu khỏi những tai họa do thiên nhiên

gây ra. Tàn dư của lễ thể, hội thể ngày nay vẫn còn bảo lưu ở một số dân tộc thuộc châu Phi, hoặc một số dân tộc ít người miền núi Tây Bắc (người Xá, người Mèo), Tây Nguyên (người Stiêng, người Bana) ở nước ta.

Ở Trung Quốc thời Xuân Thu chiến quốc - "Minh hội" (hội thể) là một tập quán thông dụng, để biểu thị sự cam kết giữa tập thể này cùng cộng đồng kia. Tề Hoàn Công đã 4 lần tổ chức Minh hội với các phiên thân. Thời nhà Tống, nhà Tùy cũng có rất nhiều minh hội.

Ở nước ta lễ thể đầu tiên mà chúng ta được biết qua truyền thuyết là lễ thể mà trong đó Hùng Vương thứ 18 truyền ngôi cho An Dương Vương. Hòn đá tượng trưng cho ngôi báu (chứng tích của lễ thể) hiện nay đang được thờ ở đền Thượng (Đền Hùng, thôn Phổ Tích, xã Hy Cương, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ).

Hồi đầu Công nguyên, Hai Bà Trưng làm lễ thể sư (lễ thể của quân lính), trước khi xuất quân phá giặc Hán.

Sách sử của ta chép về lễ thể Đồng Cổ ngày 25 tháng 2 năm 1028 thời Lý Thái Tông. Ngày rằm tháng giêng năm Ất Dậu (20-2-1285), một ngày sau khi Thoát Hoan tiến vào Thăng Long, cánh quân của Trần Nhật Duật về đến Bạch Hạc (chỗ gần cầu Việt Trì) cắt tóc làm lễ

Tuyên thệ, nguyện lấy lòng trung để báo ơn vua...⁽¹⁾.
Thời nhà Trần cũng nhiều lần tổ chức lễ thề.

Qua lễ thề và những hội thề được truyền thuyết khắc họa, hoặc sử sách chép từ thời Hùng Vương đến thời Lý-Trần vừa nêu trên có thể nêu ra một số nhận xét sau đây:

Lễ thề hay hội thề là một hình thức sinh hoạt mang tính chất tâm linh, tín ngưỡng, được duy trì như một tập tục thông thường trong dân gian.

Ngoài những điểm khác nhau trong nội dung hội thề, chúng đều thể hiện tính chất duy tâm chủ quan, mượn thần linh chứng giám những hành động của con người. Tuy nhiên gạt bỏ tính chất duy tâm, các hội thề đều đạt được một số kết quả nhất định trong thực tế. Ở đó danh dự và lòng tự trọng của con người được đề cao. Lễ thề của Hai Bà Trưng, lễ thề ở Bạch Hạc đã khích lệ tướng sĩ hăng hái giết giặc. Có lẽ chính vì thế mà Lê Lợi cùng các nghĩa sĩ đã mượn hình thức hội thề, tổ chức thề ở Lũng Nhai; nhằm tập hợp lực lượng nòng cốt, thống nhất ý chí, quyết tâm phá giặc Minh cứu đất nước.

Vào ngày đầu tháng 2 năm Bính Thân (1416) Lê Lợi cùng 18 nghĩa sĩ thân tín nhất (trong đó có Lưu Nhân

⁽¹⁾ Xem thêm: Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỷ XIII*. Hà Nội, Nxb KHXH, 1975, tr. 201-202.

Chú) đã đến Lũng Nhai (tức Lãng Mi, tên Nôm là làng Mé thuộc xã Ngọc Phụng, huyện Thường Xuân), tổ chức hội thề. Trong không khí trang nghiêm của lễ thề (dân gian - tục truyền) Lê Lợi đã tuyên đọc lời thề. Toàn văn bài thề như sau:

" Văn thề

Duy

Thiên Khánh năm đầu, sao tuế đóng ở Bính Thân, tháng hai Kỷ Mão, sóc vượt qua mười hai ngày Canh Dần, A Nam, lộ Khả Lam, tôi phụ đạo chính, tên là Lê Lợi cùng bọn Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn Linh, Lê Văn An, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Liễn, Bùi Quốc Hưng, Lê Nanh, Lê Việ, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Phạm Lôi, Lê Lý, Đinh Lan và Trương Chiến kính cẩn dâng lễ sinh huyết, hết lòng thành.

Tấu cáo lên hiệu thiên thượng đế

Hậu thổ địa hoàng và

Các tôn linh thần thượng, trung, hạ đẳng các danh lam núi sông trong nước, cúi xin rủ lòng chiếu giám, rằng:

Có bạn từ phương xa đến, kết giao vui vẻ, cốt lấy điều tin, cho nên làm lễ tấu cáo này vậy.

Nay ở nước tôi, phụ đạo chính, tôi là Lê Lợi cùng bọn Lê Lai đến Trương Chiến mười tám người; giòng họ tuy

có hai bề khác gốc, nghĩa kết xem như một tổ liên cành, dù rằng phận sang giàu có khác, nhưng coi tình cùng họ không xa. Thảng như giặc Minh xâm chiếm dùng nhà Trần, bắt họ Hồ, qua ải làm hại, nếu bọn tôi là Lê Lợi và Lê Lai đến Trương Chiến mười tám người; dốc sức cùng lòng giữ gìn địa phương để trong cõi được an cư, sống chết cùng nhau, không quên lời thề, thì bọn tôi cúi xin.

Trời đất và các tôn linh thần chúng giám, ban xuống trăm phúc lành từ bản thân đến gia đình, tổ tông xa, con cháu gần đều được an ninh, dày hưởng lộc trời. Nếu bọn tôi là Lê Lợi và Lê Lai đến Trương Chiến mười tám người, đi theo đường khác, chỉ lo trước mắt, cách mặt lãng quên, không cùng hiệp lòng, bỏ mất lời thề thốt, thì bọn tôi cúi xin.

Trời đất và các tôn linh thần giáng xuống trăm tai vạ, từ bản thân đến gia đình, tổ tông xa, con cháu gần, đều chịu chu diệt, đúng như hình phạt của trời. Kính.

Tấu cáo⁽¹⁾

Bài văn thề trên được chép trong *Lam Sơn thực lục* (bản của dòng họ Lê Sát) mới được phát hiện ở Thanh Hóa, đã công bố năm 1976.

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sđd, tr. 264.

Ngoài ra bài văn thê còn được chép trong sách: *Lam Sơn sự tích lịch đại đế vương* của Đỗ Bí và trong một số gia phả họ Đinh ở Trung Chính, huyện Nông Cống; họ Lê ở Kiều Đại, thị xã Thanh Hóa; họ Lưu Nhân Chú ở Vân Yên, Đại Từ, Thái Nguyên trong sách *Khởi nghĩa Lam Sơn* của Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn; La Sơn Yên hồ Hoàng Xuân Hãn⁽¹⁾.

Nhìn chung bài văn thê được sao chép trong các sách và gia phả nêu trên, về nội dung cơ bản giống nhau; tuy một số bản có ghi sai lệch về thời gian hội thê; hoặc tên một số người tham gia, trong tổng số 19 người dự thê Lũng Nhai.

Nếu coi bài văn thê dẫn trên (bản của dòng họ Lê Sát) là chuẩn thì trong bản *Lam Sơn sự tích lịch đại đế vương* đã thay tên Trịnh Vô = Đinh Liệt, (Lưu Nhân Chú được ghi là Lê Nhân Thụ); Phạm Lôi = Lê Bôi. Dựa vào đó và một số gia phả, các tác giả sách *Khởi nghĩa Lam Sơn* cũng đồng thuận với cách ghi chép trên.

Duy trong gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú không thấy ghi tên Lê Nanh; Phạm Lôi mà thay vào đó là Lưu Trung và Phạm Cuống, Lê Kiệm = Lê Hiểm. (Kiểm, Hiểm âm gần giống nhau). Điều đó chứng tỏ người ghi

⁽¹⁾ *La Sơn Yên hồ Hoàng Xuân Hãn*. Tập II, Hà Nội. Nxb Giáo dục 1998, tr. 634-645.

gia phả muốn con cháu đời sau thấy được công lao khai quốc của tổ tiên họ Lưu từ rất sớm. Tuy nhiên sự ghi chép trong gia phả đôi khi không chính xác. Thực tế sử sách chỉ chép đến Lưu Nhân Chú đã tham dự Hội thề Lũng Nhai - một hội thề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn sau đó vào mùa xuân năm 1418.

Theo chúng tôi bản gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú là một tài liệu quý giá để tìm hiểu lịch sử dân tộc; và nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; cùng những chiến công hiển hách của cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống; vai trò của nhân dân địa phương Đại Từ, Thái Nguyên trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh của dân tộc ta hồi thế kỷ XV.

Phân công hiến quan trọng của Gia phả Lưu Nhân Chú ở chỗ đã ghi lại bài văn thề Lũng Nhai và bài "Lời thề với các tướng" bằng chữ Nôm. Bài này cũng được ghi trong *Lam Sơn thực lục* (bản của dòng họ Lê Sát). Nội dung bài *Lời thề với các tướng* giống nhau. Duy cách xưng hô của Lê Lợi - (Trẫm) đã được người sao chép thay đổi cho phù hợp. Về thời gian ghi trong bản Lê Sát: Thiên Khánh nguyên niên, Mậu Thân tháng hai, ngày 20; Bản họ Lưu: ngày 12 tháng 2 năm Bính Thân; Năm đầu hiệu Thiên Khánh.

Căn cứ vào nội dung bài *Lời thề với các tướng* và thời gian ghi trong Gia phả họ Lưu nêu trên, chúng tôi (tạm thời) cho rằng: Lê Lợi đã thề với các tướng trong thời gian hội thề ở Lũng Nhai. Lời thề - cũng là lời hứa của một vị thủ lĩnh trước các chư tướng, trước sự nghiệp cứu nước gian nan, vừa hệ trọng, vừa tối cần thiết để gắn kết, tạo nên sức mạnh. Dưới đây là toàn văn bài: "Lời thề với các tướng":

Thái Tổ cao hoàng đế, trăm⁽¹⁾ tính Lê húy Lợi chí lam đại thiên hành hóa, phủ tri bang gia.

Vì vậy, trăm nguyện cùng với chư tướng, thứ thủ thiết kỵ đột quân đẳng nhân.

Hễ làm kẻ công thần cùng trăm mà mở được thiên hạ, chung sau thiên hạ thái bình, thì trăm nhớ đến công thần, chư tướng, hết lòng hết sức, danh ấy để lại muôn đời, vĩnh thùy trúc bạch, cho chung sau, con cháu trăm cùng con cháu chư tướng đều được hiển vinh hưởng phúc lộc. Dù bể kia hay cạn, núi nọ hay bằng thì công ấy trăm chẳng há quên chư tướng.

Dù trăm chẳng như nguyên ấy, vậy thì trăm chẳng truyền cho con cháu như nhời ấy.

(1) Trong bài này các chữ xưng họ - "Trăm" có lẽ đã được sửa cho phù hợp, sau khi Lê Lợi đã lên ngôi vua.

Trẫm nguyện bằng: cỏ điện nên rừng, điện này nên nước, núi này nên băng, ấn này nên (giáo) đồng gương sắt bằng trẫm làm được thiên hạ, nhớ công chư tướng hiển hách, vả lại truyền cho con cháu nhà trẫm muôn đời. Bằng như nhời nguyện ấy, thì cho quốc gia trường trị, yên như bàn thạch, Hoàng Hà như dải, Thái Sơn như lè; con cháu nhà trẫm muôn đời quang đăng bảo vị.

Vì vậy phải hết nhời cùng chư tướng hể đã đi làm công thần ở cùng trẫm, đồng tâm hiệp lực, chớ ngại khó khăn, họa làm được thiên hạ, chẳng những nhời ấy, trẫm lại cậy lời này. Như trong binh pháp rằng: Nhân nghĩa chi binh, hòa mục vi thượng. Nếu có binh nhân nghĩa, thì có hòa mục mới khá được. Hiệu lệnh cho tin.

Chữ rằng: Phép giả thiên hạ chi công cộng, dù ai chẳng phải đã có phép trời luật nước. Ai nấy thì cho hòa mục, tín hiệu lệnh cho nghiêm; sở phép hòa làm việc thiên hạ, để công danh muôn đời, lộc hưởng thiên chung.

Ngày 12 tháng 2 năm Bính Thân, năm đầu hiệu Thiên Khánh⁽¹⁾.

Như vậy, thông qua Hội thể Lũng Nhai, các nghĩa sĩ - những người con yêu nước tiêu biểu của dân tộc đã xác

⁽¹⁾ - *Nghiên cứu Lịch sử*, số 105-1967. Sdd, tr. 45-46.

- *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú*. Lưu tại nhà ông Lưu Sĩ Lựu, xóm dưới xã Văn Yên, Đại Từ, Thái Nguyên.

định được mình chủ. Đó là Lê Lợi - vị thủ lĩnh kiệt xuất của phong trào chống Minh. Lê Lợi chủ trương "Nhân nghĩa chi binh, hòa mục vi thượng. Nếu có binh nhân nghĩa, thì có hòa mục mới khá được. Hiệu lệnh cho tin" (Lời thề với các tướng). Từ Hội thề Lũng Nhai, đường hướng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã được vạch ra đúng đắn, tạo cơ sở cho mọi thắng lợi sau này.

Với Hội thề Lũng Nhai, Lê Lợi và các nghĩa sĩ thân tín đã tập hợp được lực lượng nòng cốt chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Mười chín người dự hội thề từ Lê Lợi, Lê Lai đến Đinh Lan, Trương Chiến tuy không cùng một họ, phận sang giàu khác nhau nhưng đều là anh em; cùng thề trước thần kỳ sông núi sống chết có nhau không thay lòng đổi dạ; quyết trừ giặc Minh cứu nước (như văn thề đã ghi).

Trong số mười chín người tham dự Hội thề Lũng Nhai chủ yếu là người ở địa phương Thanh Hóa; còn một số ở địa phương khác trong nước kéo đến. Họ xuất thân từ nhiều thành phần xã hội khác nhau. Trương Lôi và Võ Uy là gia thân của Lê Lợi, từng cày ruộng ở động Chiêu Nghi. Lê Hiểm (hay Kiệm) là người vốn dòng dõi đại quan lang. Lê Lai, người thôn Dạng Tú (nay là Dạng Tú, xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc), sách Đức Giang, huyện Lương giang; cha tên là Kiều; nổi đời làm phụ đạo. Lê Lý ở Dao Xá, Lam Sơn. Lê Văn An ở sách

Mục Sơn (xã Xuân Lam, Thọ Xuân). Lê Thận làm nghề chài cá ở Mục Sơn. Lê Văn Linh, người làng Hải Lịch (Hải Lĩnh, Thọ Xuân), huyện Lôi Dương; lúc nhỏ có tiếng giỏi văn học. Lê Chiến ở xã Đàm Thi, huyện Lương Giang. Trịnh Khả, người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Ninh (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa); tổ tiên ông từng làm quan ở triều Trần. Bùi Quốc Hưng, xã Cống Khê (Chương Đức, Mỹ Đức, Hà Tây), đậu tam trường đời Trần Duệ Tông (1373-1377), từng làm quan triều Trần. Lưu Nhân Chú dòng dõi gia đình đã bốn đời thế tập, làm quan phiên trấn vùng Thái Nguyên...

Tuy xuất thân từ những thành phần xã hội khác nhau nhưng cho thấy tập hợp nghĩa sĩ Lũng Nhai là đại diện cho sự đoàn kết và sức mạnh của nhân dân. Các thành viên của Hội thề Lũng Nhai, sẽ là nòng cốt của khởi nghĩa Lam Sơn - cuộc kháng chiến toàn dân bùng phát vào mùa xuân năm 1418.

Ngọn lửa yêu nước đã được nhóm lên từ Hội thề Lũng Nhai. Lưu Nhân Chú - người con ưu tú - người anh hùng đất Thuận Thượng, Đại Từ, Thái Nguyên đã góp phần vào vinh dự đó; mở đầu trang sử vàng với những chiến công oanh liệt chống lại sự xâm lược tàn bạo của giặc Minh để giải phóng đất nước, bảo tồn dân tộc.

Hà Nội, mùa hạ năm 2001.

TƯỚNG LƯU NHÂN CHÚ VỚI CHIẾN DỊCH DIỆT VIỆN CHI LĂNG - XƯƠNG GIANG

Yến Trang

(Viện Sử học)

Chiến dịch diệt viện Chi Lăng - Xương Giang vào thu đông năm 1427 của nghĩa quân Lam Sơn đã giáng một đòn chí mạng, đập tan niềm hy vọng cuối cùng của quân Minh, đem lại thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến 10 năm gian khổ của quân dân Đại Việt. Riêng trận Chi Lăng được coi là một trận quyết chiến chiến lược điển hình trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Tham gia chiến dịch lịch sử mang ý nghĩa quyết định này có một dần tướng lĩnh xuất sắc của nghĩa quân Lam Sơn, trong đó người ta thấy nổi lên vai trò rất lớn của một vị tướng tài Lưu Nhân Chú, người đã có mặt ở Hội thề Lũng Nhai ngay từ ngày quân Lam Sơn khởi nghiệp, người đã từng vào sinh ra tử và có những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng của đất nước.

Kể từ cuối năm 1426, sau chiến thắng Tốt Động - Chúc Động, trên mặt trận quân sự, tương quan lực lượng giữa nghĩa quân Lam Sơn và quân Minh đã có sự thay

đổi về căn bản. Từ đây, nghĩa quân chuyển sang chủ động tiến công, còn địch phải quay về thế phòng ngự. Đến tháng 9/1427 quân Minh chỉ còn cố thủ ở 4 thành Đông Đô, Chí Linh, Cổ Lộng và Tây Đô trong tình trạng bị vây hãm, hoang mang và khốn quẫn. Quân cũng như tướng trông mong hoàn toàn vào quân cứu viện. Nhà Minh lúc này cũng đang gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn phải cố gắng đáp ứng sự cầu viện khẩn cấp của Vương Thông hòng duy trì nền đô hộ ở nước ta.

Trên thế mạnh về quân sự, hậu phương của nghĩa quân Lam Sơn được củng cố tăng cường. Nhiều tướng lĩnh Lam Sơn muốn dốc sức tiêu diệt các thành còn đang cố thủ để giành thắng lợi cuối cùng. Bộ Chỉ huy nghĩa quân đã bàn bạc và đi đến một kết luận sáng suốt là tiếp tục vây hãm các thành đồng thời tập trung lực lượng tiêu diệt viện binh ngay khi chúng mới đặt chân lên đất nước ta vì: "Viện binh bị phá thì thành tất phải hàng, làm một việc mà được cả hai"⁽¹⁾. Như vậy chiến trường chính của nghĩa quân Lam Sơn lúc này được xác định là vùng biên giới phía Bắc.

Để chuẩn bị cho chiến dịch diệt viện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng này, Bộ Chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn

⁽¹⁾Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê - Đại Việt sử ký toàn thư. Nxb KHXH, H. 1971, tr. 43.

đứng đầu là Lê Lợi đã có sự chuẩn bị chu đáo về nhiều mặt. Các tướng giỏi được xem xét tuyển lựa. Từ tháng 6 (âm lịch) năm 1427 dàn tướng lĩnh tham gia trong chiến dịch sắp tới đã được cất nhắc, lên chức. *Sách Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: Vua "gia phong Thị trung Tư Tề làm Tư đồ, Đại tư mã Lưu Nhân Chú làm Tư không, Thiếu úy Lê Văn, Lê Sát làm Tư mã, Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy"⁽¹⁾. Ở đây chỉ trừ Tư Tề là con trai Lê Lợi không thấy nhắc tới, còn lại tất cả các tướng được gia phong sau này đều trực tiếp tham gia và lập được chiến công trong chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang sử sách có ghi lại.

Tướng Lưu Nhân Chú là người ở xã Thuận Thượng, huyện Đại Từ, trấn Thái Nguyên. Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa Lam Sơn, ông từ Thái Nguyên lặn lội vào Lam Sơn tham gia trong đội quân Thiết đột⁽²⁾. Ông đã từng tham dự và lập công ở trận Khả Lưu, đánh úp thành Tây Đô, vây thành Nghệ An, chặn viện binh ở

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, tr. 40.

⁽²⁾ Theo *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* ở xã Văn Yên huyện Đại Từ, Thái Nguyên: Lưu Nhân Chú vào Lam Sơn theo Lê Lợi khởi nghĩa cùng với cha là Lưu Trung và con rể là Phạm Cươg. Cũng theo *Gia phả* cả 3 người đều có tên trong danh sách các đại thần tham gia Hội thề Lũng Nhai. Các sách sử khác đều không chép như vậy, chúng tôi ghi ra đây để tham khảo.

(Đặng Nghiêm Vạn - *Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú - Nghiên cứu Lịch sử*, số 105, 1967).

Khâu Ôn v.v... Trận nào ông cũng là người đi tiên phong tỏ rõ ý chí kiên cường và tài thao lược. Vì những đóng góp trong chiến đấu, từ tháng 3 năm Đinh Mùi (1427) ông đã được thăng là Hành quân Đô đốc Tổng quản Nhập nội Đại tư mã, lĩnh 4 vệ: Tiên, Hậu, Tả, Hữu kiêm coi việc quân Tân vệ. Trước chiến dịch Chi Lăng - Xương Giang, ông được Vua phong chức Tư không là đứng đầu trong các tướng trực tiếp tham gia chỉ huy chiến dịch. Việc gia phong của Lê Lợi đợt này đã động viên kịp thời tinh thần của Lưu Nhân Chú và các tướng sĩ. Bộ Chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn đã tiến hành việc chuẩn bị cho chiến dịch diệt viện một cách chủ động và hoàn bị. Thành Xương Giang - một cứ điểm quan trọng mà theo tính toán của các tướng Lam Sơn, quân viện binh chắc chắn sẽ đến tập kết - bị triệt hạ trước ngày viện binh xuất quân 10 ngày. Đây là một trận đánh bất ngờ mà viện binh địch đang tiến sang không hề hay biết. Sau đó thành Xương Giang đã trở thành một điểm phòng ngự kiên cố và là căn cứ hậu cần của nghĩa quân. Tại đây các lộ vùng Bắc Giang được lệnh mang tới tích trữ lương thực với số lượng lớn (mỗi lộ 3.000 gánh). Hai cửa ải là Lê Hoa (vùng Hà Giang giáp Vân Nam) và ải Pha Lũy (Hữu nghị quan bây giờ) được tu sửa và bố trí phòng ngự. Nhân dân ở các vùng gần biên giới như

Lạng Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, Tuy Hóa được lệnh dời nhà cửa, phân tán đi nơi khác để tránh sự tàn phá của địch và thực hiện chủ trương "vườn không nhà trống", triệt đường cướp bóc lương thực của kẻ địch. Quân Lam Sơn từ khi có chủ trương "vây thành diệt viện", luôn ở tư thế sẵn sàng. Khí thế ấy được phản ánh trong sách *Lam Sơn thực lục*: "Ngày đêm luyện tập các tướng, tuyển thêm quân sĩ, rèn uy nuôi sức, tập võ nghệ, giữ hiệu lệnh cho minh, chia sai các tượng chẹn giữ các đường quan ải để dứt viện binh"⁽¹⁾.

Việc chọn địa điểm cụ thể ở vùng biên giới phía Bắc làm nơi mai phục đợi viện binh đã được Lưu Nhân Chú và các tướng lĩnh Lam Sơn tính toán kỹ lưỡng. Với những tin tức đã thu thập được, quân Lam Sơn biết rõ về 2 cánh quân tiếp viện sẽ theo 2 đường sang nước ta; trong đó cánh quân của Liễu Thăng gồm 10 vạn tinh binh sẽ vào theo cửa ải Pha Lũy là cánh quân chủ yếu nhất. Quyết định đón đánh cánh quân của Liễu Thăng - tên tướng trẻ có kinh nghiệm nhưng chủ quan và xốc nổi - đã tỏ rõ sự sáng suốt của Bộ Chỉ huy nghĩa quân. Diệt được cánh quân này tức là đã tiêu diệt được cánh quân chủ lực, làm phá sản âm mưu tiến công của kẻ

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi - *Lam Sơn thực lục* - Toàn tập. Nxb KHXH, H. 1976, tr. 65.

địch. Cánh quân kia cho dù có đến được Đông Quan thì nghĩa quân Lam Sơn vẫn có ưu thế để quay lại tấn công cả quân trong thành lẫn quân tiếp viện.

Để hỗ trợ cho chiến dịch còn có trận địa ngoại giao dịch vận do Bộ Chỉ huy ở Trung ương tiến hành. Những bức thư giả hàng gửi tới Liễu Thăng, thư dụ hàng các thành đang bị vây... do Nguyễn Trãi soạn thảo có tác dụng làm cho Liễu Thăng thêm chủ quan khinh thường quân ta và quân sĩ các thành bị vây hãm thêm nao núng, mất tinh thần chiến đấu. Theo kế đã được tính toán kỹ: ải Pha Lũy là điểm đến đầu tiên của quân Minh chỉ được Lưu Nhân Chú và các tướng coi là nơi khiêu chiến nhử địch vào trận địa. Tại đây, lực lượng nghĩa binh do Trần Lựu đóng giữ có nhiệm vụ vừa đánh vừa lui chạy về cửa ải Lưu rồi lui dần về ải Chi Lăng. ải Chi Lăng được chọn làm chiến trường chính. Đây là một cửa ải hiểm yếu nhất ở vùng biên giới phía Bắc. Đó là một thung lũng nhỏ hình bầu dục có chiều dài khoảng 4 km, phía Tây là dãy núi đá vôi Cai Kinh dựng đứng, phía Đông là núi Thái Hòa, Bảo Đài trùng điệp. Giữa thung lũng Chi Lăng có 5 ngọn núi nhỏ. Hai đầu Bắc và Nam của thung lũng mạch núi khép lại như 2 cửa: phía Bắc là Hàm Quỷ, phía Nam là Ngõ Thê. Vị trí xung yếu của ải Chi Lăng đã từng được quân xâm lược phía Bắc biết tới,

chúng gọi đây là "yết hầu của Giao Chỉ". Nơi đây quân Tống và quân Nguyên đã nếm mùi thất bại. Tướng Liễu Thăng không phải không biết điều ấy; nhưng chính cách đánh của nghĩa quân dựa trên sự nghiên cứu về quy luật di chuyển của đội hình quân tiếp viện cùng những phán đoán về tâm lý của tên tướng Liễu Thăng kiêu ngạo - đã khiến hấn sa bẫy lúc nào không biết. Một trận phục kích có quy mô lớn được tổ chức tại Chi Lăng. Sách *Đại Việt thông sử* ghi rằng: "Ông (tức Lưu Nhân Chú) cùng bọn Lê Sát đem 1 vạn tinh binh và 5 thớt voi đưa lên trước ải Chi Lăng mai phục để đợi". "Ông (Lưu Nhân Chú) cùng Lê Sát hợp mưu chung sức sai Lê Lựu giả thua nhử giặc, rồi tung quân ra đánh úp, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Sau đó lại chém được Bảo định bá Lương Minh tại trận"⁽¹⁾. Các sách *Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Việt sử ký tiền biên*, *Việt sử thông giám cương mục*... đều chép với nội dung tương tự⁽²⁾.

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn - *Đại Việt thông sử - Toàn tập*, tập 3. Nxb KHXH, H. 1978, tr. 205.

⁽²⁾ Riêng có *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* (đã dẫn) lại chép nhiều chi tiết khác về người tham gia, diễn biến trận Chi Lăng v.v... Chúng tôi dẫn ra đây để tham khảo: "Tháng 6 năm Đinh Mùi (1427) vua sai Lưu Nhân Chú làm Hành quân đốc quản, Nhập nội Đại tư mã, lĩnh Tiên, Hậu, Tả, Hữu tứ vệ kiêm tri tân vệ chư quân dân sự. Ngày 18 tháng 9 năm ấy, tướng giặc là bọn Liễu Thăng, Mộc Thạnh, Thôi Trù, Hoàng Phúc, Lý Khánh chia đường tiến sang, mỗi cánh quân đều có 15 vạn quân, ngựa đều 3 vạn con. Vua sai cha con Lưu Trung đem quân 1 vạn, voi 5 con, đặt quân phục ở ải Chi Lăng chặn đánh, lại sai bọn Lê Liễn ra đánh giả thua tháo chạy. Khi bọn Liễu Thăng đuổi đến nơi, quân phục 4 mặt vùng dậy xông ra đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên, treo đầu lên cây đa, tóc dài 1 trượng v.v..."

Một vài chi tiết chép thêm cho ta biết: Trước ải Chi Lăng, Lưu Nhân Chú cùng các tướng cho dựng một loạt hàng rào, lũy đất v.v... Quân của Lưu Nhân Chú và Lê Sát mai phục ở 4 mặt thung lũng Chi Lăng. Đội quân của Liễu Thăng ô ạt đuổi theo nhóm quân của Trần Lựu trên quãng đường gần 60 km từ ải Pha Lũy về đến Chi Lăng với khí thế rất hăng. *Nguyên sử*, phần *Liễu Thăng* truyện chép: "Liễu Thăng cầm đầu gần 100 kỵ binh vừa qua được cầu thì cầu bỗng sập. Đội kỵ binh bị sa vào một cánh đồng lầy, quân sau không tiến lên được. Phục binh 4 phía nổi dậy, Thăng bị trúng phiến chết". Khi toán kỵ binh tiên phong đến chân núi Mã Yên cũng là lúc đội tiên quân của giặc đã lọt hết trong ải Chi Lăng. Phục binh 4 phía nổi dậy bất ngờ, chủ tướng bị chém chết, người, ngựa sa lầy giữa cánh đồng, quân Minh vô cùng hoảng sợ. Các đội dân binh trong vùng như của Đại Huê cũng phối hợp với quân sĩ của Lưu Nhân Chú, Lê Sát... tiêu diệt quân xâm lược. Khoảng 10.000 tên đã phải bỏ mạng, nghĩa quân thu được rất nhiều ngựa, vũ khí, quân lương... Chiến thắng Chi Lăng vang dội đã mở đầu cho chiến dịch diệt viện,

làm nức lòng quân dân Đại Việt. Trận đầu thất bại nặng nề, quân số tiêu hao, tinh thần giảm sút, quân Minh vô cùng hoang mang run sợ. Sau trận quyết chiến chiến lược ở Chi Lăng, nghĩa quân Lam Sơn còn tiếp tục đánh 2 trận nữa ở Cầu Trạ và Phố Cát tiêu diệt rất nhiều sinh lực địch. Cánh quân chính lực lượng vẫn còn đông do Hữu Tham tướng Thôi Tụ và Thượng thư Hoàng Phúc chỉ huy vẫn cố sức tiến về phía thành Xương Giang, hy vọng hợp quân được với cánh quân của Mộc Thạnh từ Quảng Tây sang. Quân tướng nhà Minh lúc này vẫn không hề biết rằng thành Xương Giang đã bị hạ trước đó 10 ngày và giờ đây đã là căn cứ của quân ta. Như vậy trận địa phía trước thành Xương Giang đã được xác định theo thế trận được bày sẵn của nghĩa quân Lam Sơn. Các tướng Lưu Nhân Chú, Lê Sát được bổ sung thêm 30.000 quân do các tướng Lê Lý, Lê Văn An chỉ huy. Đường tiếp tế lương thực của quân Minh bị tướng Trần Nguyên Hãn cắt đứt. Quân Minh đã bị vây 4 mặt, chúng buộc phải hạ trại đóng quân giữa cánh đồng, đắp vôi lũy đất để phòng thủ. Thời tiết phương Nam cũng không ủng hộ chúng. Trong cảnh "mưa to gió lớn, người, ngựa chỉ nhìn nhau không di chuyển được"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ngô Thì Sĩ - *Đại Việt sử ký tiền biên*. Nxb KHXH, H. 1997, tr. 562.

Chúng chỉ còn cách bắn pháo cầu cứu 2 thành Đông Quan và Chí Linh (mà các thành này đang bị vây hãm khốn đốn). Sau một thời gian quân địch đã lâm vào thế cùng, ta chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt; Lê Lợi ra lệnh tổng công kích vào ngày 15/10 năm Đinh Mùi (tức ngày 3/11/1427). Toàn bộ quân địch với số lượng khoảng 80.000 tên bị tiêu diệt và bắt sống. Nghĩa quân thu được rất nhiều vũ khí, vải lụa, vàng bạc... Chiến dịch diệt viện của nghĩa quân Lam Sơn kết thúc trong vòng chưa đầy 1 tháng. Trong bài *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi đã viết những dòng ca ngợi hào hùng:

Đánh trận đầu sạch không kinh ngạc

Đánh trận nữa tan tác chim muông...

.... Lam Sơn, Lạng Giang thây ngã đầy đồng.

Xương Giang, Bình Giang máu trôi đổi nước...

Sau chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang, đoàn quân tiếp viện thứ hai do Mộc Thạnh chỉ huy "không đánh mà tự tan vỡ".

Chi Lăng - Xương Giang là chiến thắng có ý nghĩa quyết định, là chiến công oanh liệt nhất trong vòng 10 năm kháng chiến chống quân Minh của nghĩa quân Lam Sơn. Kế hoạch dùng viện binh để cứu vãn tình thế hòng duy trì nền đô hộ của nhà Minh trên đất nước ta đã

tan thành mây khói. Với 4 vạn quân dưới sự chỉ huy của các tướng tài dạn dày kinh nghiệm chiến đấu như Lưu Nhân Chú, Lê Sát, Trần Nguyên Hãn, Lê Lưu v.v... chúng ta đã lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh. Trong chiến dịch này các tướng lĩnh như Lưu Nhân Chú đã tỏ rõ tài thao lược, chí quyết đoán và tinh thần dũng cảm vô song. Sau này trong bài "Chê" vua ban vào dịp Lưu Nhân Chú được phong làm "Suy trung tan trị Hiệp mưu vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự" có nhắc đến chiến công ở Chi Lăng - Xương Giang của ông: "Trận đánh ở Bồ Đằng, Khá Lưu như trúc chẻ tro tan ngói lở. Giúp nên nghiệp lớn càng rõ công to sáng nghiệp là khó khăn, người đã lấy võ công mà dẹp nạn"⁽¹⁾ ...

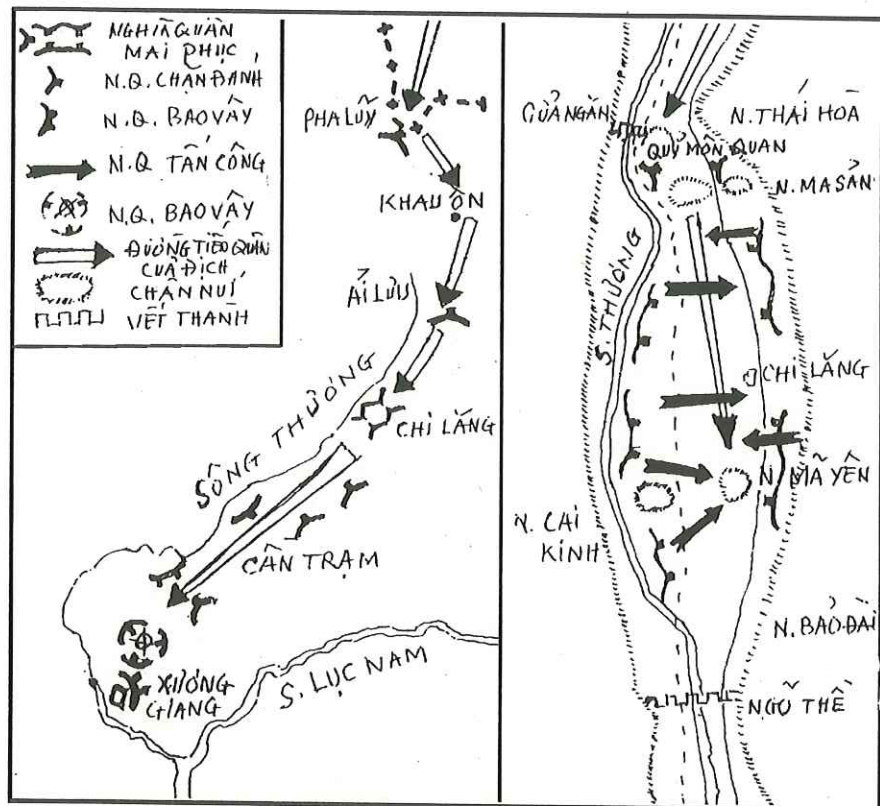
Do những hạn chế về tư liệu, bởi sử sách ở nước ta chép quá ít về những nhân vật lịch sử, dù là những "công thần khai quốc" có công lớn như Lưu Nhân Chú - chúng ta chưa biết được về ông nhiều; nhưng những chiến công hiển hách của ông trong 10 năm kháng chiến, những đóng góp cụ thể ở từng chiến dịch như Chi Lăng - Xương Giang cũng khiến người đời sau phải nghiêng mình tưởng nhớ đến ông với một niềm tự

⁽¹⁾ Đại Việt thông sử - Sdd, tr. 206.

hào. Con người có đức, có tài như Lưu Nhân Chú thật xứng với lời khen của Lê Lợi: "Tài năng như cây tùng, cây bách, chất người như ngọc Phan, ngọc Dư...! Người là người phò tá có tài, là bề tôi tận trung với nước"⁽¹⁾./.

⁽¹⁾ Đại Việt thông sử - Sdd, tr. 206.

SƠ ĐỒ CHIẾN THẮNG CHI LĂNG - XƯƠNG GIANG



LƯU NHÂN CHÚ VỊ TƯỚNG GIỎI ĐÁNH MAI PHỤC BẤT NGỜ

Thượng tá, TS. Nguyễn Minh Đức

(Viện Lịch sử Quân sự)

Suốt mười năm kháng chiến chống quân xâm lược Minh (1418-1427), dưới sự chỉ huy của Lê Lợi và Bộ tham mưu, các tướng sĩ Lam Sơn đã vận dụng rất tài tình lối đánh mai phục, bất ngờ. Nhờ vậy, nghĩa quân đã lấy yếu chống được mạnh, lấy ít đánh được nhiều. Trong quá trình chiến đấu ấy, đã xuất hiện một đội ngũ tướng lĩnh Lam Sơn tài giỏi, trong đó Lưu Nhân Chú nổi bật lên là vị tướng có tài đánh mai phục, bất ngờ.

Cùng cha đến Lam Sơn tham gia sự nghiệp cứu nước từ buổi đầu, Lưu Nhân Chú không quản ngại gian lao nguy hiểm, anh dũng chiến đấu, đem hết sức mình giúp Lê Lợi tập hợp và củng cố lực lượng khởi nghĩa. Đến khi nghĩa quân Lam Sơn chuyển hướng chiến lược tiến vào Nghệ An (1424), ông đã có mặt ở khắp nơi và tham gia chỉ huy hầu hết các trận đánh quan trọng. Sử cũ cho biết:

Năm 1424, Lưu Nhân Chú tham gia chỉ huy đánh liên hai trận mai phục ở Khả Lưu và Bồ Ai.

Năm 1425, ông cùng các tướng Lý Triện, Lê Sát đem 2000 quân và 3 thớt voi tiến ra Thanh Hoá, vây hãm thành Tây Đô.

Tháng 9- 1426, ông cùng Bùi Bị, Lê Trương, Lê Ninh dẫn 2000 quân và một thớt voi tiến ra vùng Thiên Trường, Tân Hưng, Kiến Xương... nhằm chặn đường rút của quân Minh một khi chúng bỏ thành Nghệ An chạy về Đông Quan. Tiếp đó, ông được bổ sung 2000 quân và một thớt voi, tiến ra Khoái Châu, Bắc Giang, Lạng Giang để sẵn sàng chặn đánh viện binh của địch từ Lưỡng Quảng sang.

Tháng 10- 1427, ông cùng Lê Sát đem một vạn quân và năm thớt voi bố trí mai phục ở ải Chi Lăng, có nhiệm vụ chặn đánh đạo quân cứu viện của nhà Minh, do Liễu Thăng chỉ huy,...

Trong tất cả những hoạt động quân sự kể trên, khi chỉ huy một đạo, khi đảm nhiệm một hướng, khi vận động phục kích, khi quấy rối hậu phương của địch, khi làm nhiệm vụ chặn đánh viện binh của chúng..., Lưu Nhân Chú đều hoàn thành xuất sắc, xứng đáng là một vị tướng tài giỏi. Chính Lê Lợi đã nói: "Nhân Chú là con tôi, Nguyễn Trãi là mưu sĩ của tôi. Tất cả công việc phá thành đánh trận đều là công của hai người"¹

¹ Viện Sử học, Nguyễn Trãi toàn tập, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, Tr.183-184

Là vị tướng trực tiếp cầm quân, Lưu Nhân Chú đã có công rất lớn trong việc tổ chức thực hiện thắng lợi các trận đánh theo chủ trương của Bộ Tham mưu nghĩa quân. Phần lớn các trận đánh do ông tham gia chỉ huy đều áp dụng lối đánh mai phục bất ngờ. Hình thức chiến đấu này rất phù hợp trong tình hình tương quan lực lượng địch, ta hết sức chênh lệch và đó cũng là chiến thuật sở trường của nghĩa quân Lam Sơn, như Nguyễn Trãi đã tổng kết trong bài Văn bia Vĩnh Lăng: “Năm Mậu Tuất dấy hưng nghĩa binh, đóng trên sông Lạc Thủy, trước sau hơn hai mươi trận, đều đặt mai phục, dùng kì binh, tránh mũi nhọn, thừa chỗ hư, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh”¹.

Thực tế cho thấy trong chiến đấu, đánh mai phục (tức là phục kích), là đánh quân địch đang đi, đang vận động nên dễ thắng mà tổn thất ít. Vì quân đang vận động chưa có công sự, trận địa che đỡ, chưa dàn thành thế trận vững chắc; một khi bị đánh bất ngờ thì đối phó lúng túng, cơ động khó khăn. Do đó, quân mai phục dù có ít hơn nhiều lần cũng có thể đánh thắng được.

Các trận đánh ở Khả Lưu và ở Bồ Ải (1424) do Lưu Nhân Chú tham gia chỉ huy là hai trận mai phục lợi hại

⁽¹⁾ Viện Sử học, Nguyễn Trãi toàn tập, Sdd, Tr. 96, 57.

ở cả trên bộ và trên sông. Theo kế hoạch của Bộ tham mưu, Lưu Nhân Chú đã chọn nơi hiểm yếu, phục sẵn quân rồi dử địch lọt vào trận địa mai phục mà tiêu diệt. Kết quả ở cả hai trận này, như sử cũ chép: quân địch bị thiệt hại rất nặng, “bị chém và chết đuối kể hàng vạn”⁽¹⁾ người và “thuyền giặc chặn ngang dòng, xác chết nổi lấp cả sông, khí giới chất đầy khe núi”⁽²⁾. Nghĩa quân chém được tướng tiên phong giặc là Hoàng Thành, bắt sống tướng giặc là Chu Kiệt và hàng ngàn tên khác. Với hai trận đánh mai phục tài tình đó, nghĩa quân Lam Sơn đã tiêu diệt một bộ phận rất quan trọng quân chủ lực của địch ở vùng Nghệ An, đánh bại kế hoạch phản công của chúng. Nhận xét về công lao của Lưu Nhân Chú, một trong 11 vị tướng tham gia chỉ huy hai trận đánh ở Khả Lưu và Bồ Ải, nhà bác học Lê Quý Đôn ở thế kỷ XVIII đã viết: “Năm Giáp Thìn (1424-TG), trong trận đánh ở ải Khả Lưu, ông xông lên trước hãm trận, thu được toàn thắng, nổi tiếng một thời”⁽³⁾.

Đến trận Chi Lăng (1427), lối đánh mai phục trong trận này đã phát triển tới một trình độ cao. Đây là một trận mai phục có kết hợp vận động truy kích, gồm nhiều tầng, nhiều lớp, được thực hiện bằng một loạt trận đánh

(1) (2) (3) Lê Quý Đôn, Toàn tập, T.3, Đại Việt thông sử, NXB. KHXH, HN, 1978, Tr. 204.

kế tiếp nhau trong thời gian 2 ngày 2 đêm, trong một không gian kéo từ ải Pha Luỹ đến Chi Lăng dài khoảng 150 dặm đường núi hiểm trở. Trong trận này, nhờ tài chỉ huy khôn khéo của Lưu Nhân Chú và các tướng Lam Sơn, lúc đầu quân mai phục của ta chỉ có 1 vạn người đã chặn đánh tới tả đạo viện binh địch gồm 10 vạn người do tổng binh Liễu Thăng cầm đầu. Nếu trận đánh ở Khả Lưu, Bồ Ải (1424) Lưu Nhân Chú đã để cho Trần Trí và một bộ phận địch chạy thoát về thành Nghệ An, thì trận mai phục ở Chi Lăng, ông đã tiêu diệt được đạo quân tiên phong gồm 1 vạn tên và cả viên chủ tướng hung hãn của chúng.

Các trận đánh mai phục do Lưu Nhân Chú chỉ huy giành được thắng lợi lớn là nhờ ông và các tướng sĩ Lam Sơn *rất giỏi sử dụng nhân tố bất ngờ*. Ở mỗi trận đánh, ông luôn luôn hành động bất ngờ không để cho địch có thể đoán trước được hành động của mình. Vì trong chiến đấu, càng hành động bất ngờ bao nhiêu càng có điều kiện giành thắng lợi bấy nhiêu. Nguyên tắc này được Lưu Nhân Chú vận dụng sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện các trận đánh theo sự chỉ đạo của Bộ tham mưu nghĩa quân.

Trước khi tiến vào Nghệ An mở rộng địa bàn hoạt động, nghĩa quân Lam Sơn thường xuyên phải chiến đấu chống trả các cuộc càn quét của địch để bảo toàn

lực lượng, giữ vững căn cứ. Thậm chí có những lúc vì hết lương ăn, quân ít, nghĩa quân phải rút lên núi Chí Linh thủ hiểm. Còn quân Minh cày thế quân đông, liên tục vây hãm lực lượng khởi nghĩa. Bởi vậy khi thấy nghĩa quân Lam Sơn từ Thanh Hoá tiến vào nam, Trần Trí, Phương Chính đã huy động tất cả quân thuỷ, bộ của chúng ở Nghệ An chặn đánh. Bọn chúng tin tưởng trước lực lượng quân sự lớn mạnh và thế áp đảo của quân Minh, nghĩa quân phải rút chạy mà hoàn toàn không hề tính tới khả năng bị Lưu Nhân Chú phục đánh ở Khả Lưu. Tiếp đó dẫu bị giáng một đòn đau, giặc Minh vẫn chủ quan, cho rằng nghĩa quân không thể cầm cự lâu dài vì quân ít và thiếu lương. Kết cục là chúng lại bất ngờ rơi vào trận địa mai phục thứ hai do Lưu Nhân Chú bày sẵn ở Bồ Ải. Như vậy là ở hai trận Khả Lưu, Bồ Ải quân Minh luôn bị bất ngờ, hết bất ngờ này đến bất ngờ khác.

Trong trận Chi Lăng nhân tố bất ngờ biểu hiện ở chỗ, lực lượng bị Lưu Nhân Chú đánh lại là đạo quân cứu viện chủ yếu của địch. Bọn này ỷ thế quân đông, trên đường hành quân “đem theo ba nghìn gái đẹp, khua chiêng gióng trống, đi theo nhật trình”⁽¹⁾, ô ạt kéo vào nước ta. Vốn chủ quan, hiếu thắng, bọn giặc “khinh ta,

⁽¹⁾ Viện Sử học, *Nguyễn Trãi Toàn tập*, Sdd, Tr.66.

cho người nước ta nhút nhát, từ lâu vẫn sợ oai giặc, nghe có đại quân đến tất phải sợ hãi”. Mặt khác, chúng hoàn toàn không hay biết thành Xương Giang do quân Minh chiếm đóng đã bị nghĩa quân Lam Sơn hạ trước đó 10 ngày. Vì vậy, khi rơi vào trận địa mai phục của Lưu Nhân Chú, Liễu Thăng hoàn toàn bất ngờ, dẫn quân đông, tướng giỏi vẫn bị giết chết.

Để tạo được sự bất ngờ đối với địch, trong tất cả các trận chiến đấu Lưu Nhân Chú *rất coi trọng hoạt động nghi binh*. Bởi vì trong chiến đấu, nếu giỏi nghi binh thì có thể lừa được địch vào chỗ hiểm để giành lợi thế, đánh bất ngờ chia cắt quân địch, làm cho chúng mạnh mà hoá yếu. Nghi binh giỏi lại có thể biến ít thành nhiều, thực thực hư hư, làm cho địch không hiểu được lực lượng ta, không thể phán đoán được kế hoạch của ta mà sinh ra hoang mang, bối rối. Nhờ đó, tạo ra thời cơ thuận lợi cho ta tiêu diệt được chúng.

Trận Khả Lưu, ông sai quân sĩ “ban ngày thì dựng cờ đánh trống, đêm thì đốt lửa” hư trương thanh thế, làm cho quân Minh không thể đoán biết được lực lượng và ý đồ của ta. Tiếp đó, ông lại dẫn quân vượt sông phục sẵn ở nơi hiểm yếu, chờ giáng đòn bất ngờ vào quân địch đang vận động tới.

Ở trận Bồ Ai, ông cùng các tướng Lam Sơn một mặt cho quân đốt doanh trại, giả cách rút chạy. Mặt khác, ông bí mật đưa quân phục nơi hiểm yếu. Kết quả là quân Minh tưởng thật đuổi theo mà rơi vào trận địa do Lưu Nhân Chú đã bày sẵn.

Như vậy là nhờ khéo tổ chức các hoạt động nghi binh, nghĩa quân Lam Sơn do Lưu Nhân Chú chỉ huy đã giành thắng lợi lớn ở hai trận mai phục Khả Lưu-Bồ Ai. Đó là hai thắng lợi lớn nhất của nghĩa quân Lam Sơn kể từ khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa đến lúc bấy giờ.

Hoạt động nghi binh ở trận Chi Lăng là nhằm mục đích dụ địch vào nơi hiểm yếu trong nội địa mà tiêu diệt. Thực hiện mưu kế đó, Lưu Nhân Chú sai tướng Trần Lựu, người giữ cửa ải Pha Lũy vừa đánh vừa rút lui dụ địch vào trận địa mai phục. Trần Lựu đem quân đánh rất mạnh rồi rút nhanh về Khâu Ôn, rồi Ải Lưu. Các trận đánh đó của quân ta làm cho Liễu Thăng đi cùng tiền quân vừa tức giận, lại vừa thêm kiêu, và do đó càng tăng thêm nhân tố bất ngờ cho trận mai phục Chi Lăng. Đồng thời, Lưu Nhân Chú gửi cho Liễu Thăng những bức thư mang danh nghĩa Lê Lợi và Trần Cảo, đề nghị lui binh, mục đích làm cho viên tổng binh này càng thêm chủ quan, khinh xuất. Quả nhiên, Liễu Thăng nhận thư mà không thèm mở đọc, ra mặt khinh

thường ta. Rồi bất chấp mọi lời can ngăn của các tướng Minh, y cổ thúc quân đuổi theo, hòng vây diệt các đội quân nhỏ bé của ta. Kết cục là Liễu Thăng và đội tiên quân của y vốn đã mỏi mệt, tiêu hao sau hơn hai ngày đuổi đánh quân ta, đã rơi vào “tử địa”(đất chết) mà không cách nào thoát thân được. Bị đánh bất ngờ, lại mất chủ tướng, quân địch vô cùng hoang mang, rối loạn.

Là người chỉ huy trận mai phục Chi Lăng, Lưu Nhân Chú đã hoàn thành một cách xuất sắc nhiệm vụ đập gãy đội quân tiên phong của địch, giáng cho chúng một đòn choáng váng, tạo điều kiện thuận lợi cho nghĩa quân Lam Sơn liên tiếp chiến thắng ở Cần Trạm, Phố Cát, Xương Giang và tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Chiến thắng đó càng thể hiện rõ tài nghệ chỉ huy nói chung, nghệ thuật nghi binh lừa địch nói riêng của ông.

Thực tiễn tổ chức và thực hiện thắng lợi các trận đánh mai phục kể trên cho thấy, Lưu Nhân Chú đã vận dụng rất tài tình nguyên tắc chiến thuật: “chế người chứ không để người chế mình”⁽¹⁾. Nghĩa là, trong tác chiến phải tích cực giành quyền chủ động, buộc địch phải hành động theo ý định của ta, phải đánh tại nơi mà ta chọn, vào lúc mà ta định và theo cách đánh của ta. Đó

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi, Toàn tập, Sdd, Tr.56.

là điều kiện then chốt để ta có thể làm chuyển hoá so sánh lực lượng, tạo ra những tình huống có lợi cho ta, bất lợi cho địch, tiến tới thực hiện thắng lợi các mục tiêu tác chiến của ta.

Đứng trước kẻ địch mạnh, tiến công ô ạt, Lưu Nhân Chú đã biết né tránh sức mạnh ban đầu của giặc, giành lấy chủ động và vận dụng lối đánh mai phục để đánh lại chúng. Ông không dàn quân, bày binh bố trận hoặc co cụm lại để chống đỡ. Bởi vì quân địch tiến công thường đông, mạnh gấp vài lần, thậm chí ở trận Chi Lăng địch mười, ta chỉ có một, nên chúng rất dễ đột phá trận địa phòng ngự, thực hành bao vây, cô lập và tiêu diệt ta. Nếu ta dàn trận địa hoặc đưa chủ lực ra nghênh chiến thì chẳng khác gì giơ ngực ra đỡ đòn đánh của địch. Để bảo toàn lực lượng, Lưu Nhân Chú thường tác chiến vận động, không có chiến tuyến cố định. Ông biết triệt để lợi dụng địa hình, địa thế hiểm trở, thường xuyên chủ động đón đánh địch một cách bất ngờ nên đã đánh thắng địch nhiều trận giòn giã, đạt hiệu suất chiến đấu rất cao. Điển hình là trong trận Chi Lăng, nếu Lưu Nhân Chú đưa cả khối chủ lực 1 vạn quân lên chặn đạo viện binh 10 vạn tên của Liễu Thăng ở ngay cửa ngõ biên giới thì hẳn là cuộc chiến đấu sẽ diễn ra hết sức quyết liệt và quân ta khó có thể hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt

đạo viện binh này. Nhưng nhờ có quyết tâm giành chủ động cao và nghệ thuật đánh mai phục tài tình, ông chỉ huy quân chỉ trong vài giờ đã tiêu diệt cả thủy hơn 1 vạn tên địch, đẩy chúng vào thế bị động và thất bại không sao tránh khỏi. Điều đó càng thể hiện rõ tài đánh mai phục bất ngờ của Lưu Nhân Chú và đó cũng là một trong những bí quyết của phép dụng binh “ lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít thắng nhiều” của ông. Những chiến công oanh liệt của nghĩa quân Lam Sơn ở Khả Lưu, Bồ Ải, Chi Lăng,...mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Lưu Nhân Chú, vị danh tướng chống Minh thời Lê, ở thế kỷ XV.

Sát cánh chiến đấu cùng Lưu Nhân Chú dưới ngọn cờ Lam Sơn đại nghĩa, có cả một đội ngũ tướng lĩnh đông đảo và tài giỏi. Đó là Nguyễn Chích, Trần Nguyên Hãn, Đinh Lễ, Đinh Liệt, Nguyễn Xí, Phạm Văn Xảo,...Tuy tài năng mức độ có khác nhau nhưng tất cả họ đều góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cứu nước của nghĩa quân Lam Sơn. Họ đều thể hiện tài năng quân sự của mình trong việc tổ chức chỉ huy các trận chiến đấu theo kế hoạch của Bộ tham mưu. Như Nguyễn Chích nổi tiếng với kế sách tiến vào phía nam tìm nơi hiểm yếu, đất rộng người đông để làm bàn đạp mở rộng địa bàn hoạt động của nghĩa quân. Như Trần Nguyên Hãn chỉ sau 1

giờ chỉ huy quân công kích đã hạ được thành Xương Giang (9-1427) vốn đã bị ta vây đánh suốt 9 tháng trời và nổi bật là vị tướng giỏi công thành. Còn Lưu Nhân Chú vị tướng tên tuổi gắn liền với các chiến thắng Khả Lư, Bồ Ải, Chi Lăng,... đã tỏ rõ tài đánh mai phục, bất ngờ.

Tài năng quân sự và công lao của Lưu Nhân Chú mãi được ghi nhận xứng đáng trong lịch sử đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta. Những di sản quân sự của ông cần được tiếp tục nghiên cứu, học tập và phát huy trong điều kiện lịch sử mới.

VAI TRÒ CỦA LƯU NHÂN CHÚ TRONG BUỔI ĐẦU XÂY DỰNG TRIỀU LÊ

TS. Nguyễn Thị Phương Chi
(Viện Sử học)

Lưu Nhân Chú, người xã An Thuận Thượng⁽¹⁾, huyện Đại Từ (thuộc tỉnh Thái Nguyên ngày nay). Ông là con trai của Lưu Trung. Hai cha con ông đều sớm có mặt tại vùng rừng núi Lam Sơn, tham gia cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh xâm lược do Lê Lợi lãnh đạo.

Những trang sử ghi chép về Lưu Nhân Chú và chiến công của ông trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh khá đậm nét. Ông là một trong những người tham gia Hội thề Lũng Nhai từ năm 1416. Sau kháng chiến chống Minh thành công, Lê Lợi lên ngôi vua, những người đã từng kề vai sát cánh cùng Lê Lợi đánh thắng giặc Minh xâm lược, giành độc lập cho dân tộc đều được Lê Lợi thưởng công. Trong đợt thưởng công vào tháng 5 (1429) Lưu Nhân Chú được phong Á thượng hầu. Sự kiện này được Lê Quý Đôn chép: "Tháng 5 (1429) khắc biển công thần, ông được phong

⁽¹⁾ Trong "Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú" chép là Thuận Thượng.

Á thượng hầu, tên đứng thứ 5"⁽¹⁾. Một số công thần còn được ban quốc tính, trong đó có Lưu Nhân Chú (Lê Nhân Chú). Tuy nhiên, quãng thời gian Lưu Nhân Chú tham gia xây dựng đất nước, xây dựng vương triều thì sử cũ trực tiếp chép về ông lại rất ít. Vì vậy, bàn về vai trò của Lưu Nhân Chú trong thời gian này gặp nhiều khó khăn về các nguồn tài liệu. Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu đề cập vai trò của Lưu Nhân Chú trên một số lĩnh vực liên quan đến ông bằng các nguồn tài liệu trực tiếp và gián tiếp.

"Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú" cho biết: Lưu Nhân Chú đến với Lê Lợi khi Lê Lợi còn làm chức quan phụ đạo chính, được ông tiếp đãi rất hậu và "trong nhà hễ có việc gì, đều tin dùng giao phó cho hết"⁽²⁾. Với "Hội thề Lũng Nhai" (năm 1416), họ đã gắn bó với nhau kết nghĩa anh em, đồng tâm hợp lực đánh giặc cứu nước.

Trong quá trình diễn biến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Lưu Nhân Chú là một dũng tướng chặn đánh địch ở những nơi quan trọng, khi thì ở ải Khả Lưu (1424), khi thì đánh úp quân Minh ở thành Tây Đô (1425), khi thì

(1) Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Nxb KHXH, Hà Nội - 1978, tr. 204.

(2) Đặng Nghiêm Vạn: "Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú". Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 105-1967, tr. 44.

chặn đường về của bọn Phương Chính, Lý An và chặn viện binh của giặc từ Khâu Ôn sang (năm 1426). Với nhiều công lao đóng góp cho kháng chiến, nên tháng 3 năm 1427, ông được thăng chức Tư không, kèm theo lời dặn dò của nhà vua: "Chức tước đã cao, nên sớm hôm chăm chỉ, không được trễ biếng bỏ phí công lao"⁽¹⁾. Đặc biệt, sau chiến công Lưu Nhân Chú cùng Lê Sát, Lê Lợi chém được Liễu Thăng ở Chi Lăng, góp phần phá tan thế trận của giặc trong cuộc tiến quân xâm lược nước ta, buộc Vương Thông phải cầu hòa, thì vai trò của Lưu Nhân Chú càng nổi bật. Lưu Nhân Chú đã cùng với các chủ tướng khởi nghĩa Lam Sơn, đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh ngoại giao nhằm kết thúc chiến tranh. Ông là người thực thi cuộc hòa đàm hòa bình nổi tiếng: Hội thề Đông Quan. Trước những thất bại nặng nề về quân sự, các tướng lĩnh nhà Minh buộc phải cho Sơn Thọ, Mã Kỳ ra dinh Bồ Đề, nơi Lê Lợi đóng đại bản doanh làm con tin để xin cầu hòa. Lê Lợi đã cử con trai là Tư đồ Tư Tề cùng Tư không Lê (Lưu) Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin của nhà Minh (tháng 11-1427). Việc này, không chỉ thể hiện độ tin cậy của Lê Lợi đối với Lưu Nhân

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử*. Sdd, tr. 205.

Chú mà còn thể hiện sứ mệnh quan trọng của ông đối với đất nước, sau đó phong ông làm Suy trung Tán trị Hiệp mưu Dương vũ công thân, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự. Với những chiến công hiển hách, đóng góp to lớn và toàn diện trong quá trình khởi nghĩa Lam Sơn, ngay sau khi cuộc kháng chiến kết thúc, Lưu Nhân Chú đã được vua Lê Thái Tổ tuyên dương công trạng và bổ nhiệm vào những chức vụ cao nhất của triều đình nhà Lê. Trong *Bài chế* khen thưởng ban cho Lưu Nhân Chú, vua Lê Thái Tổ viết: "... là người phù tá có tài, là bề tôi tận tụy của nước, nên Trẫm cho vinh hạnh ở ngôi Tể tướng và vẫn giữ chức nhiệm coi nắm binh quyền... Vậy cho người đứng đầu hàng võ trong triều, kiêm coi chính sự nhà nước"⁽¹⁾.

Như vậy, ngay từ buổi đầu xây dựng đất nước sau khi kết thúc cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, Lưu Nhân Chú từng giữ chức vụ cao nhất của triều đình nhà Lê, giúp nhà Vua một cách đắc lực trên tất cả mọi lĩnh vực, kể cả về quân sự, nội trị và ngoại giao... Đến năm 1431, ông được chuyển làm Nhập nội tư khấu. Sơ lược những sự kiện trên về Lưu Nhân Chú, nhằm thể hiện được vai trò của ông đối với cuộc kháng chiến chống

⁽¹⁾ *Lịch triều hiến chương loại chí. Tập I, tr. 260-261.*

quân Minh nói riêng, đối với đất nước nói chung. Vấn đề này là tiền đề thể hiện vai trò của ông đối với triều đình nhà Lê trong những năm xây dựng và củng cố đất nước sau khi giành được độc lập.

Vai trò của Lưu Nhân Chú trong buổi đầu xây dựng triều Lê, trước hết thể hiện ở việc ông tham gia lựa chọn người tài giỏi cho triều đình, cho đất nước. Như chúng ta đã biết, Lê Lợi - Nhà chính trị, quân sự với tầm nhìn xa trông rộng, khi cuộc kháng chiến sắp đến hồi quyết định thắng lợi, ông đã suy tính đến việc xây dựng đội ngũ quan lại trong triều có đủ tài đức. Mặc dù, những tướng lĩnh tham gia kháng chiến đã từng chịu đựng biết bao gian khổ, tôi luyện trong chiến đấu, lập nhiều chiến công, nhưng trước yêu cầu xây dựng đất nước sau chiến tranh, cần nhiều người hiền tài gánh vác công việc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Lê Lợi rất quan tâm đến việc lựa chọn những người đủ tài đức. Ông luôn luôn ra lời kêu gọi quân dân trong nước tiến cử người hiền tài. Dựa vào sự ghi chép trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, thì từ năm 1427 đến 1429, có tới 5 lần nhà vua ra lệnh cho các đại thần, các quân dân trong nước tiến cử người tài giỏi. Chỉ tính riêng năm 1427 đã có tới 2 lần vào tháng 3 và tháng 4. Sử chép: "Tháng 3 (1427). Ra lệnh cho các lộ, phải tiến cử những

người anh tuấn hiền tài, có trí dũng và ngay thẳng sẽ vờ đến hỏi han để họ đối đáp rồi bỏ dụng. Nếu trong hạt có người hiền tài mà các quan ẩn giấu không tiến cử, sẽ bị giáng chức hoặc cách chức"⁽¹⁾. Một tháng sau (4-1427) khi cuộc kháng chiến đang trên đà thắng lợi, đưa đến khả năng thắng lợi hoàn toàn, Lê Lợi lo lắng chưa lựa chọn được người bổ nhiệm vào những chức quan quan trọng. Ông lại ban lời dụ rằng: "Dụ các hào kiệt trong thiên hạ rằng hiện nay ta đã phá được nhiều thành quân địch, duy còn thành Đông Quan vẫn chưa hạ được. Bởi thế, ta ngủ không yên giấc, ăn không biết ngon, ngày đêm lo nghĩ... Thế mà các vị đại thần giúp đỡ, chưa có người để đặt vào chức Tướng quốc, chức Thái phó và chức Thiếu bảo.. Chức Thái úy, chức Đô nguyên soái cũng còn thiếu; các chức Hành khiển và các quan khác, mười phần mới có một hai. Thế cho nên ta nhún mình lấy lòng thành thực khuyên các vị hào kiệt gắng sức giúp ta để cứu vãn nhân dân, không nên ẩn mình giấu bóng, để cho thiên hạ phải chịu cảnh lầm than này mãi"⁽²⁾.

Việc tiến cử người tài giỏi còn được quy định rõ ràng và có thưởng phạt nghiêm minh. *Đại Việt Sử ký toàn thư*

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 59.

⁽²⁾ Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 61.

(viết tắt là *Toàn thư*) chép: "Tháng 6 (1428) chỉ huy cho các quan *đại thần văn võ* đều tiến cử người hiền lương phương chính; nếu tiến cử được người giỏi thì được thăng thưởng theo lệ cử hiền thân; nếu vì tiền tài, vì thân thích mà tiến cử người không tốt, thì trị tội theo lệ tiến cử kẻ gian"⁽¹⁾.

Trên thực tế, công việc này được tiến hành như thế nào, kết quả ra sao, đáp ứng được mấy phần công việc triều chính, chúng ta không hề thấy ghi chép trong sử cũ. Nhưng, có lẽ, việc này đã không mang lại kết quả như mong muốn nên hơn một năm sau vào ngày 1-10-1429, nhà vua lại ra lệnh cho các *đại thần văn võ*, công hầu đại phu, từ tam phẩm trở lên mỗi quan phải tiến cử một người. Lời chiếu rằng: "... Nay trăm giữ trách nhiệm nặng này, sớm khuya kinh sợ, như gần vực sâu, chỉ vì tìm người hiền tài giúp trị mà chưa được người. Vậy hạ lệnh cho các *đại thần văn võ*, công hầu đại phu, từ tam phẩm trở lên, mỗi người đều tiến cử một người, hoặc ở trong triều hoặc ở thôn quê, hoặc đã làm quan, hoặc chưa làm quan. Nếu là người có tài văn võ, nhiều kiến thức, có thể cai trị nhân dân, thì trăm sẽ tùy mà bổ dùng. Và tiến được người hiền sẽ được thưởng hậu, từ xưa vẫn thế..."⁽²⁾.

^{(1) (2)} *Toàn thư*, tập 3. Nxb KHXH, Hà Nội - 1972, tr. 63, 72.

Căn cứ vào nội dung những sự kiện ghi chép trong sử cũ như trên, chúng ta thấy, trợ giúp đắc lực hay chỗ dựa cho nhà vua là các "đại thần". Và, bởi Lưu Nhân Chú là một công thần, được thưởng tước, được ban quốc tính. Sau đó, ông còn được giữ chức Tể tướng. Sử cũ không ghi rõ năm tháng ông được giữ chức Tể tướng, chúng ta chỉ biết được qua *Bài chế* của nhà vua viết về Lưu Nhân Chú: "... Người là người phò tá có tài; là bề tôi tận trung của nước. Nên trăm cho vinh hạnh ở ngôi Tể tướng, và vẫn giữ trách nhiệm coi nắm binh quyền. Nay ban cho tước chiếu chỉ để nêu rõ bậc quan sang"⁽¹⁾. Với cương vị Tể tướng, Lưu Nhân Chú cùng với các đại thần triều Lê, ngoài những việc đã làm như đã nói trên, còn phải lo chọn lựa người đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm vào chức quan cấp chính quyền địa phương (cấp lộ, huyện). *Toàn thư* chép: Tháng 4 nhuận "chỉ huy cho bọn đại thần định lại các quan cấp lộ, huyện, quan trấn thủ, cùng quan giữ đầu nguồn, cửa biển, các chỗ quan yếu; đều dùng những người tinh năng, thanh liêm, chính trực, đại thần mỗi người đều phải tiến cử"⁽²⁾.

Và, để không bỏ sót nhân tài phục vụ đất nước, trong trường hợp có người không được các đại thần tiến cử,

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 205.

⁽²⁾ *Toàn thư*, tập III. Sdd, tr. 62.

nhà vua lại ra lệnh: Tháng 5, ngày mồng 3 (1429) "chỉ huy rằng phàm những văn võ hào kiệt, hoặc bị bỏ sót trầm trệ, không có chức tước, không ai tiến cử, hoặc vì thù hằn mà bị đè nén che giấu, thì đến ngay chỗ Thiếu phó Lê Văn Linh mà tự tiến, xét ra thực có tài thì tâu trình để cất dùng, không kể là ngụy quan hay là sĩ thứ, lấy tài đức là hơn"⁽¹⁾.

Thứ hai, vai trò của Lưu Nhân Chú trong việc tham gia bàn định luật, lệnh của triều đình.

Song song với việc tuyển chọn nhân tài, bố trí vào những công việc phù hợp, vua Lê Thái Tổ chú trọng việc định ra luật lệ, nhằm tạo ra và ổn định ngay từ đầu kỷ cương xã hội.

Sau khi đất nước được độc lập, Lê Lợi đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến mọi mặt của đất nước, trong đó phải kể tới lĩnh vực luật, lệnh. Trên lĩnh vực này, Lưu Nhân Chú đã góp phần tích cực, tham gia bàn định luật, lệnh của triều đình. Sử chép: Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 10 (1428): "Hạ lệnh cho các quan tư không, tư đồ, tư mã, thiếu úy, hành khiển bàn định luật lệnh trị quân và dân, cho người làm tướng biết mà trị quân, người làm quan ở lộ biết mà trị dân, để răn dạy

⁽¹⁾ *Toàn thư*, tập III. Sdd, tr. 69-70.

cho quân dân đều biết là có phép, phạm các công việc đều có phụ trách, dâng lên vua xem"⁽¹⁾. Với các thành phần quan chức như nội dung sự kiện vừa nêu thì rõ ràng có cả Lưu Nhân Chú. Bởi vì, lúc này ông đang giữ chức Tư không.

Việc định luật lệnh, nhà Lê không chỉ đề ra cho quân và dân như đã nêu ở trên, mà đối với triều đình, đại diện tối cao là nhà vua, nhà Lê ra lệnh cho các tướng, các quan xem xét các đời trước đặt ra pháp luật: "Hạ lệnh cho các tướng hiệu và các quan rằng: Từ xưa đến nay, trị nước phải có pháp luật, người mà không có phép để trị thì loạn. Cho nên bắt chước đời xưa đặt ra pháp luật, để dạy các quan, dưới đến nhân dân, cho biết thế nào là thiện ác, điều thiện thì làm, điều ác thì trách, chớ có phạm pháp"⁽²⁾.

Rõ ràng, trị nước phải trên cơ sở pháp luật, có pháp luật thì quan quân, dân chúng hành động trên cơ sở của luật pháp. Có thể thấy nhà Lê rất đề cao việc xây dựng pháp luật cũng như luật lệnh. Cho nên sau đó không lâu, cũng trong năm 1428, bốn tháng sau khi ban hành lệnh trên, vua lại triệu các "đại thần" vào triều, và, lần này, không phải bàn định luật lệnh cho quân, dân, đặt ra

(1) (2) Toàn thư, tập III. Sdd, tr. 59.

pháp luật cho Nhà nước như hai lần trên mà là định luật lệ và chức trách quan lộ, quan trấn thủ... Việc này được Lê Quý Đôn chép như sau: "Ngày 12, tháng 5 (1428), vua triệu các đại thần vào triều, bàn định luật lệ và các chức trách quan lộ, quan trấn thủ và quan luật lệnh cùng điển lệ về trí tưng, tước trật"⁽¹⁾. Như vậy, luật, lệnh, pháp luật đã được đặt ra từ Trung ương đến địa phương, từ quan trong triều đến quan cấp lộ, huyện.

Có lẽ, chính vì việc đề cao pháp luật của Lê Thái Tổ mà sau này, trong lịch sử nhà Lê đã cho ra đời bộ luật Hồng Đức nổi tiếng (thời vua Lê Thánh Tông).

Dựa vào những sự kiện được ghi chép trong sử cũ, ta thấy triều đình nhà Lê nói chung, các quan đại thần nói riêng, trong đó có Lưu Nhân Chú đã cùng dốc sức gánh vác công việc của đất nước trong những năm đầu sau khi giành độc lập là rất lớn. Trong bốn bề công việc của triều đình, thì việc bàn định về luật, lệnh, pháp luật là vấn đề hết sức quan trọng và được nhà Lê đặc biệt quan tâm.

Thứ ba, vai trò của Lưu Nhân Chú trong việc thực thi một số việc "đại sự" của triều đình.

Chúng ta đều biết rằng, triều đại quân chủ nào cũng đều rất quan tâm đến việc "đào tạo" người kế nhiệm

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử*. Sdd, tr. 79.

ngôi báu. Lê Lợi lên làm vua chưa được bao lâu, ông lo lắng đến việc chọn được người để "phụ đạo" cho thái tử. Lúc này, đất nước sau chiến tranh, việc tuyển chọn người qua thi cử là vấn đề mà triều đình chưa có điều kiện tiến hành. Vì vậy, nhà vua và các đại thần luôn luôn phải tìm người tài đức qua việc tiến cử (chúng tôi đã trình bày ở phần trên). Trong đội ngũ quan chức trong triều, việc chọn ai để giao phó một số công việc trọng đại của quốc gia là một khó khăn. Vì vậy, vai trò của các đại thần giúp vua lựa chọn là hết sức cần thiết. Sử chép: "Ngày 26, tháng 6 (1428 - Chúng tôi chú), ban chỉ hỏi các đại thần văn võ rằng: "... Hiện nay, công việc nơi triều đình rất phức tạp, việc gì nên làm trước, việc gì nên làm sau? Các tướng trong triều, ai có thể đảm nhận được nhiệm vụ trọng đại, có thể ủy thác được mệnh lệnh ngoài nghìn dặm? Và ai có thể phụ đạo cho thái tử?"⁽¹⁾.

Sau khi quyết định người được phong làm Hoàng thái tử, vấn đề quan trọng không kém là chọn người tin cẩn để giao cho tờ *Kim sách* đọc trước triều đình. Một trong những người được nhà vua tin cẩn giao phó là Lưu Nhân Chú: "Ngày 7 (tháng giêng - 1429 - chúng tôi chú)... lại

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử*. Sdd, tr. 79, 80.

sai Tư khấu Lê Sát, Tư không Lê Nhân Chú, Tư mã Lê Lý và Thiếu úy Lê Quốc Hưng tuyên đọc tờ kim sách lập con thứ Lương Quận công Lê Nguyên Long làm Hoàng Thái tử"⁽¹⁾. Qua sự kiện này, càng thấy vai trò của Lưu Nhân Chú và sự trọng dụng của triều đình nhà Lê đối với ông.

Ngoài ra, các đại thần nói chung, Lưu Nhân Chú nói riêng còn thể hiện vai trò của mình đối với triều đình ở một số lĩnh vực khác, như bàn định về cấp phát ruộng đất cho các đối tượng quân nhân từ đại thần tới hạng già yếu, mồ côi... Sử chép: "Ngày 22, tháng giêng (năm 1429 - chúng tôi chú), họp các đại thần văn võ bàn việc lớn của quốc gia... Vậy ban sắc chỉ cho các đại thần, bàn định số ruộng cấp phát cho quan quân và dân, trong từ hạng đại thần trở xuống, cho đến các người già yếu, mồ côi, góa chồng, đàn ông, đàn bà trở lên, loại nào đáng được cấp bao nhiêu thì tâu lên"⁽²⁾; các đại thần còn tham gia bàn về tiền tệ: "Tháng 7 - 1429, họp các đại thần và các quan trong triều ngoài quận hội bàn về tiền tệ"⁽³⁾.

Đặc biệt, trong lệnh của nhà vua ban ngày 28-5-1429, thì các quan văn võ có kiến thức đều phải đi thi

(1) Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 79, 80.

(2) (3) *Toàn thư*, tập III. Sdd, tr. 67, 68.

vào ngày hôm sau (ngày 29). Sử chép: "Ban mệnh cho các quan văn võ, có ai tinh thông kinh sử, từ tứ phẩm trở xuống, thấy đều tới sảnh đường dự hội thí vào ngày 29 tháng này"⁽¹⁾

Tuy nhiên, từ cuối năm 1429, chúng ta lại thấy sử chép đến hiện tượng các quan trong triều trễ nải công việc, hiện tượng tham ô xuất hiện. Trước tình hình này, ngày 16 tháng 9 (1429) nhà vua ban lệnh: "Chỉ huy cho các đại thần trăm quan rằng: ... Trẫm thường nghiệm xét thấy, hoặc trong việc tiến cử, hoặc trong việc kiện tụng, hoặc trong các việc công tư, tình lý có phần dung túng cho nhau mà thay đổi, mới biết người làm quan thanh liêm ít mà tham ô nhiều"⁽²⁾. Hơn một tháng sau, ngày 28 tháng 10 (1429) nhà vua lại phải chấn chỉnh các quan trong triều bằng mệnh lệnh: "Chỉ huy cho các đại thần, tổng quản, hành khiển trở xuống rằng: "Xưa có câu nói: "Vua không chọn tướng thì khác gì đem nước cho giặc". Trẫm thường nghĩ đến việc ấy, đêm ngày không quên, cho nên việc quân việc nước quan trọng ủy thác cho các ông, thế mà các ông cứ điềm nhiên ngồi trông, không để ý gì, trên phụ lòng tin dùng

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 82.

⁽²⁾ *Toàn thư*, tập III. Sdd, tr. 71, 73.

của triều đình, dưới không thương đến quân dân, sao lại
trể biếng chính sự quá thế"⁽¹⁾.

Có lẽ, trong tình hình các quan với quyền cao chức
trọng và lúc này, bắt đầu có khuynh hướng quay sang
hưởng thụ, không còn mấy chú ý đến công việc của
triều đình thì phải chăng Lưu Nhân Chú không nằm
trong số đó. Và, ông vẫn tận tâm với công việc quốc
gia, nên ông đã bị một số quyền thần ghen ghét, trong
đó có Lê Sát, một trọng thần của triều đình. Vì thế,
Lưu Nhân Chú đã bị Lê Sát giết hại vào năm 1433⁽²⁾.

Lưu Nhân Chú cống hiến trọn cuộc đời vì nước, vì
dân. Ông là một trong những trọng thần của triều Lê
"đứng đầu hàng võ trong triều, kiêm coi chính sự nhà
nước", đã cùng các quan trong triều nói riêng, cùng
nhân dân Đại Việt nói chung, không chỉ lập nên nhiều
chiến công trong kháng chiến chống quân xâm lược Minh
mà còn đem hết sức lực, tài năng phục vụ đất nước trong
những năm đầu độc lập. Đánh giá về ông, nhà vua viết:
"Xét... Lê Nhân Chú... tài năng như cây tùng cây bách,
chất người như ngọc "phan", ngọc "du"⁽³⁾.

(1) Toàn thư, tập III. Sdd, tr. 71, 73.

(2) Sự việc này về sau vua Lê Thái Tông mới hiểu nỗi oan của ông và Lê Sát
đã bị trị tội.

(3) Lê Quý Đôn: Đại Việt thông sử. Sdd, tr. 205.

Lưu Nhân Chú, niềm tự hào của nhân dân Thái Nguyên nói riêng, của nước ta nói chung. Ông là tấm gương sáng cho muôn đời con cháu mai sau về lòng yêu nước, trung quân, về lòng tận tụy với công việc, vì sự nghiệp "quốc thái dân an".

Tháng 6 năm 2001

TÌM HIỂU CÁC CHỨC QUAN VÀ TƯỚC VỊ CỦA LƯU NHÂN CHÚ (? - 1434)

Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm

(Viện Sử học)

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi khởi xướng và lãnh đạo sau hơn mười năm kháng chiến trường kỳ, gian khổ cuối cùng đã giành được thắng lợi vĩ đại: đuổi sạch giặc xâm lược Minh ra khỏi bờ cõi Đại Việt, non sông thu về một mối. Trong không khí thắng lợi của một vương triều non trẻ mới được thành lập, Lê Thái Tổ - vị vua khai sáng triều Lê đã tiến hành khen thưởng cho các công thần tướng sĩ có nhiều đóng góp trong cuộc khởi nghĩa. Trong số đó phải kể đến cha con Lưu Nhân Chú, người xã Thuận Thượng (nay là xã Vân Yên), huyện Đại Từ, Thái Nguyên. Sau này, vào năm thứ nhất niên hiệu Gia Long (1802), khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, để nhớ tới công lao của các công thần đã xuống chiếu cho con cháu của các công thần Khai quốc và Trung hưng đời Lê được hưởng lệ nhiều ấm. Tổng cộng có 33 người là Khai quốc công thần theo Lê Thái Tổ đánh quân Minh, khôi phục non sông, trong đó có tên của cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Lê Khắc

Phục và con rể là Phạm Cuống được xếp loại công thân bậc nhì. Theo quy định triều Gia Long, mỗi công thân bậc nhì cho phép một người con hoặc cháu được miễn phu dịch, đời đời giữ việc thờ tự⁽¹⁾. Qua những lần vinh phong vừa nêu, chúng ta thấy rõ công trạng to lớn mà cha con họ Lưu cùng con rể họ Phạm cống hiến vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Bản gia phả còn được lưu giữ tại xã Vân Yên cho biết: Họ Lưu ở Thuận Thượng tính đến Lưu Trung đã 4 đời thế tập làm quan phiên trấn Thái Nguyên⁽²⁾. Tổ tiên họ Lưu đã từng liên tục được vương triều Trần phong chức cai quản vùng Thái Nguyên. Vào những năm đầu thế kỷ XV, khi vua tôi nhà Minh ở Trung Quốc lấy cớ "phù Trần diệt Hồ" đem quân xâm lược Đại Việt, thì một phong trào chống Minh được dấy lên trên khắp nước ta. Thái Nguyên trở thành một trung tâm nóng bỏng của nhiều cuộc khởi nghĩa chống xâm lược phương Bắc. Thủ lĩnh của các cuộc khởi nghĩa hoạt động ở Thái Nguyên thời kỳ này gồm Trần Nguyên Khoáng, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng,

⁽¹⁾ *Đại Nam thực lục chính biên*, "Đệ nhất kỷ", quyển XVIII. Quốc sử quán triều Nguyễn, Tổ phiên dịch Viện Sử học, H., Nxb Sử học 1963, tr. 76-77.

⁽²⁾ Gia phả họ Lưu xã Vân Yên, huyện Đại Từ, Thái Nguyên do cụ Lưu Sĩ Lưu lưu giữ (bản tiếng Hán).

Nguyễn Khắc Chẩn, Nguyễn Trà, Ông Lão... Đặc biệt trong số này, phong trào hoạt động của nghĩa binh “Áo đỏ” nổ ra tháng 11 năm 1410 tại Đại Từ (Thái Nguyên), có quy mô rộng lớn và có thời gian lâu dài. Chính quyền triều Minh đã phải huy động một lực lượng quân sự lớn để đàn áp hồng dập tắt cuộc khởi nghĩa. Song quân khởi nghĩa tạm thời ẩn náu vào rừng núi, sau đó lại tập hợp mở rộng sang vùng Tây Bắc và lan tỏa vào tới cả vùng Thanh Nghệ nữa⁽¹⁾. Thành phần tham gia lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên bao gồm nhiều tầng lớp khác nhau, ngoài những người dân nghèo đóng vai trò chính, còn nhiều tầng lớp khác cũng tích cực chống lại sự áp bức bóc lột của ngoại bang. Có cả những viên quan trấn trị Thái Nguyên cũng tham gia lãnh đạo. Sử chép vào năm 1412, một viên quan phụ đạo ở Đại Từ là Nguyễn Nhuệ nổi dậy chống giặc Minh⁽²⁾.

Những năm tháng sục sôi khởi nghĩa đầu thế kỷ XV ở Thái Nguyên và nhất là ở Đại Từ chắc chắn có ảnh

(1) Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào đấu tranh giải phóng đất nước vào đầu thế kỷ XV* (In lần thứ hai có sửa chữa). Nxb KHXH, H. 1969, tr. 37, 38, 59, 60.

(2) Ngô Sĩ Liên và nhóm sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập II, Cao Huy Du phiên dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, H., Nxb KHXH, 1967, tr. 244.

hưởng không nhỏ tới vùng Thuận Thượng theo đường chim bay chỉ cách Đại Từ vài cây số. Dòng họ Lưu thế tập làm quan cho nhà Trần lúc đó cũng đang trần trở tìm một hướng đi cho mình. Vương triều Trần đã suy vi, triều Hồ cũng đã nhanh chóng sụp đổ. Tuy các cuộc khởi nghĩa chống ngoại bang nổ ra liên tiếp, song cũng chưa có tổ chức và lãnh đạo thống nhất mà mới chỉ "mang nặng tính tự phát, riêng lẻ trong từng địa phương". Mong muốn tìm được một minh chủ, ngỗ hầu đóng góp chút ít tài mọn chống giặc là nguyện vọng bức xúc của cha con họ Lưu ở Thuận Thượng. Chính vì vậy ba cha con, anh em rể: Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống đã cùng nhau ẩn giấu tung tích dòng họ, quê quán, giả làm người buôn dầu để tìm cơ hội nghe ngóng, tìm hiểu thế sự. Và qua bao nhiêu khó khăn, nguy hiểm, cuối cùng họ đã tìm vào được đất Lam Sơn, yết kiến với Lê Lợi. Và cũng phải trải nhiều thử thách cam go, ba cha con họ Lưu đã nhận ra được tính cách khí độ xuất chúng của người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trong tương lai. Theo gia phả cho hay, sau khi từ Lam Sơn trở về bản quán ở Thái Nguyên, ba cha con Lưu Trung đã phân chia tài sản, dặn dò gia quyến nói thác với bên ngoài là đi buôn bán đường xa. Họ đành lòng dứt áo xa lìa người thân, bỏ lại quê hương, nơi chôn rau

cất rốn của mình để thực hiện hoài bão cứu nước bấy lâu ôm ấp. Từ khi tham gia Hội thề Lũng Nhai, ba cha con họ Lưu đã đem hết tâm trí tài lực để tôn phò Lê Lợi, tích cực góp phần đưa cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành được thắng lợi hoàn toàn. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đi sâu tìm hiểu về công trạng của riêng nhân vật Lưu Nhân Chú thông qua việc nghiên cứu những chức quan và tước vị mà ông từng nắm giữ và được ban phong.

Chức vụ đầu tiên mà Lưu Nhân Chú được Lê Lợi trao cho, theo Lê Quý Đôn vào khoảng những năm trước khi ông tham gia Hội thề Lũng Nhai tức là trước năm 1416.... "Sau đó ông (Lưu Nhân Chú) vào Lam Sơn thờ Thái Tổ, làm Thứ thủ ở Vệ kỵ binh trong quân Thiết đột. Ông xông pha tên đạn ra vào trận mạc, đem hết sức ra giúp⁽¹⁾. Phan Huy Chú, trong bộ sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng chép cùng một nội dung và thời gian như Lê Quý Đôn, nhưng về chức tước có khác chút ít... "Làm Thứ thủ ở Vệ Thiết đột kỵ tướng quân"⁽²⁾. Gia phả họ Lưu ở Vân Yên hiện còn cho biết Lưu Nhân Chú được phong chức Thứ thủ Thiết đột quân vệ vào

(1) Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử, Lê Quý Đôn toàn tập*, tập III, Ngô Thế Long dịch, Văn Tân hiệu đính, Nxb KHXH, H. 1978, tr. 204.

(2) Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập I, Tổ biên dịch Viện Sử học Việt Nam biên dịch và chú giải, Nxb Sử học, H. 1960, tr. 260-261.

thời gian lúc vua Lê Thái Tổ đã 33 tuổi (tức là vào khoảng năm 1416, nhưng khi đó Hội thề Lũng Nhai đã được diễn ra rồi). Như vậy theo sử sách cùng gia phả, chức vụ sớm nhất tham gia khởi nghĩa Lam Sơn của Lưu Nhân Chú là Thứ thủ trong Vệ kỵ binh quân Thiết đột vào khoảng năm 1416. Chúng tôi đã tra cứu trong các sách viết về chức quan của Việt Nam được biết rằng: Vào thời Lê sơ, Thái Tổ khởi nghĩa thì có quân Thiết đột, lại đặt ra 14 vệ trong đó có Vệ Thiết đột. Mỗi vệ lại có các chức Thượng tướng quân, Đại tướng quân, Tướng quân và Hỏa đầu, *Hỏa thủ* v.v...⁽¹⁾. Như vậy vào thời Lê Thái Tổ khởi nghĩa có đặt Vệ Thiết đột trong quân Thiết đột và trong đó có chức *Hỏa thủ*, chứ không thấy có chức Thứ thủ. Mặt khác, trong danh sách các công thần khởi nghĩa được chép trong sách *Lam Sơn thực lục*, nhân vật Lê Liêm đứng thứ 35 có ghi rõ: "Lúc đầu khởi nghĩa làm *Hỏa thủ* Thiết kỵ đột quân vệ Trung nghĩa hầu..."⁽²⁾. Theo ý chúng tôi có thể chức Thứ thủ là chức đứng sau Hỏa thủ mà không được ghi vào trong các sách sử, Thực lục. Nhưng chúng tôi thiên về ý kiến chủ quan cho rằng: Tự dạng chữ 𠂔 (Thứ) và chữ 火

(1) Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập IV, tr. 7.

(2) *Lam Sơn thực lục* (Bản mới phát hiện), khảo chứng: Nguyễn Diên Niên, chú dịch: Lê Văn Uông, Ty Văn hóa Thanh Hóa, 1976, tr. 264.

(Hỏa) rất giống nhau, người sao chép đã nhầm từ chữ "hỏa" sang chữ "thứ". Vì vậy "đĩ ngoa truyền ngoa" (lấy cái sai lầm truyền cái sai đi) làm cho chức *Hỏa thủ* trở thành chức *Thứ thủ*. Chức *Hỏa thủ* là một chức võ quan cấp thấp trong quân đội Lam Sơn vì sau khi khởi nghĩa thắng lợi, vào năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) có việc "đổi chức *Hỏa thủ* làm Chánh phó ngũ trưởng"⁽¹⁾. Như vậy chức quan đầu tiên của Lưu Nhân Chú phải là chức *Hỏa thủ* trong Vệ kỵ binh quân Thiết đột và thời gian vào sau khi đã tổ chức Hội thề Lũng Nhai tháng 2-1416 thì hợp lý hơn. Vì chỉ sau khi có Hội thề thì Lê Lợi mới bắt đầu hoàn thiện tổ chức và đặt ra các vệ quân như đã nêu trên.

Sau một thời gian tham gia quân khởi nghĩa, lập được chiến công, Lưu Nhân Chú được phong lên chức Tướng quân trong Vệ Thiết đột. Theo như sách *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Quan chức chí*, chức tướng quân đứng sau các chức Thượng tướng quân, Đại tướng quân của Vệ Thiết đột.

Từ đó trở đi, Lưu Nhân Chú càng dốc lòng cùng các tướng sĩ tích cực tham gia mọi cuộc chiến của nghĩa quân Lam Sơn. Các bộ quốc sử như *Đại Việt sử ký toàn*

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và nhóm sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III, tr. 64.

thư, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* hay các bộ tư sử như *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, *Gia phả họ Lưu* ở Vân Yên, *Đại Từ* hay bộ sách *Lam Sơn thực lục* tương truyền do Lê Lợi chấp bút đều ghi lại những chiến công vang dội của nghĩa quân Lam Sơn mà trong đó nhiều lần đều có nhắc tới phần đóng góp nhiệt thành của cá nhân Lưu Nhân Chú. Những năm Mậu Tuất (1418), Kỷ Hợi (1419), Lưu Nhân Chú cùng cha là Lưu Trung và em rể là Phạm Cuồng đã tham gia các trận đánh lớn ở Linh Sơn, đồn Nga Lạc. Vào năm Giáp Thìn (1424), trong trận đánh ở ải Khả Lưu, Nghệ An, Lưu Nhân Chú cùng các tướng xông lên trước đánh giặc, thu được toàn thắng "đánh tan quân Minh, chém được đầu giặc không xiết kể" nổi tiếng một thời. Tiếp theo năm sau là năm Ất Ty (1425), Nhân Chú lại cùng Lê Sát, Lê Lễ, Lê Triện mang quân đánh úp thành Tây Đô, chém được hơn 500 thủ cấp, bắt sống nhiều giặc. Sau chiến thắng lẫy lừng này, Lưu Nhân Chú được vua ban phong cho tước Thông hầu⁽¹⁾. Đây là một tước vị cao quý được đặt ra từ thời Chiến quốc Trung Quốc. Đời Tần gọi là Triệt hầu,

⁽¹⁾ *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 204-205.

đứng đầu trong 20 tước. Đời Hán cũng đặt theo thế nhưng để kỵ húy tên gọi của vua Hán Vũ Đế cho nên phải gọi tránh thành Thông hầu hay Liệt hầu, là tước vị cao nhất trong bậc hầu, được ban ấn vàng thao tía. Đời Tần và đời Hán phần nhiều ban phong tước Thông hầu cho những người có công lao lớn trong chiến đấu (gọi là quân công). Từ đời Hán Vũ Đế, Thừa tướng cũng được phong tước hầu, các chư hầu phân cho con em cũng gọi là Liệt hầu. Thực ấp của tước hầu đời Tây Hán được ban, nhiều thì tới hàng vạn hộ, ít thì cũng được vài trăm hộ, đều là Huyện hầu. Khi vào châu, vị trí đứng dưới hàng Tam công. Liệt hầu (hay Thông hầu) có nhiều đặc quyền về chính trị, kinh tế⁽¹⁾. Tước Thông hầu xuất hiện ở Việt Nam từ khi Lê Thái Tổ dấy quân khởi nghĩa (tức là sau Hội thề Lũng Nhai 1416), đây là tước đứng thứ hai trong các tước hầu. Thời Lê sơ, Thái Tổ khởi nghĩa, phong tước cho các tướng thân có bậc Á hầu, Thông hầu, Quan phục hầu, Trước phục hầu v.v...

Năm Bính Ngọ (1426), Lưu Nhân Chú đốc sức cùng các tướng đem quân phục kích chặn đường rút của bọn giặc Phương Chính, Lý An. Sau khi đã chiếm được các

⁽¹⁾ Lã Tông Lục: *Trung Quốc lịch đại quan chế đại từ điển*. Bắc Kinh xuất bản xã, 1994, tr. 349.

vùng đất lộ Trường Yên, Nhân Chú lại cùng Lê Bị, Lê Bội, Lê Vi Tảo kéo quân sang các lộ Bắc Giang, Khoái Châu, Lạng Giang ngăn chặn quân viện binh của địch từ Khâu Ôn xuống. Tháng 3 năm Đinh Mùi (1427), Nhân Chú được phong làm Hành quân Đô đốc Tổng quản, Nhập nội Đại tư mã, lĩnh bốn vệ tiền, hậu, tả, hữu kiêm coi việc quân Tân vệ. Trước hết chúng ta hãy xét tới chức Hành quân Đô đốc Tổng quản mà Lê Quý Đôn chép trong *Đại Việt thông sử*, sách *Lịch triều hiến chương loại chí* và Gia phả dòng họ Lưu ở Văn Yên lại chép thành Hành quân Đốc quản. Tìm hiểu các sách viết về chức quan của Trung Quốc và Việt Nam, chúng tôi mới chỉ thấy có chức Tổng quản và Hành quân Tổng quản, chứ chưa thấy có chức Hành quân Đốc quản và Hành quân Đô đốc Tổng quản.

Tổng quản là chức quan được đặt ra từ đời Tiền Lê (960-1009) kiêm hàm tri quân dân sự, phong tước hầu, ngôi ở trên chức Thái úy, chức nhiệm quan trọng như nhận định của Phan Huy Chú: "Bấy giờ (chỉ đời Tiền Lê) chưa có chức Tể tướng có lẽ đó là quan võ mà kiêm chức Tể tướng". Đời Lý (1010-1224) đặt chức Tổng quản không có hàm tri quân dân, đó chỉ là chức coi việc binh. Đầu đời Trần bỏ chức ấy, đến đời Thuận Tông, Quang Thái (1388-1398) mới đặt Tổng quản phủ ở các

lộ giữ việc phòng thủ ở một địa phương. Đầu nhà Lê noi theo, ở trong thì đặt các chức Đại Tổng quản, Đô Tổng quản, Đồng Tổng quản, để coi giữ quân lính; ở ngoài thì đặt Tổng quản, Đồng Tổng quản để thống giữ các hạt. Đời Hồng Đức đặt lại quan chế mới bãi chức ấy"⁽¹⁾.

Hành quân Tổng quản: tên một chức quan được đặt ra từ thời Bắc Chu (Trung Quốc), khi chiến đấu tạm thời do Đại thần vâng mệnh nắm giữ, thống suất quân lính tòng chinh, xong việc thì bãi chức ấy. Trong những trận chiến quan trọng, Hành quân Tổng quản lệ thuộc vào Hành quân Nguyên soái. Bắt đầu từ đời Tùy, Hành quân Tổng quản dần dần quá độ trở thành Trưởng quan quân sự của các địa phương hoặc giữ việc quân sự của một Đạo hay vài Đạo, khi đó có sự phân chia Đại Tổng quản và Tổng quản. Đời Đường đổi Tổng quản gọi là Đô đốc. Thời Ngũ đại lại đặt Đô Tổng quản là chức quan quân sự cao nhất. Đời Đường có các chức quan võ như Đô Tổng quản, Phó Tổng quản, Tổng quản⁽²⁾. Qua đây chúng ta có thể thấy Lê Quý Đôn chép Lưu Nhân Chú giữ chức "Hành quân Đô đốc Tổng quản" là thừa hai chữ "Đô đốc"; các sách của Phan Huy Chú, Gia phả

⁽¹⁾ Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, tr. 9.

⁽²⁾ Lã Tông Lục: *Trung Quốc lịch đại quan chế đại từ điển*. Bắc Kinh xuất bản xã, 1994, tr. 673, 716.

dòng họ Lưu lại chép tắt thành "Đốc quản" cũng là nhầm mà phải là chức "Hành quân Tổng quản". Đây là một chức quan võ có nhiệm vụ coi giữ việc quân trong chiến đấu. Chức Nhập nội Đại Tư mã mà Lưu Nhân Chú được trao vào năm 1427 là một chức quan cao cấp đứng đầu phụ trách về quân sự. Ở nước ta chức Tư mã (hay Đại Tư mã đều giống nhau), đời Lý chưa có, mãi đến cuối đời Trần mới xuất hiện, nhưng là chức gia thêm cho các đại thần như vua Trần Nghệ Tông trao tặng cho Trần Khiên Ngô chức Tư mã. Lê Thái Tổ mới dựng nước đặt chức Tư không, Tư mã, về sau trao thêm cho các quan thân thuộc và bấy tôi có công hai chữ "Nhập nội" nữa. Tháng 6 cùng năm Đinh Mùi (1427), do những công lao to lớn, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi phong chức Tư không. Đây là một chức quan cao cấp tương truyền là phụ chính đại thần của vua đời Ân, Trung Quốc. Đến đời Xuân thu Chiến quốc, Tư không là quan đại thần phụ trách việc xây dựng thành quách, cung thất, đường sá v.v... Ở Việt Nam, vào cuối đời Trần mới đặt chức Tư không cũng giống như Tư mã đều là chức gia tặng thêm (Trần Phế Đế buổi đầu gia tặng cho Hồ Quý Ly chức Tư không). Sang triều Lê, Thái Tổ mới dựng nước đặt chức này. Như vậy trong cùng một năm (1427), sau khi được

trao chức Nhập nội Đại Tư mã chuyên trách quân sự, Nhân Chú lại tiếp tục giữ thêm chức Đại Tư không quản việc xây dựng trong, ngoài triều đình. Qua đó chúng ta thấy được niềm tin tuyệt đối của Lê Thái Tổ đối với Lưu Nhân Chú và bài chế ban chức của vua càng khẳng định rõ vai trò quan trọng của ông: "Chức tước đã cao nên sớm hôm chăm chỉ, không được trễ biếng bỏ phí công lao" và đặc biệt vua còn ban thêm cho ông một cái Tán⁽¹⁾.

Chính vào mùa thu năm Đinh Mùi (1427), nghe tin quân Minh do Liễu Thăng cầm đầu kéo sang xâm lược nước ta, Vua sai Lưu Nhân Chú cùng Lê Sát, Lê Linh, Đinh Liệt đem hơn 1 vạn quân và 5 thớt voi đặt quân mai phục ở ải Chi Lăng. Các tướng quân của ta dùng mưu nhử địch, giả vờ thua để chúng tự kiêu ngạo mạn tiến thẳng vào cái bẫy đã giương sẵn ở Chi Lăng. Quân mai phục nhất loạt xông ra, chém được tướng giặc là Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Gia phả họ Lưu cho biết: "Ta treo đầu Thăng lên cây đa ở núi Mã Yên, tóc của Thăng dài hơn 1 trượng". Tiếp đó Lưu Nhân Chú cùng các tướng chém được tướng giặc Bảo định bá Lương Minh tại trận. Thôi Tụ, Hoàng Phúc đem tàn quân lại tiếp

⁽¹⁾ *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập III; *Đại Việt thông sử*. Sdd, tr. 204-205.

ứng, quân ta lại tung đại quân tiến đánh, phá tan quân giặc tại Xương Giang:

*"Đô đốc Thôi Tụ quỳ gối xin hàng
Thượng thư Hoàng Phúc cúi đầu chịu tội".*

Vương Thông cùng kế phải xin giảng hòa, Lê Lợi nghĩ đến nỗi khó nhọc trong chiến tranh của muôn dân, không muốn để dân chúng phải lâm than khổ cực vì chiến tranh nữa, nên đã quyết định giảng hòa với giặc. Hội thề Đông Quan - một cuộc hòa đàm hòa bình nổi tiếng trong lịch sử, đã đánh dấu chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của triều Minh, mở ra một giai đoạn hòa bình lâu dài cho Đại Việt. Người được cử đi cùng con trưởng Tư Tề của Lê Lợi vào thành Đông Quan làm sứ giả và đồng thời cũng là con tin, không ai khác ngoài quan Đại Tư mã, Đại Tư không Lưu Nhân Chú⁽¹⁾. Lưu Nhân Chú đã không phụ lòng tin của vua và triều thần, ông cùng với các trung thần khác đã hoàn thành trọng trách được trao.

Với những công lao đã đạt được từ khi tham gia Hội thề Lũng Nhai cho đến khi cuộc khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn, Lưu Nhân Chú đã được vua Lê Thái Tổ vinh phong nhiều chức vụ cao quý và ban họ Lê trong lần

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và nhóm sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, Tập III, tr. 47-48,

tuyên dương công trạng tháng 2 năm Thuận Thiên thứ nhất (1428). Sử chép: "Tháng 2 Thuận Thiên năm thứ nhất (1428), ghi chép công trạng những công thần đã theo khởi nghĩa từ đất Lũng Nhai. Cho họ được phong tước có thứ bậc hơn kém nhau và được ban quốc tính lấy theo họ Lê⁽¹⁾. Trong bài chế khen thưởng ban cho Lưu Nhân Chú của vua Lê Thái Tổ đã tuyên dương ông là "... Người phù tá có tài, là bề tôi tận tụy của nước. Nên Trẫm cho vinh hạnh ở ngôi Tể tướng và vẫn giữ chức nhiệm coi nắm binh quyền. Nay ban cho chiếu chỉ để nêu rõ bậc quan sang... Xét Lưu Nhân Chú tài năng như cây tùng cây bách, chất người như ngọc phan ngọc dư. Vậy cho người đứng đầu hàng võ trong triều, kiêm coi chính sự Nhà nước..."⁽²⁾.

Đợt này Nhân Chú được ban phong: Suy trung tán trị hiệp mưu dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự. Theo quy định về việc vinh phong cho các công thần đời Lê thì có 24 hiệu, những người bắt đầu được phong thường chỉ có 2 chữ; nhiều nhất là phong 8 chữ. Người nào xứng với chữ nào,

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, tập III.

Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên*, quyển XV, tập I. Nxb Giáo dục, H. 1998, tr. 832-833.

⁽²⁾ *Lịch triều hiến chương loại chí*. Sdd, Tập I, tr. 260-261.

đến việc thì đặc gia cho⁽¹⁾. Lưu Nhân Chú đã được phong tám chữ: Suy trung, tán trị, hiệp mưu, dương vũ" là kích bậc của việc vinh phong cho 1 công thần.

Chức Nhập nội kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự của Lưu Nhân Chú thật ra nói gọn lại là chức Tể tướng như bài chế của vua Lê Thái Tổ đã chép. Từ đời Lý "Thái Tổ mới dựng nước, cho Trần Cao làm Tướng công, tên chức rất què; Lý Thái Tông nối ngôi mới dùng chức Phụ quốc Thái úy giữ chính sự, chức nhiệm cầm cân túi kẻ là Tể tướng. Đến đời Nhân Tông lại thêm mấy chữ "Kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự" thì tên quan cũng nhẽ mà chức vụ càng trọng. Cuối đời Trần, Hồ Quý Ly tiếm phong Tư không Đồng bình chương sự. Đời Lê, Thái Tổ cũng đặt chức Bình chương nhưng lúc đầu vội vàng chức danh chưa trọng. Sau khi dẹp quân Minh đặt chức Tướng quốc gia thêm "Kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự"⁽²⁾.

Vào tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) khi vua Lê Thái Tổ ban lệnh khắc biển công thần hoặc "Kỷ công sách" (sách ghi chép công lao của các tướng sĩ [từ Hội thề Lũng Nhai]), Lưu Nhân Chú được đứng thứ 5

⁽¹⁾ Lịch triều hiến chương loại chí. Sdd, Tập II, tr. 19, 20.

⁽²⁾ Lịch triều hiến chương loại chí. Tập II, tr. 64, 65.

của bậc Á Thượng hầu⁽¹⁾. Theo Gia phả họ Lưu ở Vân Yên, Nhân Chú còn được ban phong làm Lũng quốc công. Theo qui định ban phong: nếu không phải có đức lớn công to thì không được dự như tước quốc công, quận công lấy phủ hoặc huyện làm hiệu thì dùng 1 chữ. Ở đây, Lưu Nhân Chú được ban phong, nhưng không lấy tên địa phương của mình là huyện Đại Từ làm hiệu mà lại lấy Lũng Nhai làm hiệu. Vì Lưu Nhân Chú trước khi tham gia Hội thề Lũng Nhai, ông cùng bố và em rể đã từng giấu diếm quê hương bản quán ở Vân Yên, Đại Từ, Thái Nguyên. Cho nên khi kê khai để vinh phong, ông đã dùng bản lý lịch ghi quê quán ở Lũng Nhai. Vì vậy triều đình căn cứ vào đấy để vinh phong ông làm Lũng Quốc công.

Năm Thuận Thiên thứ 4 (1431), Nhân Chú được phong Nhập nội Tư khấu. Chức Tư khấu được xuất hiện từ đời Tam đại Trung Quốc, các đời sau như Xuân Thu đều có đặt chức này. Người giữ chức Tư khấu thường là quan bậc Đại phu hoặc bậc Khanh tướng, là những quan Đại thần phò tá bên cạnh nhà vua. Đến đời Minh, Thanh, quan Tư khấu là Thượng thư Bộ Hình phụ trách công việc xét xử, tố tụng, hình ngục v.v... Như vậy, Lưu

(1) Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập I, Tổ biên dịch Viện Sử học Việt Nam biên dịch và chú giải, Nxb Sử học, H. 1960, tr. 260-261.

Nhân Chú là Tể tướng coi việc chính sự coi quản việc quân còn kiêm thêm việc hình pháp nữa. Quả thật Nhân Chú là một nhân vật rất quan trọng của triều vua Lê Thái Tổ. Phải chăng cũng chính vì nguyên do vậy nên ông đã bị một nhóm quan lại ghen ghét, đố kỵ. Vào cuối đời Lê Thái Tổ, một số vụ mưu hại công thần khai quốc như Tả tướng quốc Trần Nguyên Hãn, Thiếu úy Phạm Văn Xảo đã diễn ra. Năm 1434, Lê Thái Tông lên ngôi lúc mới có 11 tuổi, tuy có tiếng là "thông minh sáng suốt" như sử chép, song dù sao vẫn còn nhỏ tuổi, non nớt. Các quyền thần như Lê Sát, Lê Ngân... phụ chính cho Thái Tông, ý thế lộng hành luôn tìm cách hãm hại những bậc công thần mà họ coi như những "cái gai" cần phải nhổ bỏ. Trong đó Lưu Nhân Chú cũng là một đích ngắm của họ. Các sách sử đều chép: Vào tháng 2 năm Giáp Dần, Thiệu Bình thứ nhất (1434) "... Bải Hành khiển Lê Khắc Phục cho làm Phái Đại tông chính. Bấy giờ Lê Sát đã giết Nhân Chú, ngờ Khắc Phục có lòng oán... Khắc Phục là em cùng mẹ của Nhân Chú"⁽¹⁾. Cũng vào tháng 4 năm 1434, có sự kiện Giám sinh tên là Nguyễn Đức Minh bị đày đi Chân Xa, chỉ vì Lê Sát nghi Đức Minh đã viết thư nặc danh oán ở tường

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và nhóm sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III, tr. 82.

nhà Quốc tử giám. Nội dung thư "Đại tư đồ Lê Sát và Đô đốc Lê Ván cùng mưu giết chết ông Sĩ (tức Nhân Chú) Phán Đại lý"⁽¹⁾. Qua 2 ghi chép trên, chúng ta có đủ căn cứ để xác định Đại tư đồ Lê Sát là một trong những kẻ mưu sát Lưu Nhân Chú⁽²⁾. Không rõ họ khép Nhân Chú vào tội gì ? Song theo thiện ý của chúng tôi, lúc đó Lưu Nhân Chú vẫn còn đang phụ trách việc hình ngục, tổ tụng giữ chức Phán Đại lý (chính là chức Phán chính của Đại lý tự). Theo các sách quan chế của Trung Quốc, Đại lý tự là tên một cơ quan hành chính Trung ương trong Cửu tự (gồm: Thái thường tự, Quang lộc tự, Vệ úy tự, Tông chính tự, Thái bộc tự, Đại lý tự, Hồng lô tự, Tư nông tự, Thái phủ tự). Trong đó Đại lý tự là cơ quan tối cao của Nhà nước về tư pháp, chuyên trách việc xét xử, quyết định việc hình phạt, giam giữ. Phải chăng nhóm Lê Sát đã dựa vào chính việc xét xử để "gài bẫy" Lưu Nhân Chú ? Nếu quả thật như vậy thì đúng là "sinh ư nghiệp tử ư nghiệp"... Chỉ vài ba năm sau khi

(1) Ngô Sĩ Liên và nhóm sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III, tr. 83, 85.

(2) *Đại Việt thông sử*. Sdd. Viết về Lê Sát có các đoạn: "Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434) do là bậc có công đầu, Lê Sát được làm Thủ tướng. Ông hằng hái lấy việc giúp vua sửa chính sự làm trách nhiệm của mình, năng can gián cũng có giúp ích cho vua. Nhưng ông là người võ tướng không hiểu đại thể... Lại là người nóng nảy. Ông ghét Tư khấu Lê Nhân Chú nên đã vu cáo để giết đi, đuổi em ông ta là Lê Khắc Phục...". Tr. 195-196.

Lưu Nhân Chú bị giết, vua Lê Thái Tông đã nhận ra nỗi oan của Nhân Chú. Nguyên nhân chỉ vì Lê Sát đổ ky Nhân Chú và muốn tỏ ra mình có quyền lực. Tháng 6 năm Đinh Ty năm Thiệu Bình thứ 4 (1437) khi ban chiếu cách chức Lê Sát, vua Thái Tông đã chỉ rõ "Lê Sát tự chuyên giữ quyền bính, ghét người hiền ghen người tài, giết Nhân Chú để ra oai của mình...".

Sau nửa thế kỷ đến năm Hồng Đức thứ 15 (1484) đời vua Lê Thánh Tông, Lưu Nhân Chú được truy tặng Thái phó Vinh quốc công. Tuy chỉ là chức truy tặng, nhưng chúng ta cũng cần tìm hiểu để thấy được việc Hoàng đế anh minh Lê Thánh Tông truy phong cho Lưu Nhân Chú là biểu hiện tôn trọng người hiền tài, có nhiều công lao với triều Lê. Thái phó là một trong ba phụ chính đại thần tối cao của quốc gia - gọi chung là Tam công (gồm Thái sư, Thái phó, Thái bảo). Tam công được đặt ra từ đời Chu "phân Chu quan" sách *Thượng thư* chép: "Lập ra Thái sư, Thái phó, Thái bảo gọi là Tam công, bàn việc đường lối trị nước, quản việc âm dương, quan không cần lập đủ, chỉ cần những chức này". Các đời sau đều có đặt Tam công, phẩm hàm rất cao thường là nhất phẩm, nhưng dần dần Tam công trở thành hư hàm, gia tặng vinh phong cho các đại thần có công lao lớn, hoặc những đại thần thân thích nhà vua. Thái phó là đại thần

phò tá nhà vua, gia hàm chánh nhất phẩm. Ở Việt Nam Tam công được đặt ra từ đời Tiền Lý. Năm Giáp Tý (544), Lý Nam Đế lập nước, quốc hiệu là Vạn Xuân, đặt ra trăm quan, dùng Triệu Túc làm Thái phó, Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ, nhưng lúc đầu cũng là danh hiệu gia thêm cho các đại thần, chưa phải chức làm việc. Về sau mới giao cho chính sự, có lúc kiêm làm chức Tể tướng như đời Lý Anh Tông, Tô Hiến Thành làm Thái phó kiêm chức Đồng bình chương sự... Đầu nhà Lê chỉ đặt các chức Thái bảo, Thái phó. Đến đời Hồng Đức (1470-1498) định lại quan chế, những chức Tam công liệt vào hàng chánh nhất phẩm.

Thông qua việc tìm hiểu những chức vụ và tước vị của Lưu Nhân Chú, chúng ta càng trân trọng hơn một người con của Vân Yên, Đại Từ, Thái Nguyên đã tận tụy, phấn đấu hết mình cho công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước. Cả cuộc đời Lưu Nhân Chú đều là cống hiến, từ một người võ quan cấp thấp thăng trải tới mức tột đỉnh vinh quang, nắm giữ trọng trách về chính trị, quân sự, hành pháp của một vương triều, chúng ta không thấy một dòng nào, một chữ nào nói về khiếm khuyết của ông. Quê hương, dòng họ của ông có thể tự hào đã sinh ra và nuôi dưỡng ông. Ngược lại Lưu Nhân Chú cũng đã làm rạng rỡ cho quê hương, dòng họ của mình.

BẢNG QUAN CHỨC, TƯỚC VỊ CỦA LƯU NHÂN CHÚ

(? - 1434)

Năm	Chức quan	Tước vị
Trước 1416	Hỏa thủ Thiết đột kỵ vệ	
Khoảng 1417	Thiết đột kỵ vệ Tướng quân	
1425		Thông hầu
3-1427	Hành quân Tổng quản Nhập nội Đại tư mã	
6-1427	Nhập nội Tư không ^(*)	
2-1428	Nhập nội kiểm hiệu Bình chương quân quốc trọng sự.	Suy trung tán trị hiệp mưu dương vũ . Lũng quốc công.
1431	Nhập nội Tư khấu	Á Thượng hầu.
1484	Truy tặng Thái phó	Vinh quốc công

^(*) Sách *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III: Vào năm Kỷ Dậu, Thuận Thiên thứ 2 (1429), trong đoàn tùy tùng mang sách vàng lập Lương quận công Nguyễn Long làm Hoàng Thái tử, có Tư không Lưu Nhân Chú. Chúng tôi theo *Gia phả* và *Đại Việt thông sử* cho rằng Lưu Nhân Chú được phong Tư không từ năm 1427.

LUU NHÂN CHÚ CẦU THẦN ĐÁNH GIẶC

TS. Trương Sỹ Hùng

(Viện Nghiên cứu Đông Nam Á)

Chính sử Việt Nam ghi chép về hành trạng cuộc đời Lưu Nhân Chú không thật chi tiết. Song, dường như bất cứ sách nào có viết về khởi nghĩa Lam Sơn, thì đều nhớ đến ông. Đương nhiên, Lưu Nhân Chú là một nhân vật lịch sử văn hóa, có ảnh hưởng sâu rộng, từ triều Lê Thái Tổ đến ngày nay. Thái Nguyên quê ông nói riêng, quốc gia Đại Việt, Việt Nam nói chung, tự hào có ông là vì sao sáng, là tấm gương yêu nước, đại diện cho các tộc người ở trung du và miền núi, dấy cờ nghĩa theo Lê Lợi kháng chiến kiến quốc.

Gắn liền với những sự kiện lịch sử cuộc đời Lưu Nhân Chú; có một số chuyện cầu thần khá ly kỳ. Trước những năm bốn mươi của thế kỷ XIX, Phan Huy Chú đã viết: "Ông nguyên là họ Lưu sau được ban họ Vua. Lúc trẻ nghèo khổ làm nghề buôn bán. Một hôm, ông ngủ trọ ở đền thờ thần, nằm mộng được điềm tốt. Rồi đó, ông vào Lam Sơn, thờ Thái Tổ làm thú thử ở vệ Thiết

đột kỵ tướng quân"⁽¹⁾. Thực ra việc nằm mộng cầu cơ đã có tiền lệ rất lâu đời ở Đại Việt, mà dấu ấn đậm nhất gắn với tục thờ trống đồng Đa Nê.

Truyện thời Lý kể: "Cách một ngày trước khi Tam vương làm phản, vua mơ thấy một người tự xưng là thần núi Đồng Cổ; nói với vua về việc tam vương là Vũ Đức, Đông Chinh và Dực Thánh làm loạn, phải mau đem quân dẹp ngay. Tỉnh dậy, vua liền sai phòng bị, quả nhiên ứng nghiệm"⁽¹⁾. Theo Đại Việt sử ký toàn thư thì vua "chiếu cho hữu ty dựng miếu ở bên hữu thành Đại La; liền sau chùa Thánh Thọ"⁽²⁾, lấy ngày 25 tháng ấy (tức tháng 3 âm lịch - T. S. H) đắp đàn, cấm cờ xí, đầu đội mũ, treo gương giáo đứng trước thần vị đọc lời thề rằng: "Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh giết chết"... "Sau vì tháng 3 gặp ngày quốc kỵ, hoãn đến ngày 4 tháng 4"⁽³⁾. Có lẽ rằng, dư âm của tục nằm mộng cầu cơ, đã trở thành những chuyện truyền miệng, từ cung đình đến khắp chốn nhân gian.

Việc "vua mơ thấy thần báo mộng" và quả nhiên có ứng nghiệm, trở thành niềm tin, chứa đựng yếu tố linh thiêng mang tính đặc thù tôn giáo. Song, không chỉ có

⁽¹⁾ Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*. NXB Sử học - H. 1962.

⁽²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập I. NXB KHXH, H. 1971.

⁽³⁾ Trương Sỹ Hùng: *Hội đền Đồng Cổ - Người Hà Nội* số 12 năm 1993.

việc vua Lý nằm mơ, mà tục cầu cúng, tôn thờ nhiều vị thần khác, đã gây được uy lực có tác dụng tâm lý khá lớn trong đời sống văn hóa dân gian. Mặt khác, ảnh hưởng áp chế của đạo Lão, đạo Mẫu, diễn ra liên tục quanh năm khiến cho tục cúng lễ, cầu cơ càng trở nên phổ biến.

Với 175 năm tồn tại của thời Trần (1225-1400) trải biết bao thăng trầm biến đổi, nhưng thời gian sàng lọc đã lưu lại cho đời những nhân thần được toàn dân kính nể như Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão... mà thần vị, văn giáng bút của các ông vẫn vang dội, lan truyền suốt 700 năm qua. Đặc biệt, khi Đức Thánh Trần trở thành một thành viên quan trọng trong đạo Mẫu của người Việt⁽¹⁾, thì tục xem thẻ, cầu cơ, thậm chí còn kiêm cả việc xin linh được chữa bệnh, cũng được coi là ứng nghiệm.

Rồi không đầy 10 năm Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, đất nước Đại Việt lại lâm vào cảnh ngoại xâm tàn khốc. Năm 1418, từ đất Lam Sơn, Lê Lợi cùng các tướng lĩnh Lê Thạch, Lê Liễu khởi binh, tự xưng là Bình Định vương, truyền hịch khắp nơi, kể tội giặc Minh, nêu

⁽¹⁾ Trương Sỹ Hùng: *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Phật học. Số 6-1999.

cao mục đích đánh giặc cứu nước. Vì chủ trương cấp bách của Lê Lợi hợp tâm nguyện của nhân dân Đại Việt, nên khắp nơi ứng nghĩa.

Với khí thế khẩn trương sôi nổi, cả nước hướng về Lam Sơn tụ nghĩa. Ai ai cùng cuộn cuộn ý chí kháng chiến chống giặc Minh. Từ cố đô Thăng Long, Nguyễn Trãi cùng các thân gia ngoại tộc là Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo đã trải ngày đêm "ăn gió nằm sương" tìm đến gặp minh chủ; dâng kế sách bình Ngô. Trần Trại, Lê Thiết từ Đông Quan, Nguyễn Xí từ Nghệ An cũng khăn gói, gươm đao, đến gặp Lê Lợi, đồng tâm hiệp lực. Từ Thái Nguyên, Lưu Nhân Chú sớm cất gánh lên đường, hội nhập thành những tướng lĩnh đầu tiên của Lê Lợi.

Như vậy, trước nhiệm vụ lịch sử dân tộc, đánh đuổi giặc Minh, kiến quốc kịp thời là tâm nguyện chung của nhân dân Đại Việt. Khi có một minh chủ như Lê Lợi, người gương cao cờ đại nghĩa thì việc "đi tìm chân chúa" như ngũ liêu dân gian lưu truyền - là một nguyện vọng ước mơ của nhiều bậc anh tài. Ngoài việc huy động tiền tài, nhân lực là chính, việc vận dụng có sáng tạo các yếu tố mê tín tôn giáo có tác dụng tích cực. Sự cấu thành các giấc mộng thần thời khởi nghĩa Lam Sơn có ý nghĩa khẳng định niềm tin vào nội lực quốc gia,

vào từng cá nhân cụ thể mỗi con người, có tâm huyết đánh giặc cứu nước.

Về chuyện "giác mộng thần" của Lưu Nhân Chú, gia phả dòng họ ông có đoạn: "Một hôm, ba người (1. Lưu Trung - Bố đẻ Lưu Nhân Chú; 2. Lưu Nhân Chú; 3. Phạm Cuống - Em rể Lưu Nhân Chú - T.S.H chú thêm) đến Miếu Gấm ở xã Quan Ngoại, huyện Tam Dương, phủ Đoan Hùng, xứ Sơn Tây thì vừa tối. Gặp mưa to gió lớn, không người qua lại, không nhà trú ẩn, họ phải vào tạm trú ở miếu, lấy chiếu che đầu, ngồi dựa vào tường, đợi sáng đi tiếp. Đương đêm thanh vắng thì có tiếng xe ngựa vang vọng; lẫn câu nói vang lên trong miếu: "Thiên đình dĩ sắc" (nghĩa là: Trên Trời có việc gì mới). Liên sau đó có tiếng trả lời: "Thiên đình dĩ sắc, Lê Lợi vi vua" (Thiên đình đã định, Lê Lợi làm vua).

Đến mờ sáng, cả ba người gánh dầu đi. Khi ấy, bọn Lưu Trung trở về bản quán, phân phối gia sản, dặn vợ con, nói dối đi buôn xa, đến thẳng Lam Sơn. Lúc bấy giờ, khe truông hiểm trở, đường sá gập ghềnh. Ba người đến trọ ở thôn Nguyễn Xá, thăm hỏi người trong thôn, không ai giấu giếm điều gì. Hôm sau, ba người đến yết kiến Lê Lợi, nói rằng: "Nghe lời đồn đại, được biết quan nhân là người nhân nghĩa, lượng cả bao dung, xin đến làm tôi tớ, nhờ chỗ làm ăn, mong được nhờ cậy."

Vua hỏi ba người, quê quán, họ tên. Bọn Lưu Trung tình thực trình bày: "Cha ông chúng tôi vốn là quan phiên trấn, quê quán vốn hai xã Văn Lãng, Thuận Thượng, vì quân Ngô tàn ngược nên giấy tông tích, làm nghề buôn dẫu, tìm đến nơi đây mong được dung nạp". Vua nói chuyện rất vui, tiếp đãi rất hậu. Từ đấy ba người qua lại luôn, khi ở cạnh vua, khi cày bừa cùng Trương Lôi ở động Chiêu Nghi. Trong nhà, hề có việc gì, đều tin dùng, giao phó cho hết"⁽¹⁾.

Khác với trường hợp tìm đến với Lê Lợi của Nguyễn Trãi; Lưu Nhân Chú khi đến Lam Sơn dường như chỉ gặp gỡ lần đầu rồi gia nhập luôn với nghĩa quân. Chuyện thần báo mộng cho Lưu Nhân Chú biết Lê Lợi làm vua là minh chủ sáng suốt, tạo cho cha con ông có một niềm tin sắt đá. Trong sách *Việt tuần giai đàm tiền liên* thì chép chuyện thần báo mộng cho Nguyễn Trãi là "Lê Lợi vi vua, Nguyễn Trãi vi thần". Việc Nguyễn Trãi đi cầu mộng tuy chỉ là một giai thoại, nhưng cũng có cái "lỗi" của sự thật, vì xét đến cùng, thì đó chẳng qua là một phương tiện hoạt động chính trị, một cái cớ để dễ che mắt giặc, mà thực chất là để đi tìm đồng chí, hoặc

⁽¹⁾ Dẫn theo *Sáng tác dân gian về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn*. Sở VH TT Thanh Hóa - 1985.

đi tìm hiểu động tĩnh các nơi". Đến đền Chèm gặp Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi cùng ông đi cầu mộng ở đền Đồng Thiên Vương thì thần báo ông sang đền Dạ Trạch. Đến nơi thờ Chủ Đồng Tử - Tiên Dung, Nguyễn Trãi còn đọc văn cầu mộng, có những câu thống thiết:

*Ước có chân chúa, thương con đỏ trừ kẻ hung tàn
Mong được thánh nhân, thay trời xanh trở tài kinh tế
Cảm nỗi dân tình, hàng ngày lập chí
Đốc lòng tìm chân chúa, đắng đắng hơn hai mươi năm*

Thời chưa gặp chân nhân, xiết kể công phu hao phí⁽¹⁾.

Và có lẽ, do câu toàn hình thức nên lần đầu gặp Lê Lợi, Nguyễn Trãi lại dời đi vì "thấy Lê Lợi thô lỗ, nhân ngày giỗ bố mình, vừa thái thịt vừa ăn". Khi trở về đến Gián (nay thuộc Ninh Bình) gặp được người hiểu biết về Lê Lợi giải thích "đó là tướng hổ nên ăn uống thô lỗ, thực chất Lê Lợi là người giàu bản lĩnh". Phải gặp lần sau ở Lỗi Giang thì Nguyễn Trãi mới đi theo Lê Lợi.

Trường hợp Lưu Nhân Chú cùng cha và em rể được thần báo mộng, rồi quyết đoán lên đường tìm đến Lam Sơn không còn do dự gì, khi đã dò hỏi dư luận dân

⁽¹⁾ Bùi Văn Nguyên: *Chủ nghĩa yêu nước trong văn học thời khởi nghĩa Lam Sơn*. NXB KHXH - H. 1980.

chúng, quanh vùng nghĩa quân đang luyện tập binh sĩ. Phải chăng, tướng võ nghệ của cha con Lưu Nhân Chú, biểu lộ luôn ở tính cách bộc trực trong giao tiếp, nên con đường đến với chân chúa diễn ra nhanh hơn. Chân dung phác thảo của Lưu Trung là "sinh vào giờ Dần, trước khi ông chào đời, mẹ ông đã được nuốt thuốc tiên. Khi lớn lên, Lưu Trung có dáng người cao lớn, mình đầy lông đen, râu ria đầy mặt. Ông Lưu Trung đã nhân từ lại dũng cảm, ai cũng kính nể. Bọn hung ác trong vùng không tên nào dám đụng tới, những kẻ thức thời đều sợ oai".

Lưu Nhân Chú là con trai đầu của Lưu Trung sớm nuôi chí lớn, đồng tâm nhất trí với cha, thực hiện trọng trách đánh giặc cứu nước.

Phạm Cuống lấy em gái Lưu Nhân Chú là bà Lưu Thị Ngọc Ngoan. Người con rể Phạm Cuống đồng hành với cha, anh, cũng có lai lịch xuất thân khá ly kỳ. Khi mẹ Phạm Cuống sắp sinh ra ông thì "đương đêm một khối vật sáng, to bằng chiếc đầu" bay đến giường nằm của bà thì biến mất. Khi lớn lên Phạm Cuống có thân thể to lớn, lưng dầy, bụng phệ, mặt tròn, đầu lớn, hai dái tai trông xuống như ngọc châu. Ông Phạm Cuống dũng cảm hơn người, mưu mô xuất chúng, tuy ít được học

nhưng có nhiều mảnh lối, gặp việc gì khó mấy cũng dám làm, hùng cứ một phương, mọi người đều phục"⁽¹⁾.

Chắc rằng việc buôn dầu cuối Trần đầu Lê tương đối phong lưu, nên cả thầy trò Nguyễn Trãi và cha con Lưu Nhân Chú đều xuất hiện ở các đền thờ thần, được báo mộng vào lúc trú đêm, trên đường đi buôn dầu. Hoặc nữa, các nghĩa sĩ, nhân sĩ đương thời, coi việc buôn bán dầu là đem lại ánh sáng, mở mang trí tuệ cho mọi người.

Lần theo sử sách Đại Việt như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lam Sơn thực lục*... thì thấy cha con Lưu Nhân Chú sau khi được thần báo mộng, họ đến gặp Lê Lợi rồi ở lại luôn lúc đó tại Lam Sơn; rèn luyện binh nghiệp và gần gũi với Lê Lợi như anh em một nhà. Bản thân vua Lê Lợi, kể về hành trạng cũng có điểm lành, thần linh báo ứng "vua sinh ra, thiên tư tuấn tú khác thường, thần sắc đẹp mạnh, mắt sáng, mồm rộng, mũi cao, vai có nốt ruồi, tiếng to như tiếng chuông, đi như rồng bước như hổ, kẻ thức giả biết là người phi thường". Chủ tướng Lê Lợi còn có một số chuyện liên quan đến thần linh điềm ứng như rùa cho vua mượn gươm thiêng, chuyện thần

(1) Theo: *Sáng tác dân gian về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn*. Sở VHHT Thanh Hóa 1985.

núi Trịnh Bạch Thạch mách bảo vua chỗ đất có long mạch táng hài cốt cha ông thì con cháu phát tướng. Những bài sấm truyền, về sau được trở thành bí minh (văn chuông) như:

Trời cho người tin đến

Đức lớn quỉ thần kinh

Thần núi về châu chực

Đúng thật thánh nhân sinh⁽¹⁾.

Trong chuyện kể về thần núi Trịnh Bạch Thạch với Lê Lợi - Theo gia phả của dòng họ Lưu Nhân Chú - thì ba cha con ông là người được chứng kiến và được tham gia vào việc đại sự của mình chủ:

"Giờ Dần ngày rằm tháng Giêng năm Nhâm Thìn (1412) người nhà vua là Trương Lôi, đang cày ruộng ở cửa động Chiêu Nghi, chợt có một vị sư già, mặc áo trắng, chống gậy với vẻ ung dung than rằng: Tiếc thay ! Có kiểu đất này, không biết thuộc về ai ?

Trương Lôi nghe nói cả mừng, đến gần vị sư già hỏi:

- Lão tăng nói gì ? Liệu tôi đây có được không ?

Nhà sư suy nghĩ một lát, liền nói:

- Ta xem tướng và đức nhà ngươi, làm vương chưa đủ, nhưng làm tướng có thừa. Thuyền bé không chở được vật nặng !

⁽¹⁾ Bùi Văn Nguyên. Sdd.

Trương Lôi lại thưa:

- Còn thầy tôi ở nhà. Dám xin lão tăng ghé vào nghỉ chân.

Lão tăng không chịu. Trương Lôi nán lời:

- Dám xin lão tăng tạm chờ, tôi về nhà rước thầy tôi tới, được chăng?

Trương Lôi về nhà trình với vua; vua ra quì xuống chào lão tăng. Vị sư già cười mà rằng:

- Tốt quá ! Thật là người đáng được chỗ đất này !

Vua chỉ tay lên trời, thốt lời thề sâu nặng. Lão tăng khen:

- Nếu người đã có lòng như thế, già này không tiếc gì hết. Già đây họ Trịnh, tên tự là Bạch Thạch, nhìn thấy hình thể mạch đất này, nếu táng mộ vào đó, không quá ba năm thì sẽ thành ngôi vua... Chỉ ngại rồi sau con cháu về sau tất phải phân tán, rồi lại trung hưng mãi mãi".

Vừa dứt lời, Lê Lợi chưa kịp cảm tạ thì vị sư già đã bay lẫn vào mây trời⁽¹⁾.

Được sự chỉ dẫn của thần hiện lối sư già, Lê Lợi sai "bốn người Trương Lôi, Lưu Trung..." rước linh xa (tiểu sành có hài cốt) táng vào đó. Ít ngày sau, có tên Đỗ Phú

⁽¹⁾ Theo *Gia phả họ Lưu* và trong *Sáng tác dân gian về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn*.

ở xã Hào Lương, vì có thù oán riêng, đã mật báo quân Ngô đến đào trộm hài cốt mang đi. Biết rằng linh xa ấy treo ở sau thuyền, còn đang lưu ở phường Giang Khẩu; vua sai bọn Trương Lỗ, Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống... gồm 20 người; đầu đội cỏ gai xuôi theo dòng chảy; đến Giang Khẩu bí mật lấy lại linh xa đem về, táng vào chỗ cũ. Lại lấy một tiểu sành khác, có hài cốt khác táng chồng lên trên, đề phòng chúng quay lại lấy. Quả nhiên, sáng hôm sau, giặc thấy linh xa treo sau thuyền bị mất, chúng quay lại vội vã đào lấy linh xa ở trên, lấy hài cốt tán thành tro, ném xuống sông"⁽¹⁾.

Cha con Lưu Nhân Chú đến với Lê Lợi từ năm 1409 mà 1418 "vua Thái Tổ bắt đầu khởi binh"⁽²⁾ là đã trải 10 năm thử thách. Trong văn thề Lũng Nhai, dù theo dị bản nào thì vẫn có tên Lưu Trung, Lưu Nhân Chú⁽³⁾. Có thể xem rằng tâm nguyện trung quân ái quốc, trải hai triều Lý-Trần, đã tôi luyện ý chí chiến đấu, cho hàng loạt binh sĩ, trí thức như Lưu Nhân Chú và Nguyễn Trãi.

Lời báo mộng của thần Đồng Cổ năm xưa giúp vua Lý bình ổn thể chế vương triều, cũng như các thế

⁽¹⁾ Theo *Gia phả họ Lưu* và trong *Sáng tác dân gian về Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn*.

⁽²⁾ Lê Quý Đôn: *Dại Việt thông sử*. NXB KHXH, H. 1978.

⁽³⁾ Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn*. NXB KHXH - H. 1977.

lực thần thánh đến gặp trực tiếp mình chủ Lê Lợi, báo mộng cho cha con Lưu Nhân Chú ở Miếu Gấm... đều nhằm mục đích kiến quốc và đánh đuổi ngoại xâm.

Lưu Nhân Chú có công lớn qua nhiều trận đánh, có đức dày với gia tướng vua Lê; nên được phong tặng nhiều phẩm trật, chức tước. Cho đến năm 1429 - nghĩa là đã tròn 20 năm Lưu Nhân Chú phụng sự Lê Lợi - Ngày 7 tháng Giêng, vua "sai... Tư không Lưu Nhân Chú..." cùng năm quan chức, tướng lĩnh khai quốc công thần khác "mang sách vàng lập Lương quận công Nguyễn Long làm Hoàng thái tử"⁽¹⁾. Ông vẫn là một gia tướng nội cung được vua tin cẩn.

Nhưng rồi, khi Hoàng thái tử Nguyễn Long nối ngôi mới 11 tuổi, thời thế xoay chuyển khôn lường. Hình như Lưu Nhân Chú mất khoảng năm 1433 hoặc 1434. "Bấy giờ Lê Sát đã giết Nhân Chú, ngờ Khắc Phục có lòng oán, tâu xin cách quyền coi quản, sai coi việc hành ngục. Khắc Phục là em cùng mẹ của Nhân Chú"⁽²⁾.

Lưu Nhân Chú đã trọn đời ôm mộng thần từ quê để ra đi, theo Lê Lợi trọn 10 năm kháng chiến chống giặc

⁽¹⁾ Đại Việt sử ký toàn thư. Tập II. NXB KHXH, H. 1971.

⁽²⁾ Như trên.

Minh thắng lợi, nêu gương một tướng lĩnh tài ba thao lược. Ông xứng danh với non sông Đại Việt, góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ đất nước; củng cố chính quyền mà hoài bão cao cả của ông chưa thực hiện được, vì gặp phải tiểu nhân kỳ thị.

GIA ĐÌNH LƯU NHÂN CHÚ TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN

Phạm Văn Kính

(Viện Sử học)

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống quân Minh xâm lược hồi nửa đầu thế kỷ XV là nơi hội tụ của những người con yêu nước thuộc nhiều thành phần dân tộc, tầng lớp giai cấp trên hầu khắp mọi miền đất nước.

Tính từ Bắc vào Nam, trừ vùng đất vừa là đại bản doanh vừa là trung tâm của cuộc khởi nghĩa - Thanh Hóa - ra, ta thấy có cha con, anh em nhà Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống ở Đại Từ, Văn Lãng Thái Nguyên, trải nhiều đời làm phiên trấn và được phong đến tước hầu thời Trần. Bùi Quốc Hưng người Chương Mỹ Hà Tây - một sĩ phu yêu nước, thi đỗ Tam trường thời Trần Duệ Tông (1373-1377). Trần Nguyên Hãn là quý tộc nhà Trần ở Lập Thạch Phú Thọ. Nguyễn Trãi, Phạm Văn Xảo là những nho sĩ của vùng Kinh Lộ (Hà Nội ngày nay). Trần Trại người huyện Thanh Trì ở mạn Nam Kinh Lộ. Trịnh Lỗi ở Gia Viễn Ninh Bình. Anh em Nguyễn Biện, Nguyễn Xí làm nghề buôn muối ở

Nghi Lộc Nghệ An. Nguyễn Danh Cá ở tận Lệ Thủy Quảng Bình xa xôi cách trở... đã từ rất sớm lặn lội về đất Lam Sơn tụ nghĩa.

Trong số những anh hùng hào kiệt có mặt ở vùng núi rừng Lam Sơn trong những năm tháng trước khi khởi nghĩa nổ ra, ngoại trừ gia đình chủ tướng Lê Lợi có 6 người là Lê Thạch - con người anh cả, Lê Khôi, Lê Khiêm, Lê Khang - con người anh thứ hai, và Trần Hoàng, Trần Vận là cha vợ, anh vợ ra, ta phải kể đến một gia đình nhà Phụ đạo ở Dụng Tú (Kiên Thọ, Ngọc Lặc) gồm có 5 người: cha con anh em: Lê Lai, Lê Lãm, Lê Lô, Lê Lộ và Lê Lâm. Đặc biệt một gia đình có 4 người nhưng lại thuộc 3 dòng họ khác nhau. Đó là gia đình Lưu Trung, như trên đã đề cập tới.

Bài viết này chúng tôi sẽ trình bày về mối quan hệ thân tộc trong gia đình đặc biệt ấy, nhằm góp phần làm sáng tỏ thêm vai trò và công lao to lớn của họ đối với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

*

* *

Lần tìm trong các nguồn sử liệu có liên quan đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn như: *Lam Sơn thực lục*

(LSTL) của Lê Lợi - Nguyễn Trãi⁽¹⁾, *Đại Việt sử ký toàn thư* (Toàn thư) của Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt thông sử* (ĐVTS) của Lê Quý Đôn, *Việt sử thông giám cương mục* (Cương mục) của Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí* (ĐNNTC) cũng của Quốc sử quán triều Nguyễn, *Lịch triều hiến chương loại chí* (LTHCLC) của Phan Huy Chú và Bản sao gia phả 2 họ Lưu, Phạm ở Vân Yên. Ngoài trừ *Cương mục* và LTHCLC không hề nhắc đến nhân vật Lưu Trung cũng giống như gia phả không có tên Trịnh Khắc Phục, còn lại rải rác đây đó, đậm nhạt ít nhiều những tư liệu trên đều có ghi chép về các nhân vật mà chúng ta đang quan tâm.

Như chủ đề của bài viết đã chỉ rõ, chúng tôi không có nhiệm vụ làm công tác giám định văn bản, mổ xẻ, phân tích so sánh từng chi tiết, câu chữ, sự kiện giữa các nguồn sử liệu, mà chỉ trích yếu những điều cần thiết phục vụ cho chủ đề chính.

⁽¹⁾ Theo quan điểm của các nhà sử học trước nay đều cho rằng *Lam Sơn thực lục* là do Nguyễn Trãi soạn và Lê Lợi viết lời tựa. Nhưng Lê Quý Đôn trong *Đại Việt sử ký toàn thư* lại viết: "Lam Sơn thực lục, Tam quyển, Bản triều Thái tổ ngự chế" tức là do Lê Lợi viết. Trong phần *Khảo chứng* sách *Lam Sơn thực lục*, bản mới phát hiện ở Thanh Hóa năm 1976, tác giả Nguyễn Diên Niên đã khẳng định *Lam Sơn thực lục* là do Lê Lợi viết. Chúng tôi chưa đồng tình với các lập luận của ông, nên vẫn theo quan điểm cũ.

1. Trước hết xin làm bàn về nhân vật Lưu Trung. Nếu như trong bộ Quốc sử *Cương mục* và LTHCLC không một lần nhắc đến tên ông, thì ngược lại Bản sao gia phả, ĐNNTC đã ghi chép một cách trân trọng. Sách ĐNNTC viết: "Lưu Trung: Người Vân Yên huyện Đại Từ. Cuối đời nhà Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi, quân Minh xâm lược. Lưu Trung cùng con là Chú gánh dầu đi bán, khi đến đền Cẩm xã Quan Ngoại, huyện Tam Dương tỉnh Sơn Tây, gặp mưa gió, phải vào ngủ đống trong đền. Đêm đến nửa trống canh một, nghe ở ngoài có tiếng hỏi rằng: "Hôm nay bác có lên châu trời không? Nghe trong đền có tiếng trả lời rằng: "Hôm nay tôi có khách, bác lên châu trời nếu có việc gì, khi trở về, xin nói cho tôi biết". Đến trống canh năm, chợt nghe có tiếng báo lại rằng: "Hôm nay trên thiên đình yết bảng cho Lê Lợi, là dân thôn Như Áng sách Khả Lam, huyện Lương Giang, lộ Thanh Hóa làm vua". Cha con Lưu Trung lấy làm kỳ dị, bèn lén lút tìm vào Lam Sơn, thờ Lê Thái Tổ. Sau đánh giặc nhiều công, được liệt vào hàng công thần, phong tước quốc công, cho Quốc tính..."⁽¹⁾.

Qua đoạn trích dẫn trên, chúng tôi thấy có nhiều điểm tương đồng với *Gia phả*. Chẳng hạn như việc cha

⁽¹⁾ *Dại Nam nhất thống chí*. Nxb KHXH, H. 1971. Tập IV, tr. 166-170.

con Lưu Trung đi bán dầu, được thần miếu Quan Ngoại báo cho điềm tốt, tìm đến Lam Sơn thờ Lê Lợi, xông pha trận mạc lập được nhiều chiến công, được ban phong nhiều chức tước và Quốc tính. Có điều ở *Gia phả* viết kỹ hơn về nguồn gốc, gia cảnh của họ Lưu và họ Phạm. Sách ĐVTS của Lê Quý Đôn cho rằng Lưu Nhân Chú nghèo khó phải làm nghề buôn bán⁽¹⁾. Nhưng *Gia phả* lại khẳng định: "Từ đức Cao tổ Lưu Nhân Dục lấy bà Trần Thị Duyệt làm vợ, nối chức phụ đạo, nghiệp nhà một thịnh, tích đức chứa nhân, yêu người thương vật..."⁽²⁾. Tiếp đến thời Lưu Trung "ông lấy vợ là Lê Thị Ngọc Chân, sinh được một trai, một gái. Con trai trưởng là Lưu Nhân Chú... Con thứ là Lưu Thị Ngọc Ngoan, sau gả cho Phạm Cuống.

Cao tổ Phạm Cuống là Hồ Triều bá Phạm Long, nguyên quán ở xã Văn Lãng, đời đời làm quan phiên trấn nhà Trần⁽³⁾. Qua đó ta thấy 2 nhà họ Lưu và họ Phạm đều thuộc tầng lớp quan lại cũ. Họ thông gia với nhau vào loại "môn đăng hộ đối" - phù hợp với phong tục cổ truyền của dân tộc. Còn về mặt mục đích chỉ hướng, vẫn từ *Gia phả* cho biết "Lưu Trung cùng với

⁽¹⁾ *Lê Quý Đôn toàn tập*. Nxb KHXH. H. 1978. Tập III, tr. 304.

^{(2) (3)} Theo bản dịch của Trần Lê Hữu trong *Nghiên cứu Lịch sử* năm 1967, số 105, tr. 43.

con trai là Lưu Nhân Chú, rể là Phạm Cuống ẩn dấu tung tích, làm nghề buôn dầu để qua ngày tháng"⁽¹⁾. Điều đó chứng tỏ rằng họ không xuất đầu lộ diện, tránh mọi sự lợi dụng ép buộc của chính quyền đô hộ. Họ biểu hiện thái độ bất hợp tác, không cam chịu làm tay sai cho giặc, mà phải giả vờ nghèo khổ để chờ thời cơ, đi tìm minh chủ cứu nước.

Vậy là qua *Gia phả*, chúng ta có thể bổ sung thêm cho chính sử về lai lịch, nguồn gốc và quan hệ thân tộc của danh tướng Phạm Cuống.

Vẫn trong phạm vi về mối quan hệ trong gia đình họ Lưu, chúng tôi muốn bàn đôi điều về nhân vật Trịnh Khắc Phục. Mặc dầu trong *Gia phả* nhà họ Lưu không hề có bất cứ một chi tiết nhỏ nào hé mở về mối quan hệ giữa họ Lưu và họ Trịnh. Nhưng qua một đôi điều tản mạn trong sử sách, chúng tôi thấy rằng giữa 2 họ Lưu và Trịnh có mối quan hệ rất gần gũi, thân thiết. Sách *Toàn thư* ghi lại một sự kiện xảy ra vào năm Thiệu Bình thứ nhất (1434) đời vua Lê Thái Tông như sau: "Bãi hành khiển Nam đạo Lê Khắc Phục (tức Trịnh Khắc Phục, được ban Quốc tính - P.V.K) cho làm Phán đại tông chính. Bấy giờ Lê Sát đã giết Nhân Chú, ngờ Khắc

⁽¹⁾ *Gia phả*. Tài liệu đã dẫn, tr. 43.

Phục có lòng oán, tâu xin cách quyền coi quân, sai coi việc hình ngục. Khắc Phục là em (đúng ra phải là anh - P.V.K) cùng mẹ của Nhân Chú"⁽¹⁾. Qua sự kiện này ta thấy mẹ Lưu Nhân Chú - bà Lê Thị Ngọc Chân - trước khi lấy Lưu Trung đã có con riêng là Trịnh Khắc Phục. Nói cách khác, trước khi làm dâu nhà họ Lưu thì bà Ngọc Chân đã có một đời chồng là người họ Trịnh. Vậy người họ Trịnh ấy là ai? Thuộc dòng tộc nào? Về điểm này, Lê Quý Đôn đã cho chúng ta biết một điều lý thú khi ông viết về nhân vật Đinh Liệt. Lê Quý Đôn viết: "Tháng 7 năm Thái Hòa thứ 2 (1444) đời vua Nhân Tông, có kẻ vu cáo, thái hậu giam ông (Đinh Liệt - P.V.K) dưới hầm. *Người trong họ vua* (P.V.K nhấn mạnh) là các ông Lê Khắc Phục và công chúa Ngọc Lan vào tâu rất khẩn thiết, xin thái hậu rộng ơn, nói phép, đến tháng 6 năm thứ 6 (1448) ông mới được thả ra"⁽²⁾. Cháu họ của vua lại là người họ khác thì chỉ có thể hiểu được rằng đó là cháu về bên ngoại của vua. Tìm trong thế phả của vua, chúng tôi thấy thân mẫu Lê Lợi là người họ Trịnh - bà Trịnh Thị Ngọc Thương quê ở xã Thủy Chú huyện Lôi Dương⁽³⁾. Và một trong 3 người vợ

⁽¹⁾ *Toàn thư*. Nxb KHXH. H. 1968. Tập III, tr. 82.

⁽²⁾ *Lê Quý Đôn toàn tập*. Sdd, tr. 170.

⁽³⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 236. *Toàn thư*. Sdd, tr. 6.

của ông là Thần phi Trịnh Thị Lữ, người ở trang Bái Đê cũng huyện Lôi Dương⁽¹⁾. Trong danh sách tên tuổi các công thần được phong chức tước do Đàm Văn Lễ sao lục vào đời Hồng Đức, đã ghi quán chỉ của Lê Khắc Phục là xã Thủy Chú huyện Lôi Dương⁽²⁾. Hơn nữa chính Lê Lợi cũng được sinh ra ở Thủy Chú⁽³⁾. Do đó chúng tôi cho rằng Trịnh Khắc Phục thuộc về dòng tộc của bà Ngọc Thương. Rất có khả năng Trịnh Khắc Phục là con của anh hoặc em Trịnh Thị Ngọc Thương. Nếu đúng như vậy thì Trịnh Khắc Phục phải gọi Lê Lợi bằng bác hoặc chú. Vì Lưu Nhân Chú và Trịnh Khắc Phục là 2 anh em ruột cùng mẹ khác cha, nên Lưu Nhân Chú cũng phải gọi Lê Lợi bằng bác hoặc chú. Cả 2 người đều được Lê Lợi yêu quý, trọng dụng. Riêng Lưu Nhân Chú còn được Lê Lợi coi như con đẻ của mình. Trong bức thư gửi cho Vương Thông trong giai đoạn chót của cuộc Nghị hòa cuối năm 1427, Lê Lợi viết: "... Và lại Nhân Chú là con tôi"⁽⁴⁾ đã chứng tỏ điều đó.

Trên đây chúng tôi đã trình bày về lai lịch nguồn gốc và mối quan hệ giữa các danh tướng nhà họ Lưu. Có thể

(1) *Lê Quý Đôn toàn tập*. Sdd, tr. 120.

(2) *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 211.

(3) *Toàn thư*. Sdd, tr. 6. *Lê Quý Đôn toàn tập*. Sdd, tr. 32.

(4) *Nguyễn Trãi toàn tập*. Nxb KHXH. H. 1968, tr. 161.

tóm gọn như sau: Lưu Trung là bố đẻ, bố vợ và bố dượng của 3 người con Lưu Nhân Chú, Phạm Cuồng và Trịnh Khắc Phục. Trịnh Khắc Phục và Lưu Nhân Chú là cháu họ của chủ tướng Lê Lợi.

2. Nhiều sử sách và cả *Gia phả* đều cho rằng duyên cớ để cha con nhà họ Lưu đến với khởi nghĩa Lam Sơn là do thần linh mách bảo, thậm chí thần còn báo cho cả tên người phải theo, địa điểm cần tìm⁽¹⁾. Những câu chuyện về Trời cho Thần giúp trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn có nhiều. Ví như chuyện nhà sư Trịnh Bạch Thạch đặt ngôi mộ bố Lê Lợi ở động Chiêu Nghi, chuyện thanh kiếm thần của Nguyễn Thận và Lê Lợi, chuyện lá cây có dòng chữ "Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần" trôi trên các dòng sông suối, chuyện con hồ li (cáo) chạy ra khỏi hốc cây để cứu Lê Lợi v.v... Những chuyện đó chẳng qua chỉ là một sự hư cấu, tưởng tượng để lợi dụng lòng mê tín trong dân gian, nhằm thu nạp nhân tài, tập hợp nghĩa quân. Duyên cớ chính và chủ yếu của cuộc hội ngộ trên đất Lam Sơn, không riêng gì gia đình họ Lưu ở Thái Nguyên mà tất cả những người con yêu nước trên khắp các nẻo đường đất nước, cùng chung mục đích, chí hướng. Đó là những

⁽¹⁾ Xem *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú và *Gia phả*.

nguyên nhân, duyên cớ sâu xa, còn trực tiếp thì như phần trên chúng tôi đã trình bày, giữa Vân Yên Thái Nguyên với Lam Sơn Thanh Hóa tuy rất xa về đường đất, nhưng lại rất gần về tình cảm. Sợi dây tình cảm ấy, suy cho đến cùng là do ông Trịnh Khắc Phục chắp nối. Do đó việc gia đình Lưu Trung tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là điều dễ hiểu.

Một vấn đề khác được đặt ra là cha con Lưu Trung tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ khi nào, đúng hơn là vào thời điểm nào họ có mặt ở Lam Sơn? Để giải quyết vấn đề này, trước mắt chúng tôi hãy tạm dựa vào những tư liệu do *Gia phả* cung cấp. Sau khi kể về cuộc tiếp kiến Lê Lợi, được Lê Lợi cho đi cày ruộng cùng Trương Lôi ở động Chiêu Nghi, và giao phó cho những công việc trong nhà, *Gia phả* viết tiếp: "Lúc bấy giờ vua mới 25 tuổi, làm chức quan phụ đạo chính, ban nhân bố đức rộng lượng, khoan hồng, nuôi nhiều tân khách, lấy cày bừa làm thú, lấy sách vở làm vui... Ngày qua tháng lại vừa được 3 năm. Một hôm nhân vua cùng ngồi với 3 người (Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống). Ba người nói hết sự thực..."⁽¹⁾.

Chung quanh sự ghi chép này chúng ta cần lưu ý đến 2 dữ liệu. Một là "Lúc bấy giờ vua mới 25 tuổi; Hai là

⁽¹⁾ *Gia phả*. Tài liệu đã dẫn, tr. 44.

"Ngày qua tháng lại vừa được 3 năm". Về dữ liệu thứ nhất, như chúng ta đã biết Lê Lợi sinh năm Ất Sửu - 1385 đến năm Kỷ Sửu - 1409 ông tròn 25 tuổi, theo cách tính tuổi Can Chi. Theo cách viết của *Gia phả*, ta hiểu rằng cha con Lưu Trung đã đến Lam Sơn yết kiến Lê Lợi vào năm 1409 - tức là sau 2 năm quân Minh đặt ách đô hộ lên đất nước ta và trước 9 năm cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ. Còn dữ liệu thứ 2, tính ra 3 năm là nhằm vào năm Nhâm Thìn - 1412. Năm ấy trong nhà Lê Lợi đã xảy ra một biến cố lớn: "Phản thần là thằng Ái cấu kết với tên quan huyện Đỗ Phú, dẫn giặc Minh đào mả Phật Hoàng, lấy linh xa (tức hài cốt - P.V.K) treo ở sau thuyền, hẹn với Vua là nếu đến hàng thì sẽ trọng thưởng. Vua bèn sai công thần là Trương Lôi, Trịnh Khả, Bùi Quốc Hưng, Doãn Nổ, Lê Nanh, Lê Liễu, Lê Nhữ Lãm, Lê Khả Lãng, Lê Xa Lôi, *Lê Nhân Chú* (P.V.K nhấn mạnh), Trịnh Vô, Võ Uy, *Lưu Trung* (P.V.K nhấn mạnh) và Trần Trĩ đội cỏ gai bơi xuôi theo dòng nước, từ thượng lưu xuống. Đang đêm, đến phường Cửa Sông, Trịnh Khả lắng nghe bọn giặc đã ngủ hết, lấy trộm lại được hài cốt linh xa đem về, cùng vua bí mật chôn cất ở động Chiêu Nghi như cũ"⁽¹⁾. Trong số

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 240.

14 công thần đi đoạt lại linh xa có cả Lưu Trung và Lưu Nhân Chú⁽¹⁾. Để chiếm được lòng tin của chủ tướng giao cho trọng trách, hẳn rằng cha con Lưu Trung phải trải qua nhiều thử thách. Có lẽ thời gian 3 năm đủ để Lê Lợi xét đoán, kiểm nghiệm, đánh giá phẩm hạnh tài năng của họ. Hơn nữa cả 2 cha con Lưu Trung và Lưu Nhân Chú đều đã nhập tịch ở lộ Khả Lam⁽²⁾, chứng tỏ họ đã đến Lam Sơn từ nhiều năm trước. Do đó tính thời điểm gia đình Lưu Trung đến vùng đất Lam Sơn để cùng Lê Lợi mưu việc lớn vào năm 1409 là có thể chấp nhận được⁽³⁾.

3. Tham gia chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ rất sớm, các thành viên trong gia đình Lưu Trung đã thể hiện rõ bản lĩnh và tài năng của mình thông qua những trọng trách được giao, những chức vị được giữ và nhất là trong phẩm bình đánh giá sau ngày chiến thắng khởi hoàn. Chúng tôi sẽ lần lượt điểm qua từng thành viên một.

Xin được bắt đầu từ Lưu Trung. Ông là một trong số 51 vị tướng được Lê Lợi chỉ định trong ngày đầu tiên nổ

(1) *Gia phả* ghi là 20 người và có cả tên Phạm Cuồng.

(2) *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 263.

(3) Trong *Nghiên cứu Lịch sử*, số 105, năm 1968, Sdd: Đặng Nghiênn Vậ dựa vào *Gia phả* cũng cho rằng năm 1409 gia đình Lưu Nhân Chú tham gia khởi nghĩa Lam Sơn.

ra khởi nghĩa (7 - 2 - 1418). Sách *Lam Sơn thực lục* cho biết: "Vua sắp đặt màn lưới đón mời hào kiệt, lấy ít đánh nhiều, bèn khiến công thần là bọn Lê Khang... Lưu Trung... đều làm tướng văn, tướng võ, chia đường đem quân đối địch với giặc Ngô"⁽¹⁾. Sách *Dại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn nói rõ hơn: "... chia nhau đốc suất đội quân Thiết đột ra đối địch với quân Minh"⁽²⁾. Như vậy là từ đầu khởi nghĩa Lưu Trung đã là tướng phụ trách đội quân Thiết đột. Sau đó ông tham gia nhiều trận đánh, trong đó có những trận quan trọng ở Bồ Ải - Khả Lưu, góp phần cùng nghĩa quân bắt sống tướng giặc Chu Kiệt, chém đầu tướng tiên phong giặc là Hoàng Thành, bắt sống hơn nghìn tù binh, buộc quân giặc phải vào thành Nghệ An cố thủ. Hoặc trận đánh cánh quân cứu viện Mộc Thạnh ở ải Lê Hoa góp phần cùng các tướng Lê Khả, Lê Khuyển giành được thắng lợi vang dội vào cuối năm 1427.

Do công lao đóng góp của ông, cho nên trong danh sách những công thần khởi nghĩa đã ghi tên ông một cách trân trọng: "Lưu Trung: làm Giới phúc hầu, nhập tịch lộ Khả Lam, tước Giới quận công, vì ứng quốc

(1) *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 241.

(2) *Lê Quý Đôn toàn tập*. Sdd, tr. 35. Sách *Dại Việt thông sử*, chép nhầm chữ Lưu Trung thành Lưu Hoạn, vì 2 chữ Trung () và Hoạn () tự dạng gần giống nhau.

sự"⁽¹⁾. Trong bản *Trùng san - Lam Sơn thực lục*, Đàm Văn Lễ ghi cụ thể hơn: "Lưu Trung, người xã Đàm Thi, huyện Lương Giang⁽²⁾. Năm Thuận Thiên nguyên niên (1428) làm Qui Hóa vệ Đồng tổng quản. Năm thứ 5 (1432) được thăng làm Nhập nội Bảo chính công thần. Hạ Quốc Oai vệ chư quân sự. Mất năm Diên Ninh thứ 6 (1459). Sinh thời làm quan đến Tư Mã. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng Thái úy Giới quận công. Con là Lưu Thế Công⁽³⁾ được tập ấm Thông chương đại phu".

Về Lưu Nhân Chú, ông là một trong số 19 người tham dự Hội thề Lũng Nhai năm 1416⁽⁴⁾. Ông là một trong số những vị tướng chủ chốt của Lê Lợi. Ông đã tham gia chỉ huy nhiều trận đánh quan trọng như trận ải Khả Lưu năm 1424, trận đánh úp thành Tây Đô năm 1425, trận Chi Lăng - Xương Giang năm 1427, buộc Vương Thông thế cùng phải xin hòa. Để cho lời thề ước nghị hòa được chắc chắn, Vương Thông đã cử Sơn Thọ, Mã Kỳ sang đại bản doanh của Lê Lợi ở Bồ Đề làm con tin. Ngược lại Lê Lợi đã sai con trai là Tư Tề và Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin. Và trong Hội thề Đông Quan để 2 bên cùng nhau cam kết những

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 263, 208

⁽²⁾ Do địa danh thay đổi.

⁽³⁾ Có lẽ sách viết nhầm từ chữ tôn là cháu thành chữ tử là con.

⁽⁴⁾ *Gia phả* có tên Lưu Trung và Phạm Cường trong Hội thề Lũng Nhai..

điều đã thỏa thuận, Lưu Nhân Chú cũng được tham dự⁽¹⁾. Trong những năm chiến tranh Lưu Nhân Chú được nhiều lần ban phong chức tước. Ví dụ năm 1425 ông được phong tước Thông hầu; Năm 1427 được thăng là Hành quân đô đốc tổng quản, Nhập nội Đại tư mã, lĩnh bốn vệ Tiền, Hậu, Tả, Hữu, kiêm coi việc quân Tân vệ. Cùng năm ông lại được thăng thêm chức Tư không. Sau khi đi làm con tin trở về ông lại được phong làm Suy trung Tán trị Hiệp mưu Dương vũ công thân, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự. Tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) khắc biển công thân ông được phong Á thượng hầu tên hàng thứ 5. Năm thứ tư (1431) được chuyển làm Nhập nội Tư khấu. Năm Thiệu Bình thứ nhất (1434) ông bị Lê Sát giết hại⁽²⁾. Đời Hồng Đức năm thứ 15 (1484) tặng Thái phó Trung quận công, cho cháu là Lê Nhân Hạch được ấm Thông chương đại phu⁽³⁾. Có thể nói Lưu Nhân Chú là người được Lê Lợi tin cậy và mến mộ. Lê Lợi đã khen ông "Tài năng như cây tùng cây bách; chất người như ngọc "phan" ngọc "đur"⁽⁴⁾.

(1) Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn*. Nxb KHXH, H. 1977, tr. 469.

(2) *Lê Quý Đôn toàn tập*. Sdd, tr. 204.

(3) *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 261.

(4) *Lê Quý Đôn toàn tập*. Sdd, tr. 205. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*. Sdd, tr. 260.

Tiếp theo là Phạm Cuống. Tương tự như Lưu Trung, Phạm Cuống cũng là một trong số 51 người được Lê Lợi chọn làm tướng ngay ngày đầu tiên khởi nghĩa. Tiếc rằng chúng tôi chưa tìm thấy tài liệu nào (trừ *Gia phả*) ghi lại chiến công của ông trong chiến đấu. Có lẽ đây là do khiếm khuyết của sử sách. Bởi vì theo *Trùng san - Lam Sơn thực lục* thì "năm Thuận Thiên nguyên niên (1424) ông làm Đồng tổng quản Hạ Bắc lộ vệ chư quân sự. Năm Diên Ninh nguyên niên (1454) ông mất. Sinh thời làm quan đến Thiếu úy, Tuyên Quang trấn đại sứ. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng phong Hoàn Mỹ (Nghĩa) hầu..."⁽¹⁾. Nếu ông không tham gia chiến đấu, hoặc không có công lao gì đóng góp cho khởi nghĩa thì tại sao sau chiến thắng ông vẫn được ban phong chức tước. Ông là người đứng đầu danh sách trong số 12 người được phong Quan phục hầu⁽²⁾. Thậm chí sau khi ông mất còn được Lê Thánh Tông tặng phong Hoàn Mỹ (Nghĩa) hầu. Về điểm này, theo chúng tôi phải có thời gian nghiên cứu kỹ *Gia phả*, ngõ hầu có thể rút ra những điều hợp lý để bổ sung cho chính sử.

Cuối cùng là ông Trịnh Khắc Phục. Cũng giống như Lưu Trung, Phạm Cuống, Trịnh Khắc Phục đã có tên

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 212.

⁽²⁾ *Toàn thư*. Sdd, tr. 69.

trong danh sách 51 vị tướng lĩnh ngay từ ngày đầu khởi nghĩa. Và cũng giống như Phạm Cuồng, ông không được sử sách ghi lại những cống hiến của mình trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Tuy vậy những đóng góp của ông vẫn được ghi nhận trong bảng vàng biển ngạch công thần năm 1429. Ông vẫn có tên trong số 93 vị công thần được phong thưởng. Ông được phong Thượng trí tự Trước phục hầu⁽¹⁾, chứng tỏ trong kháng chiến ông đã có những cống hiến nhất định. Vì thế *Trùng san - Lam Sơn thực lục* mới ghi: "Năm Thuận Thiên nguyên niên (1428) ông làm Tả kim ngô Thượng tướng quân Phán Thái tông Chính phủ. Ông mất năm Thái Hòa thứ nhất (1443). Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng Ngọc Sơn hầu"⁽²⁾.

Vậy là trong số 4 người nhà họ Lưu tham gia khởi nghĩa Lam Sơn hoặc ít hoặc nhiều đều đã có cống hiến cho cuộc khởi nghĩa. Cả 4 người đều được ban Quốc tính, đều được phong chức tước khi đất nước đã được hoàn toàn giải phóng. Tuy nhiên trong số 4 người ấy, chúng tôi thấy danh tướng Lưu Nhân Chú nổi trội hơn cả. Tiếc rằng ông bị mất sớm, không còn thời gian để thi thố tài năng "cây tùng, cây bách" trong công

⁽¹⁾ *Toàn thư*. Sdd, tr. 69.

⁽²⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 211.

cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước khi đã sạch bóng quân thù.

Tóm lại, gia đình Lưu Nhân Chú là một gia đình yêu nước, quyết không đội trời chung với quân xâm lược. Họ đã đến với cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ những ngày hấy còn manh nha trứng nước. Họ đã kiên trì, trung thành với lý tưởng giải phóng dân tộc. Tùy theo khả năng, tài đức của từng người mà đã góp phần đáng kể cho sự thắng lợi hoàn toàn của cuộc khởi nghĩa.

Gia đình Lưu Nhân Chú là một trong số những gia đình mẫu mực trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

LƯU TRUNG VÀ PHẠM CUỐNG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN

TS. Nguyễn Đức Nhuệ

(Viện Sử học)

Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú ở xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cho biết: Phạm Cuống quê ở xã Văn Lãng, huyện Văn Lãng⁽¹⁾, Cao tổ là Hồ triều bá Phạm Long, đời đời làm quan phiên trấn Thái Nguyên thời Trần. Phạm Cuống sinh năm Đinh Dậu niên hiệu Đại Trị thứ 10⁽²⁾. Bà Lưu Thị Ngọc Ngoan - vợ ông - là con gái Lưu Trung và là em gái Lưu Nhân Chú, người xã Thuận Thượng bản huyện. Do mối quan

(1) Theo các tác giả sách *Đại Nam nhất thống chí*, tập IV - Nxb KHXH, H. 1971, tr. 151, thì tên huyện Văn Lãng không biết đặt từ đời nào, trước thuộc phủ Phú Bình, do phiên thân họ Ma đời đời quản trị, còn tác giả Đào Duy Anh trong sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* khi khảo về trấn Thái Nguyên thời Trần-Hồ không chỉ rõ đích xác huyện Lộng Thạch ở đâu và đưa ra giả thiết: ở phía tây nam tỉnh Thái Nguyên, giữa huyện Định Hóa và huyện Đại Từ còn có huyện Văn Lãng... Nguyên xưa, phải chăng đó là huyện Lộng Thạch?

(2) Đại Trị là niên hiệu vua Trần Dụ Tông từ 1358-1369. Đại Trị năm thứ 10 là năm Đinh Mùi (1367). Gia phả chép năm Đinh Dậu có lẽ nhầm. Đinh Dậu là năm Thiệu Phong 17 triều Trần Dụ Tông (1357). Trong Gia phả không ghi chép năm sinh của Lưu Trung và Lưu Nhân Chú.

hệ thống gia này mà "hai nhà [Lưu - Phạm] đi lại thân thiết, cha con, anh em đều hiếu thuận hòa mục".

Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ rất sớm và có những cống hiến quan trọng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh giải phóng đất nước đầu thế kỷ XV. Các ông là công thần khai quốc của vương triều Lê. Tuy nhiên so với một số nhân vật lịch sử cùng thời và so với Lưu Nhân Chú, tên tuổi của Lưu Trung và Phạm Cuống không được sử sách ghi chép một cách đầy đủ thậm chí khá mờ nhạt (nhất là Phạm Cuống), trong khi đó nguồn tư liệu địa phương (cụ thể là bản gia phả nêu trên) lại chứa đựng rất nhiều thông tin, phản ánh đậm nét vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Mặc dù những ghi chép của chính sử và gia phả có nhiều điểm chưa nhất quán nhưng ít ra nguồn tư liệu qua gia phả lại chính là sự bổ sung cần thiết và quan trọng khi nghiên cứu, tìm hiểu thân thế và sự nghiệp của Lưu Trung, Phạm Cuống - hai nhân vật lịch sử đầu thế kỷ XV.

Thông qua các nguồn tư liệu đã dẫn, nội dung bài viết này xin được trình bày ba vấn đề có liên quan đến những nhân vật chúng ta đang tìm hiểu. Về nhân vật Lưu Nhân Chú đã có nhiều bản tham luận đề cập chi tiết, ở đây chúng tôi không đi sâu tìm hiểu.

1. Lưu Trung và Phạm Cuống tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào?

Trải qua một thời gian tích cực chuẩn bị chiêu tập hào kiệt bốn phương, ngày 7 tháng 2 năm 1418 (tức ngày 2 tháng giêng năm Mậu Tuất), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa, mở đầu cho cuộc kháng chiến trường kỳ nhưng đầy anh dũng, giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ của nhà Minh. Núi rừng Lam Sơn (Thanh Hóa) - quê hương của người anh hùng Lê Lợi - trở thành nơi hội tụ sức mạnh của cả dân tộc.

Trước đó 2 năm - vào năm Bính Thân (1416) tại Lũng Nhai (Lam Sơn) đã diễn ra Hội thề lịch sử giữa Lê Lợi và 18 người bạn chiến đấu của ông. Họ nguyện cùng chung lòng dốc sức đấu tranh chống ngoại xâm giải phóng đất nước. *Lưu Trung và Phạm Cuống có tham dự Hội thề này không?*

Hội thề Lũng Nhai lịch sử năm 1416 và danh sách những người tham dự Hội thề ấy cũng như bản thệ văn, rất tiếc không được các bộ sử của ta như *Đại Việt thông sử*⁽¹⁾, *Đại Việt sử ký toàn thư*⁽²⁾ hay *Đại Việt sử ký tiền biên*⁽³⁾ ghi lại, nhưng nó được một số tài liệu khác chép

(1) *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập III (*Đại Việt thông sử*). Nxb KHXH, H. 1978.

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II. Nxb KHXH, H. 1985.

(3) Ngô Thì Sĩ: "Đại Việt sử ký tiền biên". Nxb KHXH, H. 1997.

khá tường tận. Đó là các tác phẩm: *Lam Sơn thực lục*⁽¹⁾, *Lam Sơn sự tích*⁽²⁾, *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* và trong gia phả của một số dòng họ khai quốc công thần triều Lê. Tuy nhiên, trong các tài liệu kể trên, danh sách những người tham gia Hội thề có những sai biệt ít nhiều.

Ở mục Phàm lệ biên soạn sách *Đại Việt thông sử*, mặc dù tác giả Lê Quý Đôn nói rõ việc ghi chép bộ sử này bắt đầu bằng những sự kiện diễn ra từ khi Lê Lợi khởi binh năm 1418 nhưng thời kỳ trước đó ông đề cập chủ yếu đến quá trình Lê Lợi chiêu tập anh hùng hào kiệt, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Những người đầu tiên đến với Lê Lợi được Lê Quý Đôn chép rất rõ. Đó là: Trịnh Đồ, Trương Lôi, Trịnh Khả, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Lê Liễn và Lê Xa Lôi (11 người). Tuy nhiên, Lê Quý Đôn không hề nhắc đến Hội thề Lũng Nhai. Tên tuổi những nhân vật kể trên trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra cũng như Hội thề Lũng Nhai năm 1416

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục* (Bản mới phát hiện) Nguyễn Diên Niên khảo chứng, Lê Văn Ưông dịch. Ty Văn hóa Thanh Hóa 1976.

- *Lam Sơn thực lục* trong *Nguyễn Trãi toàn tập* - Nxb KHXH, H. 1976.

- *Lam Sơn thực lục* - Mạc Bảo Thân dịch, Tân Việt 1956.

⁽²⁾ *Lam Sơn sự tích*: Bản chép tay niên hiệu Bảo Đại - Thư viện KHXH.

cũng không được ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* hay trong *Đại Việt sử ký tiền biên*.

Về Hội thề Lũng Nhai, chúng tôi xin dẫn ra 3 tài liệu có đề cập đến:

1. *Lam Sơn thực lục*: gồm 3 quyển. Tác phẩm này được soạn năm Thuận Thiên thứ 4 (1431) ghi chép lại những sự kiện lịch sử lớn diễn ra từ năm 1418 đến 1428. Bản chúng tôi hiện sử dụng là bản *Lam Sơn thực lục* do Nguyễn Diên Niên khảo chứng, Ty Văn hóa Thanh Hóa xuất bản năm 1976. Theo tác giả khảo chứng cho biết thì bản này được Đàm Văn Lễ sao lại từ bản Thuận Thiên vào năm Quang Thiệu thứ 2 (1517) và được lưu giữ tại nhà công thần Lê Sát.

2. *Lam Sơn sự tích* hay còn gọi là *Lam Sơn sự tích lịch đại đế vương*.

3. *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ - Thái Nguyên.

Các tài liệu trên đây đều chép thống nhất thời điểm diễn ra Hội thề Lũng Nhai là năm Bính Thân (1416) và đưa ra danh sách những người tham gia Hội thề gồm 19 người. (Trong *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* nói là 20 người nhưng chỉ chép tên 19 người như danh sách chúng tôi sẽ dẫn ở dưới). Bản *Lam Sơn thực lục* chép thứ tự các tên như sau: Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn Linh,

Lê Văn An, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Liễn, Bùi Quốc Hưng, Lê Ninh, Lê Kiệm, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Phạm Lôi, Lê Lý, Đinh Lan và Trương Chiến. Bản *Lam Sơn sự tích* chép gồm Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn Linh, Lê Văn An, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Ninh, Lê Kiệm, Lê Liễn, Bùi Quốc Hưng, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Đinh Liệt, Lê Lý, Lê Bồi, Đinh Lan và Trương Chiến.

Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú chép gồm: Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê Liễn, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiểm, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Phạm Cuống, Lê Lý, Đinh Lan và Trương Chiến.

Ở ba bản này có một số sai biệt sau:

So với bản *Lam Sơn thực lục* thì bản *Lam Sơn sự tích* không có Trịnh Vô, Phạm Lôi mà thêm vào Đinh Liệt và Lê Bồi; còn *Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú* thì không có Lê Ninh, Lê Kiệm, Phạm Lôi mà thêm vào Lưu Trung, Phạm Cuống và Lê Hiểm. Theo chúng tôi, Lê Hiểm chép trong *Gia phả* chính là Lê Kiệm ở bản *Lam Sơn thực lục* và *Lam Sơn sự tích* chữ Hiểm (險) và chữ Kiệm (儉) có tự dạng gần giống nhau nên dễ nhầm lẫn.

Như vậy, trong danh sách các tướng lĩnh tham gia Hội thề Lũng Nhai năm 1416 được chép ở *Lam Sơn thực lục* và *Lam Sơn sự tích* không có tên Lưu Trung và Phạm Cuồng.

Theo Gia phả cho hay thì 3 cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng từ Thái Nguyên lặn lội tìm vào Lam Sơn từ rất sớm. Khi 3 người đến gặp Lê Lợi, lúc ấy Lê Lợi mới 25 tuổi đang làm chức quan phụ đạo chính (khoảng năm 1409-1410)⁽¹⁾. Được Lê Lợi đón tiếp nồng hậu và coi như người nhà, 3 người quyết định ở lại Lam Sơn, cùng Trương Lôi cày ruộng để làm kế sinh nhai và cùng Lê Lợi mưu tính việc lớn. Vậy tại sao khi Hội thề Lũng Nhai diễn ra chỉ có Lưu Nhân Chú tham dự ? Tên của Lưu Nhân Chú được chép rõ trong *Lam Sơn thực lục* và *Lam Sơn sự tích*. Đây là 2 tài liệu chứa đựng nguồn sử liệu (đặc biệt là *Lam Sơn thực lục*) theo chúng tôi có độ tin cậy rất cao. Đối với sự kiện này chúng tôi tạm thời đưa ra 2 giả thiết:

1. Có khả năng ba người cùng vào Lam Sơn trước năm 1416. Sau khi gặp Lê Lợi, họ ở lại Lam Sơn một thời gian, thăm dò, tìm hiểu về Lê Lợi. Một khi đã xác định rõ chí hướng hành động cũng như tài năng đức độ

⁽¹⁾ Lê Lợi sinh năm Ất Sửu (1385), khi ông 25 tuổi, tức khoảng năm 1409-1410.

của Lê Lợi thì Lưu Trung và Phạm Cuống trở lại bản quán tổ chức nghĩa binh xây dựng lực lượng, tích trữ lương thực, chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc khởi nghĩa sau này, còn Lưu Nhân Chú vẫn ở lại Lam Sơn. Do đó Lưu Trung và Phạm Cuống không có điều kiện để tham dự Hội thề ? Hiện nay ở quê hương Lưu Nhân Chú còn lưu giữ nhiều địa danh lịch sử như núi Văn, núi Võ, núi Quần Ngựa, bãi Tắm ngựa, núi Cẩm Cờ v.v... cùng các truyền thuyết dân gian đã phần nào nói lên quá trình các ông chuẩn bị lực lượng cũng như không khí luyện quân, tập trận của nghĩa quân trước khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra.

2. Lưu Nhân Chú được Lưu Trung cử vào Lam Sơn trước với nhiệm vụ đi "tiền trạm". Ở đây ta bắt gặp truyền thuyết Lưu Nhân Chú ngủ trọ, được thần nhân báo mộng. Truyền thuyết này Lê Quý Đôn chép trong *Đại Việt thông sử* (Chư thần truyện) và Phan Huy Chú chép trong *Lịch triều Hiến chương loại chí*⁽¹⁾ (Nhân vật chí) chỉ giành cho riêng ông chứ không gán thêm Lưu Trung và Phạm Cuống vào như gia phả từng chép.

Sau khi tham dự Hội thề Lũng Nhai, Lưu Nhân Chú được Lê Lợi phái về quê nhà cùng Lưu Trung, Phạm

⁽¹⁾ Phan Huy Chú: *Lịch triều Hiến chương loại chí*. Tập I. Nxb Sử học, H. 1960, tr. 260.

Cuống chiêu tập nghĩa binh, chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Có thể Lưu Trung và Phạm Cuống vào Lam Sơn sau năm 1416. Đây cũng là thời điểm anh hùng hào kiệt bốn phương nô nức tìm về Lam Sơn tụ nghĩa⁽¹⁾.

Lưu Trung được sử sách nhắc đến trước khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ. *Lam Sơn thực lục* có ghi lại sự kiện tên huyện quan Đỗ Phú vì có thù với Lê Lợi đã câu kết với quân Minh lấy trộm hải cốt linh xa tổ tiên Lê Lợi treo ở đầu thuyền buộc ông phải đến hàng. Lưu Nhân Chú, Lưu Trung và 12 người khác được lệnh "đội cỏ gai, bơi xuôi theo dòng nước từ thượng lưu xuống... lấy lại hải cốt linh xa đem về".

Còn tên tuổi Phạm Cuống bắt đầu được chính sử chép từ năm 1418 khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa.

Lực lượng nghĩa quân Lam Sơn buổi đầu được tác giả Lê Quý Đôn ghi chép khá tỉ mỉ trong tác phẩm của mình. Ngoài ra trong *Lam Sơn sự tích*, *Lam Sơn thực lục* hay *Đại Việt sử ký toàn thư* có đề cập đến ở mức độ nhiều ít khác nhau. Riêng *Đại Việt sử ký toàn thư* không ghi chép cụ thể tên các tướng văn võ. Sách ấy chỉ chép: "Buổi đầu vua kinh dinh 4 phương, phía bắc đánh giặc

⁽¹⁾ Tham khảo thêm: Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn* (In lần thứ 3). Nxb KHXH, H. 1977.

Minh, phía tây đuổi Ai Lao chỉ có bọn võ thần là Lê Thạch, Lê Lễ, Lê Sát, Lê Ván, Lê Ngân, Lê Lý 30 người; văn thần là bọn Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng; quân cha con thì có 200 quân thiết đột, 200 nghĩa sĩ, 300 dũng sĩ, 4 thớt voi, còn quân khinh dũng và quân già yếu hộ vệ chỉ có 1 nghìn người mà thôi"⁽¹⁾.

Khác với *Toàn thư*, các tài liệu như *Đại Việt thông sử*, *Lam Sơn sự tích* và *Lam Sơn thực lục* chép khá đầy đủ tên các tướng lĩnh.

Theo *Đại Việt thông sử* (phần Đế kỷ) thì buổi đầu khởi nghĩa, số tướng văn tướng võ của nghĩa quân Lam Sơn là 50 người, trong đó: 34 người họ Lê; 4 người họ Trịnh; 3 người họ Trần; họ Phạm, họ Lưu đều 2 người; họ Đỗ, họ Bùi, họ Nguyễn, họ Vũ, họ Trương đều 1 người.

Hai người họ Phạm là Phạm Lung và Phạm Quỳ.

Hai người họ Lưu là Lưu Đàm và Lưu Hoạn.

So với *Đại Việt thông sử* thì *Lam Sơn sự tích* chép nhiều hơn 4 người, tổng cộng là 54 người có bổ sung thêm Lê Lý và Lưu Trung, còn Lê Xa Lôi và Lê Cảnh Thọ mà *Đại Việt thông sử* chép là 2 người thì *Lam Sơn*

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, tr. 308.

sự tích chép là Lê Xa, Lê Lôi, Lê Cảnh, Lê Thọ (4 người).

Số tướng lĩnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn buổi đầu *Lam Sơn thực lục* chép tương tự như *Đại Việt thông sử* gồm 51 người. Bản này chép thiếu Lê Ván, Lưu Hoạn mà bổ sung thêm vào Lê Lý, Lê Lương và Lưu Trung.

Như vậy, trong ba tài liệu đã dẫn thì Phạm Cuống đều có tên trong danh sách. Cả 3 bản đều thống nhất chép là Lê Cuống; còn tên Lưu Trung được chép ở *Lam Sơn sự tích* và *Lam Sơn thực lục*. Theo chúng tôi, Lưu Trung cũng chính là Lưu Hoạn chép trong *Đại Việt thông sử* vì chữ Hoạn (患) và chữ Trung (忠) có tự dạng gần giống nhau nên dễ bị nhầm lẫn.

Ở 3 bản này đều không thấy chép tên Lưu Nhân Chú cũng như tên một số người đã tham gia Hội thề Lũng Nhai như Lê Lai, Trịnh Đồ, Trương Chiến, Phạm Lôi, Lê Kiệm v.v...

Từ các nguồn tư liệu trên chúng tôi tạm đưa ra kết luận: Ba cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ ngày đầu (1418) và trở thành những tướng lĩnh trụ cột của phong trào, nhưng chỉ có Lưu Nhân Chú tham dự Hội thề Lũng Nhai lịch sử (1416).

2. Lưu Trung và Phạm Cuống tham gia những trận đánh nào?

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được tiến hành trong suốt 10 năm ròng rã đầy gian khổ (1418-1428). Trong quá trình phát triển của cuộc khởi nghĩa, lực lượng nghĩa quân tham gia ngày càng đông đảo. Phạm vi hoạt động của nghĩa quân không chỉ bó hẹp ở vùng rừng núi Thanh Hóa mà lan sâu vào Nghệ An-Hà Tĩnh từ năm 1424, và đến năm 1425, nghĩa quân đã tiến vào phía nam giải phóng Tân Bình, Thuận Hóa.

Năm 1426 nghĩa quân tiến ra Bắc mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới của cuộc khởi nghĩa. Với cuộc tiến công này, khởi nghĩa Lam Sơn đã thực sự phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng giành độc lập dân tộc trên phạm vi cả nước.

Trong 10 năm ấy, theo như lời văn Nguyễn Trãi tán dương công lao của Lê Lợi được phản ánh qua nội dung văn bia Vĩnh Lăng thì: "Năm Mậu Tuất dấy hưng nghĩa binh đóng trên sông Lạc Thủy, trước sau hơn 20 trận, đều đặt mai phục, dùng kỳ binh, tránh mũi nhọn, thừa chỗ hư, lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh...". Ở đây chúng tôi không trực tiếp tìm hiểu, phân tích ý đồ chiến thuật cũng như hình thức tác chiến trong các trận đánh mà thông qua nguồn sử liệu trong chính sử xin thống kê

lại tên các nhân vật lịch sử hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến tiến trình phát triển của cuộc khởi nghĩa được sử sách ghi chép lại. Trong ba tài liệu chúng tôi sử dụng là *Đại Việt thông sử*, *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lam Sơn thực lục* mặc dù có những điểm ghi chép thiếu nhất quán về năm tháng diễn ra sự kiện hay các địa danh, chúng tôi tạm thời không đối chiếu so sánh để tập trung vào mục đích chính là xác minh nhân vật đang cần tìm hiểu.

Dưới đây là diễn biến sơ lược của tiến trình cuộc khởi nghĩa.

<i>Các sự kiện chính</i>	<i>Tên các tướng lĩnh được ghi chép</i>
+ Trần Lạc Thủy (9 tháng giêng năm Mậu Tuất - 1418)	Lê Thạch, Đinh Bồ, Lê Ngân, Lê Lý.
+ Ngày 16 tháng giêng năm Mậu Tuất - 1418 (Có tài liệu chép 16/4).	Lê Lợi cùng Đinh Lễ, Lê Náo, Đỗ Bí, Phạm Vấn, Nguyễn Xí, Cao Đạp nương nấu trên núi Chí Linh.
+ Trần Mường Mọt (Tháng 9 Mậu Tuất - 1418).	Lê Lợi cùng Lê Liễn, Trương Lôi chạy lên núi thuộc xứ Mường Mọt.

+ Cuối năm Mậu Tuất - 1418	Lê Lợi bị vây ở Linh Sơn, Mường Cốc; Lê Lai liều mình cứu chúa.
+ Trần Nghĩa Canh (đánh đồn Nga Lạc). (Tháng 4, Kỷ Hợi - 1419).	Không chép tên các tướng lĩnh tham gia.
+ Trần Mường Chánh (Tháng 5, Kỷ Hợi - 1419).	Không chép tên tướng lĩnh tham gia.
+ Trần Bồ Mộng (Tháng 10, Canh Thân - 1420).	Phạm Vấn, Lê Triện và Lê Lý.
+ Trần Quan Du (hay Quan Da) (Tháng 11, Canh Thân - 1420).	Lê Sát và Lê Hào.
+ Trần Ba Lãm - Ứng Ải (Tháng 11, Tân Sửu - 1421).	Không chép tên tướng lĩnh tham gia.
+ Đánh Ai Lao (Tháng 12, Tân Sửu - 1421).	Lê Thạch.
+ Đánh Ai Lao (Tháng 12, Nhâm Dần - 1422).	Nguyễn Chích.

+ Trần Quan Da (đánh Ai Lao) (Tháng 12, Nhâm Dần - 1422).-	Lê Lĩnh, Phạm Vấn, Lê Hào, Lê Triện, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lê Trĩ.
+ Giảng hòa với quân Minh (Cuối năm Nhâm Dần - 1422, đầu năm Quý Mão - 1423).	Lê Vận, Lê Trần làm sứ giả.
+ Đánh đồn Đa Căng (Tháng 9 Giáp Thìn - 1424).	Không chép tên tướng lĩnh tham gia.
+ Trần Trà Long (Cuối năm Giáp Thìn - 1427).	Không chép tên tướng lĩnh tham gia.
+ Trần Khả Lưu (Cuối năm Giáp Thìn - 1424)	Đinh Liệt.
+ Trần Bồ Ải (Cuối năm Giáp Thìn - 1424).	Phạm Vấn, Lê Sát, Lê Ngân, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Cao Đạp, Lê Triện, Lê Bồi, Lưu Nhân Chú, Trương Chiến, Lê Tông Kiều, Lê Khôi, Trịnh Khả, Lê Văn An, Lưu Trung, Doãn Nỗ, Trương Lôi.

+ Trận mai phục chặn đánh viện binh của Trần Trí đến cứu Nghệ An ở cửa sông Quạt Giang. (Tháng 4 Ất Ty - 1425).	Lê Nanh, Lê Thiệt.
+ Trận mai phục đánh cướp thuyền lương của địch ở Diễn Châu. (Tháng 5 Ất Ty - 1425).	Đinh Lễ.
+ Đánh thành Tây Đô (Thanh Hóa) (Tháng 5 Ất Ty - 1425).	Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Triện, Bùi Bị, Đinh Lễ, Trương Lôi, Trương Một, Lê Trĩ, Trương Lôi, Lê Nanh và Lưu Trung.
+ Giải phóng Tân Bình - Thuận Hóa (Tháng 7, Ất Ty - 1425).	Trần Nguyên Hãn, Doãn Nỗ, Lê Đa Bôi, Lê Ngân, Lê Văn An, Lê Xa Lôi, Lê Vị Tẩu, Lê Phạm Lôi.
+ Chia các tướng đưa quân ra Bắc chiêu phủ các xứ Đông Đô, đóng giữ nơi hiểm yếu chặn đường rút lui của giặc. (Tháng 8, Bính Ngọ - 1426).	Phạm Văn Xảo, Lê Triện, Trịnh Khả, Đỗ Bí, Lê Thận. Lưu Nhân Chú, Bùi Bị, Lê Khuyển, Lê Nanh, Lê Bôi, Lê Vị Tẩu.
+ Tiến đánh Đông Đô	Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lê Bì.
- Trận Ninh Kiều - Tốt Động (12/9 Bính Ngọ - 1426).	Lê Triện, Trịnh Khả, Đỗ Bí, Đinh Lễ, Lê Hốt, Trương Chiển, Trương Lôi, Đinh Lan.

- Vây thành Nghệ An (17/9 Bính Ngọ - 1426).	Lê Ngân, Lê Văn An, Phạm Bôi, Lê Thận, Lê Lĩnh, Lê Văn Linh và Bùi Quốc Hưng.
+ Chặn đánh viện binh của Vương An Lão ở cầu Xa Lộc, xứ Tam Giang (20/9 Bính Ngọ - 1426).	Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả.
+ Đánh thắng Vi Lượng (nhà Minh) ở cầu Nhân Mục.	Lê Triện.
+ Chặn đánh viện binh của Vương Thông ở Ninh Kiều - Tốt Động. (6/10 Bính Ngọ - 1426).	Lê Triện, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, Trịnh Khả.
Trong tháng 12 năm Bính Ngọ - 1426 chia các cánh quân tiến ra Đông Đô.	Trần Nguyên Hãn, Bùi Bị, Đinh Lễ.
- Đánh thành Điều Điều và Thị Cầu. - Đánh thành Tam Giang - Đánh thành Xương Giang.	Bùi Quốc Hưng. Trịnh Khả, Lê Khuyển. Lê Triện, Lê Sát, Lê Lý, Lưu Nhân Chú, Lê Lĩnh, Lê Hốt.
+ Đánh chiếm thành Khâu Ôn	Trần Lựu, Phạm Bôi.

(13/giêng, Đinh Mùi - 1427).	
+ Vây thành Đông Quan (Đầu năm Đinh Mùi - 1427)	Trịnh Khả, Đinh Lễ, Lê Chứng, Lê Triện, Lê Sát, Lê Lý, Trương Lỗi, Nguyễn Chích, Bùi Bị, Lê Văn An.
+ Đánh chiếm thành Điều Diêu - Thị Cầu.	Nguyễn Chích.
+ Trận Quả Động (Tháng 2 năm Đinh Mùi - 1427).	Lê Triện, Đỗ Bí.
+ Trận Mi Động (8/3 năm Đinh Mùi - 1427)	Đinh Lễ, Nguyễn Xí.
+ Đánh chiếm thành Xương Giang (8/9 năm Đinh Mùi - 1427).	Trần Nguyên Hãn, Lê Sát, Lê Lý, Trần Lựu.
+ Mai phục ải Chi Lăng chặn đánh viện binh của Liễu Thăng, giết chết Liễu Thăng, đánh tan viện binh của quân Minh. (Tháng 9 năm Đinh Mùi - 1427).	Trần Nguyên Hãn, Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Thụ, Đinh Lan, Trương Lỗi, Bùi Quốc Hưng, Đinh Liệt, Lê Vĩ Tảo.

+ Tiếp ứng cho đạo quân mai phục ải Chi Lăng.	Lê Lý, Lê Văn An.
+ Mai phục ải Lê Hoa, đánh viện binh của Mộc Thạnh ở Đan Xá - Lĩnh Thủy.	Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Lưu Trung, Lê Khuyển.
+ Tiếp ứng cho đạo phục binh ở ải Lê Hoa.	Lê Náo, Trương Lôi, Lê Khuyển.

Tần số tên các tướng sĩ xuất hiện trong các trận đánh hoặc một số sự kiện có liên quan (đã liệt kê ở trên) như sau:

- Xuất hiện 1 lần có 14 người là: Lê Lai, Đinh Bộ, Lê Liễn, Lê Vận, Lê Tông Kiều, Lê Khôi, Lê Thiệt, Lê Trăn, Trương Một, Lê Phạm Lôi, Lê Bì, Lê Chuông, Lê Thụ, Lê Đa Bồi.

- Xuất hiện 2 lần có 17 người là: Lê Thạch, Lê Náo, Cao Đạp, Lê Hào, Lê Trĩ, Đinh Liệt, Trương Chiến, Doãn Nỗ, Lê Xa Lôi, Lê Vị Tẩu, Lê Thận, Phạm Bôi, Đinh Lan, Bùi Quốc Hưng, Trần Lựu, Lê Hốt, Lê Bôi.

- Xuất hiện 3 lần có 6 người là: Nguyễn Chích, Lê Lĩnh, Trương Lôi, Lê Nanh, Phạm Văn Xảo, Lưu Trung.

- Xuất hiện 4 lần có 6 người là: Đỗ Bí, Lê Ngân, Phạm Ván, Bùi Bị, Trần Nguyên Hãn, Lê Khuyển.

- Xuất hiện 5 lần có 2 người là: Nguyễn Xí, *Lưu Nhân Chú*.

- Xuất hiện 6 lần có 2 người là: Lê Lý, Trương Lôi.

- Xuất hiện 7 lần có 2 người là: Trịnh Khả, Lê Sát.

- Xuất hiện 9 lần có 1 người là: Đinh Lễ.

- Xuất hiện 11 lần có 1 người là: Lê Triện.

Tổng cộng có 51 tướng văn, tướng võ được chính sử ghi chép tên tham dự các trận đánh lớn nhỏ. *Trong số này chúng tôi không tìm thấy tên Phạm Cuống.*

Theo nội dung bản Gia phả (đã dẫn) thì Phạm Cuống có tham dự một số trận đánh quan trọng, từ trận đầu tiên ở Lạc Thủy tháng giêng năm Mậu Tuất (1418), tiếp theo đó là các trận đánh đồn Nga Lạc (1419), trận Ba Lãm (1421), cùng nghĩa quân tiến công vào Nghệ An (1424), đánh thành Tây Đô (1425) và mai phục đánh Liễu Thăng ở Chi Lăng năm 1427 v.v...

Thực tế có diễn ra đúng như Gia phả đã ghép không ? Chúng tôi thấy cần phải có thời gian xác minh thêm. Tuy nhiên chúng tôi lưu ý rằng: Trận đánh đồn Nga Lạc (1419) và trận Ba Lãm (1421) chính sử không chép rõ vị tướng nào chỉ huy. Những thông tin trong Gia phả là thực sự cần thiết cho việc bổ sung thiếu sót này.

Vấn đề đặt ra ở đây là: Tại sao chính sử không hề một lần ghi chép tên Phạm Cuống trong số rất nhiều

tướng lĩnh tham gia các trận đánh. Liệu ông có trực tiếp cầm quân ra trận không ? Theo chúng tôi, chắc chắn Phạm Cuống giữ một vai trò nhất định nào đó trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và ông có tham dự một số trận đánh nhưng không phải là tướng tiên phong trực tiếp đương đầu với mũi tên hòn đạn. Nếu Gia phả chép đúng về năm sinh của Phạm Cuống là năm Đại Trị thứ 10 (1367), thì khi đến với khởi nghĩa Lam Sơn, ông đã trên 50 tuổi, ở độ tuổi kinh nghiệm và mưu mô có thừa, nhưng không còn đủ sức khỏe để xông pha trận mạc như nhiều tướng lĩnh trẻ trung khác. Có lẽ vì vậy mà trong Gia phả chỉ ghi đậm nét tên ông trong những trận đầu. Càng về giai đoạn cuối thì sự ghi chép dè dặt hơn, tên ông thường được phụ thêm vào với Lưu Trung khi nói về các trận đánh. Theo chúng tôi, đúng ra là cả Lưu Trung và Phạm Cuống được người chép Gia phả cho gắn chung với những chiến công của Lưu Nhân Chú - một vị tướng trẻ tài năng dũng lược hơn người. Nhưng vì Lưu Trung là cha nên người chép Gia phả để tên Lưu Trung làm trọng tâm mà gắn Phạm Cuống và Lưu Nhân Chú vào vừa hợp lẽ, vừa hợp lý. Vào giai đoạn cuối của cuộc khởi nghĩa, Phạm Cuống đã sắp bước vào tuổi 60, nên việc ông trực tiếp cầm quân đánh giặc là

điều khó xảy ra. Do đó việc ghi chép về ông trong Gia phả như vừa nêu cũng là điều dễ hiểu.

Có thể khẳng định: Đội ngũ tướng lĩnh của nghĩa quân Lam Sơn phần đông ở độ tuổi tráng niên. Duy có một số trường hợp khi gia khởi nghĩa quân Lam Sơn tuổi đã khá cao như Bùi Quốc Hưng⁽¹⁾, Lưu Trung, Phạm Cuống. Họ hơn chủ soái Lê Lợi trên dưới 20 tuổi, do đó, với truyền thống trọng sĩ dĩ nhiên họ luôn nhận được sự tôn trọng vị nể của Lê Lợi. Trong toàn bộ tiến trình của cuộc khởi nghĩa, có lẽ Lê Lợi sử dụng họ làm mưu thần nhiều hơn là làm tướng đánh trận. Như trên đã nêu, Bùi Quốc Hưng và Lưu Trung có tham gia một số trận đánh, nhưng theo chúng tôi nhiệm vụ chính không phải trực tiếp giáp chiến với kẻ thù mà là để lập mưu kế bày binh bố trận trong quân⁽²⁾. Phạm Cuống hẳn đã được Lê Lợi bổ trí chức nhiệm làm tham mưu quân sự là chính và ông đã có những đóng góp to lớn đối với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Cống hiến ấy của ông đã được Lê Lợi và vương triều Lê ghi nhận qua các đợt phong thưởng, ban tước vị sau khi đất nước khai hoàn.

(1) Bùi Quốc Hưng người Chương Mỹ - Hà Tây, đậu tam trường thời Trần Duệ Tông (1373-1377), đã từng làm quan dưới triều Trần.

(2) Bùi Quốc Hưng chỉ huy đánh thành Điều Điều và Thị Cầu nhưng 2 thành này sau đó Nguyễn Chích trực tiếp đánh chiếm được. Còn Lưu Trung tham gia vào 3 sự kiện trong đó có 2 trận cũng có mặt Lưu Nhân Chú.

3. Lưu Trung và Phạm Cuồng trong các đợt ban thưởng.

Ngày 12 tháng chạp năm Đinh Dậu, bọn bại tướng nhà Minh là Vương Thông, Phương Chính, Mã Kỳ... theo hai đường thủy bộ rút về nước. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giải phóng đất nước của nhân dân ta đã giành được thắng lợi trọn vẹn.

Tháng 2 năm Mậu Tuất (1428), Lê Lợi tổ chức ban thưởng đợt đầu tiên cho "những hỏa thủ và quân nhân của quân thiết đột có công lao khó nhọc ở Lũng Nhai". Về danh sách những công thần được ban thưởng đợt này, các sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, và *Lam Sơn thực lục* chép không thống nhất.

Toàn thư và *Cương mục* đều chép danh sách gồm 221 người:

- Công hạng nhất được ban quốc tính là 52 người, được phong là Vinh lộc đại phu Tả kim ngô vệ Đại tướng quân, tước Thượng trí tự.
- Công hạng hai được ban quốc tính là 72 người, được phong là Trung lượng đại phu Tả phụng thần vệ Tướng quân, tước Đại trí tự.
- Công hạng ba được ban quốc tính là 94 người, được

phong là Trung vũ đại phu Câu kiểm vệ Tướng quân, tước Trí tự.

Danh sách ba bậc cộng lại là 218 người (thiếu 3 người so với số liệu đã nêu).

Trong *Lam Sơn thực lục* từ tờ 43a đến tờ 45b liệt kê danh sách các công thần được vinh phong. Trong đó:

- Công hạng nhất được ban quốc tính 49 người, được phong là Vinh lộc đại phu Tả kim ngô vệ Đại tướng quân, tước Thượng trí tự.

- Công hạng hai được ban quốc tính 74 người, được phong là Trung lượng đại phu Tả phụng thần vệ Tướng quân, tước Đại trí tự.

- Công hạng ba 103 người, được phong là Trung vũ đại phu, Câu kiểm vệ Tướng quân, tước Trí tự (trong bảng liệt kê chỉ có 99 người, thiếu 4 người).

Tổng cộng 226 người, có 222 người trong danh sách.

Trong danh sách này không có tên Lưu Trung và Phạm Cuồng, còn tên của Lê Chú (Lưu Nhân Chú xếp thứ 53 trong 74 người công hạng hai).

Ngoài ra trong *Lam Sơn thực lục* còn có hai bảng danh sách vinh phong công thần mà *Toàn thư* và *Cương mục* không có.

- + Từ tờ 30a đến tờ 31a, *Lam Sơn thực lục* ghi danh sách 35 công thần khởi nghĩa, đều là những người ngay

từ khi mới khởi nghĩa làm quân hỏa thủ, quân thiết kỵ, quân thiết đột và được ban họ vua. (Ngự danh tam thập ngũ danh. Giai do sơ khởi vi Hỏa đầu thiết kỵ đột quân, tịnh tứ quốc tính).

Trong 35 người ấy, Lưu Nhân Chú (xếp thứ 15): "Vi Sùng sơn hầu, Khả Lam lộ. Do ứng quốc sự" (làm Sùng sơn hầu, lộ Khả Lam. Vì ứng quốc sự); Lưu Trung (xếp thứ 25): "Vi Giới Phúc hầu. Tịch thập Khả Lam lộ, tước Giới quận công. Do ứng quốc sự" (làm Giới Phúc hầu, nhập tịch lộ Khả Lam, tước Giới quận công. Vì ứng quốc sự).

Phạm Cuồng không có tên trong 35 người này.

+ Từ tờ 34b đến tờ 42b, *Lam Sơn thực lục* ghi chép danh sách Khai quốc công thần gồm 125 người (Khai quốc công thần cai nhất bách nhị thập ngũ viên). Trong đó có 36 người (từng) được ghi họ tên trong *Lam Sơn thực lục* (*Lam Sơn thực lục* hữu tính danh tam thập lục viên).

Danh sách 36 người này, tên của Lưu Nhân Chú xếp thứ 7; tên của Lưu Trung xếp thứ 27.

Lê Nhân Chú: Lôi Dương huyện, Thủy Chú sách, Thuận Thiên nguyên niên, Suy trung tán trị hiệp mưu dương võ công thân, Nhập nội kiểm hiệu Tư không, Bình chương quân quốc trọng sự, Huyện thượng hầu.

Thuận Thiên tứ niên, thăng Nhập nội kiểm hiệu Tư khấu, Bình chương quân quốc trọng sự. Thái Hòa lục niên hoăng. Sinh thời quan chí Tư khấu. Hồng Đức thập ngũ niên tặng Thái phó Trung quận công. Tôn Lê Nhân Hạng ấm Thông chương đại phu.

(Lê Nhân Chú người sách Thủy Chú, huyện Lôi Dương. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) phong là Suy trung tán trị hiệp mưu dương võ công thần, Nhập nội kiểm hiệu Tư không, Bình chương quân quốc trọng sự. Mất năm Thái Hòa thứ 6 (1448)⁽¹⁾. Sinh thời làm quan đến chức Tư khấu. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) truy tặng Thái phó Trung quận công. Cháu là Lê Nhân Hạng ấm thụ chức Thông chương đại phu).

Lưu Trung: Lương Giang huyện, Đàm Thi xã, Thuận Thiên nguyên niên vi Quy Hóa vệ Đồng tổng quản. Ngũ niên thăng Bảo chính công thần nhập nội. Hạ Quốc Oai vệ chư quân sự. Diên Ninh lục niên hoăng. Sinh thời quan chí Tư mã. Hồng Đức thập ngũ niên, tặng Thái úy Giới quận công. Tử Lưu Thế Công ấm Thông chương đại phu.

(Lưu Trung người xã Đàm Thi, huyện Lương Giang⁽²⁾. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) làm Đồng

⁽¹⁾ *Cương mục và Toàn thư* đều chép: Lưu Nhân Chú mất năm Thiệu Bình thứ nhất (1434).

⁽²⁾ Về các địa danh này cũng như ở trường hợp Lưu Nhân Chú, *Lam Sơn thực lục* không ghi rõ là nhập tịch ở đó hay là nguyên quán.

tổng quản vệ Quy Hóa. Năm thứ 5 (1432) thăng Nhập nội Bảo chính công thần, trông coi các việc quân vệ Quốc Oai hạ. Sinh thời làm quan đến chức Tư mã. Mất năm Diên Ninh thứ 6 (1459). Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) truy tặng Thái úy Giới quận công. Con là Lưu Thế Công ẩm thụ chức Thông chương đại phu).

Bảng danh sách thứ hai: *Lam Sơn thực lục* vô tính danh bát thập bát viên. (Trong *Lam Sơn thực lục* không có họ tên gồm 88 người)⁽¹⁾. Thực ra trong danh sách biên chép 96 người cộng với 36 người ở danh sách trước là 132 người chứ không phải 125 người.

Trong danh sách này, tên của Phạm Cuống xếp thứ 45.

Phạm Cuống: Thuận Thiên nguyên niên vi Đồng tổng quản Tuyên Quang, Quy Hóa trấn vệ chư quân sự. Diên Ninh nguyên niên hoăng. Sinh thời quan chí Thiếu úy Tuyên Quang trấn Đại sứ. Hồng Đức thập ngũ niên tặng Hoàn Nghĩa hầu. Tử Phạm Văn Hiến (...).

(Phạm Cuống: Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428) giữ chức Đồng tổng quản trông coi các việc quân trấn Tuyên Quang, vệ Quy Hóa. Mất năm Diên Ninh thứ

⁽¹⁾ Thực ra không đúng như vậy vì tên của Lê Cuống đã được *Lam Sơn thực lục* ghi ngay từ lúc bắt đầu khởi nghĩa cùng với một số nhân vật khác trong danh sách này như Võ Uy, Nguyễn Chích, Lưu Đàm, Trịnh Đổ.

nhất (1453). Sinh thời làm quan đến chức Thiếu úy Đại sứ trấn Tuyên Quang. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) truy tặng tước Hoàn Nghĩa hầu. Con là Phạm Văn Hiến (...).

Như vậy, theo nguồn tư liệu dẫn trên thì cả 3 cha con anh em Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng đều được xếp vào hàng công thần khai quốc của triều Lê.

Tháng 5 năm Kỷ Hợi (1429), vua Lê Thái Tổ ban biểu ngạch công thần cho 93 người. Trong đó: Huyện thượng hầu 3 người; Á thượng hầu: 1 người; Hương thượng hầu: 3 người; Đình thượng hầu: 14 người; Huyện hầu: 14 người; Á hầu: 26 người; Quan nội hầu: 16 người; Quan phục hầu: 12 người; Thượng Trí tự Trước phục hầu: 4 người.

Lê Thụ (tức Lưu Nhân Chú ?) được phong Huyện hầu. Tên ông xếp thứ 13⁽¹⁾.

(1) Trong tài liệu dẫn ở trên, Lưu Nhân Chú được phong Huyện hầu. Liệu Lê Thụ ở đây có phải là Lưu Nhân Chú không ? (Vì tên Chú còn có âm đọc là Thụ). Trong các tướng lĩnh tham gia khởi nghĩa Lam Sơn và có công tạo dựng vương triều Lê buổi đầu cũng có 1 người là Lê Thụ. Về nhân vật này, *Cương mục* có chép sự kiện: Tháng 12 Giáp Dần (1434), Lê Thụ, Tổng quản tiền quân có tội. Nhà vua giao cho pháp ty bàn xét. Sau đó tha cho Lê Thụ. (*Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*. Tập I, Nxb Giáo dục, H. 1998, tr. 847).

Lưu Trung (*Lam Sơn thực lục* chép là Lê Trung) được phong Huyện hầu. Tên ông xếp thứ 12.

Phạm Cuống (*Toàn thư, Cương mục, Lam Sơn thực lục* đều chép là Lê Cuống) được phong Quan phục hầu. Tên ông xếp thứ nhất.

Trong Gia phả có ghi rõ chức tước mà Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống được vinh phong sau khi khởi nghĩa giành thắng lợi. Ghi chép ấy khá phù hợp với những điều chính sử phản ánh.

Ngoài việc ban biểu ngạch công thần, vinh phong chức tước, Lê Lợi còn ban thưởng cho các công thần rất nhiều ruộng đất. Chủ trương lớn này của Nhà nước được thực hiện rộng rãi trong suốt triều Lê sơ. Theo Gia phả cho biết thì Lưu Trung được ban 100 mẫu lộc điền, còn Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống mỗi người được ban 500 mẫu. Đây là bổng lộc rất lớn so với mức ban thưởng lúc bấy giờ mà không phải bất cứ bậc công thần nào cũng được hưởng⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Xin tham khảo thêm

- Phan Huy Lê: *Chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Lê sơ*. Nxb Văn Sử Địa, H. 1959.

- Trương Hữu Quýnh: *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ thứ XI - XVIII*. Tập I, Nxb KHXH, H. 1982.

Những tước vị cao sang, bổng lộc trọng hậu mà nhà Lê cũng như các triều đại sau⁽¹⁾ giành cho Lưu Trung và Phạm Cướng cũng như ân huệ đối với con cháu các ông sau này chính là sự ghi nhận và khẳng định công lao to lớn của các ông trong sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm, giải phóng đất nước đầu thế kỷ XV. Các ông là những bậc khai quốc công thần không chỉ có công khai sáng vương triều Lê mà còn góp phần xây dựng nền tảng vững chắc sau này cho quốc gia phong kiến Đại Việt phát triển phồn vinh, thịnh vượng trên nhiều lĩnh vực, trở thành quốc gia hùng cường bậc nhất khu vực Đông Nam Á lúc bấy giờ.

(1) Năm 1802 vua Gia Long (nhà Nguyễn) truy lục cho các công thần triều Lê gồm 33 công thần khai quốc và 15 công thần trung hưng. Trong 33 công thần khai quốc có 4 người xếp công thần bậc nhất, 29 người xếp bậc nhì, trong đó có Thái phó Chủ quốc công Lê Cướng, Thái úy Giới quốc công Lưu Trung và Thái úy Lũng quốc công Lưu Nhân Chú.

Đại Nam thực lục chính biên - Đệ nhất kỷ. Tập 3. Nxb Sử học, H. 1962, tr. 76-77.

LUU NHÂN CHÚ VÀ DẤU ẤN DÒNG HỌ LƯU Ở THANH HÓA

TS. Hà Mạnh Khoa

(Ban Nghiên cứu và

Biên soạn Lịch sử Thanh Hóa)

Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV do Lê Lợi lãnh đạo, đã được nhiều công trình nghiên cứu khẳng định: một trong những nguyên nhân cơ bản đưa đến thắng lợi hiển hách của "sự nghiệp bình Ngô" là "nhờ có một nhà lãnh đạo thiên tài là Lê Lợi - người đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng yêu nước dưới cờ đại nghĩa Lam Sơn".

Lam Sơn thực lục đã ghi lại tư tưởng chỉ đạo xây dựng khối đoàn kết dân tộc và khả năng thu hút, tập hợp lực lượng rộng lớn của Lê Lợi trong quá trình tổ chức lực lượng, tập hợp nhân tài để tiến hành cuộc chiến tranh chống quân Minh xâm lược: "Trẫm đã xử với người, chẳng bao giờ là không hết lòng thành thực, thà người ta phụ chứ ta không phụ người. Phạm kẻ nào bất bình vì việc nhỏ mà bỗng sinh chí khác thì Trẫm đều khoan thứ, cho hối lỗi dù họ từng trở mặt, coi ta như thù. Trẫm vẫn tin cậy như người tâm phúc nếu biết họ

sửa lỗi thì thôi... ấy là vì Trầm trải qua nhiều ưu hoạn, nếm đủ gian nan, cho nên biết xót thương nén giận, không vì việc nhỏ mà hại nghĩa lớn, không vì ý nông cạn mà nhờ mưu đồ cao xa. Trong khoảng vua tôi, lấy đại nghĩa mà đối xử, ân tình như ruột thịt"⁽¹⁾

Có được đức tính cao thượng đó bởi Lê Lợi đã tiếp nối truyền thống dòng họ Lê ở Lam Sơn "đời đời làm quận trưởng". Từ Lê Đình - ông nội, đến Lê Khoáng thân phụ của Lê Lợi đều "chất phát ngay thẳng hiền hậu, ít nói", "nổi được cơ nghiệp tiền nhân, có lòng yêu người, người các nơi xa gần đến quy phục, trong nhà đông đến hàng nghìn người" ... "lấy lễ nghĩa nuôi dưỡng tân khách thương yêu nhân dân chu cấp cho người nghèo, giúp đỡ người bệnh tật, cả vùng đều phục nghĩa của cụ..."⁽²⁾.

Nhân cách và thế lực của "phụ đạo Khả Lam" từ Lê Khoáng đến Lê Lợi ngày càng tỏa sáng và tiếng tăm lan tỏa khắp miền. Sự ngưỡng mộ không chỉ bó hẹp trong các tầng lớp nhân dân ở vùng Thanh Hóa mà còn trở thành một tiêu điểm thu hút sự chú ý của các quan lại cao cấp trong triều đình nhà Hồ. Đặc biệt từ sau năm 1407, khi cuộc kháng chiến chống quân Minh của cha

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục* (Bản của dòng họ Lê Sát), Thanh Hóa 1976, tr. 261.

⁽²⁾ Lê Quý Đôn - *Đại Việt thông sử* - NXB KHXH Hà Nội 1978, tr. 31.

con Hồ Quý Ly thất bại, vương triều Hồ sụp đổ, đất nước rơi vào vòng nô dịch của quân Minh thì vùng Lam Sơn của Lê Khoáng - Lê Lợi trở nên một trung tâm thu hút những danh sĩ, tướng lĩnh đã từng phục vụ nhà Trần - nhà Hồ cùng chung một ý nguyện "không chịu làm tôi tớ cho bọn giặc tàn ngược"⁽¹⁾ để khẳng định Đại Việt "hào kiệt không bao giờ thiếu" (Đại cáo bình Ngô).

Điểm lại đội ngũ tướng sĩ của Lê Lợi ngay từ những ngày đầu "Hội thề Lũng Nhai" từ Nguyễn Trãi, Phạm Văn Sảo, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Xí, Lưu Nhân Chú... những người vốn ở khắp nơi trong nước về Lam Sơn tụ nghĩa không ít người có quan hệ với dòng họ Lê Lợi từ trước. Đó là những mối quan hệ do "trọng nghĩa, mến tài"... "quan hệ gia đình"... được xác lập từ những năm cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV,

Trong các mối quan hệ giữa quan lại từng phục vụ nhà Trần, nhà Hồ như Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi, Phạm Văn Sảo, Bùi Quốc Hưng, Lưu Trung với Lê Lợi thì quan hệ giữa họ Lưu ở Thái Nguyên và họ Lê ở Lam Sơn có những nét đặc biệt.

Theo Gia phả họ Lưu thì "Lưu Trung vốn là dòng dõi của một gia đình ba đời thế tập làm quan phiên trấn vùng

⁽¹⁾ Đại Việt sử ký toàn thư - Tập II, NXB KHXH Hà Nội 1985, tr. 241.

Thái Nguyên và được phong tước hầu"⁽¹⁾. Như thế dòng họ Lưu thuộc dòng họ quý tộc có địa vị nhất định trong xã hội lúc bấy giờ. Lưu Trung vào Thanh Hóa và có mối quan hệ với dòng họ Lê ở Lam Sơn. "Lưu Trung lấy bà dâu góa dòng họ Lê Lợi và sinh ra Lưu Nhân Chú"⁽²⁾. Như vậy rõ ràng Lưu Trung đã có quan hệ với Lê Khoáng.

Theo gia phả ở đền thờ Trịnh Khắc Phục thì bố đẻ Trịnh Khắc Phục là Trịnh Nhữ Lương, mẹ là Lê Ngọc Biền. Sử liệu cho biết: "Mẹ Lê Lợi là bà Trịnh Ngọc Thương, Trịnh Nhữ Lương là cháu và Lê Lợi đã có lần nhận Lưu Nhân Chú là con"⁽³⁾ khi Lê Lợi cử Tư Tề và Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin.

Một điểm lưu ý: Trịnh Khắc Phục và Lưu Nhân Chú sử sách đều ghi là anh em cùng mẹ khác cha. Vậy Lưu Nhân Chú là anh hay là em Trịnh Khắc Phục. Lê Quý Đôn chép: "Lê Sát sau khi giết Lưu Nhân Chú đuổi em ông ta là Lê Khắc Phục (tức Trịnh Khắc Phục)"⁽⁴⁾.

Đại Việt sử ký toàn thư chép: "Khắc Phục là em cùng mẹ với Nhân Chú"⁽⁵⁾. Có lẽ các sách trên đều chép

(1) Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn - *Khởi nghĩa Lam Sơn* - NXB KHXH Hà Nội 1977, tr. 142.

(2) Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn - Sdd, tr. 142.

(3) *Nguyễn Trãi toàn tập* - NXB KHXH Hà Nội 1976, tr. 183.

(4) *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, tr. 313.

(5) Lê Quý Đôn - Sdd, tr. 195.

nhằm. Trong thực tế, khi Trịnh Khắc Phục sinh ra, bố là Trịnh Hữu Lượng mất, thì bà Lê Ngọc Biên ở góa, sau đó mới lấy Lưu Trung.

Trong Lam Sơn thực lục (phần khảo chứng) đã xác định mối quan hệ giữa Lưu Trung và Lê Khoáng và ghi: "Mẹ ông (Trịnh Khắc Phục) trước kia lấy người họ Trịnh là cháu bà Trịnh Thị Ngọc Thương (mẹ Lê Lợi). Bà này sinh ra Trịnh Khắc Phục"⁽¹⁾. Theo gia phả họ Trịnh ở Vân Đô - Đông Minh thì bố Trịnh Khắc Phục là Trịnh Nhữ Lượng. Như thế Trịnh Nhữ Lượng và Lê Lợi là anh em "con cô con cậu". Xếp theo thứ tự dòng họ thì Lê Lợi - Trịnh Nhữ Lượng - Lưu Trung bằng vai nhau. Khi Trịnh Nhữ Lượng mất, bà Lê Ngọc Biên đã sinh ra Trịnh Khắc Phục và sau đó tái giá với Lưu Trung sinh ra Lưu Nhân Chú. Do đó Lưu Nhân Chú không thể là anh của Trịnh Khắc Phục được.

Hiện nay ở Thanh Hóa, họ Lưu có ở hầu hết các huyện. Đây là một dòng họ theo chúng tôi hầu như không có thay đổi sang họ khác. Họ Lưu tập trung chủ yếu ở các huyện Thọ Xuân, Yên Định, Hoàng Hóa, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Đông Sơn. Nhưng vẫn chưa có tư liệu nào để gắn kết hoặc phân biệt các họ Lưu đó là gốc từ

⁽¹⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 37.

Lưu Diễm, Lưu Miễn thời Trần, hoặc Lưu Trung - Lưu Nhân Chú thời Lê. Mong muốn sẽ có một ngày khi chúng ta có đủ cơ sở khoa học tìm ra nguồn gốc của họ Lưu trên đất Thanh Hóa và mối quan hệ với họ Lưu vốn ở Thái Nguyên.

Nhưng dù sao cũng có vài ánh xạ có thể gợi mở sự gắn kết giữa một số họ Lưu ở Đông Sơn, Thọ Xuân với Lưu Trung - Lưu Nhân Chú.

Năm 1434, Lưu Nhân Chú bị giết, về sau vua Thái Tông hiểu nỗi oan của ông và đến năm Hồng Đức thứ 15 (1481) Lưu Nhân Chú được tặng là "Thái phó Vinh Quốc công"⁽¹⁾. Theo *Lam Sơn thực lục*: vào năm Hồng Đức thứ 15 Lưu Nhân Chú được phong tặng là "Thái phó Trung Quận công", Lưu Trung được phong tặng là "Thái úy Giới Quận công"⁽²⁾.

Ở xã Xuân Tín huyện Thọ Xuân ngày nay có một Từ đường họ Lưu. Theo những người trong dòng họ thì đây là nơi thờ vị khai sinh ra dòng họ Lưu ở Thọ Xuân. Từ đường thờ "Lưu Thái phó Quận công".

Theo điều tra của chúng tôi, những người mang họ Lưu có danh tiếng trong tỉnh từ Lưu Diễm - Lưu Miễn thời Trần đến Lưu Hưng Hiếu. Lưu Ngạn Quang thời Lê

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn. Sdd, tr. 206.

⁽²⁾ *Lam Sơn thực lục*. Sdd, tr. 205.

sơ và đến Lưu Thành, Lưu Thì Cử thời Lê Trung hưng thì không có một ông họ Lưu nào được phong tặng Thái phó, Thái úy hoặc Quận công, Quốc công⁽¹⁾. Chỉ có Lưu Trung được phong tặng là Thái úy Giới Quận công, Lưu Nhân Chú được phong tặng là Thái phó Trung Quận công, Lưu Đình Chất được phong tặng là Thiếu bảo Lộc Quận công.

Phải chăng chính nơi đây là nơi thờ Lưu Nhân Chú mà vì nhiều lý do các tư liệu đã thất lạc mà chỉ còn lại trong lòng người họ Lưu và nhân dân trong vùng ở đây một niềm tự hào về một "Khai quốc công thần" Lam Sơn họ Lưu - "Lưu Thái phó - Quận công".

(1) Danh sách những người họ Lưu ở Thanh Hóa đỗ đạt:

- a. Lưu Diễm (1211 - ?): thôn Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa. Ông đỗ Đệ nhất giáp, Đệ nhị danh khoa Nhâm Thìn (1232) đời Trần Thái Tông, làm Đông các đại học sĩ.
- b. Lưu Miễn: thôn Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa. Ông đỗ Đệ nhất giáp, Đệ nhất danh khoa Kỷ Hợi (1239) đời Trần Thái Tông, làm An phủ sứ Thanh Hóa.
- c. Lưu Hưng Hiếu (1456 - ?) quê ở Lương Hà, huyện Vĩnh Lộc. Ông đỗ Bảng nhãn khoa Tân Sửu (1481) đời Lê Thánh Tông, giữ chức Thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ, Hàn lâm viện sự.
- d. Lưu Ngạn Quang (1457 - ?): làng Viên Khê, xã Đông Anh, huyện Đông Sơn. Ông đỗ Hoàng giáp khoa Tân Sửu (1481) đời Lê Thánh Tông. Ông giữ chức Tả thị lang bộ Lại.
- e. Lưu Đình Chất (1566 - ?): làng Quỳ Chũ, xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa. Ông đỗ Hoàng giáp khoa Đinh Mùi (1607) đời Lê Kính Tông. Ông giữ chức Thiếu bảo Lộc quận công.
- g. Lưu Thành (1665 - ?): thôn Vĩnh Trị, xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa. Ông đỗ Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712) đời Lê Dụ Tông, làm chức Đông các hiệu thư.

Mười bảy năm sau ngày Lưu Nhân Chú bị hại, vào năm Tân Mùi mùa Thu, tháng 7, niên hiệu Thái Hòa thứ 9 (1451), Trịnh Khắc Phục và con trai là Trịnh Bá Nhai bị giết⁽¹⁾ và tới năm 1453, nhân đại xá nhớ công ơn của ông, vua Lê Nhân Tông cấp cho con cháu ông 100 mẫu quan điền.

Điều tra khắp vùng Thọ Xuân, Triệu Sơn chúng tôi chưa tìm thấy nơi nào có đền thờ Trịnh Khắc Phục.

Trong một đợt khảo sát ở huyện Đông Sơn, chúng tôi đến tổng Lê Nguyễn mà tập trung ở vùng Viên Khê quê hương của nhà sử học - Tể tướng Lê Hy. Theo sự chỉ dẫn của các cụ cao tuổi chúng tôi về vùng Vân Đô xã Đông Minh. Ở làng này có họ Trịnh và từ đường họ Trịnh thờ Lê Khắc Phục. Theo gia phả còn lại ghi rằng: "Trịnh Khắc Phục là con ông Trịnh Nhữ Lượng và bà Lê Ngọc Biên. Trịnh Khắc Phục sinh được 8 người con trai, 7 người con gái".

Năm thứ 17 đời Hồng Đức (1483) được phong tặng là Thượng trụ quốc, Thái úy Yên Quốc công".

Bên cạnh làng Vân Đô thờ Trịnh Khắc Phục, làng Viên Khê xã Đông Anh huyện Đông Sơn có từ đường họ Lưu - ở làng này có Lưu Ngạn Quang, ông sinh năm

⁽¹⁾ Đại Việt sử ký toàn thư. Sdd, tr. 383 - 384.

1457 đậu Hoàng Giáp năm 1481, làm đến chức Tả thị lang bộ Lại. Lưu Ngạn Quang lấy vợ người Kẻ Bôn (Đông Thanh). Sau khi ông mất, dân làng Bôn lập đền thờ. Ở làng Viên Khê vẫn có từ đường thờ ông và Lưu Hồng Quý.

Sử liệu cho biết: Khi vào Lam Sơn, ngoài Lưu Trung và Lưu Nhân Chú còn có con rể của Lưu Trung là Phạm Cuống. Phạm Cuống là một trong những "Khai quốc công thần". Phạm Cuống mất năm 1454. Đền thờ ông hiện có ở Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Hoàng Hóa và cũng rất đặc biệt, ở xã Đông Yên cũng có đền thờ ông. Trên thực địa 3 xã Đông Anh, Đông Minh, Đông Yên ngày nay đều thuộc tổng Lê Nguyễn xưa gồm 3 làng Vân Đô, Viên Khê, Mộc Nhuận liền kề sát nhau, hình thế chân kiềng vững chắc.

Theo chúng tôi không phải ngẫu nhiên mà đền thờ Trịnh Khắc Phục ở Đông Minh, đền từ đường họ Lưu ở Đông Anh, nhà thờ Phạm Cuống ở Đông Yên lại ở trên một vùng liền kề sát nhau mà không thể không có mối quan hệ nhất định. Rất có thể sau khi vua Lê Nhân Tông phong cấp cho con cháu Trịnh Khắc Phục 100 mẫu quan điền và sau năm Hồng Đức thứ 15 (1484) khi Lê Thánh Tông phong tặng cho các ông Trịnh Khắc

Phục, Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống... thì các thế hệ con cháu đã lập đền thờ các "Khai quốc công thần" khởi nghĩa Lam Sơn, mà tụ điểm các đền thờ đó ở vùng Đông Sơn ngày nay.

Như vậy, khác với những vị Khai quốc công thần từ những miền quê khác, Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống - những người con của vùng đất Thái Nguyên vào Lam Sơn tụ nghĩa và đóng góp quan trọng trong công cuộc "Bình Ngô" đã để lại những dấu ấn không phai mờ trong tâm thức của nhân dân Thanh Hóa.

Thanh Hóa, tháng 6 năm 2001

BÀN THÊM VỀ CÔNG LAO VÀ VAI TRÒ CỦA GIA TỘC LƯU NHÂN CHÚ TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA LAM SƠN ĐẦU THẾ KỶ XV

TS. Đỗ Đức Hùng

(Viện Sử học)

Lịch sử đã ghi nhận công lao của Lê Lợi, Nguyễn Trãi và những người anh hùng đất Lam Sơn trong việc khởi xướng, tổ chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Minh, giải phóng đất nước hồi đầu thế kỷ XV. Tuy nhiên, để có đủ sức mạnh chiến thắng một kẻ địch mạnh đang trong thời kỳ cường thịnh, đã từng đặt xong ách đô hộ lên Đại Việt trong chục năm trời thì cần phải có sự đồng lòng góp tài trí, sức lực, của cải và xương máu của nhân dân hào kiệt trong cả nước, từ miền xuôi đến miền núi, từ vùng kinh lộ đến miền biên viễn xa xôi. Trong tình hình xã hội Đại Việt hồi đầu thế kỷ XV, vai trò của các cự tộc có ý nghĩa rất lớn. Có thể kể ra rất nhiều gia tộc lớn đã tự nguyện đứng dưới cờ của Bình Định vương Lê Lợi ngay từ đầu, trong đó

có gia đình họ Lưu và họ Phạm gồm cha là Lưu Trung cùng các con trai là Lưu Nhân Chú, Lưu Khắc Phục và con rể là Phạm Cuống ở Thuận Thượng (nay là xã Văn Yên), huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Thế nhưng trong các sách biên soạn lịch sử Việt Nam vẫn chưa nêu bật được vai trò của các thành viên trong gia đình này đối với cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh, giải phóng đất nước của nhân dân ta hồi đầu thế kỷ XV. Trong khi chính sử của triều Lê như *Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng như các sách *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú chỉ chép hành trạng và công lao, sự nghiệp của Lưu Nhân Chú, trong chừng mực nào đó có chép rải rác đến Phạm Cuống và Lưu Khắc Phục, không nhắc đến Lưu Trung thì tài liệu lịch sử thời Nguyễn lại đưa tên Lưu Trung lên hàng đầu bao trùm lên cả các vị công thần khai quốc còn lại. Trong số rất ít ỏi ba nhân vật nổi tiếng của tỉnh Thái Nguyên được các sử thần triều Nguyễn liệt kê ra trong *Đại Nam thống nhất chí* như Dương Tự Minh (đời Lý), Đỗ Cạn (người huyện Phổ Yên, đỗ đồng tiến sĩ đời Lê

Thánh Tông) thì Lưu Trung là người thứ ba được nêu đậm nét nhất⁽¹⁾.

Tại sao lại như vậy ? Tác giả Đặng NghiêM Vạn trong lần công bố bản *Gia phả họ Lưu* năm 1967 đã giải thích: "Do cách ghi gia phả theo quan điểm phong kiến xưa, cha con cùng tham gia, công lao đều quy chung mà cha làm đại diện"⁽²⁾. Có người đưa ra giả thuyết rằng: Vì Lưu Nhân Chú về sau, năm Giáp Dần (1434) bị quyền thần Lê Sát "thấy Nhân Chú không ăn cánh" (theo *Việt sử thông giám cương mục*), hay "bị Tư đồ Lê Sát ghen ghét" (theo *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn và *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú) nên đã ngầm đánh thuốc độc giết chết. Do cái chết không minh bạch và không toàn vẹn đó mà về sau sử thần không chép lên hàng chính nữa. Lập luận này e rằng không đứng vững bởi vì chính Lê Quý Đôn,

⁽¹⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí*. Nxb KHXH, H. 1971, T. IV, Tr. 169-170.

⁽²⁾ *Gia phả họ Lưu*. Bản dịch Trần Lê Hữu, Hiệu đính của Chu Thiên. Tạp chí NCLS số 105-1967, Tr. 49.

sử gia triều Lê, người viết bộ Đại Việt thông sử như một mẫu mực của lối chép sử đời xưa ở Á Đông cũng vẫn đưa Lưu Nhân Chú vào phần "Chư thần liệt truyện" của tác phẩm nổi tiếng này. Nhà sử học Phan Huy Chú cũng đưa Lưu Nhân Chú lên hàng "Tướng có tiếng tài và giỏi" phần *Nhân vật chí* sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của ông.

Qua tham khảo, đối chiếu các nguồn tài liệu, đặc biệt là dựa vào bản gia phả của dòng họ Lưu còn lại ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi muốn làm rõ hơn công lao và vai trò của các thành viên cũng như cả gia đình Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa kháng Minh đầu thế kỷ XV.

I. Như mọi người đều biết, sau khi cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của cha con Hồ Quý Ly thất bại, ngay từ năm 1407, nhà Minh đã từng bước đặt ra và tổ chức một bộ máy chính quyền cai trị nhằm biến Đại Việt thành một quận Giao Chỉ nằm trong đô quốc Đại Minh. Tuy vậy, hàng loạt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Đại Việt đã nổ ra ở khắp nơi chống lại ách

thống trị tàn bạo và âm mưu đồng hóa của giặc. Ngoài những cuộc khởi nghĩa do các quý tộc họ Trần lãnh đạo như Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng, từ khoảng giữa năm 1401, nhiều cuộc khởi nghĩa khác của nhân dân đã nổ ra ở khắp nơi từ miền đồng bằng đến miền rừng núi. Đó là các cuộc nổi dậy của nhân dân phủ Trấn Man (miền bắc tỉnh Thái Bình), của Phạm Tuân ở huyện Đông Kết (Khoái Châu, Hưng Yên), của Đỗ Cối và Nguyễn Hiên ở châu Trường Yên (Ninh Bình); của Nông Văn Lịch⁽¹⁾, của Hoàng Thiêm Hữu và Nguyễn Nguyên Hách ở vùng Lạng Sơn...

Đối với vùng đất Thái Nguyên, phong trào nổi lên đấu tranh chống giặc Minh của nhân dân đặc biệt sôi động. Phủ Thái Nguyên là địa bàn hoạt động của các nghĩa quân do Chu Sử Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân và Ông Lão cầm đầu. Trong số các

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb KHXH, H. 1971, T.II, Tr. 269.

thủ lĩnh nghĩa binh này, Ông Lão là người có thế lực nhất, đã xây dựng được căn cứ ở huyện Động Hỷ. Nhà Minh đã phải ra lệnh cho thổ quan là Đồng tri phủ Ma Bá Hổ tuyển mộ thêm quân để đàn áp. Ngoài ra, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn chép: "Năm Mậu Thìn (1412), mùa xuân tháng giêng, Phụ đạo ở Đại Từ, trấn Thái Nguyên là Nguyễn Huệ nổi quân. Nghĩa quân thường đi về núi Tam Đảo. Về sau bị Trương Phụ nhà Minh đem quân đánh dẹp"⁽¹⁾.

Trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền núi phía bắc, đáng chú ý và đặc sắc hơn cả là hoạt động của nghĩa binh "Áo đỏ" (Hong Y). Nó không chỉ đặc biệt rộng lớn mà còn kéo dài nhất. Lại cũng chính địa bàn phủ Thái Nguyên là nơi bắt đầu nổi lên của nghĩa binh "Áo đỏ". Tháng 11 năm 1410, nghĩa binh "Áo đỏ" tiến công huyện Đại Từ. Chính quyền đô hộ phải ra lệnh cho viên Đồng tri phủ Thái Nguyên Ma Bá Hổ liên kết với thổ quan phủ Tuyên Hóa (Tuyên

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb KHXH, H. 1971, T.II, Tr. 269.

Quang) là Lương Sĩ Vinh, Hoàng Công Định điều động thêm 1.000 binh tinh nhuệ sang phối hợp đàn áp. Trước những cuộc tiến công lớn của giặc, nghĩa quân thường tạm lánh vào miền núi rừng hiểm trở, rồi sau đó lại tỏa ra hoạt động khắp nơi. Từ miền Thái Nguyên, phong trào nghĩa binh "Áo đỏ" về sau còn hoạt động lan rộng sang vùng tây bắc và vào vùng núi Thanh Hóa, Nghệ An⁽¹⁾.

Chính truyền thống yêu nước và phong trào đấu tranh sôi sục của nhân dân địa phương đã góp phần hun đúc nên ý chí quyết tâm nổi dậy cầm vũ khí đánh đuổi kẻ thù của cha con họ Lưu ở Vân Yên. Vấn đề chỉ còn là chọn người cầm đầu và thời cơ nổi dậy mà thôi.

II. Gia đình họ Lưu vốn là dòng dõi bốn đời thế tập làm quan phiên trấn ở Thái Nguyên. Bản ghi ngày sinh và ngày giỗ tổ tiên dòng họ Lưu từ khi lên Thái Nguyên lập nghiệp cho đến đời Minh Mệnh nhà

⁽¹⁾ Theo *An Nam chí*. Xem thêm Phan Huy Lê-Phan Đại Doãn: *Khởi nghĩa Lam Sơn*. Bản in lần thứ 3, có sửa chữa. Nxb KHXH, H. 1977, Tr. 67-68.

Nguyễn, cho biết: Ông tổ họ Lưu ở đây có tên thụy là Huyền Nghi được nhà Trần phong cho chức Thái Nguyên quản trị phụ đạo, tước hầu và đời đời thế tập. Tiếp đến đời thứ hai là Lưu Nhân Dục (có tên thụy là Khắc Thuần) cũng được nối chức phụ đạo, tập tước hầu; đời thứ ba là Lưu Bá Thịnh có vợ là bà Nguyễn Thị Thành, nổi tiếng là người có lòng nhân đức, thương mến mọi người, hễ thấy ai đói thì cho cơm, ai rét thì cho áo, vì vậy không ai là không nhớ ơn nghĩa. Đến Lưu Trung là đời thứ tư. Theo mô tả trong gia phả, Lưu Trung dáng người cao lớn, mình đầy lông đen, râu ria đầy mặt. Ông đã nhân từ lại cũng rất dũng cảm khiến ai cũng kiêng nể. Bọn hung ác trong vùng không tên nào dám động tới, những kẻ thúc thời đều sợ oai⁽¹⁾.

Lưu Trung lấy bà Lê Thị Ngọc Châu, sinh ra Lưu Nhân Chú và Lưu Thị Ngọc Ngoan, sau gả cho Phạm Cường. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Việt sử*

⁽¹⁾ *Gia phả*. Sđd, Tr. 43.

thông giám cương mục thì Lưu Nhân Chú còn có một người em trai cùng mẹ nữa là Khắc Phục. Vào năm Giáp Dần (1434), khi Lưu Nhân Chú bị quyền thần hãm hại, thì Khắc Phục bị biếm truất từ chức Hành khiển Nam đạo (coi việc võ) xuống làm Phán đại tông chính (chức quan coi việc hình ngục) vì "Khắc Phục là em cùng mẹ của Nhân Chú"⁽¹⁾.

Các tài liệu sử cũ của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đều chép rằng: Lưu Nhân Chú lúc trẻ nghèo khổ làm nghề buôn bán, không nhắc gì đến Lưu Trung. Nhưng qua bản gia phả, chúng ta biết đây là một dòng họ nổi đời làm Phụ đạo ở Thái Nguyên. Cuộc hôn nhân giữa con gái họ Lưu với Phạm Cuống cũng theo nguyên tắc "môn đăng hộ đối" thời xưa. Theo gia phả, Cao tổ của Phạm Cuống là Hồ triều bá Phạm Long, nguyên quán ở xã Văn Lãng, huyện Văn Lãng, đời đời làm quan phiên trấn của nhà Trần. Xuất thân trong gia đình quan trấn, lại có thể lực khoẻ mạnh, giỏi võ nghệ

⁽¹⁾ *Toàn thư*. Sdd, T.III, Tr. 82. *Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Sử học, H. 1960, T.IX, Tr. 34-35.

và lắm mưu cơ, Phạm Cuồng xứng đáng đẹp duyên với người con gái họ Lưu danh giá.

Dưới ách cai trị của giặc Minh, gia tộc Lưu Trung và các con phải ẩn dấu tung tích, "làm nghề buôn dầu để qua ngày tháng". Như vậy, dù đang làm nghề buôn dầu nhưng không phải họ xuất thân nghèo khổ. Vả chăng, sau khi tìm hiểu kỹ và lựa chọn Lê Lợi làm minh chủ, trong lễ ra mắt vị thủ lĩnh tương lai của nghĩa quân, chính Lưu Trung đã bộc lộ rõ thân phận của mình rằng: "Cha ông chúng tôi vốn là quan phiên trấn, quê quán vốn ở hai xã Văn Lãng, Thuận Thượng, vì quân Ngô tàn ngược nên dầu tòng tích làm nghề buôn dầu, tìm đến nơi đây mong được dung nạp"⁽¹⁾.

Chính Lê Quý Đôn, trong *Đại Việt thông sử* cũng chép: "Những hào kiệt thời ấy như Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Vũ Uy, Lê Liễu và Lê Xa Lôi đều nối tiếp nhau quy phục, vua (chỉ Lê Lợi) đều

⁽¹⁾ *Gia phả*. Sdd, Tr. 44.

kính cẩn đón tiếp, cùng bí mật mưu việc khởi nghĩa"⁽¹⁾.

Như vậy là cha con Lưu Trung đã có mặt ở Lam Sơn từ rất sớm, lúc Lê Lợi mới 25 tuổi tức là vào năm 1409. Từ đấy, ba người thường qua lại luôn, có khi ở lại bên cạnh Lê Lợi, khi đi cày bừa với Trương Lôi ở động Chiêu Nghi. "Trong nhà hễ có việc gì, đều tin dùng giao phó cho hết"⁽²⁾. Cũng theo gia phả ghi lại, cha con Lưu Trung đã tham dự vào hầu hết các công việc hệ trọng trong quá trình Lê Lợi chuẩn bị tập hợp lực lượng, gây thanh thế để khởi nghĩa, kể cả việc tìm đất an táng tổ tiên Lê Lợi (năm 1412) và dự hội thề Lũng Nhai (năm 1416)⁽³⁾.

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: *Đại Việt thông sử*. Nxb KHXH, H. 1978, Tr. 33-34.

⁽²⁾ *Gia phả*. Sđd, Tr. 44.

⁽³⁾ Danh sách 18 người dự hội thề Lũng Nhai trong Gia phả họ Lưu ở Văn Yên (Đại Từ, Thái Nguyên) có ghi cả 3 người (Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuồng). Nhưng trong các bản khác như Gia phả họ Đinh ở Nông Cống, Thanh Hóa thì chỉ có Lưu Nhân Chú dự lễ thề. Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đều chép Lưu Nhân Chú có mặt trong hội thề Lũng Nhai năm Bính Thân (1416).

Sau khi tham dự hội thề Lũng Nhai, cha con Lưu Trung trở về quê hương bí mật chiêu mộ quân lính, chiêu tập những người trốn tránh, thu nạp kẻ chống đối (giặc Minh), đợi thời dấy binh. Bản gia phả cũng cho biết, chính cha con Lưu Trung ngày giả làm khách buôn, bí mật mộ quân; đêm cùng nhau lấy mỡ viết vào lá cây rừng mấy chữ: "Lê Lợi làm vua nước Nam Việt". Kiến theo mỡ ăn thủng lá thành chữ... Những việc làm này có thể là mưu của những người khởi nghĩa, dùng để gây thanh thế và uy tín cho nghĩa quân, thu phục lòng người. Trong bối cảnh lúc đó, những việc đó có thể hiểu và tin được.

Sau một thời gian đồng tâm hiệp lực, bí mật đi móc nối liên lạc, lôi kéo và tổ chức lực lượng, năm 1418 cờ nghĩa Lam Sơn của Bình Định vương Lê Lợi chính thức được dựng lên. Trong số các tướng võ chia nhau đốc suất đội quân thiết đột ra đối địch với quân Minh, ta thấy Lê Quý Đôn có chép tên các ông: Lê Khắc Phục và Lê Cuống.

Bản gia phả còn cho biết vào ngày 29 tháng 8⁽¹⁾ năm Mậu Tuất (1418) giặc Minh đem lực lượng đánh nghĩa quân. Lúc bấy giờ lực lượng còn ít, lương thiếu, nghĩa quân phải ẩn nấu ở núi Chí Linh tuyệt lương đến 3 tháng. Quân sĩ rất đói phải ăn củ nâu, hoa quả và mật ong. Trong tình hình đó Phạm Cuống đã trở về làng mình bí mật chuyển gia tài đến nuôi quân. Chính nhờ hành động xả thân vì đại nghĩa đó đã góp phần cùng Bình Định vương Lê Lợi "vỗ về quân lính, ước thúc bộ ngũ" các tướng đều cảm kích thề không chung sống với giặc.

Sử sách cũng ghi lại những chiến công nổi bật của Lưu Nhân Chú ở ải Khả Lưu năm Giáp Thìn (1424) và chiến công đánh úp quân giặc ở trước thành Tây Đô năm Ất Ty (1425). Đó là những chiến thắng tạo ra bước chuyển biến quan trọng trong tương quan lực lượng, tạo tiền đề cho nghĩa quân củng cố hậu phương vững chắc, chuyển sang thế chủ động phản công.

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn. Sdd, Tr. 35.

Tóm lại, gia đình Lưu Trung, Lưu Nhân Chú là một gia tộc lớn, có truyền thống thượng võ và yêu nước đã có mặt từ rất sớm ở Lam Sơn, đã cùng với Lê Lợi chuẩn bị từ ngày đầu cho việc chiêu tập nghĩa quân, dựng cờ khởi nghĩa. Trong những năm tháng đầu tiên chiến đấu trong điều kiện lực lượng còn rất chênh lệch, những người con của Thái Nguyên đã góp sức, góp công của và xương máu để giữ vững và phát triển phong trào... Lưu Nhân Chú và những thành viên khác trong gia đình ông đã trở thành những trợ thủ và chỗ dựa đáng tin cậy của Bình Định vương Lê Lợi. Việc Lưu Nhân Chú được cử cùng với Tư Tề, con trai Bình Định vương vào thành Đông Quan làm con tin cuối năm 1427⁽¹⁾, rồi việc ông được cùng các đại thần đem kim sách lập Lê Nguyên Long làm Hoàng thái tử năm 1429⁽²⁾ đã chứng tỏ sự tin cậy và uy tín lớn của ông.

⁽¹⁾ *Toàn thư*. Sđd, T. III, Tr. 48, 67.

⁽²⁾ Như trên.

Sau kháng chiến thắng lợi, những thành viên trong gia đình Lưu Nhân Chú đều được phong tước, cấp đất và được liệt vào hàng Khai quốc công thần của triều Lê. Trong bài chế phong tặng chức tước cho Lưu Nhân Chú, vua Lê Thái Tổ đã có lời đánh giá: "... Xét Lê Nhân Chú đây tài năng như cây tùng cây bách; chất người như ngọc "phan" ngọc "du". Thấy nước nhà trong cơn hoạn nạn, nghĩ nghiệp vua không thể thiên an. Núi Linh Sơn đói khổ mấy tuần, người hằng lo lắng; xứ Ai Lao muôn phần vất vả, người chẳng tiếc thân. Cứu nguy phù suy, giành lại cơ đồ trong những ngày cháo rau cơm hẩm..."⁽¹⁾.

Theo gia phả, năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, định công ban thưởng, gia phong cho Lê Trung chức: Sơ khởi nghĩa, Thứ thủ thiết đột kỵ quân sự, Tỉnh nạn tuyên lược công thần, tước Thượng trí, Huyện thượng hầu, ban đai kim ngư và ngân phù, Nhập nội Đại tư mã Đại tướng quân Chỉ huy công và cho 100 mẫu ruộng; Lưu Nhân Chú chức Sơ khởi nghĩa, Thứ thủ thiết đột kỵ quân vệ, Suy trung tán trị

⁽¹⁾ Lê Quý Đôn: Sđd, Tr. 206. Phan Huy Chú: Sđd, T. I, Tr. 260.

Hiệp mưu dương vũ công thân, Nhập nội kiểm hiệu, Tư không kiêm Tư khấu, Bình chương quân quốc trọng sự, Nhập nội Hoàng tông, Thượng Á hầu ban đại kim ngư và ngân phù, Lũng Quốc công, cho ruộng 500 mẫu; Phạm Cuống được phong chức Sô khởi nghĩa thứ thủ thiết đột kỵ quân sự. Đồng tổng quản, Quy Hóa trấn chư quân sự, Suy trung tán trị Hiệp mưu bảo chính công thân, Đa Ngư Hải môn kiêm trấn, Phụng tuyên sứ, Nhập nội thiếu úy, ban đại kim ngư và ngân phù, Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Quan phục hầu, Trụ quốc công, cho ruộng 500 mẫu⁽¹⁾.

Đối chiếu với ghi chép của Lê Quý Đôn trong sách *Đại Việt thông sử* ta thấy tước phong và chức vụ của Lưu Nhân Chú chép trong gia phả là chính xác. Qua đó có thể tin rằng các chức vụ và tước phong của các thành viên còn lại cũng đúng. Tuy nhiên, đối chiếu với ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, được biết: Tháng 2 năm Mậu Thân (1428), triều Lê có đợt định công các hạng cho các hỏa thủ và quân nhân Thiết

⁽¹⁾ Gia phả. Sdd.

đội có công siêng năng khó nhọc ở Lũng Nhai. Số lượng người được ghi công là 221 người, chia làm 3 bậc⁽¹⁾.

Tiếp đó, năm Kỷ Dậu (1429) vua Lê cho ban biểu ngạch công thần cho 93 người, theo 9 bậc như sau:

1. Huyện thượng hầu 3 người là Lê (Phạm) Vắn, Lê Sát và Lê (Phạm) Văn Xảo;

2. Thượng hầu 1 người là Lê Ngân;

3. Thượng hầu 3 người là Lê (Nguyễn) Lý, Lê Văn Linh, Lê Quốc Hưng.

4. Đình thượng hầu 14 người là Lê (Nguyễn) Chích, Lê Văn An, Lê (Đình) Liệt, Lê Miễn, Lê (Đình) Lễ, Lê Chiêm, Lê Khôi, Lê Đình, Lê Chuyết, Lê Lỗi, Lê Nhữ Lãm, Lê Sao, Lê Kiệm, Lê Lật (đủ 14 người).

⁽¹⁾ Toàn thư. Sdd, T. III, Tr. 59.

5. Huyện hầu 14 người là Lê (Bùi) Bị, Lê Bì, Lê Bĩ, Lê Náo, Lê Thụ, Lê Lôi, Lê Khả, Lê Bôi, Lê Khả Lang, Lê (Nguyễn) Xí, Lê Khuyển, Lê (Đỗ) Bí, Lê (Phạm) Quốc Trinh, Lê Bật (đủ 14 người).

6. Á hầu 26 người là Lê Lạn, Lê (Nguyễn) Trãi (còn thiếu tên 24 người - Lưu Nhân Chú chắc ở trong số này theo như gia phả chép).

7. Quan Nội hầu 16 người là Lê Thiệt, Lê Chương (còn thiếu 14 tên người).

8. Quan Phục hầu 12 người là Phạm Cuống, Lê Dao (còn thiếu tên 10 người).

9. Thượng trí tự Trước phục hầu 4 người là Lê Khắc Phục, Lê Hải (còn thiếu tên 2 người).

Từ bảng liệt kê trên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có thể kết luận chắc chắn rằng cả 3 người con của gia đình Lưu Trung gồm Lưu Nhân Chú, Lưu Khắc Phục và con rể là Phạm Cuống đều được ban biểu ngạch công thần trong số 93 người vào năm Kỷ Dậu (1429). Riêng đối với Lưu Trung tước Huyện thượng hầu ghi trong gia phả còn cần phải tìm hiểu thêm, có

thể là tước hàm truy phong chăng ? Vì trong danh sách của *Đại Việt sử ký toàn thư*, đã có đủ 3 vị được phong bậc cao nhất là Huyện thượng hầu năm 1429 không có tên Lưu Trung. Vả lại, chúng ta thấy bản gia phả ghi Lưu Trung được xếp vào loại Huyện thượng hầu, một bậc cao nhất trong 9 bậc công thần ban hành năm 1429 trong khi đó ruộng được cấp có 100 mẫu, thấp hơn các ông là Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống được cấp mỗi vị 500 mẫu ? Hơn nữa, nếu Lưu Trung có công to đến mức được phong đến Huyện thượng hầu thì chắc chắn Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đã phải đưa đích danh tên ông vào liệt truyện trong tác phẩm của mình rồi phụ chép các con ông ở sau như cách chép theo thể liệt truyện của sử gia thời xưa vẫn thường làm.

Nhưng Lưu Trung cũng là người đã từng theo Lê Lợi từ những ngày đầu và có công lớn trong việc xây dựng lực lượng khởi nghĩa. Cũng không loại trừ khả năng ông cũng tham gia các trận đánh và từng lập được nhiều công lao. *Toàn thư* chép: Mùa đông, năm Đinh Mùi (1427), trong đội quân cầm cự với tướng nhà

Minh là Mộc Thanh ở ả Lê Hoa, ngoài các tướng Phạm Văn Xảo, Lê Khả, Lê Khuyển, còn thấy tên Lê Trung⁽¹⁾. Phải chăng đó chính là Lưu Trung đã được sử thần chép theo quốc tính ?

Theo Phan Huy Chú trong phần "Quan chức chí" sách *Lịch triều hiến chương loại chí* thì triều Lê qui định lệ truy phong cho cha mẹ như sau: đối với quan võ thì cha mẹ được phong kém con 1 bậc, đối với quan văn thì cha mẹ kém con 2 bậc. Cụ thể, đối với quan võ, nếu con được phong quốc công thì cha và ông được phong tước quận công⁽²⁾. Theo gia phả, Lưu Trung được phong Giới (chỉ ?) quận công, trong khi Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống được phong Quốc công vào năm 1429. Như vậy phải chăng chức tước phong của Lưu Trung là nhờ công lao chức tước của các con ? Một cứ liệu lịch sử khác, khá đắt giá được các sử thần triều Nguyễn chép trong *Đại Nam thực lục* cho biết: Năm 1802, sau khi lên ngôi Hoàng đế, ngoài việc phong tước, cấp đất thờ tự cho con cháu

⁽¹⁾ *Toàn thư* Sdd, T. III, Tr. 45.

⁽²⁾ Phan Huy Chú. Sdd, T. II, Tr. 66-67.

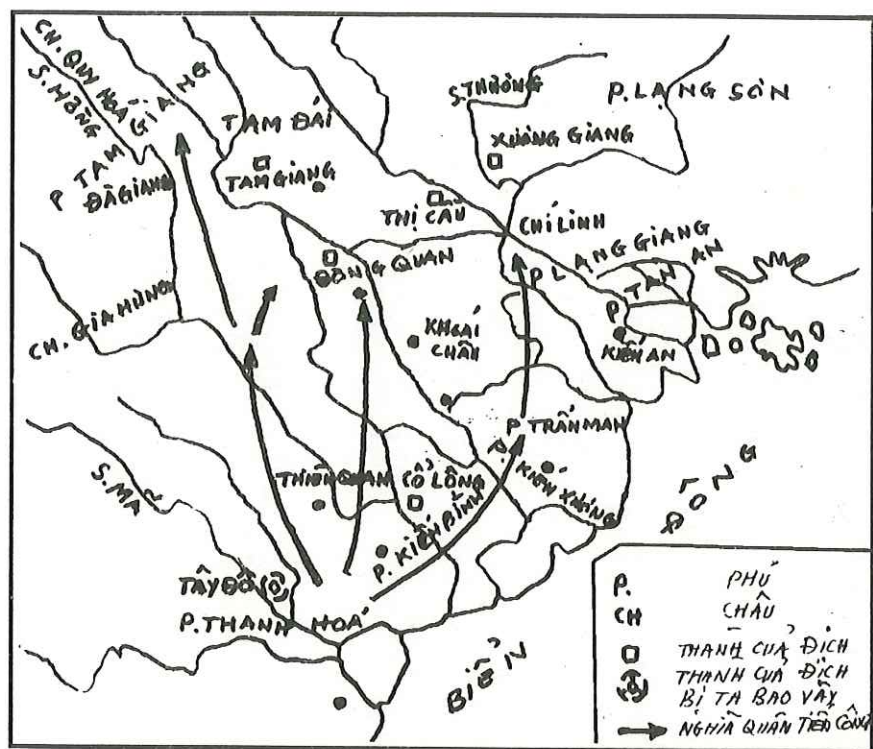
vua Lê và dòng dõi họ Trịnh, vua Gia Long nhà Nguyễn cũng đã "cho con cháu các công thần khai quốc và trung hưng của đời Lê trước được nhiều ấm". Theo danh sách 33 người được triều Nguyễn xếp vào hàng công thần khai quốc triều Lê cần cho con cháu nhiều ấm có tên cả 4 người trong gia đình họ Lưu: đó là Phạm Cuống, Lưu Trung, Lê Khắc Phục và Lưu Nhân Chú⁽¹⁾.

Kết luận: Có thể khẳng định là cả 4 người trong gia đình Lưu Trung đều tham gia nghĩa quân Lam Sơn từ rất sớm, đều đã lập được công xuất sắc dù ở nơi màn trướng hay ngoài chiến trận. Cả 4 người đã được nhà Lê liệt vào hàng Khai quốc công thần và sự vinh phong thờ phụng ấy còn được duy trì tiếp nối đến các triều đại sau. Hiếm có một gia đình nào mà cả bốn người đều là Khai quốc công thần của một triều vua. Trong cuộc Hội thảo lần này, ngoài việc làm rõ và nêu cao công

⁽¹⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, Nxb Sử học, H. 1963, T. III, Tr. 76-77.

lao công hiến và tài thao lược của Lưu Nhân Chú, chúng ta cũng cần chú ý thỏa đáng đến các nhân vật còn lại của gia đình ông. Việc làm này sẽ rất có ích để phát huy truyền thống yêu nước, gương chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Thái Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

**NGHĨA QUÂN LAM SƠN
TIẾN QUÂN RA BẮC
(1426)**



VÂN YÊN - ĐẠI TỪ QUÊ HƯƠNG DANH NHÂN LỊCH SỬ LƯU NHÂN CHÚ

Nguyễn Văn Tiến

Chủ tịch UBND huyện Đại Từ

Kính thưa: Các đồng chí đại biểu.

Hội thảo khoa học quốc gia Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú do UBND tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia phối hợp tổ chức, diễn ra trong những ngày tháng Tám lịch sử ngay tại tỉnh nhà trên mảnh đất sinh ra ông, thật sự mang lại niềm vui, niềm vinh dự cho cán bộ và nhân dân huyện Đại Từ chúng tôi.

Đại Từ là một huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên, có diện tích tự nhiên 576,7km², dân số trên 16 vạn người, gồm 10 dân tộc quần cư sinh sống.

Về vị trí địa lý, huyện Đại Từ nằm ở phía tây của tỉnh Thái Nguyên, tiếp giáp với huyện Định Hóa ở phía Bắc, huyện Phú Lương ở phía đông, thành phố Thái

Nguyên và huyện Phổ Yên ở phía nam; phía tây giáp 2 tỉnh Vĩnh Phúc và Tuyên Quang.

Theo sử sách ghi lại, Đại Từ là một miền đất cổ. Vào thời các vua Hùng dựng nước, đất này nằm trong bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của nhà nước Văn Lang. Thời thuộc Hán, luận theo ý kiến của các nhà sử học Đào Duy Anh, Trần Quốc Vượng, đất Đại Từ ngày nay thuộc Châu Long. Tên Đại Từ có chính thức từ bao giờ, tới nay vẫn chưa tìm được tài liệu chính xác. Chúng tôi được biết hai chữ Đại Từ lần đầu tiên xuất hiện trong thư tịch cổ với tư cách là một huyện của phủ Thái Nguyên là vào năm Vĩnh Lạc thứ hai (1404), thời nhà Hồ. Trong sách *đại việt địa dư toàn biên* của phương đình Nguyễn Văn Siêu, ở trang 119, có ghi "Phủ Thái Nguyên, Phủ này nằm ở phía tây bắc phủ Giao Châu, cách 450 dặm. Năm Vĩnh Lạc thứ hai, đặt ra coi 14 huyện là: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Động Hỷ, Vĩnh Thông, Tuyên Hóa, Lộng Thạch, Đại Từ, An Định, Cẩm Hóa, Thái Nguyên". Ở trang 160 của sách này có ghi chép về Thái Nguyên, trong thời kỳ tiền Lê khá cụ thể: "Thái Nguyên thừa tuyên 3 phủ, 8 huyện, 7 châu là: phủ Phú Bình 7 huyện, 2 châu: Phổ An (21 xã) Đại

Từ (10 xã, 30 trang), Tư Nông (25 xã, 17 trang), Bình
Tuyền (28 xã, 1 trang), Phú Lương (20 trang), Văn
Lãng (7 xã, 14 trang), Định Hóa châu (46 xã, 27
trang), Vũ Nhai châu (65 xã, 35 trang)".

Sách đất nước Việt Nam qua các đời của học giả
Đào Duy Anh, phần Đại Việt đời Trần và đời Hồ, trang
146 có viết: "ở phía tây nam tỉnh Thái Nguyên, ở giữa
huyện Định Hóa và Đại Từ còn có huyện Văn Lãng".
"Huyện Đại Từ - Nhất Thống Chí (Thái Nguyên)
chép rằng huyện này có tên từ thời thuộc Minh về
trước. Huyện Đại Từ ở phía tây nam tỉnh Thái
Nguyên cũ".

Bản gia phả thực lục của dòng họ Lưu ở xã Văn
Yên, huyện Đại Từ cũng ghi: "Cao tổ Phạm Cuống là
Hồ triều bá Phạm Long, nguyên quán tại xã Văn Lãng,
huyện Văn Lãng, đời đời làm quan phiên trấn nhà
Trần".

Từ những sách sử và tư liệu trên, có thể biết
rằng huyện Đại Từ ít nhất cũng đã có từ trước thời
thuộc Minh, và có thể, huyện Văn Lãng - phần đất

chủ yếu phía bắc huyện Đại Từ ngày nay, cũng đã có từ thửa ấy.

Sang thời nhà Nguyễn, đời vua Gia Long, huyện Đại Từ và huyện Văn Lãng thuộc phủ Phú Bình, trấn Thái Nguyên. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), nhà Nguyễn đặt phủ Tông Hóa, huyện Đại Từ và huyện Văn Lãng tách ra khỏi phủ Phú Bình để thuộc vào phủ Tông Hóa. Huyện Đại Từ có 5 tổng, 21 làng, bản; huyện Văn Lãng có 6 tổng, 12 làng, bản.

Vào năm 1919, thời nhà Nguyễn thuộc Pháp tỉnh Thái Nguyên chia thành 2 phủ (phủ Phú Bình và phủ Phổ Yên), 3 huyện, 2 châu, 51 tổng, 227 làng, bản. Lúc này huyện Đại Từ có 5 tổng, 23 làng, bản; châu Văn Lãng có 4 tổng, 13 làng bản. Ngày 1/8/1922 châu Văn Lãng nhập vào huyện Đại Từ. Trong suốt 80 năm qua, phân đất huyện Đại Từ không có thay đổi gì đáng kể so với hiện nay.

Ngày nay, huyện Đại Từ có 31 đơn vị hành chính (gồm 29 xã và 2 thị trấn). Trong đó có xã Vân Yên - nơi sinh thành của Lưu Nhân Chú, một danh tướng thời

nhà Lê mà hôm nay chúng ta tổ chức Hội thảo khoa học về ông.

Theo bản gia phả Thực lục của dòng họ Lưu ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ, thì Lưu Nhân Chú là người xã Thuận Thượng, huyện Đại Từ, trấn Thái Nguyên. Điều này có khác với các sách sử như Đại Việt thông sử, Đại Nam nhất thống chí ghi chép là xã Thuận - An - Thượng; cương mục chép là An Thượng; Lịch triều hiến chương loại chí (phần nhân vật chí) chép là An Thuận. Theo chúng tôi, dù các sách, các tư liệu có ghi chép tên làng, xã quê Lưu Nhân Chú không thống nhất, thì vẫn có thể xác định được vùng đất trung tâm của xã Thuận Thượng xưa, nay gọi tên là xã Vân Yên. Tuy nhiên, đất xã Thuận Thượng xưa còn cả một phần lớn đất xã Ký Phú, xã Vạn Thọ và phần phía nam của xã Mỹ Yên ngày nay. Theo con cháu dòng họ Lưu được các đời truyền lại, gốc gác tiên tổ họ lưu ở Thanh Hóa. Vào thời nhà Trần, do loạn lạc, nghèo đói mà phiêu dạt lên tới miền đất chân Tam Đảo ở phía tây nam huyện Đại Từ. Khi ấy vùng đất này còn hoang vu, rập rập, dân cư rất thưa thớt chủ yếu là người dân tộc thiểu số, Thủy tổ của dòng họ Lưu Vân Yên là Lưu Công thủy

Huyền Nghi đã xin nhà Trần cho chiêu mộ dân chúng khai sơn, phá thạch, mở đất lập ấp. Công lao ấy của ông tổ dòng họ Lưu đã được nhà Trần ghi nhận: từ đời Lưu Công thụy Huyền Nghi tới đời Lưu Trung (thân phụ của Lưu Nhân Chú), đã 4 đời họ Lưu thế tập làm quan phiên trấn của nhà Trần ở đất Thái Nguyên. Việc Lưu Nhân Chú và cha là Lưu Trung, em rể Phạm Cuống tìm vào Lam Sơn (Thanh Hóa) gặp Lê Lợi, tham gia hội thề lịch sử ở Lũng Nhai để khởi nghĩa chống giặc Minh, trở thành một danh tướng của nghĩa quân Lam Sơn dưới cờ của Bình Định Vương Lê Lợi với rất nhiều chiến công hiển hách, được nhà Lê ban phong nhiều chức tước, uy quyền lớn... đã làm rạng danh muôn thuở cho đất quê hương Thuận Thượng - Vân Yên, Đại Từ, Thái Nguyên chúng tôi ; làm rạng danh cho dòng họ Lưu hơn 400 hộ đang sinh sống trên đất tổ họ Vân Yên và con cháu họ Lưu trong khắp cả nước.

Lịch sử và nhân dân Đại Từ ghi nhớ và tự hào về những năm tháng hào hùng hồi đầu thế kỷ XV, khi Thuận Thượng, Văn Lãng của Đại Từ đã cống hiến cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn tới 3 vị danh tướng : Lưu

Nhân Chú, Lưu Trung và Phạm Cuống; Khi người dân Đại Từ hăng hái xung vào đội nghĩa binh của Lưu Nhân Chú để ngày đêm tập luyện, bổ xung cho đội ngũ nghĩa quân Lam Sơn đánh giặc Minh.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đại Từ là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, nghĩa binh Đội Cấn. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930), Đại Từ lại có một vị trí quan trọng trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng lãnh đạo. Từ năm 1935, các Đảng viên cộng sản ở miền xuôi lên đã giác ngộ được một số quần chúng cách mạng ở Đại Từ. Năm 1936, tại xã La bằng, huyện Đại Từ, cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên được thành lập. Từ đây, ngọn lửa cách mạng lan sang Võ Nai, Định Hóa. Cuối năm 1944, cơ quan chỉ huy chiến khu Nguyễn Huệ được thành lập ở xã Yên Lãng do đồng chí Song Hào làm Bí thư. Chiến khu Nguyễn Huệ đã đóng góp quan trọng thực hiện nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Cũng trong thời kỳ này Đại Từ nổi tiếng với những trận phục kích tiêu diệt nhiều lính Nhật ở

dốc Vai Cày, ở Đèo Khế; Với đội du kích Cao Sơn ở vùng Cát Nê - Quân Chu.

Là địa phương có phong trào cách mạng sôi sục, lại tiếp giáp với vùng căn cứ Tân Trào, Định Hóa nên Đại Từ là nơi giành chính quyền trong cao trào cách mạng Tháng Tám sớm trong toàn quốc. Ngày 29-3-1945, nhân dân Đại Từ đã vùng lên đập tan chính quyền tai sai, thiết lập chính quyền nhân dân, mở ra một trang sử mới cho vùng đất Đại Từ.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), phía bắc Đại Từ nằm trong An Toàn Khu trung ương (ATK). Nhiều cơ quan trung ương mà chủ yếu là các đoàn thể, các cơ quan quân đội đóng trên mảnh đất này. Cơ quan Tổng liên đoàn Lao động. Tổng đoàn thanh niên, Hội phụ nữ... ở xã Văn Lãng (nay là xã Phú Xuyên), Tổng cục 2 (An ninh quân đội) đóng ở La Bằng ; Cục quân y. (ở xã Mỹ Yên). Cục Quân nhu (ở xã Văn Yên), lúc đó gọi là xã Văn Khánh), ... Ngày 27/7/1947, tại xóm Bàn Cờ xã Hùng Sơn, đã diễn ra cuộc mít tinh công bố Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy ngày 27/7 làm ngày Thương

binh, liệt sĩ toàn quốc. Đại Từ còn là địa phương được trung ương chỉ đạo thí điểm cải cách ruộng đất, xây dựng tổ đổi công, thành lập Hợp tác xã sớm nhất trong toàn quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc, hàng nghìn thanh niên nam nữ các dân tộc Đại Từ đã lên đường chiến đấu, nhiều người đã anh dũng hy sinh trên khắp các chiến trường đánh Mỹ. Ở quê hương, người dân Đại Từ giỏi tay cày, hay tay súng, năm 1966 dân quân xã Hà Thượng đã dùng súng bộ binh bắn rơi máy bay phản lực Mỹ, tô đậm thêm nét son truyền thống của lịch sử Đại Từ.

Có thể nói Đại Từ là một miền đất Địa linh nhân kiệt, là địa phương hội tụ nhiều tiềm năng để phát triển. Chúng tôi nhận thức sâu sắc rằng: cùng với những tiềm năng to lớn về điều kiện tự nhiên, về lực lượng sản xuất, về các cơ chế chỉ đạo, quản lý kinh tế - xã hội trong thời kỳ đổi mới, truyền thống lịch sử cách mạng vẻ vang mà biết bao thế hệ người dân Đại Từ đã đổ sức lực, trí tuệ, xương máu vun đắp cũng là một tiềm năng, một động lực to lớn cho Đại Từ hôm nay

trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa xây dựng quê hương Đại Từ giàu mạnh, văn minh.

Kính thưa các quý vị

Chúng tôi được biết, dự hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú hôm nay có nhiều vị giáo sư, tiến sỹ, nhiều nhà nghiên cứu đã từng có một thời kỳ đứng trên bục giảng hoặc là sinh viên của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội sơ tán ở ngay đất Thuận Thượng xưa (đất Vân Yên, Ký Phú, Vạn Thọ ngày nay). Trở về mảnh đất của một thời kỷ niệm, chắc hẳn quý vị sẽ cảm nhận, sẽ vui mừng vì sự đổi mới của Đại Từ chúng tôi. Từ một miền đất kinh tế thấp kém, nghèo nàn, lạc hậu, người dân từ nhiều đời đã là hiện thân của câu ca "lử khừ lử khừ, chẳng ở Đại Từ cũng ở Võ Nhai". Chỉ trong hơn 10 năm đổi mới, đời sống vật chất của đại đa số các hộ nông dân Đại Từ đã có những thay đổi lớn và ngày càng phát triển.

Sự nghiệp văn hóa xã hội của huyện cũng liên tục phát triển, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

Đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn làm việc trên địa bàn huyện có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học tới hàng nghìn người. 4 di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn Đại Từ, trong đó có khu di tích Núi Vắn - Núi Võ quê hương của danh nhân Lưu Nhân Chú đã được xếp hạng cấp quốc gia; nhiều làng bản đạt tiêu chuẩn "Làng văn hóa". Với những thành tích to lớn trong kháng chiến chống Pháp và trong thời kỳ đổi mới, huyện Đại Từ chúng tôi đã vinh dự được Đảng và Nhà nước hai lần phong tặng anh hùng.

Tuy nhiên, con đường phấn đấu để trở thành một huyện giàu có, văn minh của Đại Từ còn nhiều khó khăn, rất cần sự giúp đỡ mọi mặt của tỉnh, của các cơ quan trung ương, của Đảng, Chính phủ. Lịch sử vẻ vang được xây đắp bằng máu xương của các thế hệ cha ông (mà hôm nay các nhà khoa học, các nhà quản lý ở trung ương, địa phương đang góp phần làm sáng rõ thêm) cũng là một nguồn nội lực phát triển của Đại Từ chúng tôi.

Tại diễn đàn hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú, Đảng bộ, chính quyền, dòng họ Lưu và đồng bào các dân tộc Đại Từ xin đề nghị các nhà khoa học góp thêm tiếng nói, các cơ quan quản lý Văn hóa cùng phối hợp, giúp đỡ Đại Từ trong việc tôn tạo, bảo tồn khu di tích Núi Văn - Núi Võ; trước hết là tôn tạo, xây dựng nơi thờ tự Lưu Nhân Chú tại di tích Núi Võ quê ông cho thật xứng đáng với công lao, sự nghiệp ông đã cống hiến cho non sông đất nước, cho xứng đáng với tên tuổi của một Danh nhân lịch sử dân tộc.

Và cũng xin đề nghị Sở Văn hóa thông tin Thái Nguyên và Viện Sử học Việt Nam, hai cơ quan đồng chuẩn bị nội dung khoa học cho cuộc hội thảo, sớm biên tập, in sách kỷ yếu hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử dân tộc Lưu Nhân Chú để giúp thế hệ hôm nay và mai sau hiểu biết về một người con ưu tú của quê hương Đại Từ chúng tôi.

Xin kính chúc các đồng chí khỏe, hạnh phúc.

KHU DI TÍCH NÚI VẦN, NÚI VỖ

NHỮNG CHỨNG TÍCH LIÊN QUAN TỚI
LƯU NHÂN CHÚ VÀ NGHĨA QUÂN CỦA ÔNG
TRƯỚC KHI NỔ RA KHỎI NGHĨA LAM SƠN 1418

Thạc sỹ. *Hoàng Thị Diệp*

Giám đốc Sở VH-TT Thái Nguyên

Sử sách thời nhà Lê, nhà Nguyễn, (từ Lam Sơn Thực lục của Nguyễn Trãi, Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn, Đại Nam nhất thống chí của sử thần Triều Nguyễn)... đều có những ghi chép; liên quan tới tên tuổi danh tướng Lưu Nhân Chú, Phan Huy Chú, trong phần nhân vật chí của bộ lịch triều hiến chương loại chí chỉ chọn lọc giới thiệu một số danh tướng tiếng tăm lẫy lừng nhất của các triều đại, trong đó có tên Lưu Nhân Chú (sách Lịch triều chép là Lưu Nhân Thụ). Tên ông được xếp cùng với những tên tuổi Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Trần Hưng Đạo, Trần Bình Trọng, Trần Nguyên Hãn,... Hãn Lưu Nhân Chú phải là một danh tướng tài ba, đức độ, chiến công hiển hách.

Theo sách sử và bản gia phả thực lục của dòng họ Lưu được con cháu trong dòng họ giữ gìn tới ngày nay, thì Lưu Nhân Chú là người ở xã Thuận Thượng, huyện Đại Từ, phủ Thái Nguyên. Ông sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp quý tộc, đã bốn đời làm quan phiên trấn ở vùng Thái Nguyên. Năm 1407, cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của Nhà Hồ thất bại, Nhà Minh đã đặt một chế độ cai trị rất hà khắc lên toàn bộ lãnh thổ Đại Việt. Phong trào khởi nghĩa chống ách cai trị của nhà Minh nổi lên khắp nơi. Thái Nguyên thời đó từng là nơi nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa, liên tục tấn công vào quan quân nhà Minh và bọn tay sai, nhưng những cuộc khởi nghĩa ấy do không tập hợp thành một lực lượng mạnh nên chỉ trong vòng vài năm đã bị dập tắt.

Sinh ra trong 1 gia đình dòng họ quý tộc thời Trần, yêu nước, căm thù giặc, biết tin Lê Lợi đang chiêu tập những kẻ hiền dũng, mưu đồ chống giặc Minh, Cha con Lưu Nhân Chú bèn phân phát gia sản tìm vào Lam Sơn tụ nghĩa. Như sử sách đã ghi, Ngày Kỷ Mão, mừng

1 tháng 2 năm Bính Thân (1416), Lê Lợi cùng 18 người thân tín nhất trong đó có Lưu Nhân Chú lập hội thề ở Lũng Nhai để kết nghĩa anh em, đồng tâm hiệp lực, thề cùng trời đất quyết đánh giặc Minh, giải phóng đất nước.

Sau hội thề Lũng Nhai, để xây dựng lực lượng, ngày 20 tháng 4 năm 1416, Lê Lợi giao phó cho Lưu Nhân Chú cùng Cha và em rể "Trở về tứ trấn bí mật mộ quân lính, chiêu tập những người trốn tránh, thu nạp kẻ chống đối, đợi thời dấy binh" ⁽¹⁾. Thời gian cha con Lưu Nhân Chú trở về tứ trấn, theo bản gia phả là gần 3 năm, từ 1416 đến trước khi nổ ra khởi nghĩa (tháng giêng năm Mậu Tuất 1418). Trong gần 3 năm ấy "ba người đã gây được muôn đội, phục kín đợi vua dấy lên,..." ⁽²⁾. Sự kiện này trùng khớp với những câu chuyện từ xưa truyền lại về Lưu Nhân Chú luyện quân,

(1) Gia phả thực lục dòng họ Lưu xã Vân Yên.

(2) Như đã dẫn trên.

quần ngựa, tấm ngựa, tàng trữ lương thực ở vùng quê hương Thuận Thượng và luyện võ, đấu vật ở vùng đất Đắc Sơn - Phổ Yên ngày nay.

Đã sáu trăm năm trôi qua, kể từ thuở cha con Lưu Nhân Chú trở về vùng Thuận Thượng mộ quân để đưa vào Lam Sơn tham gia khởi nghĩa, rừng đã lùi sâu vào mãi thượng ngàn Tam Đảo, thời gian và con người đã vô tình xóa đi biết bao dấu vết của một thời oanh liệt; nhưng đây đó giữa làng quê Vân Yên, Ký Phú vẫn còn lưu lại những núi, những đồi, những cánh đồng, ao hồ, dòng suối... gắn bó với gia tộc họ Lưu, gắn bó với thời tuổi trẻ anh hùng của danh tướng Lưu Nhân Chú, trở thành những di tích lịch sử đã được Nhà nước xếp hạng cấp Quốc gia.

Khu di tích núi Văn, núi Võ, ... nằm trên đất 2 xã Vân Yên và Ký Phú, huyện Đại Từ, bao gồm nhiều hạng mục di tích: Núi Văn, Núi Võ, Núi Quân Ngựa, Núi Cẩm Cờ, Núi Xem, Đầm Tấm Ngựa, cánh đồng Tàng Lương, Núi Tương Tư, Suối Duyên, Núi Miếu,...

Núi Văn là ngọn núi đá vôi, độ cao tới cả trăm mét, nằm trên đất Ký Phú và Vân Yên. Từ phía đông nhìn lại, núi trông tựa hình chiếc mũ cánh chuồn của quan văn ngày xưa, có lẽ vì thế mà có tên là núi Văn.

Lưng chừng núi có hang khá rộng và sâu. Mùa hè vào hang thật mát mẻ dễ chịu. Tương truyền, hang núi Văn là nơi những ngày đầu từ Thanh Hoá trở về, Lưu Nhân Chú thường hội họp luận bàn việc nước. Để tưởng nhớ công ơn Lưu Nhân Chú và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hôm nay, huyện Đại Từ đã cho xây một ngôi đền thờ danh tướng Lưu Nhân Chú ngay phía nam núi; dân chúng trong vùng thường qua lại thắp hương. Những năm gần đây, cứ đầu xuân năm mới, vào ngày 4 tháng giêng, nhân dân Đại Từ lại mở hội núi Văn, núi Võ để tưởng nhớ người anh hùng của quê hương

Cách núi Văn chừng 1 km về phía đông là núi Võ. Đây là khối núi đá vôi từ xa nhìn tới rất giống hình mũ trụ của quan võ thừa xưa. Núi Võ nằm trên đất xã Vân

Yên, có những vách đá cao dựng đứng. Chân núi phía tây - bắc có hang ngầm ăn thông vào lòng núi. Phía đông núi có hang đá nhỏ, nhân dân nơi đây cho biết từ xưa ở đây đã có đền thờ Lưu Nhân Chú. Một ngôi đền nhỏ trong vách đá thờ người con anh hùng ngay tại nơi đã sinh thành ra ông, phong cảnh thật thâm u, đượm nét thiêng liêng.

Về phía đông núi Võ chừng 200 m là di tích núi Quân Ngựa. Quân Ngựa là quả núi đất, đứng ra là một ngọn đồi, có hình mâm xôi. Một đường xoáy tròn ốc rộng chừng 3 mét chạy từ chân núi lên tới đỉnh núi, theo nhân dân địa phương, đây là nơi Lưu Nhân Chú và đội kỵ binh của ông thường luyện ngựa, tập đánh trận bằng kỵ binh.

Từ khu vực núi Võ, núi Quân Ngựa, dọc theo con đường liên xóm chừng 1 cây số về phía Tây, ta bắt gặp ngay bên trái một quả núi đất. Đây là núi Xem. Ngọn núi khá bằng phẳng. Từ ngọn núi Xem, có thể phóng tầm mắt suốt cánh đồng lớn nhất của xã Vân Yên vào tới chân núi Tam Đảo. Từ đỉnh núi Xem, Lưu Nhân

Chú và những chỉ huy thân tín thường ngồi xem binh sỹ tập cơ ngũ, tập bày trận trên cánh đồng, thi chạy, thi cưỡi ngựa để cắm cờ, giành cờ từ đỉnh núi Cẩm Cờ. Phía sát chân dãy Tam Đảo, ở phía Bắc xã Vân Yên, giáp với xã Mỹ Yên còn có một ngọn núi rất gần gũi, thiêng liêng đối với dòng tộc họ Lưu - núi Miếu. Đây là nơi đặt miếu thờ ông tổ của dòng họ Lưu" Lưu Công, Thụy Huyền Nghi.

Ngay giữa xóm, nơi những người nối dòng thờ tự của họ Lưu đang sống, là đầm Sen mà trong truyền thuyết và trong cách gọi nôm na của người dân Vân Yên, là đầm Tắm Ngựa. Đầm rộng vài mẫu, nước trong xanh, ven bờ cỏ cây rợp bóng mát. Đầm là nơi nghỉ ngơi của Lưu Nhân Chú luyện tập thủy binh, tắm giặt, bơi lội sau mỗi ngày tập luyện gian khổ. Đầm cũng là nơi tắm cho những con ngựa chiến của đội kỵ binh vào những chiều hè.

Những cánh đồng của Vân Yên, Ký Phú khá rộng. Thóc lúa thu hoạch từ những cánh đồng này đủ

nuôi dân trong vùng, đủ nuôi đội nghĩa binh tới vài trăm người của Lưu Nhân Chú. Thời cha con họ Lưu về bản quán chiêu mộ quân sỹ chờ ngày kéo vào Lam Sơn khởi nghĩa, có một cánh đồng lớn là nơi sản xuất, tàng trữ lương thảo cho nghĩa quân mang tên cánh đồng Tàng Lương. Ngày nay, cánh đồng Tàng Lương thời thế kỷ XV đã được gọi lái đi là cánh đồng Tràng Dương. Với ý nghĩa đó, cho đến nay con cháu dòng họ Lưu Văn Yên và nhân dân Ký Phú, vẫn coi đây là một cánh đồng lúa của quê hương gắn liền với sự nghiệp và tên tuổi của danh tướng Lưu Nhân Chú.

Đất Văn Yên quê hương Lưu Nhân Chú, vẫn còn những địa danh mà tên gọi thật khó quên. Đó là Núi Tương Tư, nơi tâm sự, tỏ tình của những chàng nghĩa binh với những thiếu nữ Thuận Thượng. Suối Đôi - dòng suối của những cuộc tự tình đôi lứa.

Cách Thuận Thượng chừng hai chục cây số về phía Nam có vùng đất cũng gắn liền với sự kiện tuyển quân,

rèn luyện võ nghệ, cung kiếm của Lưu Nhân Chú. Đó là đất Đắc Sơn, huyện Phổ Yên. Đất ấy, theo sắc phong, theo truyền thuyết, được dân chúng dựng ngôi miếu thời Lưu Nhân Chú gọi là Miếu Vật. Những thế kỷ sau, được dựng lại lớn hơn, thành đền Lục Giáp - đến nay đã trở thành di tích được xếp hạng cấp quốc gia.

Dấu tích của một thời luyện tập binh đao dưới cờ nghĩa của vị danh tướng họ Lưu, sau sáu trăm năm còn đó. Những truyền thuyết đẹp gắn với danh tướng Lưu Nhân Chú và đội nghĩa binh của ông sống mãi trong tâm thức người dân Thuận Thượng xưa - Vân Yên, Ký Phú ngày nay, cũng còn đó. Tất cả đã tạo dựng lên một khu di tích lịch sử núi Văn, núi Võ ... trên quê hương Lưu Nhân Chú để muôn đời con cháu chiêm ngưỡng, phụng thờ.

Khu di tích núi Văn, Núi Võ... đã được Nhà nước xếp hạng quốc gia, được đầu tư chống xuống cấp lần đầu bằng một nguồn kinh phí không nhiều . Đã hơn

nửa thiên niên kỷ dầm mưa, dãi nắng, bị chiến tranh huỷ hoại, bị con người tàn phá, lấy đá làm phốt phát, nung vôi, xây nhà, bị san lấp trồng chè, trồng sắn..., các di tích về Lưu Nhân Chú ở Vân Yên, Ký Phú quê hương ông đang trong tình trạng bị xuống cấp nghiêm trọng. Ngôi đền thờ Lưu Nhân Chú rất nhỏ bé, chính xác hơn là gian đền dựng sơ sài trong lán chống xuống cấp cách đây gần mười năm, bây giờ đã rất tiêu điều, mục nát. Đứng trước ngôi đền này, đoàn công tác gồm nhiều nhà khoa học và những cán bộ nghiên cứu của Viện sử học Việt Nam khi đi điền dã tại Vân Yên đã không khỏi buồn ngủi. ...

Nếu vị khai quốc công thần chiến công lừng lẫy, "Đại Tư Mã", Tư Không", "Nhập nội Tư Khấu", "Bình Chương quân quốc trọng sự", "Á Thượng Hâu", "Đứng đầu hàng võ, kiêm coi chính sự trong nước", được xếp thứ 5 trong vương triều Lê Thái Tổ, ... không bị kẻ tiểu nhân ghen ghét sát hại, có thể sau khi qua đời sẽ còn lại lẫm lẫm, đền miếu phụng thờ.

Nếu như không có sự đốt phá của quân xâm lược Pháp hồi Thu - Đông 1947, trong trận tấn công lên Việt Bắc, hẳn cũng vẫn còn đình, còn chùa, còn đền, còn miếu, còn nhiều thư tịch cổ liên quan tới Lưu Nhân Chú, tới dòng họ Lưu.

Báo cáo khoa học của các nhà sử học, các nhà văn hoá, các nhà quản lý tại Hội thảo khoa học này đã làm sáng tỏ thêm về quê hương, thời đại, thân thế, sự nghiệp, những cống hiến lớn lao trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh đầu thế kỷ XV của Lưu Nhân Chú, của cha con Lưu Nhân Chú nói riêng, của nhân dân Đại Từ, nhân dân Thái Nguyên nói chung. Ông đã xứng đáng là một Danh nhân lịch sử dân tộc. Tên tuổi của ông đã và sẽ sống mãi cùng quê hương, đất nước.

Tại cuộc Hội thảo khoa học này, với tư cách là cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực bảo tồn di tích, giáo dục truyền thống ở tỉnh Thái Nguyên, Sở VH-TT kiến nghị với Bộ văn hoá Thông tin, UBND tỉnh Thái

Nguyên, cấp uỷ, chính quyền và nhân dân huyện Đại Từ, xã Văn Yên, Ký Phú cần quan tâm đến việc bảo vệ di tích. Về phần mình ngành Văn hoá - Thông tin sẽ có những giải pháp chống xuống cấp, tôn tạo các di tích thuộc khu di tích núi Văn, núi Võ và mong nhận được sự ủng hộ, đầu tư của Nhà nước và của nhân dân, để những di tích và nơi thờ tự Lưu Nhân Chú tại núi Võ xứng đáng với tầm vóc một Danh nhân lịch sử dân tộc.



Hội thảo khoa học Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú.

Ảnh: TRIỆU DOANH
(Sở VH TT Thái Nguyên)



Đoàn cán bộ Viện Sử học và Sở VH TT Thái Nguyên chụp ảnh chung với Hậu duệ Lưu Nhân Chú tại Núi Võ.

Ảnh: ĐỨC CƯỜNG (Viện Sử học)

Nhân Chú. Đó là do sau khởi nghĩa Lam Sơn, Lưu Nhân Chú, được Lê Lợi ban "quốc tính" (họ Lê). Để thống nhất cách gọi, chúng tôi đổi lại thành Lưu Nhân Chú.

Lam Sơn thực lục lần đầu tiên chép về Lưu Nhân Chú vào năm Ất Ty (1425). *Lam Sơn thực lục* chép: "Nước Minh vào khoảng năm Hồng Hy, tức năm Ất Ty (1425) lại cho Nội quan Sơn Thọ dùng lời quỷ quyết dụ dỗ vua. Vua biết trước ý giặc, nói rằng:

- Sứ giặc dụ ta, ta nhân hở của nó mà dùng nó. Rồi cho sứ đi lại để dò xét tình hình giặc nhằm mưu đánh úp thành Nghệ An. Giặc biết mưu ấy, liền thôi không đi lại nữa.

Thế là vua chỉnh đốn binh và voi, do thủy bộ đều tiến để đánh úp thành Nghệ An. Quân sắp đi, thì có tin báo rằng: Giặc cho nhiều binh sĩ, voi, ngựa, thuyền do thủy, bộ đều tiến.

Vua họp các tướng bàn rằng:

- Giặc đông ta ít, lấy ít đánh đông thì phải có đất hiểm mới có thể thành công được. Vả binh pháp nói phải chế người chứ không để người chế mình.

Liên chia hơn hai ngàn quân, sai Lê Liệt đi đường tắt giữ huyện Đỗ Gia, cướp lấy đất mà giành chỗ tiện. Vua thì thân đem đại binh đi giữ chỗ hiểm để chờ...

Rồi giặc nhân thế núi đắp lũy để ở, không đánh nữa. Bấy giờ lương của giặc khá nhiều, mà quân ta thì không đủ lương ăn mười ngày. Vua bảo các tướng sĩ rằng: "Giặc lương nhiều, giữ vững lũy để làm kế lâu dài. Ta lương ít không thể cầm cự lâu với giặc được". Vua liền đốt hết doanh trại, nhà cửa, giả trốn lên thượng lưu, rồi đi ngầm đường tắt để chờ giặc mà đánh. Giặc cho rằng quân ta đã chạy, liền tiến quân đến đóng ở doanh trại cũ của ta, lên núi đắp lũy. Đêm vua chọn quân tinh nhuệ cho phục ở chỗ hiểm. Giặc không ngờ, đem hết quân ra. Vua cả tung phục binh, xông đánh trận giặc. Bọn Lê Sát, Lê Bị, Lê Ván, Lê Lễ, Lưu Nhân Chú, Lê Ngân, Lê Chiến, Lê Tôn Kiều, Lê

Khôi, Lê Bôi, Lê Văn An đều đua nhau lên trước phá trận giặc. Giặc thua to vỡ chạy"⁽¹⁾.

Để cô lập bọn giặc ở trong thành Nghệ An, Lê Lợi chủ trương đánh úp thành Tây Đô (Thanh Hóa). Trong trận đánh quan trọng này, Lưu Nhân Chú cũng tham gia với cương vị là một trong những viên tướng chỉ huy. *Lam Sơn thực lục* cho biết: "Vua vây thành Nghệ An. Giặc giữ vững thành không dám ra. Thế là toàn đất Nghệ An lại về ta hết. Vua rèn luyện tướng sĩ, sửa sang khí giới, chưa đầy mười ngày, chiến cụ đầy đủ.

Năm ấy (tức năm Ất Ty (1425), ngày 15 tháng 4, tướng giặc là Lý An lại đem quân thủy từ Đông Đô đến cứu....

Vua nói:

- Quân giặc đến hết để cứu thành Nghệ An, các nơi tất trống rỗng.

Vua bèn chia hai nghìn tinh binh, hai thớt voi, sai bốn cháu ngoại là Lê Lễ, Lê Sát, Lê Bị, Lê

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi toàn tập - NXB KHXH - Hà Nội - 1976, tr. 56, 57.

Triện, Lưu Nhân Chú suốt ngày đi đánh úp thành Tây Đô. Giặc đóng cửa chống giữ. Quân ta đánh vỡ, bắt được đảng giặc rất nhiều, chém hơn năm trăm đầu"⁽¹⁾.

Vào khoảng cuối năm 1425, nhằm cô lập hơn nữa thành Đông Quan, nơi chủ tướng của giặc là Vương Thông đóng quân, Lê Lợi thực hiện kế hoạch đánh chiếm toàn bộ vùng đất rộng lớn xung quanh thành Đông Quan nhằm phô trương lực lượng và uy hiếp kẻ địch. *Lam Sơn thực lục* cho biết:

"Bấy giờ quân giặc tuy chưa diệt hết, mà thanh thế quân ta ngày càng hùng lấy, lòng người ngày càng vững vàng. Vua đoán rằng tinh binh của giặc ở tất cả Nghệ An, còn các thành Đông Đô đều rỗng yếu, liền thêm binh voi, sai bọn Lê Triện, Lê Khả, đem hai nghìn quân ra các lộ Thiên Quan, Quốc Oai, Gia Hưng, Lâm Thao, Tam Đái, Tuyên Quang, chiếm lấy đất chiêu phủ nhân dân, để cắt đường binh tiếp tế từ Vân Nam. Lại sai Lưu Nhân Chú, Lê Bị đem hơn

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi toàn tập. Sđd, tr. 58, 59.

hai nghìn quân ra các phủ Thiên Quan, Thiên Trường, Tân Hưng, Kiến Xương để cắt đường về của bọn Phương Chính, Lý An đã chiếm được đất thì chia quân giữ" ⁽¹⁾ .

Đặc biệt trong chiến dịch chặn đánh, tiêu diệt viện binh nhà Minh vào giai đoạn cuối của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Lưu Nhân Chú cũng là một trong số vị tướng góp công đầu. Đây là một chiến thắng vô cùng quan trọng, có tính chất làm thay đổi hoàn toàn cục diện chiến tranh, khiến Vương Thông phải chịu bó giáo quy hàng. Về trận chiến này, *Lam Sơn thực lục* chép: "Năm Đinh Mùi (1427), nước Minh cậy lớn mạnh không lấy bánh xe đổ trước làm răn, lại cử hai mươi vạn binh, ba vạn ngựa, sai Tổng quản An Viễn hầu Liễu Thăng cùng Kiềm quốc công Mộc Thạnh, Bảo Định bá Lương Minh, Đô đốc Thôi Tự, Thượng thư Lý Khánh, Hoàng Phúc chia làm hai đường. Bọn Liễu Thăng do Khâu Ôn mà tiến, còn Mộc Thạnh do Vân Nam kéo sang.

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi toàn tập. Sđd, tr. 60.

Ngày 18 tháng 9 đều đến đầu địa giới. Vua triệu các tướng nói rằng:

- Giặc vốn khinh ta, cho người nước ta nhút nhát, từ lâu sợ oai giặc, nghe có đại quân đến tất phải sợ hãi. Huống chi lấy mạnh lấn yếu, lấy nhiều thắng ít, đó là việc thường. Giặc không thể bàn đến cái hình thế được thua của người mình, biết rõ cái then máy thời vận đi qua, trở lại. Vả binh cấp cứu thì cần đi mau, giặc tất hết sức đi gấp đường. Binh pháp nói: "Xô tới chỗ lợi mà đi, năm mươi dặm một ngày, thì thượng tướng tất phải què". Nay Liễu Thăng đến, đường sá xa xôi, mà đem theo ba nghìn gái đẹp, khua chiêng gióng trống đi theo nhật trình, lòng quân khổ nhọc.

Ta lấy thế nhàn rồi mà đợi kẻ mệt nhọc, lẽ nào không thắng.

Liên sai bọn Lưu Nhân Chú, Lê Sát, Lê Thụ, Lê Lĩnh, Lê Luật, đem một vạn tinh binh và năm thớt voi ngấm phục ở ải Chi Lăng để chờ.

Trước Lê Lựu, giữ cửa Pha Luỹ, thấy giặc đến lui về cửa Ải Lựu. Giặc lại tiến đánh, Lựu lại bỏ cửa Ải

Lưu mà lui giữ Chi Lăng. Giặc lại tiến bức Chi Lăng. Bọn Lê Sát và Lưu Nhân Chú ngâm sai Lự ra đánh, giả thua mà chạy. Quả nhiên giặc cả mừng. Liễu Thăng thân đem đại binh tiến vào chỗ phục binh. Bọn Sát và Chú cả tung phục binh, bốn mặt đều dậy xông đánh. Quân giặc vỡ to. Ta chém được Liễu Thăng và Lý Khánh cùng hơn vạn đầu quân giặc, chiến khí của giặc một lúc bị đốt hết"⁽¹⁾.

Bên cạnh *Lam Sơn thực lục*, còn một tư liệu gốc nữa về khởi nghĩa Lam Sơn, có ghi chép về Lưu Nhân Chú, là *Bài văn hội thề*. Đây là bài văn do Nguyễn Trãi soạn thảo làm văn bản ký kết chính thức giữa Lê Lợi và Vương Thông tại lễ Hội thề diễn ra ở phía nam thành Đông Quan vào ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (ngày 10-12-1427). Trong số đại biểu của phái đoàn nghĩa quân Lam Sơn, ngoài vị chủ tướng trưởng đoàn Lê Lợi, chúng ta thấy Lưu Nhân Chú đứng hàng thứ hai, chỉ sau Trần Văn Hãn (tức Trần Nguyên Hãn).

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi toàn tập. Sđd, tr. 65-66.

Đoạn đầu của *Bài văn hội thể* được viết như sau:
"Năm Tuyên Đức thứ hai của nước Đại Minh là năm
Đinh Mùi, tháng 11 ngày mồng 1 là ngày Ất Dậu, qua
đến ngày 24 là ngày Mậu Thân.

Tôi là đại đầu mục nước An Nam tên là Lê Lợi
và bọn Trần Văn Hãn, Lê Nhân Chú, Lê Ván, Trần
Ngân, Trần Văn Xảo, Trần Bị, Trịnh Khả, Nguyễn
Chích, Trần Lý, Phan Bôn, Trần Văn An, Bế Khắc
Thiệu, Ma Luân cùng với:

Quan Tổng binh của thiên triều là Thái tử Thiệu
bảo Thành Sơn hầu tên là Vương Thông và các quan...
Kính cáo Hoàng Thiên, Hậu Thổ, cùng với Danh Sơn,
Đại Xuyên, và thần kỳ các xứ.

Chúng tôi cùng nhau phát tự lòng thành, ước hẹn
thề thốt với nhau..."⁽¹⁾.

Danh sách những người trong phái đoàn của Lê
Lợi chép trong văn bản này có người đổi sang họ Lê
như Lê Nhân Chú (vốn họ Lưu), Lê Ván (vốn họ

⁽¹⁾ Nguyễn Trãi toàn tập. Sdd, tr. 185, 186.

Phạm), do được ban "quốc tính" (họ vua) như thường thấy trong nhiều tài liệu khác. Nhưng có người đổi sang họ Trần như Trần Ngân (vốn họ Lê), Trần Văn Xảo (vốn họ Phạm), Trần Bị (vốn họ Bùi), Trần Lý (vốn họ Nguyễn), Trần Văn An (vốn họ Lê). Trong quan hệ bang giao với nhà Minh lúc bấy giờ, Lê Lợi lấy danh nghĩa là người phò tá Trần Cảo, lập con cháu nhà Trần lên làm vua. Đổi một số người sang họ Trần nhằm chứng tỏ với nhà Minh sự tham gia của nhiều người thuộc dòng dõi họ Trần, hoặc ban "quốc tính" cũng theo họ Trần. Thực ra trong số những người đó chỉ có Trần Nguyên Hãn là con cháu vua Trần. Bế Khắc Thiệu, Ma Luân là những tù trưởng dân tộc thiểu số.

Bộ chính sử của nhà Lê là *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chép nhiều sự kiện liên quan tới Lưu Nhân Chú. Ở đây, để khỏi trùng lặp, chúng tôi lược bỏ những đoạn mà *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép trùng với *Lam Sơn thực lục*.

Vào tháng 6 năm Đinh Mùi (1427), *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép một sự kiện quan trọng về Lưu

Nhân Chú. Đó là việc Lưu Nhân Chú được Lê Lợi phong chức Đại tư mã. Theo quan chế của triều Lê thì chức quan Đại tư mã chịu trách nhiệm phụ trách toàn thể quân đội lúc bấy giờ. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép rõ: "Tháng 6 năm Đinh Mùi (1427), lấy Thông hầu Lưu Nhân Chú làm hành quân đốc quản, nhập nội Đại tư mã, lĩnh Tiên Hạo Tả Hữu tứ vệ, kiêm tri Tân vệ quân sự" ⁽¹⁾. Và cũng ngay tháng ấy, Lưu Nhân Chú được gia phong thêm chức Tư không, tức là chức quan phụ trách các công việc thổ mộc, xây dựng cầu cống, đường xá. Chính sử triều Lê cho biết: "Tháng 6 năm Đinh Mùi (1427): Gia phong Thị trung Tư Tề (con trai trưởng của Lê Lợi) làm Tư đồ, Đại tư mã Lưu Nhân Chú làm Tư không, Thiếu úy Lê Ván, Lê Sát làm Tư mã, Thượng tướng Lê Bôi làm Thiếu úy và răn rằng: "Chức tước đã cao, khuya sớm chớ lười, không được lãng phí mà bỏ việc" ⁽²⁾.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng cho biết để chuẩn bị cho cuộc hội thề thì: "... Người Minh cho Sơn

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb KHXH. H. 1972, tập 3, tr. 34.

⁽²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sđd, tập 3, tr. 40.

Thọ và Mã Kỳ ra dinh Bồ Đề để làm con tin với Vua. Vua cũng sai Tư đồ Tư Tề và Lưu Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin với người Minh. Cuối cùng thành hòa ước"⁽¹⁾. Lý do để Tư Tề và Lưu Nhân Chú sang làm con tin với nhà Minh được *Đại Việt sử ký toàn thư* giải thích: "Trước thì vua cho Lê Quốc Trinh và Lê Như Trì làm con tin, đến đây muốn được Sơn Thọ và Mã Kỳ đến hội, cho nên sai Tư Tề và Nhân Chú cùng đi"⁽²⁾.

Lam Sơn thực lục và *Đại Việt sử ký toàn thư*, mặc dù chép khá kỹ về hành trạng của Lưu Nhân Chú, nhưng cũng bỏ qua nhiều sự kiện quan trọng liên quan tới thân thế, sự nghiệp và cái chết của ông. Những khiếm khuyết của hai bộ sử trên, đã được *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn chép khá rõ. *Đại Việt thông sử* dành cả một mục để chép về Lưu Nhân Chú như sau: "Lê Nhân Chú, người xã An Thuận Thượng, huyện Đại Từ, nguyên trước họ Lưu sau được ban họ vua. Lúc trẻ nghèo khổ, làm nghề buôn bán. Một đêm ông ngủ

⁽¹⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, tập 3, tr. 47, 48.

⁽²⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sdd, tập 3, tr. 48.

trợ ở đền thờ thần nằm mộng được điềm tốt. Sau đó, ông vào Lam Sơn, thờ Thái Tổ làm thứ thủ ở vệ kỵ binh trong quân Thiết đột. Ông xông pha tên đạn, ra vào trận mạc, đem hết sức ra giúp.

Năm Bính Thân (1416), Thái Tổ cùng với tướng văn, tướng võ 18 người liên danh thề ước cùng vui cùng lo có nhau, ông cũng được dự...

Tháng 5 năm Thuận Thiên thứ 2 (1429) khắc biển công thần, ông được phong Á Thượng hầu, tên đứng thứ năm.

Năm thứ tư (1431) được phong là Nhập nội tư khấu.

Năm thứ sáu (1433) vua Thái tổ mất, Thái Tông còn nhỏ, Đại tư đồ Lê Sát ghen ghét ông, ngầm đánh thuốc độc giết chết. Về sau vua Thái Tông mới hiểu nỗi oan của ông, cuối cùng trị tội Lê Sát.

Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) tặng là Thái phó Vinh Quốc công"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đại Việt thông sử: trong Lê Quý Đôn toàn tập. Nxb KHXH, H. 1978, tập 3, tr. 206.

Với *Đại Việt thông sử*, Lê Quý Đôn đã làm rõ một sự kiện rất quan trọng trong cuộc đời của Lưu Nhân Chú, mà các bộ sử trước đó chưa nhắc tới, đó là việc ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn ngay từ đầu và có mặt trong cuộc Hội thề Lũng Nhai vào năm Bính Thân (1416). Điều đó cho thấy Lưu Nhân Chú vào tụ hội ở Lam Sơn từ rất sớm, và qua đó, chúng ta thấy ông là người có nhãn quan chính trị hết sức đúng đắn. Ở mục chép về Lê Thái tổ, Lê Quý Đôn cũng ghi rõ: "Đến khi quân Minh sang đánh, bắt họ Hồ đem về Kim Lăng, rồi đặt nước Nam ta thành quận, huyện. Vua ngẫm có chí khôi phục non sông, nên hạ mình tôn người hiền, bỏ tiền của ra nuôi binh sĩ, chiêu nạp những người mắc lỗi trốn tránh và chống đối, được nhiều người quy phục... Những hào kiệt thời ấy như: Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vĩ, Vũ Uy, Lê Liễu và Lê Xa Lôi đều nối tiếp nhau quy phục, vua đều kính cẩn đón tiếp, cùng bí mật mưu việc khởi nghĩa"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ *Đại Việt thông sử*. Sdd, tập 3, tr. 33, 34.

Cũng trong *Đại Việt thông sử*, không biết dựa trên nguồn tư liệu nào, Lê Quý Đôn lại cho rằng Lưu Nhân Chú chính là cháu họ của Lê Lợi. Nguyên văn nhận định đó được chép rõ trong *Đại Việt thông sử* như sau: "Tháng 11 năm Đinh Mùi (1427): Thái giám nhà Minh là Sơn Thọ và Mã Kỳ đến dinh Bồ Đề làm con tin, vua sai con là Tư Tề và cháu họ là Nhân Chú vào thành Đông Quan làm con tin, để định hòa ước"⁽¹⁾. Theo chúng tôi, chi tiết này đáng được lưu ý và cần làm sáng tỏ. Phải chăng vì có quan hệ chú - cháu hoặc bác - cháu họ, nên trong khi chọn người làm con tin, bên cạnh Tư Tề là con đẻ, Lê Lợi đã chọn Lưu Nhân Chú. Phải là những người rất thân thuộc, rất gần gũi với chủ tướng Lê Lợi sang làm con tin bên nhà Minh thì quân Minh mới đưa Sơn Thọ và Mã Kỳ sang bên ta làm con tin, theo đúng yêu cầu của Lê Lợi mà sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ở trên đã nói rõ.

Sách *Đại Việt sử ký tiền biên* của Ngô Thì Sĩ khi chép về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã lược bỏ nhiều chi tiết về Lưu Nhân Chú mà chỉ chú ý đến sự kiện ông

⁽¹⁾ *Đại Việt thông sử*. Sdd, tập 3, tr. 68.

tham gia vào trận Chi Lăng, giết chết tướng Minh là Liễu Thăng. Nguyên văn được ghi chép như sau: "Bèn sai bọn Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Lê Hiệp, Lê Liệt, Lê Thụ đem quân và voi mai phục ở Chi Lăng để đợi. Lúc bấy giờ tướng giữ ải Pha Luỹ là Lê Lựu bỏ ải lui về đóng ở Chi Lăng. Liễu Thăng thừa thắng đuổi theo, đi đến đâu không ai dám kháng cự nên có vẻ kiêu căng. Bình Định vương cũng sai người đến cửa quân của Thăng xin theo ý của Thành Tổ xưa kia là cho nối lại dòng họ đã bị đứt, lập Trần Cảo làm chủ nước ta, bãi binh cho dân nghỉ. Thăng nhận thư không mở đưa chạy trạm về tâu với vua Minh, vẫn dẫn quân tiến mãi. An, Trần Dung ở mạc phủ nói với Thượng thư Lý Khánh rằng:

"Trí của Tống Nhung kiêu căng lắm, tính tình của giặc quỷ quyết đối trá, không thể vì chúng luôn luôn bị thua mà coi thường nhãng quên, biết đâu họ không tỏ ra yếu đuối để giữ ta, huống chi sắc thư nhiều lần răn bảo: "Lê Lợi chuyên đặt quân mai phục để giành phần thắng, không nên coi thường, ông nên nhanh chóng can đóng quân lại chớ nên khinh suất mà

tiền". Khánh nói với Thăng, Thăng chỉ dạ dạ mà thôi không có ý lo sợ chút nào. Đã đến ải Chi Lăng, Lê Lợi lại giả thua chạy, Thăng đốc đại quân đuổi đến chỗ quân mai phục. Bọn Sát và Nhân Chú⁽¹⁾ đưa cả quân mai phục bốn mặt đều nổi lên xông ra đánh, quân Minh đại bại, gối lên nhau mà chết, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Lương Minh chết tại trận. Lý Khánh ốm nằm trong xe, cũng sợ mà chết"⁽²⁾.

Sử gia Phan Huy Chú trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* chép về tiểu sử và hành trạng của Lưu Nhân Chú, về cơ bản giống với những điều ghi chép trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn. Nhưng trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú có chép lại toàn văn bài *Chế* của Lê Lợi ban cho Lưu Nhân Chú, nhân ông được phong Suy trung tán trị hiệp mưu dương vũ công thần, Nhập nội kiểm hiệu, Bình chương quân quốc trọng sự, vào năm Thuận Thiên thứ 1 (1428).

Bài Chế viết:

⁽¹⁾ Bản dịch ghi là Thụ, xin đổi lại là Chú.

⁽²⁾ Ngô Thì Sĩ : *Đại Việt sử ký tiền biên*. Nxb KHXH, Hà Nội - 1997, tr. 562.

"Trẫm nghĩ: Vua tôi một thể, chân tay giỏi thì đầu được tôn; giúp đỡ có người, ruộng cột chắc thì nhà mới vững. Mến người là người giúp việc tài giỏi ở đời, là bề tôi tận tụy của nước. Nên trẫm cho cái vinh hạnh ở ngôi Tế tướng mà vẫn giữ cái trách nhiệm về binh quyền. Nay ban cho chiếu chỉ, để nêu rõ bậc quan sang.

Xét [Lưu Nhân Chú]... đây: tài năng như cây tùng, cây bách; đồ dùng cho nước như ngọc "phan", ngọc "du". Đương lúc nước nhà lâm nạn, lo lắng vương nghiệp không thể tạm yên một nơi. Linh Sơn đói khổ mấy tuần dẫn đo trong bụng; Ai Lao muôn phần vất vả, không nghĩ đến mình. Cứu tế phù suy, đem lại cơ đồ trong những ngày cháo đậu cơm hẩm; trừ hung dẹp bạo, quét thanh trời đất khỏi nạn ngựa sắt giáo vàng. Trận đánh ở Bồ Đằng, Khả Lưu, như trúc chẻ, tro bay; trận đánh ở Xương Giang, Chi Lăng như giá tan, ngói trút. Giúp nên nghiệp lớn; càng rõ công to. Sáng nghiệp là khó, người đã lấy võ công mà dẹp được loạn; giữ cơ nghiệp có sẵn không dễ, phải tìm hiền tài để bảo người sau.

Vậy cho người đứng đầu hàng võ, kiêm coi chính sự trong nước. Trên thì phải trung với vua, cha; dưới thì thương đến quân, dân. Than ôi !-Làm thuyền lái để qua sông lớn, đã cùng qua cơn sóng gió. Viết "đan thư" cất vào nhà đá, mong chớ quên lời minh thế ngày xưa"⁽¹⁾.

Phan Huy Chú còn cho biết: "Năm Thuận Thiên thứ 6 (1437), Thái Tổ mất, Thái Tông còn nhỏ, Đại tư đồ Lê Sát ghen ghét ông, ngầm đánh thuốc độc (bằng lông chim trăm ngậm rượu) giết chết ông"⁽²⁾.

Bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* được biên soạn dưới thời vua Tự Đức (1848-1883) khi chép về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và Lưu Nhân Chú, cơ bản theo *Lam Sơn thực lục* và *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhưng đoạn chép dưới đây của *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* về Lưu Nhân Chú, đáng để cho chúng ta phải chú ý. *Khâm định Việt sử thông giám*

⁽¹⁾ Phan Huy Chú - *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nxb KHXH, Hà Nội - 1992. Tập 1, tr. 324.

⁽²⁾ Phan Huy Chú - *Lịch triều hiến chương loại chí*. Sdd, tập 1, tr. 324.

cương mục chép: "Tháng 2 năm Giáp Dần (1434): Giết Tư khấu Lưu Nhân Chú. Biếm truất Nam Đạo hành khiển Lưu Khắc Phục xuống làm Đại tông chánh. Đày Nguyễn Đức Minh đi châu xa.

Lê Sát làm Thủ tướng mọi việc đều quyết định theo ý mình. Sát thấy Nhân Chú không ăn cánh, nên gièm pha rồi giết chết. Lại biếm truất em Nhân Chú là Khắc Phục. Sau đó có bức tha nặc danh dán ở vách tường một ngôi đền bên đường rằng "Đại tư đồ Sát đồng mưu với Đô đốc Ván giết chết Ông Sĩ". Ông Sĩ là tên tự của Nhân Chú"⁽¹⁾. Qua đoạn văn chép trên, Khâm định Việt sử thông giám cương mục trên đây, cho chúng ta biết một vài chi tiết liên quan tới Lưu Nhân Chú mà các bộ sử đã dẫn ở trên không nhắc đến. Đó là việc ám hại Lưu Nhân Chú, ngoài chủ mưu là Lê Sát, còn có sự đồng mưu của Lê Ván và Lưu Nhân Chú còn có tên tự là Ông Sĩ.

(1) Quốc sử Quán triều Nguyễn - *Khâm định Việt Sử thông giám cương mục* - NXB Giáo dục - H-1998 tập 1, Tr. 872.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* là bộ địa lý học- lịch sử được biên soạn vào khoảng nửa cuối thế kỷ XIX, trong mục các Nhân vật được chép tiểu sử để biểu dương của tỉnh Thái Nguyên chỉ chép về người cha của Lưu Nhân Chú là Lưu Trung. Nhưng qua đó, cũng có những chi tiết liên quan đến Lưu Nhân Chú. *Đại Nam nhất thống chí* chép về cha con Lưu Trung như sau: "Lưu Trung, người xã Vân Yên, huyện Đại Từ. Cuối đời Trần, Hồ Quý Ly cướp ngôi, quân Minh xâm lược. Lưu Trung cùng con là Chú gánh dầu đi bán, khi đến đền Cẩm ở xã Quan Ngoại, huyện Tam Dương, tỉnh Sơn Tây, gặp mưa gió, phải vào ngủ đỗ trong đền. Đêm đến nửa trống canh một, nghe có tiếng hỏi rằng: "Hôm nay bác có lên châu trời không?". Nghe trong đền có tiếng trả lời rằng: "Hôm nay tôi có khách, bác lên châu trời, nếu có việc gì, khi trở về, xin nói cho tôi biết". Đến trống canh năm, chợt nghe có tiếng báo lại rằng: "Hôm nay, trên thiên đình Yết bạng cho Lê Lợi là dân thôn Như Áng sách Khả Lam, huyện Lương Giang, lộ Thanh Hóa làm Vua". Cha con Lưu Trung lấy làm kỳ dị, bèn lén lút vào Lam Sơn, thờ Lê Thái Tổ. Sau này

đánh giặc nhiều công, được liệt vào hàng công thần, phong tước công, cho quốc tính"⁽¹⁾.

Điểm lại các bộ thư tịch cổ trên đây viết về công lao, sự nghiệp của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, chúng ta thấy ông xứng đáng được hậu thế biết ơn và ghi nhận. Tên của ông mãi mãi sánh bên cạnh những danh tướng khác dưới ngọn cờ của chủ soái Lê Lợi như: Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo, Nguyễn Xí, Lê Thạch...

Tên tuổi của Lưu Nhân Chú vẫn sáng ngời trong những trang sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam ./.

⁽¹⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam nhất thống chí*. Nxb Thuận Hóa, Huế - 1992, tập 4, tr. 179, 180.

DŨNG TUỐNG LƯU NHÂN CHÚ -

DANH NHÂN LỊCH SỬ

**(Kết luận tại Hội thảo khoa học về Danh nhân
lịch sử Lưu Nhân Chú)**

PGS. TS. Trần Đức Cường

Viện trưởng viện sử học

Kính thưa các vị đại biểu !

Chúng ta đã nghe Diễn văn khai mạc và phát biểu của Lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, nghe báo cáo Đề dẫn và 10 bản tham luận của các nhà nghiên cứu và quản lý ở Thái Nguyên và một số cơ quan khoa học ở Trung ương. Hầu hết các báo cáo đều tập trung trình bày những vấn đề về xã hội, quê hương, gia tộc, con người cùng tài năng, phẩm chất và những cống hiến to lớn của Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh, giải phóng đất nước và những đóng góp của ông trong những năm đầu triều đình Lê sơ.

Như chúng ta biết, Lưu Nhân Chú xuất thân từ một gia đình dòng dõi bốn đời thế tập làm quan phụ đạo vùng phiên trấn ở Thuận Thượng, nay là xã Văn Yên, huyện Đại Từ thuộc tỉnh Thái Nguyên, một vùng đất có truyền thống yêu nước và bất khuất, kiên cường từ đời này sang đời khác. Từng chứng kiến ách thống trị dã man của giặc Minh, được phong trào yêu nước sôi sục của nhân dân Thái Nguyên và nhân dân cả nước thôi thúc, Lưu Nhân Chú đã cùng cha là Lê Trung và kế đó là em rể Phạm Cuống sớm tìm con đường chống giặc Minh xâm lược, giành lại độc lập cho đất nước. Những người con ưu tú này của nhân dân Thái Nguyên đã sớm vào tụ nghĩa tại Lam Sơn, Thanh Hóa dưới ngọn cờ yêu nước của Lê Lợi, vị lãnh tụ anh minh có chí lớn đánh đuổi giặc Minh cứu nước, cứu dân, người có tài tổ chức và chỉ huy, có nhân nghĩa và uy tín trong nhân dân.

Lưu Nhân Chú là một trong những người có mặt từ đầu trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và dự Hội thề Lũng Nhai năm 1416.

Trong suốt những năm dài tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Lưu Nhân Chú luôn thể hiện là một

viên dũng tướng mưu lược, có mặt ở hầu hết các trận đánh ác liệt: tham gia chỉ huy đánh địch ở Khả Lưu và Bồ Ải (năm 1424), vây hãm và đánh úp quân Minh ở Tây Đô (năm 1425), tiến quân ra vùng Thiên Trường, Tân Hưng, Kiến Xương chặn đường rút lui của quân Minh, tiến ra Khoái Châu, Bắc Giang, Lạng Giang chặn đánh viện binh của giặc (năm 1426)... Đặc biệt, Thu Đông năm 1427, Lưu Nhân Chú đã tham gia chỉ huy chiến dịch diệt viện ở Chi Lăng-Xương Giang, giết hàng vạn tên giặc, chém chết Liễu Thăng, giáng một đòn trí mạng vào đội quân xâm lược của giặc Minh, góp phần quan trọng đem lại thắng lợi hoàn toàn cho cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của quân dân ta.

Có thể nói, những chiến công oanh liệt của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Minh ở Khả Lưu, Bồ Ải, Chi Lăng-Xương Giang luôn gắn với những đóng góp to lớn của vị tướng dũng mãnh, tài giỏi Lưu Nhân Chú.

Không chỉ có những đóng góp xuất sắc trên mặt trận quân sự, Lưu Nhân Chú còn góp phần

không nhỏ vào cuộc đấu tranh ngoại giao nhằm kết thúc chiến tranh. Ông đã tham gia Hội thê Đông Quan nổi tiếng, buộc quân Minh phải "cầu hòa" và rút quân về nước, từ bỏ hành động chiến tranh xâm chiếm nước ta.

Sau khi đánh đuổi giặc Minh, khôi phục được nền độc lập cho đất nước, Lưu Nhân Chú tham gia công việc triều chính, giúp vua thực hiện nhiều nhiệm vụ về quân sự, nội trị và ngoại giao. Ông đã góp phần lựa chọn nhiều người hiền tài, tích cực xây dựng đội ngũ quan lại trong triều có đủ tài đức phục vụ đất nước.

Do tài năng, đức độ và những đóng góp vào công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước, Lưu Nhân Chú được giao nhiều chức vụ quan trọng trong các thời kỳ khác nhau, mà chức vụ cao nhất là Tể tướng. Lê Thái Tổ đã viết trong *Bài chế* khen thưởng Lưu Nhân Chú như sau: "*Là người phù tá có tài, là bề tôi tận tụy của nước, nên Trẫm cho vinh hạnh ở ngôi Tể tướng và vẫn giữ chức nhiệm coi nắm binh quyền... Vậy cho người đứng đầu hàng võ trong triều, kiêm coi chính sự Nhà nước*".

Kính thưa các vị đại biểu !

Dù còn có những hạn chế về tư liệu khiến các nhà nghiên cứu cần tiếp tục sưu tầm, tìm hiểu, song qua báo cáo của các tác giả gửi tới Ban tổ chức cuộc Hội thảo, chúng ta thấy đã sáng tỏ hơn rất nhiều về thời đại, quê hương, thân thế, sự nghiệp và những đóng góp lớn lao của lưu Nhân Chú cũng như của gia đình ông và của nhân dân Đại Từ, Thái Nguyên vào cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược đầu thế kỷ XV, giành lại độc lập tự do cho đất nước. Ông là người Anh hùng xuất chúng, vị tướng lĩnh tài ba, đức độ, người đã có công đầu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thế kỷ XV, giành lại độc lập cho đất nước và là bậc khai quốc công thần góp phần lập nên triều Lê sơ trong lịch sử Việt Nam. Ông thực là một Danh nhân lịch sử dân tộc. Ông đã làm rạng rỡ gia tộc, quê hương Thái Nguyên và đất nước. Tên tuổi của ông sẽ sống mãi. Tấm gương yêu nước, thương dân, hết lòng chiến đấu vì độc lập cho dân tộc và sự nghiệp xây dựng đất nước của ông đáng để cho các thế hệ người Việt Nam chúng ta noi theo. Ghi nhận công lao, đức độ của ông, chúng ta kiến nghị những hình thức tôn vinh xứng

đáng với ông như đặt tên ông cho một đường phố ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Thái Nguyên, tên một trường học ở Đại Từ quê ông.

Chúng ta cũng kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền có các biện pháp cụ thể nhằm bảo tồn, tôn tạo các di tích ghi dấu cuộc đời hoạt động sôi nổi của ông như núi Vãn, núi Võ, núi Quần ngựa, đầm Tắm ngựa, núi Cẩm cờ và đặc biệt là đền thờ ông trên mảnh đất Văn Yên lịch sử.

Kính thưa các vị đại biểu !

Vì thời gian có hạn, nên chúng ta không thể nghe hết các báo cáo khoa học của các tác giả đã viết bài cho Hội thảo khoa học Danh nhân Lưu Nhân Chú. Chúng tôi kiến nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia tạo điều kiện để in tập *Kỷ yếu* về kết quả của Hội thảo này.

Xin cảm ơn.

**GIỚI THIỆU VÀI NÉT VỀ
NHỮNG TÀI LIỆU HÁN NÔM MỚI SƯU TẦM
ĐƯỢC TẠI XÃ VÂN YÊN, HUYỆN ĐẠI TỪ,
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Th.S. Nguyễn Hữu Tâm

TS. Nguyễn Đức Nhuệ

(Viện Sử học)

Vào tháng 5 năm 2001, đoàn công tác của Viện Sử học Việt Nam kết hợp với Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên ⁽¹⁾ đã tiến hành khảo sát sưu tầm tư liệu tại huyện Đại Từ. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ủy ban Nhân dân, Đảng ủy cùng các cán bộ ngành Văn hóa huyện Đại Từ, xã Vân Yên, bước đầu đoàn đã thu thập được một số tài liệu liên quan tới

(1) Đoàn công tác của Viện Sử học Việt Nam do PGS. TS. Viện trưởng Trần Đức Cường phụ trách.

Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Thái Nguyên - Thạc sĩ Hoàng Thị Diệp cùng các đồng chí trong Sở.

khởi nghĩa Lam Sơn thế kỷ XV và dòng họ Lưu Nhân Chú ⁽¹⁾.

Số tài liệu này đều được sao chép bằng chữ Hán và chữ Nôm, gồm có:

1. Tập tài liệu thứ nhất: đã mất trang bìa, căn cứ vào nội dung có thể xác định đây là cuốn Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú ở xã Vân Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nội dung chủ yếu của cuốn Gia phả ghi chép lại quá trình tham gia khởi nghĩa cùng toàn bộ công lao đóng góp trong khởi nghĩa Lam Sơn của ba cha con anh em rể là Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống.

Phần sau của cuốn Gia phả sao lại 5 sắc phong của đời Lê, trong đó:

- 1 Sắc phong cho Lưu Trung vào năm Hồng Đức thứ 15 (1484).

(1) Toàn bộ tư liệu chữ Hán, chữ Nôm do cụ Lưu Sĩ Lựu - hậu duệ Lưu Nhân Chú, năm nay 68 tuổi, hiện ở xóm Dưới, xã Vân Yên bảo quản gìn giữ.

- 3 Sắc phong cho Phạm Cuống:

+ 2 Sắc phong vào năm Nhâm Dần niên hiệu Đại Hòa thứ 10 (1452).

+ 1 Sắc phong vào năm Hồng Đức thứ 15 (1484).

- 1 Sắc phong cho Lê Văn Hiến vào năm Quang Thuận thứ 10 (1469) ⁽¹⁾.

2. Tập tài liệu thứ hai: có tiêu đề là "*Lưu tộc đình bạ*" (Sổ đình của họ Lưu xã Vân Yên). Sổ đình này được kê khai vào năm Khải Định thứ 7 (1922):

⁽¹⁾ Trong sách Đại Việt sử ký toàn thư, tập III do Nhóm sử thần Ngô Sĩ Liên soạn có 1 lần chép về Lê Văn Hiến như sau: "Nhâm Ngọ niên hiệu Quang Thuận năm thứ 3 (1462)... Tháng 12 sai Bồi thân là Lê Văn Hiến, Hoàng Văn Ngọ, Tạ Tử Điền sang nộp cống hàng năm và xin ban mũ áo" (Đại Việt sử ký toàn thư, tập III. Bản dịch Viện Sử học, H. 1972, tr. 184). Chúng tôi ngờ rằng đó chính là Lê Văn Hiến được ban Sắc phong năm Quang Thuận thứ 10 (1469) mà Gia phả họ Lưu ở Vân Yên đã chép chẳng? Sắc phong cho hay: "Quán quân tướng quân Bắc đi đốc phủ, Đô đốc Đồng trí, Thượng hộ quân, Trụ quốc Á hạ phẩm là Lê Văn Hiến, là người giỏi trị việc nhà theo hầu xa giá đã lâu, nắm giữ nhiều chức vụ, hết lòng trung nghĩa cần cù. Tạm ngừng giữ chức Đô đốc, giao cho trọng trách vùng phiên trấn...".

Căn cứ vào Nghị định được ký ngày 12 tháng 8 năm 1921 về việc chỉnh đốn Hương hội của các làng nhằm mục đích đề cử những người tiêu biểu, giàu có của từng dòng họ trong làng gọi là Tộc biểu. Cả xã thành lập 1 Hội đồng Tộc biểu⁽¹⁾. Theo sổ đình họ Lưu cho

(1) Theo Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945) cho biết: "Nhận thấy vai trò hết sức quan trọng có tính cách truyền thống của tổ chức làng xã trong đời sống xã hội Việt Nam, thực dân Pháp từng bước tìm cách thâm nhập và thay đổi bộ máy quản lý làng xã theo chiều hướng biến nó thành công cụ thống trị phục vụ cho những lợi ích thực dân.

Ngày 12 tháng 8 năm 1921, Thống sứ Bắc Kỳ ra Nghị định về việc tổ chức quản lý cấp xã ở Bắc Kỳ. Đây là văn bản đầu tiên thực dân can thiệp một cách có quy mô vào bộ máy làng xã Bắc Kỳ. Theo đó việc quản trị cấp xã được giao cho một Hội đồng Tộc biểu, do những dân "đình" trong làng xã (nam giới từ 18 tuổi trở lên) bầu ra từ những người "có tài sản trong làng xã" (điều 2). Số lượng và nhiệm kỳ các thành viên Hội đồng được quy định tùy theo quy mô mỗi làng, đứng đầu là Chánh và Phó hương hội. Hội đồng này sẽ chọn ra Lý trưởng, Phó lý và những Trương tuần để thừa hành những quyết nghị của Hội đồng và thay mặt làng xã trong mối quan hệ với chính quyền cấp trên. Theo nội dung của Nghị định này, Công sứ Pháp đứng đầu tỉnh thông qua các Tri huyện hoặc Tri phủ để nắm chặt cả về nhân sự và hoạt động của Hội đồng Tộc biểu, đồng thời có quyền bác bỏ các quyết định, thậm chí khi cần thiết còn có quyền giải tán các Hội đồng này... Đây là chủ trương mà đương thời gọi là "Cải lương hương chính" được tiến hành ở ba kỳ, nhưng với những biện pháp khác nhau.

Dương Trung Quốc: Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945). H., NXB Giáo dục, 2000, tr. 33-34.

hay, lúc đó (1922) tổng số nhân đình (nam giới từ 18 tuổi trở lên) của toàn xã Vân Yên, tổng Ký Phú, huyện Đại Từ có 108 người chia làm 8 phái (8 họ), mỗi phái đều có 23 người, còn thừa ra 4 người cho phép được lựa chọn muốn vào phái (họ) nào thì tự nguyện gia nhập phái (họ) đó. Riêng về phái Lưu (họ Lưu) đứng thứ 3 trong 8 phái (họ) kê khai đầy đủ họ tên của 23 đình, trong đó Lưu Sĩ Sinh năm đó 44 tuổi được cử ra làm Tộc biểu tham gia Hội đồng Tộc biểu của xã. Có điều đáng lưu ý toàn bộ tên lót giữa họ và tên của 23 đình họ Lưu đều là chữ Sĩ chứ không phải là chữ Nhân như của Cụ tổ là Lưu Nhân Chú. Chúng tôi ngờ rằng các cụ trong dòng họ Lưu xã Vân Yên tránh húy chữ Nhân của Cụ tổ và có ý lấy việc Lưu Nhân Chú bị hãm hại làm điều răn mà đổi từ chữ Nhân (人) chỉ thêm 1 nét thành chữ Sĩ (士), mong muốn con cháu họ Lưu nhiều người làm quan như nghĩa của chữ Sĩ chăng?

3. Tập tài liệu thứ ba: có tiêu đề "*Diễn chủ Lưu Sĩ Phách*". Đây là bản kê khai số ruộng đang cày cấy của chủ ruộng Lưu Sĩ Phách. Bản khai này được lập vào ngày 21 tháng 7 năm Bảo Đại thứ 2 (1927) do Lưu

Sĩ Phách căn cứ theo tờ Sứ yêu cầu kê khai nguồn gốc số ruộng do Tổ tiên để lại hay mua lại của ai, vị trí ruộng ở xứ nào, tiếp giáp với ruộng vườn nhà ai, đường sá v.v... đều được kê biên cụ thể họ tên cùng các xứ đồng trong vùng... Theo bản kê, Lưu Sĩ Phách có 26 thửa ruộng ở các xứ đồng Cửa Bức, Đồng Giám, Đồng Trệt v.v... tổng cộng gồm: 1 mẫu 8 thước. Tài liệu này được viết bằng chữ Hán, xen lẫn chữ Nôm thường dùng để chỉ tên đất, tên người.

4. Tập tài liệu thứ tư: với tiêu đề "*Sổ bộ cấp*" do Phó lý (trưởng) xã Vân Yên là Lưu Sĩ Triền lập ngày 7 tháng 9 năm Bảo Đại thứ 15 (1940) nhân dịp Lưu Sĩ Triền đội ơn triều đình được ban cấp sắc giữ chức Bá hộ trật tòng cửu phẩm, chọn ngày lành để tiến hành lễ chúc mừng. Sau đó lập ra sổ này để kê khai tên tuổi các quan chức và dân chúng đã mừng tiền và hiện vật. Tiếp theo ghi việc hoàn trả của Lưu Sĩ Triền cho gia đình hoặc thân quyến của các quan chức và dân chúng đã mừng trong đợt lễ.

Thí dụ:

- Tờ 1 a dòng thứ 4 ghi:

Cụ Chánh hộ Quế cấp cho 1 đồng bạc, đã trả cho vợ cùng con trai.

- Tờ 1b dòng thứ 2 ghi:

Cụ Phó lý Nhã xã Ký Phú tổng ta cấp cho 1 đồng bạc, đã trả 1 đồng để mừng Phó lý.

- Tờ 1b dòng thứ 6 ghi:

Cụ Thứ Đáng xã ta cấp cho 1 đồng bạc, đã trả để lo việc hiếu cho cụ Đáng.

- Tờ 4b dòng thứ 3 ghi:

Cụ Thủ Ngôn xã Ký Phú cấp cho 5 hào bạc, đã trả khi (Cụ) làm nhà.

- Tờ 4b dòng thứ 4 ghi:

Cụ Lý Sĩ xã Ký Phú cấp cho 5 hào bạc, đã trả khi (Cụ) cưới vợ cho cháu.

Tài liệu này được viết chữ Hán xen nhiều chữ Nôm, thường dùng chỉ tên người, chức danh v.v...

Trên đây là vài nét khái quát nội dung của những tài liệu được sưu tầm tại xã Vân Yên, huyện Đại Từ, Thái Nguyên.

Sau đây chúng tôi giới thiệu sâu hơn về tình hình văn bản của cuốn Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú.

Cuốn sách này làm bằng giấy dó đã cũ khổ 18 x 34 cm, sách mất trang bìa, tờ đầu tiên rách nát phân trên. Sách gồm có 26 tờ (tờ a và tờ b). Mỗi tờ có trung bình 10 dòng, mỗi dòng 25 chữ, tổng cộng toàn sách khoảng 6500 chữ Hán xen lẫn nhiều chữ Nôm. Trong đó riêng bài *Văn thể cùng chư tướng* viết bằng chữ Nôm ước khoảng 320 chữ.

Chữ viết chân phương, dễ đọc, có chữ được viết theo lối giản hóa. Trong sách một số chỗ có chữ viết sai hoặc thiếu đã được sửa lại đúng hoặc được thêm chữ. Chúng tôi khi sao lại người chép đã sửa chữa. Thí dụ tờ 1b dòng thứ 9 nguyên bản chép là *Nguyễn Thị Ngọc Tiêm*, nhưng người chép đã chữa chữ Tiêm bằng cách viết 1 chữ Anh nhỏ bên cạnh, cho nên khi dịch chúng tôi đã viết thành *Nguyễn Thị Ngọc Anh*. Tờ 9a

dòng 1 nguyên bản chép chữ Tính nghĩa là hợp thêm, cộng thêm, được chữa thêm chữ nhỏ bên cạnh là chữ *Tường* nghĩa giả vờ hợp với ngữ nghĩa đoạn văn sau: "Lê Liễn đẳng xuất chiến *tường* vì bất thắng chi tẩu", nghĩa là: "Bọn Lê Liễn ra giáp chiến giả vờ thua chạy". Tờ 1b dòng thứ 4 nguyên bản chép về bố mẹ của Lưu Trung như sau: "ái tuất lân nhân, cơ giả cấp, hàn giả cấp y, nhân mặc bất hoài kỳ nghĩa". Người sao chép đã thêm chữ "thực" vào sau cụm từ "cơ giả cấp" như vậy mới trọn nghĩa cụm từ trên, toàn đoạn văn dịch như sau: "Yêu thương mọi người, thấy ai đói thì cho ăn, ai rét thì cho mặc, không ai là không nhớ ơn đức của bà". Tờ 3b dòng 6 nguyên bản chữ "nguyên" là nguồn gốc được sửa thành chữ "hậu" là đầy đặn trong cụm từ "hậu dưỡng tân khách" (hậu đãi tân khách) thì hợp lý hơn về ngữ nghĩa.

Một vài nhận xét về cuốn Gia phả họ Lưu:

- Căn cứ vào việc ghi chép trong Gia phả, bức c đầu chúng ta có thể lập 1 phả đồ từ đức Cao tổ Lưu Nhân Dục tới Lưu Nhân Chú như sau:

Phụ đạo Lưu Nhân Dục + Trần Thị Duyệt

Phú Bình hầu Lưu Bá Thịnh + Nguyễn Thị Thành

Lưu Trung + Lưu Thị Ngọc Chân

Lưu Nhân Chú + Nguyễn Thị Ngọc Anh

- Đây là một cuốn phả, cho nên mục đích muốn để con cháu trong dòng họ nắm vững được quá trình gian khó trong việc gây dựng tộc họ, từ đó khơi dậy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn" (ẩm thủy tư nguyên), giáo dục con cháu đời sau tiếp tục phát huy nếp nhà tốt đẹp. Bản Gia phả đã mở đầu bằng đoạn "Thường nghe, cây có nghìn cành muôn lá ắt phải nhờ gốc rễ, con người có trăm nghìn con cháu đều bắt đầu từ Tổ tông, há chẳng phải chứa đức tích nhân mới có được như vậy sao? Vì vậy muốn cho con cháu biết được cảnh vui vẻ của hai họ thực sự do gian lao trăm chết một sống mới gây dựng thành được như thế?". Nhằm mục đích tán dương dòng họ, bản Gia phả của dòng họ Lưu ở Vân Yên cũng như nhiều cuốn phả khác đã đưa vào những chi tiết thần thoại hóa để tạo nên sự

hấp dẫn, khác thường của tộc họ mình. Những đoạn miêu tả về việc mẹ của Lưu Trung là bà Nguyễn Thị Thành trong lúc mơ đã uống 1 viên thuốc của 1 ông lão sau sinh ra Lưu Trung, hoặc chi tiết mẹ của Phạm Cuống là bà Vũ Thị Yên đêm đang ngủ có 1 khối hào quang đỏ to bằng cái đầu bay vào giường nằm của bà, rồi sau sinh ra Phạm Cuống. Hay câu chuyện ba cha con anh em rể Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống nghỉ ở miếu rồi được nghe những lời trao đổi của các vị Thần trên Thiên đình về việc Lê Lợi làm vua nước Nam. Cũng để nhằm mục đích nêu cao uy tín của dòng họ, trong bản phả đều tập trung nêu lên những cống hiến xuất sắc của cả Lưu Trung, Lưu Nhân Chú và Phạm Cuống trong khởi nghĩa Lam Sơn. Mà theo chính sử hiện còn, cho chúng ta biết: Chỉ có Lưu Nhân Chú là người đã tham gia trực tiếp nhiều trận chiến quan trọng trong khởi nghĩa Lam Sơn. Qua bản Gia phả chúng ta có thể lập một bảng danh sách số người tham gia Hội thề Lũng Nhai năm 1416 như sau:

Số TT	Lam Sơn thực lục (Bản mới phát hiện)	Gia phả dòng họ Lưu ở Vân Yên, Đại Từ	Chú thích
1	Lê Lợi	Lê Lợi	
2	Lê Lai	Lê Lai	
3	Lê Thận	Lê Thận	
4	Lê Văn Linh	Lê Văn An	(*)
5	Lê Văn An	Lê Văn Linh	(*)
6	Trịnh Khả	Trịnh Khả	
7	Trương Lôi	Trương Lôi	
8	Lê Liễn	Lưu Trung	(*)
9	Bùi Quốc Hưng	Lê Liễn	(*)
10	Lê Nanh	Bùi Quốc Hưng	(*)
11	Lê Kiệm	Lê Hiểm	(*)
12	Võ (Vũ) Uy	Võ (Vũ) Uy	
13	Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	
14	Lưu Nhân Chú	Lưu Nhân Chú	
15	Trịnh Vô	Trịnh Vô	
16	Phạm Lôi	Phạm Cuồng	(*)
17	Lê Lý	Lê Lý	
18	Đinh Lan	Đinh Lan	
19	Trương Chiến	Trương Chiến	

Từ 2 danh sách Hội thề Lũng Nhai rút ra từ 2 tài liệu trên, chúng ta có thể nhận thấy:

- Trong số 19 công thần tham dự Hội thề được chép ở Lam Sơn thực lục và GPVY (viết tắt của Gia phả dòng họ Lưu ở Vân Yên) có khác nhau chút ít, tuy cách sắp xếp vị trí có thay đổi, song có tới 16 công thần ở hai bản thống nhất. Còn lại có 3 công thần tên gọi ở 2 bản khác nhau. Trường hợp thứ nhất Lê Kiệm được chép LSTL với Lê Hiểm trong GPVY, theo chúng tôi đây có thể do sơ suất của người sao tuy GPVY đã chép nhầm từ chữ Kiệm nghĩa là cần kiệm sang chữ Hiểm là hiểm trở mà thôi. Trường hợp thứ hai Lê Nanh ở LSTL được thay bằng Lưu Trung ở GPVY. Trường hợp thứ ba ở LSTL được thay bằng Phạm Cuống ở GPVY. Chúng ta không khó khăn gì thấy được 2 công thần khác nhau đều thuộc vào dòng họ Lưu ở Vân Yên: một người là con trai, một người là con rể? Điều này cũng cần phải đưa ra một nghi vấn: Phải chăng đã có sửa chữa của người đời sau? Song dù sao thì điều đáng quý ở đây chính là việc phát hiện ra Bản danh sách công thần tham gia Hội thề Lũng Nhai được chép trong Gia phả dòng họ Lưu ở Vân Yên, Đại Từ. Từ đó chúng ta lại có thêm những tư liệu về ảnh hưởng sâu rộng của

khởi nghĩa Lam Sơn tới các vùng núi phía Bắc nước ta, đồng thời khẳng định thêm sự đóng góp to lớn của đồng bào các dân tộc Thái Nguyên mà cụ thể ở đây là dòng họ Lưu và họ Phạm ở Vân Yên, Văn Lãng.

Đáng chú ý nhất trong cuốn Gia phả là bài Văn thề cùng các chư tướng hoàn toàn bằng chữ Nôm. Trong cách xưng hô của Lê Lợi chép là Trẫm, nhưng chúng tôi ngờ rằng người đời sau khi chép lại đã sửa cho hợp với cách xưng hô của Lê Lợi khi đã lên ngôi vua. Thông qua bài văn thề chữ Nôm chúng ta có cơ sở để nghiên cứu sâu hơn lịch sử phát triển chữ Nôm nước nhà. ở hai bài văn thề chữ Hán và chữ Nôm về niên hiệu và tuế thứ can chi không được chính xác lắm. Cuốn Gia phả dòng họ Lưu còn có đôi chỗ lầm lẫn, niên đại chưa xác định chính xác, nhưng chúng tôi cho rằng: Cuốn Gia phả này là một tập tư liệu đáng quý cung cấp cho giới nghiên cứu thông qua nó có thể tìm hiểu sâu sắc hơn về khởi nghĩa Lam Sơn và đặc biệt về sự tham gia tích cực của dòng họ Lưu ở Vân Yên nói riêng và nhân dân Vân Yên, Đại Từ, Thái Nguyên nói chung trong phong trào đấu tranh chống xâm lược của Quốc gia Đại Việt đầu thế kỷ XV.

GIA PHẢ DÒNG HỌ LƯU NHÂN CHÚ

XÃ VÂN YÊN, HUYỆN ĐẠI TỪ,

TỈNH THÁI NGUYÊN (*)

Phiên âm:

Thuận Thiên nguyên niên chính nguyệt nhị thập
nhật, Thần đẳng: Tĩnh nạn Tuyên Lực Minh nghĩa
công thần, Hành quân tổng vệ chư quân sự, vinh phong
Trung Lượng đại phu câu kiêm vệ, Thượng tướng quân,
tước Thượng trí Huyện thượng hầu, Thái úy Chi quốc
công tử quốc tính Lê Trung. Suy trung Tán trị Hiệp
mưu Dương Vũ công thần, Hành quân tổng quản, Hải
Dương trấn vệ chư quân sự, Nhập nội kiểm hiệu Tư
không, Bình chương quân quốc trọng sự, gia phong
Nhập nội đại tư khấu Á thượng hầu, tặng Thái úy Lũng
quốc công, tứ quốc tính Lê Nhân Chú. Suy trung tán
trị, Hiệp mưu, Bảo chính công thần, Kim tử quang lộc

(*) Do sách mất trang bìa, chúng tôi căn cứ vào nội dung sách, tạm thời
đặt tiêu đề như trên (Người dịch).

đại phu, Đa ngư Hải môn trấn, phụng Tuyên sứ Hành quân tổng quản, Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn kiêm Tuyên úy đại sứ tri quân dân sự, Thượng hộ quân, tứ kim ngư đại ngân phù, Nhập nội Thiếu úy, Thượng tướng quân Thượng trụ quốc Quan phục hầu tể Thái úy Trù quốc công, tứ quốc tính Lê Cuống, hội đồng liêu đẳng vi ký sự tích lưu truyền vĩnh vi gia phả thực lục vân:

Cái văn: mộc hữu thiên chi vạn diệp tất bản căn, nhân chi hữu bách tử thiên tôn thực do ư tổ. Khởi (hết tờ 1a).

Phi tích đức lũy nhân nhi năng như thị hồ, cố sử tử tôn chi kỳ lưỡng tính chi hoan, thực do gian nan chi nghiệp bách tử nhất sinh nhi thành quyết tích hữu như (...) yên ! Tự tiền Cao tổ Lưu Nhân Dục thú thê Trần Thị Duyệt kế tập phụ đạo. Gia nghiệp ích xương, tích đức lũy nhân, từ nhân ái vật, sinh hạ thân phụ Phú Bình hầu Lưu Bá Thịnh, thú thê Nguyễn Thị Thành, nhân tâm nhân văn ái tuất lân nhân, cơ giả cấp (thực) hàn giả cấp y, nhân mạc bất hoài kỳ nghĩa, sinh nam nữ tam

nhân. Trưởng Lưu Trung, thứ nữ Thị Trang, hậu vi thái nhập công chúa. Ư chính nguyệt nhị thập ngũ nhật dạ mộng lão ông dữ được nhất hoàn, sử Nguyễn Thị Thành thôn chi. Tự thị tỉnh lai giác kiến phúc trung trận thống. Dân thời nhi sinh Lưu Trung. Trưởng thành chi hậu vi nhân cao đại, thân thể hắc mao, tu tư mãn diện, hữu nhân, hữu dũng thị nhân nhược mao, nhất phương chi hung, lược vô xâm đạo. Thúc giả vô bất khiếp kỳ oai, thú thê Lưu (Lê) thị Ngọc Chân, sinh nam nữ nhị nhân. Trưởng nam Lưu Nhân Chú thú thê Nguyễn Thị Ngọc Anh; kế sinh nam nữ tam nhân; thứ Lưu Thị Ngọc Ngoan giá dữ Phạm Cuống. Tiền Phạm Cuống cao tổ Hồ triều bá Phạm Long quán (hết tờ 1b). Văn Lãng huyện, Văn Lãng xã, thú thê Nguyễn Thị Giản. Trần triều lũy thế xưng phiên, kế sinh thân Phạm Bá Yên thú thê Vũ Thị Vượng, Đại Trị Đinh Dậu thập niên bát nguyệt lục nhật, phương dạ kiến xích quang nhất khôi kỳ đại như đấu, tự ngoại nhi nhập kỳ nội, chí ư tấm sàng, hốt nhi bất kiến, cử gia giai cụ. Thời Vũ Thị Triền thân phương túc, Phạm Yên túc tựu lai, tỉnh vấn chi phủ? Vũ Thị Đối ngôn: tăng vô sở thức. Chí

hội thời nhi sinh Phạm Cuống, cập trưởng thân thể trường đại bối hậu phúc thù, diện viên, thủ đại, lưỡng nhĩ thù châu, trí lực quán nhân, mưu mô bạt tụy. Nhiên thiếu văn đa trá, ngộ sự cảm vi, hùng trưởng nhất phương, vô nhân bất phục. Nhân thử Lưu Trung đồng cư bản phủ Đại Từ huyện, Thuận Thượng xã, sinh đắc thứ nữ Lưu Thị Ngọc Ngoan, Phạm Cuống kiến nhi duyệt chi. Nhân hứa giá yên. Tự thị nhị gia thông ái, phụ tử huynh đệ hiếu thuận hòa mục nhược đồng nhất gia.

Thời thích ư Hồ mật chi gian, Ngô Khấu sai Thôi Tụ, Hoàng Phúc, Vương Thông, Mã Kỳ, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Lý Bân giai đồng vi tướng, phân binh các đạo chiếm xâm Nam địa, nhiễu ngược sinh dân, vô xứ bất đáo. Thử thời Lưu Trung, nam tử Lưu Nhân Chú, tể Phạm Cuống ẩn tích tàng gia kháng du (hết tờ 2a) bạn mai dĩ du niên nguyệt đáo Sơn Tây xứ, Đoan Hùng phủ, Tam Dương huyện, Quan Ngoại xã hiệu miếu Cẩm. Thời nhật phương mộ mộ ngộ tạt phong bạo vũ vô nhân vãng lai, vô gia khả nhập, ký túc tại thử

miếu dĩ thảo tịch tế du ỷ tọa, phong vũ đại tác, trực đãi thiên minh. Hốt ư sơ canh tương bán, văn ngoại miếu môn binh uy tượng mã như đại quân hành. Văn thanh vấn viết: "Huynh hữu triều Thiên phủ?" Hựu văn đáp viết: "Hữu khách khát cáo. Nguyên huynh đăng triều thượng đế như hữu hà sự, phản hồi báo cáo. Văn thử, Lưu Trung đẳng tam nhân chung dạ kinh hoàng nhi bất tẩm. Hựu chí dạ thời ngũ canh bán, tái văn binh uy tượng mã như tiền. Hựu văn thanh viết: "Kim nhật đăng triều Thượng đế hữu hà sự phủ". "Thượng đế dữ tam phủ công đồng ký xuất bảng ư điện môn, tứ đức Lê Lợi vi ngã Nam Việt quốc vương". Hựu văn xúng vấn: "Hà hương hà quán như hà đắc thị?". Hựu văn đáp viết: "Thanh Hóa lộ, Lương Giang huyện, Khả Nam sách, Như Áng thôn. Kỳ nhân hiếu hiền lạc thiện, lũy thế âm công, quảng hành tích đức, cử thế chi nhân vô như tộc tính cổ nam phương chi loạn trọng cứu sinh linh, cái vi thử dã khởi dị đắc tai. Hựu vấn (hết tờ 2b): "Hữu hà sự phủ?" Hựu văn đáp viết: "Hữu Đông Triều huyện, An Dưỡng xã, tuế phương đại hạn, bĩ xã trúc đàn sở, thượng khâm sai giáng giám thử đàn, bĩ xã hữu tử sa

lao nhi khí kỳ đao ngư phần chúng giả tương đạo thủ, cộng tương hôn mạ. Hà nhân đạo nhi thất kỳ đao. Độc hữu nhất nhân viết: "Duy hữu Tam Đảo thần vương đạo thủ nhĩ đao. Khởi hữu hà nhân đạo hồ?". Văn thủ, hồi triều thượng đế nhi bất giám kỳ đàn. Bỉ tuy đảo nhi bất ứng nhĩ. Nhị vương ngôn tận, tương tạ nhi hành. Chí thái tảo, Lưu Trung đẳng tam nhân bái tạ khản sở đảm du nhi khứ, hành chí Đông Triều huyện, An Dưỡng xã nhập hành ẩm thủy tường vấn lão nhân. Quả ngôn tế lao trúc đàn kỳ vũ, thất đao hiện sự. Trí tự chiêm kỳ lao phẩm, hựu kiến kỳ đao. Quả kiến thực tích. Tự thủ Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống đẳng phản hồi bản quán, phân phó gia tàng, chúc dữ thê tử, trá ngôn viễn thương. Tự thủ ly thân khí thổ, trực đảo Lam Sơn. Thời gian quan hiểm trở, lộ cực kỳ khu, Nhân trú cư Nguyễn Xá thôn, vãng lai tướng vấn thôn nội tính danh. Nhân nhân xung chi, nhất vô sở ẩn. Hậu nhật tam nhân đẳng tương lai yết, trá ngôn nhân nghĩa, văn kiến quan nhân hữu dung nạp chi lượng, khát vi thân (hết tờ 3a) tử, nguyện tư sinh lý thứ đắc ngưỡng môn. Đế nhân vấn: "Hà quán, hà tính danh như hà đảo thủ?".

Lưu Trung đẳng cụ trần kỳ thực: bản sơ tổ phụ, phiên trấn chi thần quán tại Văn Lăng, Thuận Thượng nhị xã, thời bị Ngô quân hà ngược ản tích mai du, trực đáo quan nhân thứ năng dung nạp". Đế nhân dữ thậm duyệt, tiếp đãi bội thường. Tự thị vãng lai, hoặc thời lưu cư dữ đế, hoặc thời canh vân dữ Trương Lôi ư Chiêu Nghi động. Phàm kỳ gia trung các dịch, nhậm sử vô phương. Đế thời niên phương nhị thập ngũ tuế vi phụ đạo quan chính, thí nhân bố đức, khoan hoàng đại độ, hậu dưỡng tân khách, dĩ canh vân vi lạc, dĩ thư sử tự ngu. Nhất phương chi dân, giai đồng khâm ngưỡng. Nhật vãng nguyệt lai, sở tổng đắc tam niên, nhân nhật đế nhân dữ tam nhân cụ cáo thực sự, dẫn đạo vi tín. Đế chi kỳ ý, do dĩ vi nghi, vô căng ư kỷ, vô kiêu ư sắc nhi đế tự nhược dã, thực vi khí tượng thù thường, tài lực quán chúng. Ứ Nhâm Thìn niên chính nguyệt thập ngũ nhật dân thời, đế hữu gia nhân Trương Lôi canh vân ư Chiêu Nghi động, thích kiến lão tăng thân trước bạch y, phù trượng thung dung thán viết: "Tích tai, thử địa vô nhân khả thuộc. Trương (hết tờ 3b) Lôi văn ngôn đại hỷ, thân tự vấn viết: "Lão tăng hà thuyết, thân khả

đắc hồ ?". Lão tăng thôi tích viết: "Lão tướng bỉ diện dữ đức, vương tắc bất túc, tướng hữu dư, tiểu thuyền bất kham trọng tải". Trương Lôi hựu viết: "Thần hữu sư tại gia, cảm thỉnh lão nhân tiện hồi ninh túc". Lão tăng bất khảng. Trương Lôi hựu viết: "Cảm khát lão nhân tạm đãi dĩ chiêu sư xuất, thứ khả đắc hồ?". Nhân thử hồi cáo dữ đế phương tự hậu. Trương Lôi tương nghênh dữ đế tương kiến. Đế nhân quỵ vấn. Thiên sư tiểu viết: "Thiện tai ! Duy khả đương hỹ". Đế nãi chỉ thiên trọng thế. Thiên sư xúng viết: "Nhược hữu tâm như thử, lão vô sở tích. Lão nãi tính Trịnh tự Bạch Thạch. Nhân kiến thử địa hình, địa mạch táng chi bất du quá tam niên thành thiên tử vị. Nam tắc quý bất khả ngôn, nữ tắc hận phu bất túc. Duy khùng tử tôn chi hậu, tất hữu phân cư, tái hữu trung hưng miên miên bất tuyệt". Ngôn tất, lão tăng chỉ thị tọa càn hướng tốn, dĩ Linh sơn vi án. Thử thời dữ Trương Lôi, Lưu Trung đẳng tứ nhân, nghênh linh xa an táng ư Chiêu Nghi động, phát Hoàng xứ. Thiên sư toại phi Thượng thiên. Đế nhân vọng bái, thủy chi sự tại thiên địa. Tự thị đế tâm quả tín (hết tờ 4b). Đế phương nhị thập bát tuế

phấn phát kỳ tâm. Hậu hữu Hào Lương xã, Đỗ Phú tương thù dữ đế, dẫn Ngô tặc quật thủ phạt hoàng linh xa huyền ư hậu thuyền, đế toại khiển Trương Lôi, Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống đẳng phạm nhị thập nhân thủ phụ kinh thảo, tự thượng lưu hạ chí Giang khẩu phường, thỉnh tặc thực thủy, đạo thủ xa hải cốt tương hồi cựu xứ, mật táng, hựu thủ tha cốt thể trí linh xa táng chi tại thượng. Minh nhật, tặc kiến linh xa hậu thuyền dĩ thất tại tựu thử xứ kiến dĩ thành phần nhi bỉ tái quật thủ hải cốt tại thượng, tương hồi vi mật khiến khí giang trung. Đế ư thị dữ Trương Lôi, Trương Chiến, Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống cộng nhị thập nhân tương ước minh thệ hiệp lực đồng tâm, cố hữu thệ văn vân:

Duy: Thiên Khánh nguyên niên, tuế thứ Bính Thân nhị nguyệt Kỷ Mão sóc viêt thập nhị nhật Canh Dân, A Nam quốc, Khả Lam lộ phụ đạo chính thân Lê Lợi, Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê (hết tờ 4b) Liễn, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiêm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Vô, Phạm Cuống, Lê Lý, Đinh Lan, Trương

Chiến đảng cần dĩ lễ vật sinh huyết kiên thành, Thượng tấu cáo Hiệu thiên thượng đế, Hậu thổ địa hoàng thị, ký bản quốc chư xứ danh sơn xuyên Thượng Trung Hạ đẳng chư tôn linh thần, phục nguyện phủ thủy, chiêu giám viết: hữu bằng viễn phương lai giao lạc chỉ tín, tất tấu cáo lễ dĩ; Tư ư bản quốc phụ đạo chính thân Lê Lợi dĩ Lê Lai chí Trương Chiến đảng thập bát nhân. Tính sinh tuy hữu lưỡng ban biệt chỉ, nghĩa kết thị đồng nhất tổ liên chi, như vinh hiển chi phận tuy thù, nguyện đồng tính chi tình bất dị. Tư nhân Ngô khấu chi xâm tiếm lỗ lược quá (...) vi hại. Như kỳ Lê Lợi dĩ Lê Lai chí Trương Chiến đảng thập bát nhân tịnh lực đồng (hết tờ 5a) tâm, ngự thủ địa phương, hàm đắc an cư, sinh tử câu đồng bất vong đan thệ. Thần đảng phục nguyện thiên địa cập chư linh thần chứng giám, giáng chỉ bách tường tự thân vu gia, triệu tử tính tính nội đắc chí ninh, điệp mộng thiên lộc. Nhược Lê Lợi dĩ Lê Lai chí Trương Chiến đảng, sinh ý thù đồ, ân cầu kiến tại, ảnh tế sơ vong, bất hữu hiệp tâm, thập vong đoan thệ, thần đảng phục nguyện thiên địa linh thần giáng chỉ bách ương tự thân vu gia tông triệu tử tính, hàm thụ tru diệt luật chí thiên hình. Cần tấu cáo.

Chư tướng thệ từ.

Thái tổ Cao Hoàng đế trăm tính Lê huý Lợi chí làm đại thiên hành hóa, phủ trị bang gia. Vì vậy trăm nguyện cùng chư tướng thứ thủ thiết kỵ đột quân đẳng nhân, hễ kẻ làm công thần ở cùng trăm mà mở được thiên hạ, chung (hết tờ 5b) sau thiên hạ thái bình, thì trăm nhớ đến công thần, chư tướng hết lòng, hết sức danh ấy truyền để muôn đời, vĩnh thủy trúc bạch, cho chung sau con cháu, trăm cùng con cháu chư tướng đều được hiển vinh, hưởng phúc lộc. Dẫu bể kia hay cạn núi nọ hay bằng thì công ấy trăm chẳng khá quên chư tướng. Dẫu trăm chẳng như nguyên ấy vậy, thì trăm chẳng truyền cho con cháu trăm như nhời ấy. Trăm nguyện bằng cỏ điện nên rừng, điện này nên nước, núi này nên băng, ấn này nên giáo đồng kiếm sắt. Bằng trăm làm được thiên hạ, nhớ công chư tướng hiển hách. Vả lại truyền cho con cháu nhà trăm muôn đời. Bằng như lời nguyên ấy thì cho quốc gia trường tri yên như bàn thạch, Hoàng Hà như đá, Thái Sơn như lệ, con cháu nhà trăm muôn đời quang đẳng bảo vị. Vì vậy phải hết nhời cùng chư tướng. Hễ đã đi làm công

thần ở cùng trầm, đồng tâm hiệp lực, chớ ngại khó khăn, họa làm được thiên hạ, chẳng những nhờ ấy trầm lại cây nhờ này, như trong binh pháp rằng: "Nhân nghĩa chi binh, hòa mục vi thượng", nếu có binh nhân nghĩa thì có hòa mục mới khá được, hiệu lệnh cho tin, chữ rằng phép giả thiên hạ chi công cộng, dẫu ai chẳng phải đã có phép trời luật nước, (hết tờ 6a) ai nấy thì cho hòa mục, tín hiệu lệnh cho nghiêm, thừa phép hòa làm việc, thiên hạ để công danh muôn đời, lộc hưởng thiên chung. Thiên Khánh nguyên niên Bính Thân nhị nguyệt thập nhị nhật. Thị niên tứ nguyệt nhị thập nhật, cát sứ Lưu Trung đẳng tam nhân phản hồi tứ trấn, âm thủ binh dân, chiêu vong nạp bạn, tiềm binh đãi khởi. Tự thử Lưu Trung bái tạ nhi hồi. Nhật tắc vi nam giả vi thương khách âm chiêu nhân dân, dạ tắc thụ thượng đồng cư, dĩ cao hoạch điệp viết: "Lê Lợi vi Nam Việt quốc vương", diện kiến kỳ cao, thực ăn xuyên thành tự. Ngô binh kiến chi dĩ vi thiên thụ. Nhiên thế sở vi động, nhật vãng nguyệt lai, chung đắc tam niên nhượng thành vạn đội phục dĩ đãi đế khởi, nhân hồi triều. Đế thời dĩ ư tiền niên tam thập tuế (đắc) bảo ấn. Tam thập nhất đắc thiên kiếm, tam thập nhị đắc kiếm

bính. Đế tự thị kiến Trung đẳng tam nhân, hân nhiên dẫn tiền lai hoàn, thủ dĩ chỉ thị. Thử thời đế tam thập tam, đại khởi nghĩa binh, nhi Lê Trung phụng vãng tiến thảo, phụ tế gian nan, đồng tâm hiệp lực. Phong Lê Trung vi sơ khởi nghĩa Thử thủ thiết kỵ đột quân sự, Giới lai hầu; Lê Nhân Chú vi sơ khởi nghĩa Thử thủ thiết kỵ đột quân vệ Vinh sơn hầu; Lê Cuống vi sơ khởi nghĩa thứ thủ thiết đột (hết tờ 6b) kỵ quân sự Hằng nghĩa hầu, Các phân đạo phục binh. Chí Mậu Tuất niên chính nguyệt nhật, ngã Thái Tổ thừa thời khởi vận, ứng thiên thuận nhân, tặc chi kỳ tình tương lai vi bức. Đế sử Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống chư tướng phục binh xung cử tặc quân, trảm đắc tam thiên dư cấp, quân tư khí giới bất khả thắng số. Đế nãi ban thưởng kim phù. Chí bát nguyệt nhị thập cửu nhật, tặc binh phần chí dữ đế tương khiêu chiêu. Đế thời binh thiếu lương tận, ẩn ư Linh Sơn, tuyệt lương tam cá nguyệt, quân sĩ cơ thậm dĩ vi (...) dĩ dư lương vi phạm cấp hoa quả phong sào tư thực, nhi Phạm Cuống liên hồi bản hương, vận thủ gia tài tư thực quân sĩ dĩ đãi lương chí. Đế gia nạp bao thưởng quân sĩ mạc bất tu duyệt. Đế dĩ phủ dụ sĩ tốt,

ước thúc bộ ngũ. Chư tướng cảm kích thế bất dữ tặc
câu sinh. Kỷ Hợi niên tứ nguyệt, ngã Thái Tổ khiển
Lưu Trung đẳng tam nhân tiến công Nga Lạc bảo,
đại chiến phá chi, trăm đắc thiên dư cấp, thoái binh
đồn Lư Sơn sách. Minh nhân tiến cử dữ để thiết
phục ư Chính đại phá chi, tông vu thời thời tặc đa
ngã quả. Hựu (hết tờ 7a) hồi vu sơn.

Canh Tý niên Ngô tặc cử chúng nhi lai, chư
tướng dữ Lưu Trung đẳng phục binh tứ khởi, tặc chúng
đại hội, trăm đắc bất khả thắng kế, hoạch mã bách dư
sắt, tặc chi chiến khí nhất thời thiếu tận phụng đắc
thường tử phù.

Tân Sửu niên, tặc viện binh phục chí. Tặc tướng
Trần Trí, Sơn Thọ suất thổ nhân tịnh ngụy đảng cộng
vạn dư nhân bức để ư Phi Lãm sách. Để nãi hộ chư
tướng dữ Lưu Trung, Phạm Cuống đẳng dạ phân binh
yểm tập, chinh cổ tịnh tiến, công phá tặc chi tứ doanh,
trăm đắc thiên dư cấp, quân tư khí giới bất khả thắng
kế; nhi tặc hựu đại hội. Hậu phục thu chư tướng tán tốt
suất thổ nhân tự tri ngã chi quân thiếu hữu khinh ngã ý,
khai sơn thông đạo dĩ tâm để. Để khiển Lưu Trung cập

chư tướng, phục binh ư nan khẩu ải xứ, bán nhật tặc quả chí, do lộ nhi xuất, đại tủng binh các đạo nhi xuất giáp cử, tặc hựu bại, trăm đắc bất khả thắng kế. Lưu Trung đẳng phụng (hết tờ 7a) đắc bao thưởng tứ kim phù.

Nhâm Dân niên tặc tướng Phùng Quý, Mã Kỳ, Trần Trí, tứ diện vi đế dục khứ bất đắc. Đế thị chư tướng sĩ dụ dĩ tồn vong. Quân thần tương đối khấp. Lưu Trung đẳng cảm kích dữ chư tướng tranh chiến thù tử, thân tiên hãm trận, trăm hoạch tặc tướng Phùng Quý cập thiên dư cấp, mã bách dư sát. Mã Kỳ, Trần Trí bại tẩu Đông Quan. Đế đồn ư Linh Sơn tuyệt lương vô kế sát tượng tứ trích, mã thập dư sát, dĩ hưởng quân sĩ, cập thực sơ duẩn dĩ đãi lương chí. Thời Lê Tuyết, Trịnh Đỗ đẳng vãng Ai Lao thủ lương vận chí.

Quý Mão niên, tặc tướng Trần Trí, Sơn Thọ đẳng tương binh bức đế, đế hựu sử Lưu Trung đẳng đại phá chi, trăm đắc thậm chúng.

Giáp Thìn niên đế phân chư tướng binh mã, định vi trung ngoại tăng gia quản thống, tặc tướng Trần Trí, Phương Chính, Sái Phúc, Bội Yên đẳng cử binh bức đế,

phúc bối (thụ) địch. Nhật phương dĩ mộ nhi để chí ích
kiên, tủng binh xung cử, sử (hết tờ 8a) Lưu Trung thiết
phục, trăm thiên dư cấp, quân tư khí giới bất khả thăng
số, trăm đặc Trần Trí, tặc giai bại tẩu.

Ất Ty niên ngũ nguyệt để mệnh Lê Trung đẳng
ngũ đạo gian hành tập Tây Đô thành, Minh nhân bất
chỉ giác tặc Trương Đồi (Hùng) phương tương lương
thuyền tam bách sưu tự Đông Quan chí, Thành Trung
phục binh giai khởi, trăm đặc ngũ bách dư cấp, sinh
cầm thậm chúng, đoạt đặc lương thuyền tiến chí Nghệ
An nãi thoái.

Bính Ngọ niên thất nguyệt để dĩ Lưu Trung vi
Hành quân tổng quản hạ Thái Nguyên xứ chư vệ quân
sự, Phạm Cuống vi Đồng tổng quản Quy Hóa trấn trị
quân dân sự.

Đinh Mùi niên lục nguyệt vinh sử Lưu Nhân
Chú vi Hành quân đốc quản Nhập nội đại tư mã lĩnh
tiền hậu tả hữu tứ vệ kiêm trị Tân vệ chư quân dân sự.
Thị niên cửu nguyệt thập bát nhật, tặc tướng Liễu
Thăng, Mộc Thạnh, Thôi Tự, Hoàng Phúc, Lý Khánh

phân đạo tiến chí, binh các thập ngũ vạn, mã các tam vạn. Đế mệnh Lưu Trung đẳng phụ tử tam nhân các lĩnh binh nhất vạn, tượng ngũ trích, thiết phục ư Chi Lăng ải dĩ đãi chi. Tái sử (hết tờ 8b) Lê Liễu đẳng xuất chiến tường vi bất thắng nhi tẩu, ư Thanh, Liễu Thăng tiến chí phục xứ, binh giai tứ khởi xung, đoạn tặc quân trung, trăm đắc Liễu Thăng ư Mã Yên sơn, huyền đầu dung thụ phát trường nhất trượng, tặc quân bại tẩu, trăm đắc nhất vạn dư cấp; chí hậu nhật Lưu Trung phụ tử phụng mệnh lưu đồn Mã Yên sơn. Tặc hựu tiến binh cường chí xung. Cử trăm đắc tặc tướng Lương Minh, nhi Thôi Tụ, Hoàng Phúc dẫn binh cường cứu, nhi hựu bại chi, sinh cầm Thôi Tụ, Hoàng Phúc tịnh đắc xứ phù ngân ấn, trăm đắc tam vạn dư cấp, ngưu dương lư mã kim ngân bố bạch, quân tư khí giới bất khả thắng số. Đế gia phong Lưu Trung vi Nhập nội tư mã đại tướng quân tước Thượng trí tự, Huyện thượng hầu, tứ quốc tính; phong Lê (Lưu) Nhân Chú vi Tư không Nhập nội tư khấu, Thượng (tướng) quân, tứ quốc tính; Lê (Phạm) Cuồng vi Nhập nội Thiếu úy Thượng tướng quân, Quan phục hầu, tứ quốc tính. Các tứ kim ngư đại ngân phù.

Tự thị tặc bất cảm phục lai, khát tương hòa hiếu. Đế mệnh Lê Nhân Chú vãng sứ cầu hòa, nhi Minh khiển sứ lai phong triều cống phục y Hồng Vũ, thông sứ vãng lai (hết tờ 9a).

Mậu Thân Thuận Thiên nguyên niên Đế tức vị, định công hành thưởng gia phong: Lê Trung vi sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết đột kỵ quân sự, Tĩnh nạn tuyên lực Minh nghĩa công thân, Trung lượng đại phu, Câu kiểm vệ tướng quân tước Thượng trí Huyện thượng hầu, tứ kim ngư đại ngân phù; Nhập nội đại tư mã Đại tướng quân Chi quận công tứ điền bách mẫu xứ sở y sắc thư.

Thê phụng Nhập nội phong Ôn lương nhu thuận từ huệ trình tiết đại phu nhân Đại phụ công chúa.

Lê Nhân Chú vi Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết đột kỵ quân vệ, suy trung tán trị Hiệp mưu Dương vũ công thân; Nhập nội kiểm hiệu Tư không kiêm Tư khấu, Bình chương quân quốc trọng sự Nhập nội hoàng tông, Thượng á hầu, tứ kim ngư đại, ngân phù, Lũng quận công, tứ điền ngũ bách mẫu xứ sở y sắc thư.

Thê phụng tứ Nhập nội phong phụ đức ôn dung
tiết nghĩa thuần chất Bảo định công chúa.

Phạm Cuống vì sơ khởi nghĩa thứ thủ Thiết đột
ky quân sự Đồng tổng quản Quy Hóa trấn chư quân
sự, Suy trung tán (hết tờ 9b) trị Hiệp mưu Bảo chính
công thần Đa ngư Hải môn kiêm trấn Phụng tuyên
xứ, Nhập nội Thiếu úy, tứ kim ngư đại, ngân phù
Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Quan phục
hầu, Trù quốc công, tứ điền ngũ bách mẫu xứ sở y
sắc thư.

Thê phụng Nhập nội phụng tứ Uy nghi dung đức
từ mạo đoan trang Đại phụ công chúa.

*

* *

Thuận Thiên thừa vận, Hoàng thượng cáo viết:

Khổn ngoại chi ký sở dĩ cố ngô vì nhi tĩnh biên
thùy giả dã, thị dĩ đắc kỳ nhân tắc (hết tờ 10a) uy
dương viễn dương, nhi địch bất cảm phạm, phi kỳ nhân
thời hiệu lệnh bất hành, nhi giới tương sinh tâm khải

cầu vân tai! Quan quân tướng quân Bắc quân Đô đốc phủ Đô đốc đồng tri thượng hộ quân, Trụ quốc Á hạ phẩm Lê Văn Hiến phát tự khắc gia, trường bội cử liễn, tiền hạt chúng chức, tần hiệu trung cần thị dụng chuyết tông đốc chi chức. Uy dĩ phát phiên chi trọng. Nhĩ kỳ huấn dục sĩ tốt, tiến yết man binh dĩ giác tiết kính chi năng, dĩ cố kim thang chi thể khả vi Quán quân tướng Đô đốc tri Thuận Hóa trấn thủ, Phó tổng binh Thượng hộ quân hạ phẩm. Chủ giả thi hành.

Quang Thuận thập niên ngũ nguyệt thập cửu nhật [bảo ấn].

Trẫm duy phụng quốc chi trung ký phát du ư chung thủy, báo công chi điển, khái hữu gián ư tôn vong, tải cử ấn chương. Dụng quang kế cùng, Bảo chính công thân Đa Ngư Hải môn trấn tướng quân, Quán quân, Nhập nội Thiếu úy Trụ quốc tứ kim ngư (hết tờ 10b) đại, ngân phù, Huyện thượng hầu, tứ quốc tính Lê Cuống danh (...) khấu tướng Dũng mại quan quân. Đương hồ khấu chi hồ thân tiên sĩ tốt. Đãi can qua phủ định kinh kỷ tinh thượng tự tiến tặc ư đài

giải, khánh tuyên cần ư vương thất; Thánh tổ gia kỳ
hùng lược.

Tiên hoàng lục kỳ lao năng, thuộc dư tự phục chi
sơ, ủy dĩ duy phiên chi ký, trù dư hoạch chiến dụng
tăng tiết liệt chi quyền. Xích tử bì dẫn, ích tận phủ tuy
chi đạo, ngật hữu trường thành chi cố, nhân khắc
khoan bắc cố chi ưu phương kỳ đăng dụng ư miếu
đường, khái ý đệ Quy ư tuyên nhượng, chúng tiến hạ
quan nhĩ mệnh trật, tải gia mỹ thụ dĩ biểu huân ư
chiến, sự nghiệp công danh, vĩnh hữu quang ư sử sách.
Quân thân trung hiếu thượng khái địch ư tuần nhân, tư
nhĩ sáng linh ca dư hưu mệnh. Khả truy tặng Bảo chính
công thân.

Trẫm duy khốn ngoại tuyên lao, Doãn lại kinh
doanh chi lược, võ giai tiến trật tải kê bao sủng chi
chương hoán phát luân âm cụ phu, cử thánh kim tử
Quang lộc Đại phu Đa ngư Hải môn trấn Phụng Tuyên
xứ Hành quân tổng quản (hết tờ 11a).

Trẫm duy khốn ngoại tuyên lao, Doãn lại kinh
doanh chi lược võ giai tiến trật tải kê bao sủng chi

chương hoán phát luân âm cụ phu, cử thánh kim tử
Quang lộc Đại phu Đa Ngư Hải môn trấn Phụng Tuyên
xứ Hành quân tổng quản.

Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn, kiêm Tuyên úy đại
sứ, tri quân dân sự Thượng hộ quân, tứ kim ngư đại
phù khanh hầu, tứ quốc tính Lê Cuống, lão đương ích
tráng, sự bất từ nan, đương tặc thế chi phương trượng,
ngọa tân thường đởm phần quốc thù chi vị báo, nhằm
cách diên kim mộ tuyết sương, đãi thập dư niên mao
thỉ thạch phạm bách dư chiến, gián khai vạn trạng phản
phụ nhất tâm, tán thành mạc (đại) chi công, dụng tuyết
vô cùng chi sỉ, trừ huân minh phủ, đặc ung tứ tước chi
vinh, tác thư hùng phiên, trọng tung bình mao chi ký,
uy thanh viễn nhiếp, lệnh dự bá đảng đồng chính hòa
môn sĩ khí tăng nhi quân dung túc, trú mao trấn khốn,
tặc đởm phá nhi biên cảnh thanh. Xuất nhập biên phi, ư
sùng tư. Di (hết tờ 11b) hiểm vĩnh giám ư tổ tiết, du vi
ích trú, huân lao cư đa, trăm tuyết can tư phủ doanh
thành chi vận. Chung hạp cự ái, gia ưu thưởng chi ân.
Thị dụng tiến, bình nhung mao, tử tư bình bính, vu dĩ
chiêu dĩ số, vu dĩ thi quyển hoài, ư kích phủ hài tư

hiền. Trẫm mỗi tôn ư niệm lực dĩ thân hứa quốc, khanh vật tán ư trung cần, thức cứu viễn du dĩ bảo chung dự, khả thăng vi Bảo chính công thần Đa Ngư Hải môn trấn quan quan tướng quân, Nhập nội Thiếu úy, Trụ quốc tứ kim ngư đại, ngân phù, khanh hầu tứ quốc tính. Chủ giả thi hành.

Đại Hoà thập niên Nhâm Thân tam nguyệt nhị thập ngũ nhật (hết tờ 12a).

*

* *

Thuận Thiên thừa vận,

Hoàng thượng chế viết: Trẫm duy dân thụ đa phương, thích niệm Cao hoàng chi sáng thủy, hàm hữu nhất đức, truy tư ngự sự chi (Bùi) cung điệp điệp quyền hoài, minh minh hiển hiển, tặng Bảo chính công thần, quán quân tướng quân, Tư mã trụ quốc Đình thượng hầu, thụ Vũ Tương Lê Cuống, túc thực anh vũ xuất ưng truân hanh, Chu vương hưng tây thổ chi sự, Vũ Chiêu đế phạt. Đường đế quyết Đông Đô chi sách, dự

tán Thánh công. Khất tứ hải chi kính tĩnh. Lịch tam triều chi bĩnh dụng, thái thường xán lạn, giới tích cụ tồn, kiệt các tranh vanh, thủ tư khả tướng. Tư ký công nhi hậu mệnh, thụ ban tước dĩ sơ công, vu dĩ thị chí công, vu dĩ chiêu dĩ hiệu ư kích (hết tờ 12b) phàn lân phụ phụng, trừ mậu tăng cảm ư đương niên, cư quý suất thần, hất hưởng thượng chiêu ư vĩnh thế, khả gia tăng Tuyên lao công thần, đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, Hoàn nghĩa hầu Trự thụ Vũ Tương Lê Cuống.

Hồng Đức thập ngũ niên thập nguyệt, nhị thập cửu nhật.

Phụng sao.

Sắc Suy trung tán trị hiệp mưu công thần, kim tử quang lộc đại phu Đa Ngự Hải môn trấn Phụng Tuyên sứ, Hành quân tổng quản, Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn kiêm Tuyên úy đại sứ, tri quân dân sự, Thượng hộ quân, tứ kim ngư đại, ngân phù, khanh hầu, tứ quốc tính Lê Cuống vì năng tiên triều thác phụ, quán tả các hiền, thủ xuất nguyên mệnh công, phụng thiên khởi

nghĩa thâm tri vi quốc, dục tán hoàng gia, khôi phục Nam cương, tảo bình Bắc khấu, chung thủy toàn công, khả thăng vi Bảo chính công thần, Đa Ngư Hải môn trấn, quán quân tướng quân, Nhập nội Thiếu úy Trụ quốc, tứ kim ngư đại (hết tờ 13a) ngân phù, khanh hầu, tứ quốc tính Lê Cuống, cố sắc.

Đại Hòa thập niên tam nguyệt nhị thập ngũ nhật.

Phụng sao.

Sắc Tể nạn Tuyên lực minh nghĩa công thần Hành quân Tổng quản hạ Quốc Oai vệ chư quân sự Đại tướng quân, Liệt hầu, Thái phó, Giới quốc công, Trụ quốc Lưu Trung phụng tứ quốc tính Lê Trung, vi năng ứng tường khởi nghĩa, khí thổ quyên thân, phù dục quốc gia, tảo bình Bắc khấu, khôi phục Nam cương, tiên tri dục tán phần phụ, nhất tâm chung thủy, toàn công, đa hữu huân ư quốc, khả gia truy tặng Đặc tiến khai phủ phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái úy Giới quốc công Lê Trung, tứ tướng công thụ Trục Độ. Cố sắc.

Dịch nghĩa:

Ngày 20 tháng giêng năm Thuận Thiên thứ nhất⁽¹⁾, bọn thần là:

- Tểnh nạn tuyên lược Minh nghĩa công thần, hành quân Tổng vệ chư quân sự, được vinh phong Trung lượng đại phu câu kiêm vệ Thượng tướng quân, tước Thượng trí. Huyền thượng hầu, Thái úy chi quốc công, được ban quốc tính Lê Trung.

- Suy trung tán trị, hiệp mưu dương vũ công thần, hành quân Tổng quản Hải Dương trấn vệ chư quân sự, Nhập nội kiểm hiệu Tư không, Bình chương quân quốc trọng sự gia phong Nhập nội Đại tư khấu, Á thượng hầu, ban tặng Thái úy Lũng quốc công, được ban quốc tính Lê Nhân Chú.

- Suy trung tán trị, hiệp mưu bảo chính công thần, Kim tử quang lộc Đại phu, Đa Ngự Hải môn trấn,

1. Vào ngày 15 tháng 4 năm Mậu Thân (1428), Lê Lợi lên ngôi vua tại Điện Kính Thiên, Đông Kinh (Hà Nội) đổi niên hiệu là Thuận Thiên. Cho nên niên hiệu Thuận Thiên năm thứ nhất phải tính từ sau ngày 15 tháng 4 năm Mậu Thân. Vì thế việc ghi chép ngày 20 tháng giêng năm Thuận Thiên thứ nhất trong cuốn Gia phả này không chính xác về niên hiệu.

phụng Tuyên sứ, hành quân Tổng quản Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn, kiêm Tuyên úy Đại sứ tri quân dân sự, Thượng hộ quân, được ban Kim ngư đại (*), ngân phù, Nhập nội Thiếu úy, Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Quan phục hầu, được tặng Thái úy, Trù quốc công, được ban quốc tính Lê Cuống.

Tập hợp các đồng僚 lại để ghi chép sự tích lưu truyền mãi làm gia phả thực lục.

Thường nghe: Cây có nghìn cành muôn lá ắt phải nhờ gốc rễ, con người có trăm con ngàn cháu đều bắt đầu từ tổ tông, há chẳng phải chứa đức tích nhân mới có được như vậy sao?

Vì vậy muốn cho con cháu biết được cảnh vui vẻ của hai họ thực sự do gian lao trăm chết một sống mới gây dựng thành được như thế đấy.

Kể từ đức Cao tổ Lưu Nhân Dục lấy bà Trần Thị Duyệt làm vợ, nối đời giữ chức phụ đạo. Gia nghiệp ngày càng hưng thịnh, tích đức chứa nhân, yêu người

(*) Kim ngư đại: Túi thêu hình cá vàng

thương vật. Sinh ra phụ thân là Phú Bình hầu Lưu Bá Thịnh, lấy vợ là bà Nguyễn Thị Thành nổi tiếng có lòng nhân, yêu thương mọi người, thấy ai đói thì cho ăn, ai rét thì cho áo mặc. Không ai là không nhớ ơn đức của bà. Sinh hạ được ba con trai gái ⁽¹⁾. Con trai trưởng là Lưu Trung, con gái thứ là Thị Trang, sau này được chọn vào làm Công chúa.

Vào ngày 25 tháng giêng, ban đêm bà [Nguyễn Thị Thành] nằm mơ thấy một ông lão cho một viên thuốc bảo uống. Từ lúc tỉnh dậy bà thấy bụng đau dữ dội, đến giờ Dần sinh ra Lưu Trung. Đến tuổi trưởng thành, Lưu Trung dáng người cao lớn, toàn thân đầy lông đen, râu ria đầy mặt. Ông là một người nhân từ lại dũng lược, coi người như cỏ rác. Bọn hung ác trong vùng không kẻ nào dám ho he. Những người hiểu biết đều sợ oai. Ông lấy vợ là bà Lưu Thị Ngọc Chân sinh

1. Trong Gia phả ghi là 3 con nhưng chỉ thấy kể ra 2 người là Lưu Trung và em gái là Lưu Thị Trang.

được một trai một gái. Con trai trưởng là Lưu Nhân Chú (sau) lấy vợ là Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh được ba người con trai, con gái. Con thứ là Lưu Thị Ngọc Ngoan, sau gả cho Phạm Cuống.

Trước kia Cao tổ của Phạm Cuống là Hồ triều bá Phạm Long, quê quán ở xã Văn Lãng, huyện Văn Lãng, lấy vợ là bà Nguyễn Thị Giản, nhiều đời làm quan phiên trấn triều Trần. Sinh ra Phạm Bá Yên, sau Yên lấy vợ là Vũ Thị Vượng. Ngày 6 tháng 8 năm Đinh Dậu niên hiệu Đại Trị thứ 10⁽¹⁾, đang đêm thấy một khối hào quang đỏ to bằng cái đấu, từ ngoài bay vào trong, đến nơi giường thì biến mất, không nhìn thấy đầu nữa. Cả nhà đều sợ hãi. Bấy giờ, Vũ Thị thân còn đang co quắp, Phạm Yên đến, khi tỉnh ra mới hỏi,

1. Nếu là niên hiệu Đại Trị thứ 10 thì phải là năm Đinh Mùi (1367), chứ không phải là năm Đinh Dậu. Còn nếu là năm Đinh Dậu thì là năm 1357 lúc này Trần Dụ Tông chưa lên ngôi, chưa có niên hiệu Đại Trị được. Đến năm Mậu Tuất (1358) Dụ Tông lên ngôi mới đặt niên hiệu Đại Trị thứ nhất. Ở đây phải sửa là năm Đinh Mùi niên hiệu Đại Trị thứ 10 (1367).

có biết gì không, Vũ Thị trả lời rằng không biết gì cả. Đến giờ Hợi thì sinh ra Phạm Cuống. Kịp khi lớn lên, Cuống thân thể cao lớn, lưng dầy bụng phệ, mặt tròn đầu to, hai tai rủ thùy châu, có trí lực hơn người, mưu mô tài giỏi, ít hiểu biết nhưng nhiều xảo trá, gặp việc dám làm, hùng trưởng một phương, mọi người đều khâm phục. Khi đó Lưu Trung ở cùng một xã Thượng Thuận, huyện Đại Từ bản phủ, sinh được thứ nữ là Lưu Thị Ngọc Ngoan. Phạm Cuống gặp thì thích lắm, nhân thế Lưu Trung bằng lòng gả cho. Từ đó hai nhà cùng thân ái, cha con, anh em hiếu thuận, hòa mục như cùng một nhà.

Bấy giờ đang lúc cuối nhà Hồ, giặc Ngô sai các tướng Thôi Tụ, Hoàng Phúc, Vương Thông, Mã Anh, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Trương Phụ, Mộc Thạnh, Lý Bân chia quân làm các đạo xâm chiếm nước Nam, nhiều ngược sinh dân khắp nơi. Lưu Trung, con trai Lưu Nhân Chú, con rể Phạm Cuống ẩn tích giấu nhà, làm nghề bán dầu kiếm sống qua ngày. Một hôm đến Miếu Gấm xã Quan Ngoại, huyện Tam Dương, phủ Đoan Hùng, lúc ấy trời đã chạng vạng tối, lại gặp mưa gió,

không người qua lại, không có nhà cửa nương tựa, bèn vào trong miếu trú chân, lấy chiếu che gánh dầu, ngồi tựa vào vách tránh mưa gió. Mưa to gió lớn kéo dài mãi tận sáng sớm. Khoảng giữa canh một, nghe thấy bên ngoài miếu, có tiếng chân người, tiếng voi ngựa rầm rập như đại quân kéo qua. Bỗng nghe thấy có tiếng hỏi nhau: "Huynh có đi châu Thiên đình không? Lại nghe có tiếng đáp rằng: "Tôi có khách xin kiếu. Mong huynh lên châu Thượng đế, nếu có việc gì khi trở về báo cho biết nhé!". Nghe thấy thế, bọn Lưu Trung ba người cả đêm kinh sợ không ngủ được. Chừng đến giữa canh năm, lại nghe tiếng quân đi, tiếng voi ngựa rầm rập như trước, và có tiếng hỏi rằng: "Hôm nay lên châu Thượng đế có việc gì không?". Lại nghe tiếng đáp: "Thượng đế hội họp với công đồng Tam phủ đã treo bảng ở trước điện ban cho đức Lê Lợi làm vua nước Nam Việt ta". Lại có tiếng hỏi: "Quê quán ở đâu? Làm sao được như thế?", lại nghe tiếng đáp rằng: "ở thôn Như Áng, sách Khả Man, huyện Lương Giang, lộ Thanh Hóa. Người này quý người hiền, ham làm việc thiện, nhiều đời tích âm đức, coi mọi người [thân thiết] như anh em trong một họ. Nay phương Nam đang có

loạn, cho nên [Thượng đế] cử ông ấy xuống cứu vớt sinh linh, vì lẽ ấy đấy! Chứ có phải dễ được [như vậy] đâu! Lại nghe hỏi: "Còn việc gì nữa không?" Và có tiếng đáp rằng: "ở xã An Dưỡng, Đông Triều năm nay đại hạn, dân nơi đó lập đàn cầu đảo, Thượng đế đã cử Thần xuống chứng giám. Dân xã này có giết trâu nhưng lại bỏ quên con dao trong đồng phân trâu. Mọi người nghi nhau lấy trộm, chửi mắng nhau loạn xạ, cho rằng phải có kẻ nào lấy trộm thì mới mất con dao chứ? Trong số đó có một người nói rằng: "Chỉ có Thần Tam Đảo lấy con dao của chúng mày, chứ có ai lấy trộm đâu!" Nghe thấy thế Thần bỏ về Trời tâu với Thượng đế, mà không chứng giám nữa. Cho nên dân xã ấy có cầu cũng chẳng ứng nữa". Hai vương nói hết, chào nhau rồi đi.

Đến mờ sáng, bọn Lưu Trung ba người lấy tạ khấn Thần rồi gánh dầu đi. Khi đến xã An Dưỡng, huyện Đông Triều, ghé vào hàng uống nước, hỏi han căn kẽ các cụ già, quả thật có sự việc như lập đàn cầu đảo mất dao. Lại đến xem đồng phân trâu, thì thấy có con dao trong đó, đúng [như chuyện được nghe].

Từ đấy bọn Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống trở về quê quán, phân chia gia sản, dặn dò vợ con, nói dối là đi buôn xa. Bọn họ dờn bỏ quê hương bản quán xa rời người thân đến thẳng Lam Sơn. Lúc bấy giờ đường xá gập ghềnh, gian nan hiểm trở, ba người đến trọ tại thôn Nguyễn Xá, nhân đó hỏi han tường tận người trong thôn. Mọi người đều nói rõ, không ai dấu giếm điều gì. Hôm sau ba người đến yết kiến [Lê Lợi], nói thác rằng: "Nghe lời đồn đại, quan nhân là người nhân nghĩa, có lượng cả bao dung, xin làm bề tôi, có chỗ dung thân, mong được nhờ cậy". Vua mới hỏi tên tuổi quê quán ở đâu? Làm thế nào mà đến đây? Bọn Lưu Trung tình thực trình bày: "Vốn trước kia ông cha chúng tôi là quan phiên trấn ở hai xã Văn Lãng và Thuận Thượng, vì bị quân Ngô bạo ngược, cho nên ẩn giấu tông tích làm nghề bán dầu, tìm thẳng đến quan nhân, mong được dung nạp". Vua nói chuyện với ba người rất vui, tiếp đãi rất hậu. Từ đó ba người thường qua lại, khi thì ở với vua, lúc lại cày ruộng ở động Chiêu Nghi với Trương Lôi. Trong nhà có việc gì đều tin cậy giao phó cho hết.

Lúc đó vua mới 25 tuổi giữ chức quan Phụ đạo, thi hành ban bố nhân đức, khoan hòa rộng rãi, nuôi dưỡng hậu đãi tân khách. [Vua] thường lấy việc cày bừa làm điều vui, đọc sách sử làm niềm thú. Nhân dân quanh vùng ai nấy đều kính phục. Ngày qua tháng lại vừa tròn 3 năm, một hôm nhân vua cùng ba người trò chuyện, bọn Lưu Trung bèn nói hết sự thật và đưa con dao ra làm tin. Vua biết ý [bọn họ] nhưng vẫn còn ngờ, kiêu căng không lộ ra nét mặt, thản nhiên như thường. Thực là người có khí tượng khác thường, tài đức hơn người.

Vào giờ Dần ngày rằm tháng giêng năm Nhâm Thìn (1412), gia nhân của nhà vua là Trương Lôi đang cày ruộng ở động Chiêu Nghi, chợt gặp một vị sư già mặc bộ áo trắng, chống gậy vẻ thung dung, than rằng: "Tiếc thay, có kiểu đất này không biết thuộc về ai?". Trương Lôi nghe nói thế rất mừng, liền đến hỏi: "Lão tăng nói gì, tôi có thể được chăng?". Vị sư già suy nghĩ một lát rồi trả lời: "Ta xem tướng diện và đức của nhà ngươi, làm vua thì chưa đủ, nhưng làm tướng thì có thừa. Thuyền nhỏ không chở được vật nặng". Trương

Lôi lại nói: "Tôi có ông Thầy ở nhà, dám xin Lão tăng tiện ghé vào nghỉ chân". Vị sư già không chịu. Trương Lôi lại nói: "Dám xin Lão tăng tạm chờ, để tôi xin rước Thầy tôi ra, ngõ hầu được chăng?". Trương Lôi trở về nắm với vua đang chờ ở nhà. Trương Lôi rước vua ra gặp mặt với vị sư già. Vua quỳ xuống vấn an. Vị sư già cười lớn rằng: "Tốt quá, duy chỉ có người đáng được kiếu đất này thôi". Vua chỉ tay lên trời nặng lời thề. Vị sư già khen rằng: "Nếu đã có lòng như thế, Lão tăng đây chẳng tiếc gì cả. Ta đây họ Trịnh tên là Bạch Thạch, nhân thấy hình thế kiếu đất này, nếu [đưa mộ] táng vào đây, không quá ba năm sẽ thành ngôi Thiên tử. Trai thì tất phú quý không kể xiết. Gái thì tiếc không đủ chồng thôi. Chỉ e rằng con cháu về sau ắt sẽ có phân tán, rồi lại trung hưng mãi mãi không dứt". Nói xong, vị sư già chỉ cho huyệt đất theo hướng tây bắc-đông nam (tọa càn hướng tốn) lấy núi Linh Sơn làm án. Sau đó cùng với bốn người là Trương Lôi và ba cha con anh em Lưu Trung rước linh xa lên an táng tại xứ Phật Hoàng, động Chiêu Nghi. Xong việc, vị sư già bay thẳng lên trời. Nhà vua trông theo báii vọng. Mới biết sự việc do trời đất (sắp đặt). Từ đó lòng vua mới

thật tin. Năm đó vua mới 28 tuổi, bắt đầu phấn chấn trong lòng. Sau này có tên Đỗ Phú xã Hào Lương, vì có thù oán với vua, đưa quân Ngô đến đào lấy hài cốt ở xứ Phật Hoàng, đem treo ở phía sau thuyền. Nhà vua bèn sai bọn Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống tất cả tổng cộng 20 người, đầu đội cỏ gai, xuôi dòng từ trên thượng lưu cho đến phường Giang Khẩu. Nhân khi quân giặc ngủ say, trộm lấy hài cốt đưa về bí mật táng vào chỗ cũ, lại lấy bộ hài cốt khác đặt thay vào rồi táng chồng lên trên. Sáng hôm sau quân giặc phát hiện linh xa treo sau thuyền đã bị mất liền đến chỗ cũ thấy đã táng thành mộ rồi. Bọn chúng lại đào lấy bộ hài cốt để bên trên [đem về] tán nhỏ vứt xuống sông⁽¹⁾. Vua mới

1. Về sự kiện này, trong *Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt thông sử* đã chép, có tên Đỗ Phú người xã Hào Lương kiện Lê Lợi về việc ruộng đất, dưới lý thua kiện đem lòng oán hận, bèn cùng với tên phản bội là Ái thông báo giặc Minh đi đào mả Phật Hoàng, vào khoảng năm 1417.

Đại Việt sử ký toàn thư chỉ nhắc đến sự kiện tên phản bội Ái (không rõ họ) dẫn đường cho giặc đi lối tắt vào đánh úp Lê Lợi trong trận Lạc Thủy tháng giêng năm Mậu Tuất (1418).

cùng bọn Trương Lôi, Trương Chiến, Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống tổng cộng 20 người ⁽¹⁾ cùng nhau thề ước hợp sức đồng lòng. Có bài văn thề như sau:

Năm Bính Thân niên hiệu Thiên Khánh thứ nhất (1416) ⁽²⁾, tháng Hai ngày mồng một là ngày Kỷ Mão, qua ngày 12 là ngày Canh Dần,

Chúng thần là Lê Lợi, Phụ đạo chính lộ Khả Lam, nước A Nam cùng Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê

1. Ghi nhầm là 20 người, thực tế theo bài văn thề và các sách *Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt thông sử*, *Lam Sơn sự tích* đều chép 19 người (kể cả Lê Lợi).

2. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: "Mùa đông tháng 11 năm Bính Ngọ (1426), Vua (Lê Lợi) tìm được Trần Cảo lập làm vua, để làm yên lòng giặc Minh yêu cầu tìm con cháu họ Trần nối ngôi. Đặt niên hiệu là Thiên Khánh sai Tả bộc xạ Lê Quốc Hưng dạy cho (Trần Cảo) nhưng thực ra là để coi giữ". *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, NXB KHXH, H. 1972, tr. 27-28.

Như vậy việc chép niên hiệu Thiên Khánh vào năm đầu (1426) trong văn thề cùng trời đất là không chính xác, vì Hội thề Lũng Nhai được tổ chức vào năm Bính Thân (1416).

Liễn, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiểm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi,
Luu Nhân Chú, Trịnh Vô, Phạm Cuống, Lê Lý, Đinh
Lan, Trương Chiến⁽¹⁾.

Xin đem lễ vật cùng huyết tươi của ba con sinh
(máu trâu, dê, lợn), lòng thành kính cẩn dâng lên tâu
cáo với

Hiệu Thiên Thượng đế,

Hậu Thổ Địa hoàng,

Cùng các chư vị tôn linh Thượng, Trung, Hạ
đẳng thần các nơi danh lam, sông núi trong nước

Cúi xin chứng giám mà thưa rằng: Có bè bạn ở
phương xa đến kết giao vui vẻ, tất phải giữ chữ tín. Vì
thế nên phải có Lễ tấu cáo.

Nay Phụ đạo chính của nước ta là Lê Lợi cùng
Lê Lai cho đến Trương Chiến 18 người, tuy quê quán

1. Danh sách các công thần tham gia Hội thề được chép ở đây có sai lệch
so với danh sách chép trong sách Lam Sơn thực lục, Đại Việt thông sử,
Lam Sơn sự tích.

họ hàng có khác nhau nhưng đã kết nghĩa thề nguyên coi nhau như một Tổ, như cây liền cành. Tuy phận vinh hiển có khác nhau, nhưng nguyện tình thân cùng họ không sai khác.

Nay nhân khi bọn giặc Ngô xâm chiếm, tàn ngược, dân chúng rất khổ sở. Nên Lê Lợi cùng Lê Lai cho đến Trương Chiến 18 người chung sức đồng lòng, giữ vững đất nước làm cho [nhân dân] được sống yên lành, thề sống chết cùng nhau, không dám quên lời thề son sắt.

Chúng thần cúi xin Trời đất cùng các chư vị linh thần chứng giám và ban cho trăm phúc lành tự bản thân cho đến nhà mình và các con cháu trong họ đều được yên vui, hưởng nhiều lộc Trời. Nếu như Lê Lợi cùng Lê Lai cho đến Trương Chiến nầy sinh lòng này ý khác, on cầu hiện tại, không đều đồng lòng, quên đi lời thề ước lúc đầu. Chúng thần cúi xin Trời, Đất, Thần linh giáng cho trăm tai ương từ bản thân cho đến nhà mình cùng các con cháu trong họ đều bị tru diệt, chịu mọi hình phạt của Trời.

Nay kính cần tấu cáo.

Lời thề cùng các tướng ⁽¹⁾

Thái tổ Cao hoàng đế Trẫm họ Lê tên húy Lợi có chí Đại Thiên hành hóa, phủ trị bang gia. Vì vậy Trẫm nguyện cùng các tướng, thứ thủ thiết kỵ đột quân đẳng nhân: Hễ kẻ làm công thần ở cùng Trẫm mà mở được thiên hạ, chung sau thiên hạ thái bình, thì Trẫm nhớ đến công thần. Các tướng hết lòng hết sức, danh ấy truyền để muôn đời, mãi ghi vào trúc bạch (sử sách), cho chung sau con cháu Trẫm cùng con cháu các tướng đều được hiển vinh, hưởng phúc lộc. Dầu bể kia hay cạn, núi nọ hay bằng thì công ấy Trẫm chẳng khá quên các tướng. Dầu Trẫm chẳng như [lời] nguyện ấy, vậy thì Trẫm chẳng truyền cho con cháu như nhời ấy. Trẫm nguyện bằng: Cỏ điện nên rừng, điện này nên nước, núi này nên băng, ấn này nên giáo đồng kiếm sắt, bằng Trẫm làm được thiên hạ nhớ công thần, chư tướng hiển hách, vả lại truyền cho con cháu nhà Trẫm muôn đời. Bằng như nhời nguyện ấy thì cho quốc gia trị vì lâu dài, yên như bàn thạch, sông Hoàng Hà như vành đai, núi Thái Sơn tựa đá mài, con cháu nhà Trẫm muôn đời lên ngôi báu. Vì vậy phải hết nhời cùng chư tướng. Hễ

1. Bài văn thề được chép bằng chữ Nôm.

đã đi làm công thân ở cùng Trẫm, đồng tâm hiệp lực chớ ngại khó khăn, họa làm được thiên hạ, chẳng những nhờ ấy, Trẫm lại cậy nhờ này. Như trong Binh pháp rằng: "Nhân nghĩa chi binh hòa mục vì thượng". Nếu có binh nhân nghĩa thì có hòa mục mới khá được. Hiệu lệnh cho tin.

Chữ rằng: Phép giả thiên hạ chi công cộng, dầu ai chẳng phải đã có phép trời luật nước. Ai nấy thì cho hòa mục, tín hiệu lệnh cho nghiêm. Sở phép hòa làm việc thiên hạ để công danh muôn đời, lộc hưởng thiên chung".

Ngày 12 tháng 2 năm Bính Thân thứ nhất (1416) niên hiệu Thiên Khánh ⁽¹⁾, ngày 20 tháng 4 năm ấy sai bọn Lưu Trung, ba người trở về Tứ trấn ngầm mộ dân lính, chiêu tập những kẻ trốn tránh, thu nạp những kẻ chống đối, ẩn quân đợi thời dấy khởi. Lưu Trung lay tạ trở về, từ đó [họ] ban ngày giả làm khách buôn, bí mật

1. Theo Đại Việt sử ký toàn thư: "Mùa đông tháng 11 năm Bính Ngọ (1426), Vua (Lê Lợi) tìm được Trần Cảo lập làm vua, để làm yên lòng giặc Minh yêu cầu tìm con cháu họ Trần nối ngôi. Đặt niên hiệu là Thiên Khánh sai Tả bộc xạ Lê Quốc Hưng dạy cho (Trần Cảo) nhưng thực ra là để coi giữ". *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3, NXB KHXH, H. 1972, tr. 27-28.

Như vậy việc chép niên hiệu Thiên Khánh vào năm đầu (1426) trong văn bản cùng thời đất là không chính xác, vì Hội thề Lũng Nhai được tổ chức vào năm Bính Thân (1416).

chiều mộ nhân dân, ban đêm lại cùng nhau nghỉ trên cây, lấy mỡ viết vào lá cây rằng: "Lê Lợi làm vua nước Nam Việt". Kiến theo vết mỡ ăn thủng lá cây thành chữ. Quân Ngô trông thấy cho là điềm trời.

Khi ấy tình thế chưa có thể hành động được. Ngày qua tháng lại đã được 3 năm [ba người] đã gây dựng được muôn đội, ẩn phục để đợi vua dấy lên. Nhân đó [ba người] về triều. Vào những năm trước đó, lúc vua 30 tuổi, được quả ấn báu, năm 31 tuổi được thanh gươm thần, năm 32 tuổi lại được cán gươm. Thấy được bọn Lưu Trung ba người trở về, vua rất vui đem những chuyện trước kể lại cho họ biết.

Bấy giờ vua đã 33 tuổi, đại khởi nghĩa binh, bọn Lê Trung được theo hầu tiến đánh, giúp rập những khi gian nan, đồng lòng hiệp sức. Vua phong cho Lê Trung giữ chức Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết kỵ đột quân sự, tước Giới lai hầu; Lê Nhân Chú giữ chức Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết kỵ đột quân vệ, tước Vinh sơn hầu, Lê Cuống giữ chức Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết kỵ đột quân sự, tước Hằng nghĩa hầu, cùng nhau chia đường đem quân phục kích đánh giặc.

Đến ngày...⁽¹⁾ tháng giêng năm Mậu Tuất (1418), vua Thái Tổ ta được thời mở vận, ứng với ý trời, thuận theo lòng dân. Quân giặc biết được tình hình, đem quân đến vây hãm. Vua sai Lưu Trung, Lưu Nhân Chú, Phạm Cuống đưa quân phục kích đánh thẳng vào quân giặc, chém được hơn 3000 đầu, thu được nhiều quân trang khí giới. Vua liền ban thưởng cho kim phù. Đến ngày 29 tháng 8 quân giặc tức giận đem quân khiêu chiến nhà vua. Khi đó, nhà vua quân ít lương hết, phải ẩn nấp ở núi Linh Sơn hết lương thực đến 3 tháng. Quân lính đói quá phải lấy rau rừng, hoa quả, mật ong để ăn qua ngày. Còn Phạm Cuống trở về quê mình vận chuyển gia tài đến để nuôi quân, chờ đợi lương thực. Nhà vua khen ngợi ban thưởng, quân sĩ ai nấy đều rất vui mừng. Rồi nhà vua mới phủ dụ binh lính, chấn chỉnh lại quân ngũ, các tướng lĩnh đều rất cảm kích, [tất cả] đều thề không chung sống với quân giặc.

Tháng 4 năm Kỷ Hợi (1419), vua Thái Tổ ta sai bọn Lưu Trung ba người tiến đánh đồn Nga Lạc, quân

1. Bản gia phả chép thiếu.

ta đánh lớn phá được giặc, chém được hơn nghìn đầu. Ta lui binh đến đóng ở sách Lư Sơn. Giặc Minh đuổi đánh, vua đặt quân mai phục ở chính giữa, phá được giặc. Nhưng khi đó giặc thì đông mà quân ta ít nên ta lại rút vào núi.

Năm Canh Tý (1420), giặc Ngô đem quân đến đánh. Các tướng cùng Lưu Trung phục binh bốn mặt tiến công, quân giặc đại bại, ta chém được thủ cấp không biết bao nhiêu mà kể, thu được hơn trăm con ngựa, đốt cháy hết mọi vũ khí của giặc. Vua ban thưởng "tỷ phù".

Năm Tân Sửu (1421), quân cứu viện của giặc lại đến, tướng giặc là Trần Trí, Sơn Thọ đem thổ dân (dân địa phương) và bọn ngụy đảng cộng hơn vạn người vây bức vua ở sách Ba Lãm. Vua họp các tướng cùng với Lưu Trung, Phạm Cuống đang đem chia quân đánh úp, chiêm trống khua vang, phá được bốn dinh của giặc, chém được hơn nghìn thủ cấp, thu được rất nhiều quân trang khí giới. Quân giặc tuy bị đại bại, nhưng sau lại thu gom được tàn quân, thêm đó bọn thổ nhân báo cho

biết tình hình phía quân ta có ít người. Giặc có ý coi thường ta, chúng mở núi thông đường để tìm đánh nhà vua. Vua sai Lưu Trung cùng các tướng đem quân mai phục ở những chỗ đèo hẹp khó đi. Đợi nửa ngày, quả nhiên giặc kéo quân qua, các tướng tung quân các ngả chen đánh. Giặc lại bị thua, bị quân ta chém chết rất nhiều. Bọn Lưu Trung được vua ban thưởng và tặng kim phù.

Năm Nhâm Dần (1422), các tướng giặc là Phùng Quý, Mã Kỳ, Trần Trí đem quân bốn mặt bao vây vua. Nhà vua tưởng chừng không thể thoát được. Vua mới hiểu dụ tướng sĩ về lẽ tồn vong. Vua tội nhìn nhau mà khóc. Bọn Lưu Trung cảm kích cùng các tướng chiến đấu quên mình. Họ đều xông lên trước trận tiền, chém được tướng giặc là Phùng Quý, cùng với hơn nghìn tên giặc thu được hơn trăm con ngựa. Mã Kỳ, Trần Trí thua chạy về Đông Quan. Vua đóng đồn ở Linh Sơn, hết lương không có cách gì [đành] phải giết 4 thớt voi, hơn mười con ngựa để nuôi quân sĩ, ngoài ra còn ăn rau rừng, măng tre để đợi lương thực. Sau đó bọn Lê Tuyết, Trịnh Đồ sang Ai Lao vận chuyển lương thực về tiếp viện.

Năm Quý Mão (1423), các tướng giặc là Trần Trí, Sơn Thọ đem quân vây bức vua. Nhà vua lại sai bọn Lưu Trung đem binh cả phá, giết được rất nhiều giặc.

Năm Giáp Thìn (1424), vua chia binh mã cùng các tướng phân định ra trung quân và ngoại quân, để tăng cường việc nắm giữ quân đội. Các tướng giặc là Trần Trí, Phương Chính, Sái Phúc, Bột Yên đem quân vây bức vua cả mặt trước và mặt sau. Khi đó trời đã tối, nhưng chí vua vẫn kiên định, tung quân ra đánh, vua sai Lưu Trung đặt phục binh chém được hơn nghìn đầu giặc, thu được rất nhiều quân trang vũ khí. Tướng giặc Trần Trí bị chém chết, quân giặc thua to bỏ chạy.

Tháng 5 năm Ất Ty (1425), vua sai bọn Lưu Trung theo đường tắt đến tập kích thành Tây Đô, giặc Minh không phát hiện được. Bấy giờ Trương Đồi đương vận chuyển 300 thuyền lương từ Đông Quan đến. Quân mai phục của ta ở trong thành Tây Đô nhất loạt xông ra, chém được hơn 500 đầu giặc, bắt sống

nhiều tên, thu được thuyền lương, quân ta tiến đến Nghệ An thì thoái lui.

Tháng 7 năm Bính Ngọ (1426), vua phong cho Lưu Trung làm Hành quân Tổng quản hạ Thái Nguyên xử chư vệ quân sự, Phạm Cống làm Đồng tổng quản Quy Hóa trấn tri quân dân sự.

Tháng 6 năm Đinh Mùi (1427), vua vinh phong cho Lưu Nhân Chú làm Hành quân Đốc quản, Nhập nội Đại tư mã, lĩnh Tiền hậu tả hữu tứ vệ kiêm Tri Tân vệ chư quân dân sự. Ngày 18 tháng 9 cùng năm này, các tướng giặc là Liễu Thăng, Mộc Thạch, Thôi Tự, Hoàng Phúc, Lý Khánh chia ra các đạo tiến đánh, mỗi một đạo gồm 15 vạn quân, 3 vạn con ngựa. Vua sai ba cha con Lưu Trung mỗi người đem 1 vạn quân, 5 thớt voi, mai phục ở Ải Chi Lăng để đợi giặc. Vua lại sai bọn Lê Liễu đem quân khiêu chiến giả vờ thua chạy, bọn Mộc Thạch, Liễu Thăng đuổi theo đến chỗ quân ta mai phục, quân lính cùng nhất tề tiến đánh vào giữa đội hình giặc. Ta chém được tướng giặc Liễu Thăng tại núi Mã Yên, treo đầu y lên cây đa, tóc dài đến 1 trượng, quân giặc thua to. Trận này ta giết được hơn 1

vạn giặc. Đến ngày hôm sau, cha con Lưu Trung phụng mệnh vua đóng đồn tại núi Mã Yên. Quân giặc lại hùng hổ kéo đến, ta chém được tướng giặc là Lương Minh. Bọn Thôi Tụ, Hoàng Phúc đem quân đến tiếp ứng lại bị quân ta đánh bại, bắt sống được Thôi Tụ, Hoàng Phúc và thu được ngân phù, ấn bạc, giết được hơn ba vạn tên, bắt được trâu, bò, ngựa, vàng bạc, lụa là, quân trang khí giới nhiều không kể xiết. Nhà vua gia phong cho Lưu Trung làm Nhập nội tư mã Đại tướng quân, ban tước Thượng trí tự, Huyện thượng hầu, ban cho quốc tính. Gia phong cho Lê (Lưu) Nhân Chú làm Tư không, Nhập nội tư khấu, Thượng tướng quân, ban cho quốc tính. Gia phong cho Lê (Phạm) Cuống làm Nhập nội Thiếu úy, Thượng tướng quân, Quan phục hầu ban cho quốc tính. Đều ban cho [ba người] kim ngư đại (túi thêu hình cá vàng), ngân phù. Từ đó giặc không dám đến nữa, cầu xin giảng hòa. Vua sai Lê Nhân Chú đi sứ giảng hòa. Triều Minh phái sứ giả sang ta sách phong, nước ta tiếp tục triều cống như đời Hồng Vũ ⁽¹⁾.

1. Hồng Vũ: Niên hiệu vua Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương) (1368-1398)

Năm Mậu Thân niên hiệu Thuận Thiên thứ nhất (1428), vua lên ngôi, định công ban thưởng. Gia phong cho Lê Trung chức: Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết đột kỵ quân sự, Tĩnh nạn tuyên lực minh nghĩa cộng thân, Trung lượng Đại phu, Câu kiêm vệ tướng quân, tước Thượng trí, Huyền thượng hầu, ban cho kim ngư đại (túi thêu hình cá vàng), ngân phù, chức Nhập nội Đại tư mã Đại tướng quân, Chi quân công, ban cho trăm mẫu ruộng ở các nơi như trong sắc thư.

Vợ được phong Nhập nội, được phong "Ôn lương nhu thuận từ huệ trinh tiết đại phu nhân đại phụ công chúa".

Gia phong cho Lưu Nhân Chú chức: Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết đột kỵ quân vệ, Suy trung tán trị hiệp mưu dương vũ công thân Nhập nội kiểm hiệu Tư không kiêm Tư khấu, Bình chương quân quốc trọng sự, Nhập nội hoàng tông, Thượng á hầu, ban cho kim ngư đại, ngân phù, tước Lũng quân công và ban cho 500 mẫu ruộng ở các nơi như trong sắc thư.

Vợ được phong Nhập nội, được phong "Phụ đức ôn dung tiết nghĩa thuần chất Bảo định công chúa".

Gia phong cho Phạm Cuống chức: Sơ khởi nghĩa Thứ thủ Thiết đột kỵ quân sự, đồng Tổng quản Quy Hóa trấn chư quân sự, Suy trung tán trị hiệp mưu bảo chính công thần, Đa Ngự Hải môn kiêm trấn Phụng Tuyên xứ Nhập nội Thiếu úy, ban cho kim ngư đại, ngân phù, Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, tước Quan phục hầu Trù quốc công, lại ban cho 500 mẫu ruộng ở các nơi như trong sắc thư.

Vợ được phong "Nhập nội", được ban "Uy nghi dung đức từ mạo đoan trang đại phụ công chúa".

*

*

*

Thuận Thiên thừa vận,

Hoàng thượng ban lời cáo rằng:

Giao quyền bính cho võ tướng ở biên cương, sở dĩ biên thù của ta được vững vàng và yên ổn là do

được [người tài] trấn giữ, uy danh vang xa mà kẻ địch chẳng dám xâm phạm. Nếu chẳng phải người tài thì hiệu lệnh không được thi hành, mà lại chẳng răn ngừa được tướng sĩ sinh lòng kia khác. Đây chẳng phải là lời nói suông đâu!

Quán quân tướng quân, Bắc quân Đô đốc phủ Đô đốc Đồng tri Thương hộ quân, Trụ quốc á hạ phẩm là Lê Văn Hiến là người giỏi trị việc nhà, theo hầu xa giá đã lâu, nắm giữ nhiều chức vụ, hết lòng trung nghĩa cần cù. Tạm ngừng giữ chức Đô đốc, giao cho trọng trách vùng biên trấn. Người huấn luyện binh sĩ, tiến đánh quân man, đã tỏ rõ được tài năng, tiết tháo, củng cố vững chãi thế "thành vàng hào nóng"⁽¹⁾. Thăng làm Quán quân tướng Đô đốc, tri Thuận Hóa trấn thủ, Phó tổng binh, Thương hộ quân Hạ phẩm.

1. Dịch từ "Kim thang" là rút gọn cụm từ "Kim thành thang trì", "Kim thành" ý chỉ thành vững chãi như đúc bằng vàng. Thiên "Dùng người" trong sách *Hàn phi tử chép*: "Không lo giữ gìn mối họa từ bên trong mà củng cố thành vàng nơi biên ải".

"Thang trì" là hào nóng. "Trì" chỉ con hào nước bảo vệ thành thường được xây dựng trong những công trình quân sự thời cổ. "Thang": chỉ nước nóng nhiệt độ cao không thể lại gần được.

Truyện Sơn Thông trong sách *Hán thư* có chép: "Đều là thành vàng hào nóng, không thể đánh được".

Những người chịu trách nhiệm thi hành.

Ngày 19 tháng 5 năm Quang Thuận thứ 10 (1469).

Trẫm nghĩ, trung thành thờ nước, trước sau không hề thay đổi. Ân điển báo công, lẽ nào có khác với việc tôn vong. Từng ghi chép đưa vào điển chương để nối tiếp vinh quang.

Nay Bảo chính công thần, Đa Ngư Hải môn trấn Tướng quân, Quán quân Nhập nội, Thiếu úy Trụ quốc, được ban kim ngư đại, ngân phù, tước Huyện thượng hầu, được ban quốc tính là Lê Cuống được gọi là Khấu tướng dũng mại quán quân, khi gặp giặc Hồ xông lên trước binh lính. Lúc can qua vừa được tạm yên, từng được ghi công, tiến dự hàng quan cao, khen thưởng tận tụy với nhà vua. Đức Thánh Tổ ban khen là người hùng dũng đại lược. Đức Tiên hoàng ghi nhớ công lao ông thuộc vào hàng sơ khởi nghĩa tự phục. Sai cho coi giữ nơi phiên trấn, trừ việc hoạch định tác chiến, tăng thêm quyền tiết chế. Sinh linh lâm than khó nhọc, ông càng

hết sức thi hành việc vỗ yên dân chúng ⁽¹⁾. Ông nổi bật lên như bức tường thành kiên cố, giải tỏa được nỗi lo từ phương Bắc. Lúc đó ông đang ở thời kỳ phụng sự cho đất nước, đâu có ý lui về nơi quê nhà. Nhiều lần ông được thăng quan và tăng trật. Ông được ban thêm tên thụy đẹp để biểu dương công trạng. Sự nghiệp công danh mãi được sáng ngời trong sử sách. Lòng trung hiếu sáng ngời của ông đã nêu gương cho bao người tuấn kiệt. Xét người có tấm lòng trong sáng, đáng ca ngợi nên truy tặng là Bảo chính công thân.

Trẫm nghĩ: Tuyên dương tướng trấn giữ ở biên cương thực là dựa vào tài sức kinh doanh, ta từng đã thăng hàm tăng trật biên chép vào điển chương bao phong cao quý, ban phát rộng rãi chiếu chỉ triều đình, tăng cường lòng trung hiếu, ban cho chúc: Kim tử vinh lộc đại phu, Đa Ngự Hải môn trấn, Phụng Tuyên sứ, Hành quân Tổng quản Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn,

(1) . Dịch từ chữ: "Phủ tụy": vỗ về, vỗ yên.

Phần *Thái giám thượng* trong *Kinh thư*: "Phục tùng mệnh trời, vỗ yên muôn phương".

kiêm Tuyên úy Đại sứ, Tri quân dân sự, Thượng hộ quân, ban tặng kim ngư đại, ngân phù, tước hầu và ban cho quốc tính là Lê Cuồng. Tuổi đã cao nhưng còn khoẻ mạnh, làm việc chẳng ngại gian nan, giữa lúc thế giặc còn đang mạnh, nếm mật nằm gai, căm giận vì chưa báo được thù nước. Gối đất nằm sương tới hơn 10 năm trời, xông pha nơi hòn tên mũi đạn, trải hàng trăm trận. Gian lao muôn vàn, vẫn giữ một tấm lòng son, góp phần công lao to lớn, rửa sạch nỗi sỉ nhục vô cùng. Trù liệu kế sách làm rạng rỡ quốc gia, đáng được vinh phong ban tước. Người làm tướng giỏi thu phục vùng biên trấn, nắm giữ ngọn cờ mao, tung hoành nơi biên ải. Uy danh lẫy lừng vang xa, khiến niềm vinh dự được truyền khắp. Nơi cửa (khuyết) vui hòa, khí thế binh lính tăng mà đội ngũ được nghiêm túc. Trấn trị nơi biên ải, giặc sợ hãi mà bị phá tan, biên cương được thanh bình. Ông thường vào ra nơi Đài, Sảnh cùng chốn hiểm nguy mà luôn giữ khí tiết kiên trung, hiến mưu dâng kế rất nhiều, công lao phù trợ chẳng ít. Trẫm đã lao tâm khổ tứ để vận hội thành công, song cũng vẫn chẳng quên tình cũ, ban ân

thường tước ưu hậu. Trẫm đã ban phong cho được
cầm cờ mao giữ quyền bính trong quân để làm sáng
tỏ sự khác biệt, để biểu hiện sự quan tâm của Trẫm
đối với những người hiền tài. Trẫm thường tâm
niệm: Xả thân vì nước như khanh, thật đúng là người
trung hiếu cần lao, hết lòng dâng hiến mưu kế sâu xa
để bảo vệ lâu dài danh dự [của quốc gia]. Đáng được
thăng làm Bảo chính công thân, Đa Ngự Hải môn
trấn, Quán quân Tướng quân, Nhập nội Thiếu úy,
Trụ quốc, ban cho kim ngư đại, ngân phù, bạc Khanh
hầu, ban tặng quốc tính.

Những người chịu trách nhiệm thi hành.

Ngày 25 tháng 3 năm Nhâm Thân, niên hiệu
Đại Hòa thứ 10 (1452).

Thuận Thiên thừa vận,

Hoàng thượng ban lời chế rằng:

Trẫm nghĩ, nhận mệnh lớn ở bốn phương, nhờ
tối công sáng lập của đức Cao hoàng đế, luôn luôn lấy
chữ đức làm đầu, cung kính nghĩ tới công lao của các
bậc tiên tổ, vô cùng quyền uyển làm rõ ràng nơi điển

sách. Ban tặng Lê Cuồng là Bảo chính công thần, Quán quân Tướng quân, Tư mã, Trụ quốc, Đình thượng hầu, tên thụy là Vũ Tương. Sớm nổi tài võ lược, đứng ra gánh vác gian nan. (Giống như) Chu Vương dấy quân ở Tây Thổ ⁽¹⁾, Đường đế quyết định sự nghiệp tại Đông Đô ⁽²⁾. Người đáng được dự vào hàng ngũ công lao Thánh vương. Tới khi đất nước được thanh bình, từng được phục vụ ba triều vua:

"Cờ ngũ rục rở, công tích mãi còn,

Gác cao đường hoàng, mưu sâu kế lạ" ⁽³⁾.

Nay ghi công để đời mệnh ban tước phong, để làm sáng rõ sự khác biệt nơi chiến trận. Người nường

-
1. Chỉ việc Chu Vũ Vương (tức Cơ Phát) dấy quân diệt vua Trụ tàn ác ở vùng đất phía Tây, lập nên vương triều Chu, phân phong cho chư hầu.
 2. Chỉ việc Đường Cao Tổ (Lý Uyên 566-635), người sáng lập triều Đường, từng làm quan Lưu thủ Thái Nguyên triều Tùy, sau cùng với con trai là Lý Thế Dân dấy quân khởi nghĩa từ Lạc Dương (hay còn gọi là Đông Đô) đánh vào Trường An, diệt được triều Tùy lập ra triều Đường, lấy niên hiệu là Vũ Đức.
 16. Nguyên văn:
Thái thường sản lạn, nhưng tích cụ tồn
Kiệt các tranh vanh, thủ tư khả tướng.

nhờ chốn cao sang quyền quý, trừ lược mưu kế được tăng nhiều, nhớ năm xưa xuất quỷ nhập thần, mong được hiển vinh mãi mãi.

Đáng được ban tặng cho Lê Cuống chúc "Tuyên lực công thần", Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, tước Hoàn nghĩa hầu ⁽¹⁾, Trự ⁽²⁾ tên thụy là Vũ Tương.

Ngày 29 tháng 10 năm Hồng Đức thứ 15 (1484).

Phụng sao sắc phong:

Ban cho Lê Cuống chúc "Suy trung tán trị, Hiệp mưu công thần Kim tử Quang lộc đại phu, Đa Ngự Hải môn trấn, Phụng Tuyên sứ Hành quân Tổng quản, Thái Nguyên trấn vệ hạ bạn, kiêm Tuyên úy Đại sứ, Tri quân dân sự, Thượng hộ quân, ban cho kim ngư đại, ngân phù, bạc Khanh hầu, ban tặng quốc tính. Người là công thần có công lớn phò tá Tiên triều, đứng đầu trong quần thần hai ban tả hữu, gánh vác mệnh lớn,

17. Gia phả lại chép là tước Hàng nghĩa hầu.

18. Theo chúng tôi sau chữ "Trự" phải là chữ "Quốc", tức là "Trự quốc".

tham gia khởi nghĩa, hiểu sâu xa việc giúp rập Hoàng gia, khôi phục bờ cõi nước Nam, tiêu diệt được giặc phương Bắc, trước sau đều thu được toàn thắng. Lê Cuống đáng được thăng chức Bảo chính công thần, Đa Ngư Hải môn trấn Quán quân Tướng quân, Nhập nội Thiếu úy, Trụ quốc ban cho kim ngư đại, ngân phù, tước Khanh hầu, ban tặng quốc tính.

Vậy nay ban sắc.

Ngày 25 tháng 3 năm Đại Hòa thứ 10 (1452).

Phụng sao sắc phong:

Ban sắc cho Lưu Trung chức Tỉnh nạn tuyên lược, Minh nghĩa công thần, Hành quân Tổng quản, Hạ Quốc Oai vệ chư quân sự Đại tướng quân, tước Liệt hầu, Thái phó, Giới quốc công, Trụ quốc, được ban quốc tính. Người đã theo vận hội tham gia khởi nghĩa, lìa xa bản quán, quên tình thân thương, phò tá quốc gia, diệt giặc phương Bắc, khôi phục nước Nam, hiểu rõ việc trợ giúp, một lòng một dạ, thủy chung như nhất,

góp nhiều công lao cho đất nước. Lưu Trung đáng được truy tặng là: "Đặc tiến khai phủ phụ quốc, Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái úy, tước Giới quốc công, ban cho chức Tướng quốc, tên thụy là Trục Độ.

Vậy nay ban sắc.

Hà Nội, tháng 6 năm 2001

Người dịch: *Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm*

Tiến sĩ Nguyễn Đức Huệ

(Viện Sử học Việt Nam)

Người hiệu đính: *Mai Xuân Hải*

(Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

Giai được công, ban cho chức Trưởng được, tên này là
Thượng tướng quân, Thượng tự quốc, Thái úy, tước
được này cũng là "Đặc tiến khai phủ phụ quốc
góp nhiều công lao cho đất nước, Lưu Trung đẳng
Trúc Độ.

Vậy nay ban sắc.

Hà Nội, tháng 6 năm 2001

Người dịch: Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm

Tiến sĩ Nguyễn Đức Nhuận

(Viện Sử học Việt-Nam)

Người hiện định: Mai Xuân-Hải

(Viện Nghiên cứu Hán-Nôm).

前相宣明功居行軍總管司馬

亮大夫駙馬將軍上將軍。爵上智縣上侯。太尉祇國公。賜

推忠贊治。協謀揚勳功臣。行軍總管。海陽鎮行衛諸

檢校司空。平章軍國重事。加封內大司寇。並上侯。賜

賜國姓。於仁澍。推忠贊治。協謀保正功臣。金紫先祿

軍。入軍馬行。聽從。太原鎮衛下伴。兼宣尉大使。

軍。入軍馬行。聽從。太原鎮衛下伴。兼宣尉大使。

軍。入軍馬行。聽從。太原鎮衛下伴。兼宣尉大使。

軍。入軍馬行。聽從。太原鎮衛下伴。兼宣尉大使。

軍。入軍馬行。聽從。太原鎮衛下伴。兼宣尉大使。

軍。入軍馬行。聽從。太原鎮衛下伴。兼宣尉大使。

聖德

能如是乎故知子孫知見兩姓之歡實由艱難

之業自死乃成厥績有如 慈自前高祖刘仁育娶妻陳氏

晚結囊輔道長業益昌積德累仁慈人愛物生下親父富平

侯刘伯盛娶妻阮氏成仁仁聞發恤鄰人飢者給食寒者給衣人

莫不懷其義生男女三人長刘惠次女氏莊後為宋八公主於正月

二十五日夜受先翁与藥一丸便阮氏成吞之自是醒來竟見腹

中陣痛寘時而生刘惠長成之後為人高大身体黑毛髮須髭

滿面有仁有勇視人若毛一方之亮畧無侵盜或有無不恻具

風也 慈刘氏王真生男女六長男刘仁壽娶妻阮氏王炎緒

生男

次刘氏王真為范莊高祖胡朝伯范隆買

縣文社。娶阮氏。簡陳朝。累世絲。生親。文辭。能作
 詩。娶妻武氏。旺。大治丁酉。十年八月。文日。方直。見赤光一塊。其大如斗。
 自外而入其內。至於寢床。忽而不見。奉宗皆懼。時武氏纏身方宿。
 范為即就來。醒問知否。武氏^對言。無所。談至交時。而生范誑。及
 長。身體長大。背^脊原腹垂。而鬪首大。兩耳垂珠。智力冠人。謀謨拔萃。
 然少文多詐。遇事敢為。雄長一方。無人不服。因此刘忠同居。亦府大慈縣。
 頃止社。生得次女刘氏玉顏。范誑見而悅之。因許嫁焉。自是二家通愛。
 父子兄弟。孝順和睦。若同一家。時適於胡末之間。吳寇羣聚。累福王
 通馬^孫琰。嘉馬琪。張輔。沐晟。李彬。皆同為將。分兵各道。呂侵南地。
 范誑^孫。身不^到。此時刘忠。子刘仁。謝督范誑。隱跡藏身。扛油

敬貴以愈。月。到山西。屬鞮。工陽縣。聞外社號。而錦時。日方
暮。暮。過。遂。足。暴。雨。無。人。往。來。無。家。可。入。寄。宿。在。北。面。以。草。席。
敵。油。倚。坐。尼。雨。大。作。直。待。天。明。忽。於。初。更。將。半。聞。外。廟。門。安。成。象
馬。如。大。車。行。聞。聲。問。曰。兄。有。朝。天。否。又。聞。答。曰。有。答。答。乞。告。願。兄
登。朝。上。帝。如。有。何。事。遂。問。報。告。聞。於。初。志。尋。三。人。終。夜。驚。惶。而。不。寐。
寐。又。至。祖。時。五。更。半。再。聞。安。成。象。馬。如。前。又。聞。聲。曰。今。日。登。朝。上。帝。
有。何。事。否。又。聞。答。曰。上。帝。以。三。所。分。同。既。出。榜。於。殿。門。賜。德。黎。利。
為。我。南。越。國。王。又。聞。稱。問。何。鄉。何。貫。如。何。得。是。又。聞。答。曰。清。化。路。梁
江。縣。可。垂。冊。如。益。村。其。人。好。賢。樂。善。累。世。阴。功。廣。行。積。德。卒。世
之。人。無。如。其。姓。故。南。方。之。社。壇。救。生。靈。蓋。為。此。也。豈。易。得。哉。子。嗣。

有何事。至。開答曰。有東潮縣安養社。歲方大旱。彼社築壇祈尚欽差降筮。北垓。彼社有宰沙竿而樂。其刀在牛羹。眾有相盜取。共相視罵。何人盜而失其刀。彼有人曰。惟有三泉神王盜取尔刀。豈有何人盜乎。聞此。圓朝上帝而不筮其垓。彼雖禱而不應尔。云王言。盡相謝而行。至太早。刈忠等三人拜謝。懇所担油而去。行至東潮縣。安養社。八行飲水。詳問老人。果言宰築壇祈雨。失刀現事。至就占其牢。妻。子見其刀。果見實跡。自此刈忠。刈仁。謝范。誼。等返。曲本。買介付宗。藏。屬。与。妻子。許言。商。遠。有。北。離。親。棄。土。直到。藍。山。時。琅。聞險阻。路極崎嶇。因住居阮合村。往來詳問。村內姓名。人。又。稱。之。無。所。隱。後。自。三。夜。相。來。謁。許。言。仁。聞。見。官。人。有。容。納。之。量。乞。為。臣

子願齋生理應得仰蒙帝因何貫何姓名如何到此。刘忠等具
陳其實本初祖父藩鎮之臣。貫在文朗順上二社時被吳軍奇
害。隱跡賣油。直到官人。庶能容納。帝因甚悅。按待倍常。自是
往來。或時留居。與帝。或時耕耘。與張。留於昭。復洞。凡其家中各
役。任使無方。帝時年方二十五歲。為輔道官。正。施仁而德。寬弘大度。
源養實客。以耕耘為樂。以書史自娛。方之民。皆同欽仰。自往月來
所終得三年。聞日帝因與三人共告實事。引刀為信。帝知其意。
猶以為為。無矜於已。無驕於色。而帝自若也。實為氣象殊常。才
冠力眾。於壬辰年正月十五日。寅時。帝有家人張雷。耕於昭。復
洞。適見老僧。身著白衣。狀狀從容。歎曰。惜哉。此地無人可屬。張

雷聞言大喜親就問曰老僧何說臣可得乎老僧指昔日老相彼
面嬰德王則不足相有餘小船不堪重載張雷又曰臣有師在
家敢請老人便回寧足老僧不肯張雷曰敢乞老人暫待以招
師出庶可得乎因此曲告吳帝帝就候張雷相迎帝相見帝
因跪問天師笑曰善哉惟可當矣帝乃指天重誓天師稱曰若有
有心如此老無所惜老乃姓鄭字白石因見此地形地脈堊之不遠
過三年成天子位男則貴不可言女則恨夫不足惟恐子孫之後
必有分居再有中興綿子不絕言畢老僧指示永坐乾向矣以灵山
為案此特為張雷劉忠等四人迎灵車安堊於昭儀洞御皇
屬天師遂止天帝因聖歷始知事在天地有是帝心果信

二十八日。賊散其心。後有黎梁社社當。據營為帝引。吳
賊孫取伏皇靈車。懸於後船。帝遂遠。張雷劉忠劉仁劉范
誑等化二十人。首眉。割草。自上流下。至江口。有賊孫。睨。登取車。骸
骨將回。首首。密。又取他骨。替置靈車。坐之。在上。明日。賊
見靈車。後船已失。舟就北。處。見已成墳。而彼再。孫取骸骨。在
上。將曲。為末。批。棄江中。帝於是為張雷。張戰。劉忠。劉仁。劉范。誑
等二十人。相約盟誓。計同心。故有誓文云。

組

天慶元年。歲次丙申。二月己卯朔。越十二日。庚寅。阿南國可蓋路輔
、導正。臣黎利。黎來。黎慎。黎文安。黎久。黎鄭可。張雷。劉忠。黎

柳裴國興發陰私威既為利仁劉鄭無范誑黎理寸簾張刺司

謹以礼物牲血上步誠

上奏告

昊天上帝

后土地皇示

暨

本國諸屬名蓋山川上中下等諸尊天神伏願俯垂

昭鑒曰有明遠方來重交樂止信必奏告礼也茲於本國輔道正

臣黎利與黎來至張戰等十八姓生雖有兩敵別址義結視同

一祖連枝如榮顯之分雖殊願同姓之情不異茲因吳寇之侵僭

關陳掠過相為害如與黎利為利來至張戰等十八人併力同

愚竊牛地。人得安居。生死俱同。不忘毋誓。臣等伏願

天地及諸神靈。証鑒降之百祥。自身于家。姚子姓內。得至寧。國宗
天祿。若黎利。与黎來。重張戰等。生意殊途。恩求見在。影蔽味忘。
不有叶心。拾忘端。班。臣等伏願

天地鬼神降之百祥。自身于家。中宗姚子姓。咸受誅滅。律至

天刑。謹

建

奏

告

諸將誓詞

太祖高皇帝朕往黎諱利志。以代。天行化撫治。邪宗。臣為玉眼願共
諸將。次首鉄騎吳軍等人。保凡。功也。於共朕。蘇嗣特入。不。棄。

敷天下太平時朕汝典功臣諸將歌志歌飾名意傳衣閔哉永
垂竹帛永蒸黻冕朕其親詔諸將詞特顯宗享福祿油波
箕咎泮肉怒咎平時功意朕在可消諸將油朕在如願意至時
朕在傳永親詔朕如咎意朕願平乾殿職校殿尼職洛肉尼職
崩印尼職銅劍琴平朕少特天下汝功臣諸將顯赫魁吏傳永親
詔若朕閔哉幸如咎願意時永國家長治要如磐石黃河如帶
泰山如礪親詔如朕閔代光登寶位為永帝歌咎其諸將係也後
少功極於共朕同心協力者若坤和少特天下之仍咎意朕更
提咎尼如咎兵法浪仁義之兵和朕為上親固安仁義時固和朕賈
可特號令諸將若浪若天下之令其油波在帝也固法五律諸

機乃時朱和服信號令朱散所澤和少役天下。底功名問代祿亭十鐘
天慶元年丙申二月十二日是年四月二十日割使刘忠等三人返間
四鎮。阴取兵民招亡納叛。潛兵待起。自此刘忠拜謝而回。日則為南
假為商容。阴招人民。夜則樹上同居。以膏血藥。曰。黎利為越南國
王。蟬見其膏。食穿成字。吳兵見之。以為天瑞。然勛所未動。日往月
來。終得三韓。釀成萬隊。伏以待帝起。因曲朝。帝時已於前年三十歲
得宝印。三十一得天駒。三十二得劍瓶。帝自是見忠等三人。欣然引前
來。取以指示。此時帝三十三。大起義兵。而黎忠奉往進討。輔濟艱
難。同心叶力。封黎忠為初起義次首。鉄騎突軍事。芥來侯黎仁澍
為初起義次首。鉄騎突軍事。棠山侯黎誰為初起義次首。鉄騎突

騎軍事恒義侯各分道伐之。至戊午正月日我

太祖乘時啓運。應天順人。賊知其情。將來圍逼。帝使劉忠、劉仁、謝范誼

諸將伏兵。衝奪賊軍。斬得三千餘級。軍資器械不可勝數。帝乃

頒賞金符。至八月二十九日。賊無志。為帝相挑逗。帝時兵少。糧

盡。隱於梁山。絕糧三月。軍士飢甚。以為賊以餘糧為餌。及在

巢蜂窠。食而范誼連西本鄉。連取眾財資。食軍士以待糧。

至帝加納褒獎。軍士莫不欣悅。帝以撫諭士卒。約束部伍。諸將

感敷。誓不為賊俱。至己亥年四月。我

太祖遣劉忠等三人進攻俄樂堡。大戰破之。斬得千餘級。退兵屯蘆

山。賊進逼。帝敗仗於山。破之。旋于確。時賊多我寡。又

曲山

庚子年吳賊羣衆而來諸將與劉忠等伏兵四起賊衆大潰斬
得不可勝計獲馬百餘在賊之戰器一肅時燒燬奉得賞

聖符

辛丑年賊援兵復至賊將陳智山壽平二人并偽黨共萬餘人
逼帝於披瀝冊帝乃會諸將與劉忠范誼等祖兵掩襲鏖戰
並進攻破賊之四營斬得千餘級軍資器械不可勝計而賊又
大潰後復收諸將散卒平二人自知我之軍少有怪我意問山通
道以尋帝帝遣劉忠及諸將伏兵於雞口隘處半日賊果至由
路而出大縱兵各道而出夾擊賊又敗斬得不可勝計劉忠等奉

得褒獎賜金符

壬寅年賊將陳馮貴馬琪陳智四面圍帝。帝欲去不得。帝示諸將士諭以存亡。君臣相對泣。而劉忠等感激為諸將爭戰殊死。身先陷陳。斬獲賊將馮貴及千餘級。馬百餘匹。馬琪陳智敗走。帝閉。帝屯於靈山。絕糧無計。殺衆四隻。馬十餘匹。以饗食軍士。及食蔬笋以待糧至。時蔡雪菊等往哀牢取糧運至。

癸卯年賊將陳智山壽等將兵通帝。帝又使劉忠等大破之。斬得甚衆。

甲辰年帝介諸將兵馬。定為中外增加管統。賊將陳智方改蔡福。李安等奉表通帝。腹背敵。帝已暮。而帝志益堅。縱兵衝奔使。

使斬賊餘級軍實無幾可勝殺斬得陳智賊首數處
乙巳年五月帝命黎憲等倍道間行襲西都城明人不之覺賊
張壇方將糧船三百艘自東關至城中伏兵督起斬得五百餘級生
擒甚眾不得糧船進至又安乃退
丙午年七月帝以劉憲為行軍總管下太原屬諸衛軍事范誼
為同總管歸化鎮知軍民事。

丁未年六月帝使劉憲仁對為行軍督管八內大司馬領前後
左右四衛兼知新衛諸軍民事是年九月十八日賊將柳昇沐
晟崔聚黃福李慶分道進至兵各十五萬馬各三萬帝命
劉德將父子三人各領兵一萬眾五隻設伏於支棲隘以待之再使

黎柳寺出戰，^倖為不勝，而黎遂成。柳昇進至仗處，兵督四起，衝
斬賊軍中，斬得柳昇於馬鞍山懸頭。倖樹髮長一丈，賊軍敗走，斬
得一萬餘級。至後日，劉忠父子奉命留屯馬鞍山，賊又進兵強至，重
拳斬得賊將梁銘，而崔聚勇福引兵強救，而又敗之。生俘崔聚勇
福，并得處符銀印，斬得三萬餘級，半羊駝馬金銀布帛軍資器
械不可勝數。帝加封劉忠為八門司馬，大軍尉上智字，縣上侯，賜國
姓^時黎。仁謝為司空，八門司寇，上車賜國姓黎^范誼為八門少尉，上將軍
冠服，侯賜國姓，各賜金魚袋銀符。自是賊不敢復來，乞相和
好。帝命黎仁謝往使求和，而明遣使來封朝貢，復依洪武
通使姓跡。

成帝順天元年帝即位是功行賞加封黎忠為初起義父首領
驛侯軍事靖難宣力明義功臣忠亮大夫鉤鈐衛將軍爵上智
縣上侯賜金魚袋銀符八內大司馬大將軍祿郡公賜田百畝處所
依收書

妻奉八內封溫良柔順慈惠貞節大夫人太婦公主

黎仁澍為初起義父首領鐵騎突軍事衛推忠贊治協謀勛武功臣八
內檢校司空兼司教章平軍國重事八內皇宗上亞侯賜金魚袋
銀符隨郡公賜田五百畝處所依收書

妻奉賜八內封德溫容節義純質保茂公主

范誼為初起義父首領鐵騎

突軍事同統管歸化鎮諸軍事推忠贊

治協謀保正功臣多魚海門鎮奉宜屬八因少尉賜金魚袋銀
符上將軍上柱國冠服侯爵國公賜田五百畝處所依勅書
妻奉八內奉賜威儀容德慈貌端莊大婦公主。

順

天承運

皇止詰曰聞外之寄所以固吾圉而靖邊陲者也是以得其人則

威勳遠錫而敵不敢犯。非其人。則號令不行。而戎將生心。豈可云
冠軍將軍北軍都督府都督同知上諡軍柱國亞下品。黎文顯
蚤自克家。長晤奉輦。踐散衆賊。類效忠勤。是用輟彼督之職。委
以佛藩藩之重。尔其刻有士卒。進遏垂兵。以負節敬之能。以圖金湯之
誓。可為冠軍將。都督。知順化鎮。尔副總兵。上諡軍下品。主者德行

光順十年五月十九日

印
室

朕惟奉國之忠。既弗渝於終始。報功之典。豈有間於存亡。載奉卿章。
用光勲勞。保正功臣。多魚海門鎮將軍。冠軍。八內少尉。柱國。錫金魚。

袋銀符縣上侯賜國姓黎誼名備寇將勇邁將軍當朝寇之平身
先士卒追于戈南是緒紀旆旆自進陟於台階慶宣勤於王室。

聖祖嘉其雄畧。

先皇錄其勞能屬予嗣服之初垂以維藩之寄拙予旰戟用增節制
之權赤子疲浪盡盡撫綏之道屹有長城之固焉克寬北顧之憂方期
登用於廟堂豈意遽歸於泉壤衆進夏官而令秩載加美謚以表
熟於戲事崇功名永有光於史冊君親忠孝尚啓迪於後人答尔
爽灵歆予休命可追贈保正功臣。

朕惟圖外宣勞允賴終勞之力武階進秩載簪褒寵之章渙發綸
音具予章有金紫光祿大夫多魚海門鎮奉宣使行軍總

朕惟。圖外宣勞。允賴經費之力。武階追秩。載誓褒寵之章。漢發綸
音。具乎車旨。金紫光祿大夫。多魚海門。鎮奉宣。但使行軍總管
太原鎮。街下伴。魚宣尉太使。知軍民事。上諒軍。賜金魚袋符。卿侯
賜國姓。黎旌。老當益壯。事不歸班。當賊也之方張。樹薪嘗胆。憤國
警之未振。社稷殆金。臘雪霜殆十餘年。樹冒矢石。止百餘戰。間開並
狀。攀附心。替成莫之奇。用雪無窮之耻。誓歃盟府。戈膺賜爵之榮。
作牧雄藩。重假秉旌之寄。威聲遠振。令譽播騰。董正和門。士氣
增而軍容肅。駐旌鎮關。賊胆破而邊境靖。出入締丕於崇司。夷

險阻堅於嘉節。猷為益著。勛勞居多。朕宵旰思撫。盈成之運。終圖
首愛。加優獎之恩。是用進兼武進。仰司要柄。予以昭異。教予以示。眷
懷於戲。撫暇思賢。朕每存於念慮。以身許國。卿勿贊於忠勤。
式寵遠猷。以保終譽。可陞為保山功世多魚。海門履翁將軍。八
內少尉。柱國。賜金魚袋銀符。卿侯。賜國姓。王者施行。

八和十年壬申三月二十五日

嘯

入承運。

皇上制曰。朕惟誕受

多方。適念

高皇之創始。咸有一德。追思御事之業。叅。疊。又。眷。懷。明。子。顯。曲。贈。保。正。功。臣。冠。軍。將。軍。司。馬。柱。國。亭。上。侯。謚。武。襄。繁。誨。風。流。奕。武。出。應。屯。亭。周。王。興。西。土。之。師。武。昭。

帝。罰。唐。帝。決。東。都。之。策。預。督。在。功。迄。四。海。之。鏡。諸。歷。

三。朝。之。柄。用。太。帝。常。燦。爛。戎。績。具。存。傑。閣。岬。嶠。千。資。可。想。茲。誌。功。而。侯。命。掌。班。計。以。疏。功。于。以。示。至。公。于。以。昭。異。效。於。戲。

攀麟附鳳。綢繆增感於當年。居鬼平神。彫鑿尚昭於永久。可
加贈宜勞功臣。特進輔國上將軍。桓義侯。柱國。謚武襄。黎誼

改德十五年十月二十日

奉秋

初。惟忠贊治。協謀功臣。金紫。光祿大夫。多魚海門鎮。奉宣使行
軍總管。太原鎮。衛下伴。兼宣尉大使。知軍民事。上詔軍賜金
魚袋。銀符。卿侯。賜國姓。黎誼。為能先朝。碩輔。冠左右。賈。首出元命。
功奉天。起義。深知為國。翊贊。皇家。恢復南疆。掃平北寇。終始全功。
阿隆。為保正。功臣。多魚海門鎮。冠軍將軍。入內少尉。柱國。賜金魚袋。

賜府鄉侯賜國姓黎莊故勅

和十年三月二十五日

奉敕

請難宣力。明義功臣。行軍總管。平國威術。諸軍事。大將軍。列
侯。太傅。齊國公。柱國。劉忠。奉賜國姓黎忠。為能應祥起義。棄去
伯親。挾弼國隙。掃平北寇。恢復南疆。先知弼贊。攀附一心。終始全
功。多有勲勞。孤國可加追贈。特進。開府。輔國。上將軍。上柱國。太尉。
齊國公。黎忠。賜相公諡貞度。故勅。

THƯ MỤC VỀ LƯU NHÂN CHỨ

Ngô Vũ Hải Hằng

(Viện Sử học)

SÁCH

1. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng/*Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Thái*. Tập 1 (sơ thảo), 1980.
2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Thái/*Bắc Thái lịch sử kháng chiến chống pháp (1945-1954)*. Bắc Thái, 1990.
3. Dương Kỳ/*Việt sử khảo lược: Từ Lê Lợi khởi nghĩa đến Cách mạng tháng Tám*. Quyển 1. -H.: Thuận Hóa, Tiến Hóa, 1949.
4. *Đại Việt địa chí thời Tự Đức*. Thư viện Khoa học Trung ương. A.973.
5. *Đại Việt sử ký tiền biên*. -H: KHXH, HN 1997.

6. Đào Duy Anh/*Lịch sử Việt Nam. Từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XIX, quyển hạ*. Tập san ĐHSP, chuyên san 1956 - 464 tr, 22cm.
7. Đặng Xuân bảng/*Việt sử Cương mục tiết yếu*. -H.: KHXH, HN, 2000.
8. *Địa chí Thanh Hóa*. -H: Văn hóa, HN, 2000.
9. Đoàn Thái Bình/ *Nguyên nhân thắng lợi và vị trí của chiến dịch Tốt Động - Chúc Động trong khởi nghĩa Lam Sơn*. Luận văn Tốt nghiệp, Khoa Sử - ĐHTH, 1967.
10. *Giáo trình lịch sử Việt Nam*. Tổ bộ môn Lịch sử cổ đại và phong kiến Việt Nam. Phân Khoa sử biên soạn, 1963.
11. *Gia phả họ Lưu ở xã Vân Yên*, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
12. Hà Đức Toàn/*Núi Văn núi Võ*. UBND huyện Đại Từ XB, 1992.

13. Hồng Phúc Trâm/Lê Lợi (1385-1433) - 10 năm kháng chiến. -H.: Văn hóa Thông tin, 2000, 168 tr, 19cm.
14. Hội nghị kỷ niệm 555 năm chiến thắng Chi Lăng (Lạng Sơn). Ủy ban nhân dân, 10/1982.
15. Hoàng Đạo Thúy (cb)/Đất nước ta. -H: KHXH, HN, 1989.
16. Hoàng Quang Khánh/Kế hoạch diệt viện của nghĩa quân Lam Sơn và chiến thắng Chi Lăng năm 1427. (LVTN cử nhân) - Khoa Sử - Đại học Tổng hợp, 1968, - 63tr.
17. Lam Sơn sự tích, Bản chép tay niên hiệu Bảo Đại - TV KHXH.
18. Lam Sơn thực lục. Mạc Bảo Thần dịch. -H.: Tân Việt, 1956, -88tr.
19. Lam Sơn thực lục. Nguyễn Diên Niên khảo chứng, Lê Văn Ưông chú dịch. Thanh Hóa, Ty Văn hóa, 1976, 314tr.

20. *Lê Lợi và Thanh Hóa trong khởi nghĩa Lam Sơn*.
Thanh Hóa, 1988.
21. *Lê Quý Đôn toàn tập*, Tập 3, (Đại Việt thông sử). -
H.: KHXH, HN, 1978.
22. *Lịch sử Việt Nam thời kỳ chế độ phong kiến dân
tộc* (giai đoạn thế kỷ XV-XVIII)/Tổ Cổ sử Việt
Nam Trường ĐHSPHN, Tủ sách ĐHSPHN, 1967.
23. Lương Ninh (cb)/*Lịch sử Việt Nam giản yếu*. -H.:
Chính trị Quốc gia, HN, 2000.
24. *Một số chuyên đề về lịch sử Việt Nam*. Tập bài
giảng (chương trình cử nhân chính trị). -H.: Chính
trị Quốc gia, HN, 1997. -510tr, 19cm.
25. Minh Lạc/*Lược sử Việt Nam từ Hồng Bàng đến
năm 1945*. Nha Văn hóa, Bộ Văn hóa giáo dục và
thanh niên, 1973.
26. Minh Tranh/*Sơ thảo lược sử Việt Nam*. Bộ Giáo
dục - Nha Giáo dục phổ thông xuất bản, Hà Nội,
1954.

27. Ngô Đức Dung/*Việt sử Mông học từ Hồng Bàng cho đến 1945*. -H.: Văn hóa, 1998, 512tr., 21cm.
28. Ngô Sĩ Liên/*Đại Việt sử kí toàn thư - Tập 3*. -H.: GD, HN, 1998.
29. Ngô Thời Sĩ / *Việt sử tiêu án* (Từ Hồng Bàng đến ngoại thuộc Minh). - H.: Thanh niên, 2001, 350tr.
30. Nguyễn Đình Lễ (cb)/*Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến ngày nay*. -H.: Đại học Quốc gia, 1998. - 450tr, 20cm.
31. Nguyễn Lương Bích/ *Nguyễn Trãi đánh giặc cứu nước*. -H.: QĐND, 1973, 663tr, 19cm.
32. Nguyễn Minh Nguyên/*Thành Nghệ An và công việc bao vây dụ hàng của Nghĩa quân Lam Sơn*. (LVTN cử nhân) - Khoa Sử - Đại học Tổng hợp, 1975.
33. Nguyễn Phan Quang - Võ Xuân Đàn/*Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến 1884*. -H.: TP HCM, 2000. - 479tr, 19cm.

34. Nguyễn Quang Ngọc (cb)/*Tiến trình lịch sử Việt Nam*. -H.: Giáo dục, 2000.
35. Nguyễn Quốc Thắng - Nguyễn Bá Thế/*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*. -H.: KHXH, 1991.
36. *Nguyễn Trãi toàn tập*. NXB KHXH, HN, 1976.
37. Nguyễn Trọng Nghĩa/*Trận Cổ Lãm trong chiến dịch Tốt Động - Chúc Động*, 5/11/1426. Luận văn tốt nghiệp, Khoa Sử - ĐHTH, 1967.
38. Nguyễn Xuân Uẩn/*Việt Nam sử ký*. Quyển 9 - Lê Lợi, 135tr.
39. Phạm Văn Sơn/*Việt sử Tân biên*. Tập 2. -H.: Văn Hũu - Á Châu Sài Gòn, 1959.
40. Phạm Xuân Hòa/*Lịch sử Việt Nam*, quyển 2, *Từ Lê Lợi khởi nghĩa đến chúa Nguyễn suy vong*. -H.: Vĩnh Thịnh. -100tr, 21cm.
41. Phan Đại Doãn - Trần Bá Chí/*Chiến thắng lịch sử Chi Lăng - Xương Giang*. Thông báo khoa học - Sử học - Tập 3. -H.: ĐHTHCN, 1969.

42. Phan Đại Doãn - *Chiến thắng Cần Trạm, Phố Cát, Xương Giang Năm 1427*, trong "Hà bắc ngàn năm văn hiến". - Tập 3, Hà Bắc, Ty Văn hóa Thông tin, 1974, tr, 144- 153
43. Phan Huy Chú - *Lịch triều hiến chương loại chí* - Tập 1: Dư địa chí, Nhân vật chí. - H. Sử học, 1961, 349tr, 27cm
44. Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn - Bùi Đăng Duy - Phạm Thị Tâm - Trần Bá Chí - *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc* - H: QĐND - HN, 1976 - 314tr, 19cm
45. Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn - *Khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào đấu tranh giải phóng đất nước vào đầu thế kỉ XV* - H : KHXH, 1965 - 293 tr, 22cm
46. Phan Huy Lê - Phan Đại Doãn - *Khởi nghĩa Lam Sơn* - H : KHXH, HN, 1977 - 561 tr, 19cm
47. Phan Huy Lê - *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*. - Tập 2 - HGD. HN, 1962.

48. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam nhất thống chí* - Tập 4 - H: Thuận Hóa, Huế, 1992.
49. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ*, quyển 2 - H; Sử học, 1963 - 459tr, 19cm.
50. Quốc sử quán triều Nguyễn - *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục*, tập 2 - H: Giáo dục, HN, 1998.
51. *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam (Tập IV)* H.1998.
52. *Thư tịch cổ Việt Nam nói về chủ nghĩa bành trướng bá quyền Đại Hán* - H: Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1985 - 246 tr, 19cm.
53. *Thái sư quốc công Nguyễn Xí, quê hương, con người, sự nghiệp*, Sở Văn hóa Thông tin Nghệ An, 1997
54. Trương Hữu Quýnh - Nguyễn Đức Ninh - *Lịch sử Việt Nam*, quyển 1 - Tập 2 - H: GD. 1970.

55. Trương Hữu Quýnh (cb) Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh - *Đại cương lịch sử Việt Nam. Tập 1* - H: GD, HN, 1998.
56. Trương Hữu Quýnh - *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỉ XI - XVIII. Tập 1. Thế kỉ XI - XV*. H: KHXH, 1982.
57. Trương Hữu Quýnh - Phan Đại Doãn - *Danh nhân lịch sử Việt Nam*, H: Giáo dục, 1987.
58. Trương Thị Yến - *Tìm hiểu hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn (LVTN cử nhân) - Khoa Sử - Đại học Tổng hợp*, 1975.
59. Trần Kim Thau - *Quá trình giải phóng thành Đông Quan trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn*, LVTN, Khoa Sử - ĐHTH, 1971
60. Trần Huy Liệu - *Nguyễn Trãi*, in lần thứ hai - H: KHXH, 1969, 219 tr, 19cm
61. Trần Nguyên Hãn - *Vĩnh Phú: Sở Văn hóa thông tin - thể thao*, 1991, 169tr, 19cm.

62. Trần Thị Vinh - *Chiến thắng Cần Trạm - Xương Giang - 1427* (LVTN cử nhân) - Khoa Sử - Đại học tổng hợp, 1973.
63. Trần Trọng Kim - *Việt Nam sử lược* - H: Tân Việt, Sài Gòn, 1954
64. Ủy ban KHXN - *Lịch sử Việt Nam* - Tập 1 - H: KHXH, HN - 1976.
65. Văn Tân - *Lịch sử Việt Nam (sơ giản)* - H: Sử học, 1963 - 271 tr.
66. Viện Sử học - *Tổ tiên ta đánh giặc*, 188 trang đánh máy (Vv. 62).
67. *Việt Bắc - 30 năm chiến tranh cách mạng* (1945 - 1975). Tập 1 - H : QĐND, HN, 1990.
68. *Việt Lam xuân thu*, Nguyễn Đông Châu dịch, Đông kinh ấn quán, Hà Nội, 1914.
69. Vũ Đức Hoat - *Chiến thắng Cần Trạm - Xương Giang và ý nghĩa của các chiến thắng này trong*

chiến dịch diệt viện cuối năm 1427 (LVTN cử nhân) - Khoa Sử - Đại học Tổng hợp 1975.

70. Vũ Duy Mền/*Chiến thắng Trà Lân và Khả Lưu, Bồ Ải của nghĩa quân Lam Sơn.* (LVTN cử nhân) - Khoa Sử - Đại học Tổng hợp 1975.

TAP CHÍ, BÁO

1. Dương Minh- *Tính chất quan trọng của chiến thắng Tuy động và chiến thắng Chi Lăng.* Nghiên cứu Lịch sử, số 55 (10/1963)
2. Đặng Nghiêm Vạn - *Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú.* Nghiên cứu lịch sử, số 105 (12-1967), tr, 47 - 53, 60.
3. Đỗ Chí - *Chiến dịch Chi Lăng.* Quân đội Nhân dân số 118 (30/10/1962)
4. Hoàng Xuân Hãn - *Lời thề Lũng Nhai* - Tập san KHXH, Paris số 7 (10-1980), tr 2 - 13.

5. Minh Tú - *Về trận Tốt Động* (11/1426) NCLS, số 3 (262), 1992.
6. Nguyễn Đình Thục - *Góp phần xác định những địa điểm hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn*. NCLS, số 3 (162), 1975.
7. Nguyễn Văn Dị - Văn Lang - *Nghiên cứu về chiến dịch Tốt Động - Chúc Động* (1426). NCLS, số 56, 1963.
8. Nhật Nham - *Xương Giang làm thế ỷ dốc*. Tri Tân, số 65 (9-1942)
9. Phan Đại Doãn - *Lê Lợi và tập hợp Lũng Nhai - Chuyển biến quyết định thắng lợi phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV* - NCLS, số 6, (219), 1984, tr. 34 - 41.
10. Phan Huy Lê - *Chiến dịch Tốt Động - Chúc Động - một chiến thắng oanh liệt của nghĩa quân Lam Sơn*. NCLS, số 121, 1969.

11. Phan Huy Lê - *Lê Lợi sự nghiệp cứu nước và dựng nước*, NCLS, số 6 (219), 1984.
12. Vũ Duy Mền - *Góp phần xác minh thành Trà Lân và Khả Lưu, Bồ Ải*. NCLS, số 4, (181) , 1978.
13. Vũ Duy Mền - *Hội thể Đông Quan và những đóng góp của Nguyễn Trãi*. NCLS, số 5, (200) , 1981.

11. Phan Huy Lê - Lê Lợi và người cộng tác của ông
in: NCT số 6 (197) 1984.
12. Vũ Duy Miền - Các phần tử nhân dân T.Đ. ở
vùng Bắc Bộ, NCT số 4 (181) 1978.
13. Vũ Duy Miền - Một số Đảng Cộng sản và những đảng
góp của Nguyễn Trãi, NCT số 2 (200) 1981.

MỤC LỤC

	Trang
• Lời giới thiệu	5
• Quê hương Thái Nguyên và danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú	
<i>Nguyễn Thị Phương Thảo</i> <i>Phó chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên</i>	7
• Lưu Nhân Chú - một cuộc đời - một sự nghiệp đáng kính	
<i>GS-Viện sĩ Nguyễn Duy Quý</i> <i>Giám đốc Trung tâm KHXH&NVQG</i>	13
• Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú sống mãi trong lòng đồng bào các dân tộc Thái Nguyên	
<i>Hứa Đức Nhị</i> <i>Phó bí thư Thường trực Tỉnh uỷ</i> <i>Chủ tịch HĐND tỉnh Thái Nguyên</i>	21
• Lưu Nhân Chú - người cống hiến trọn đời cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước	
<i>TS. Trần Hữu Đính</i> <i>Phó Viện trưởng Viện Sử học</i>	31
	415

- Lưu Nhân Chú trong bối cảnh xã hội Đại Việt nửa đầu thế kỷ XV

PGS.TS Trần Thị Vinh

Viện sử học

41

- Lưu Nhân Chú - từ chọn hướng đúng đắn đến lập thân vinh quang

PGS.TS Nguyễn Danh Phiệt

Viện Sử học

61

- Lưu Nhân Chú và Hội thề Lũng Nhai

TS Vũ Duy Mên

Viện Sử học

73

- Tướng Lưu Nhân Chú với chiến dịch diệt viện Chi Lăng- Xương Giang

Yến Trang

Viện Sử học

89

- Lưu Nhân Chú - vị tướng giỏi đánh mai phục bất ngờ

Thượng tá, TS Nguyễn Minh Đức

Viện Lịch sử Quân sự

103

- - Vai trò của Lưu Nhân Chú trong buổi đầu xây dựng triều Lê

TS Nguyễn Thị Phương Chi

Viện Sử học

115

- Tìm hiểu các chức quan và tước vị của Lưu Nhân Chú (? - 1434)

Thạc sĩ Nguyễn Hữu Tâm

Viện Sử học

131

- Lưu Nhân Chú cầu thần đánh giặc

TS Trương Sỹ Hùng

Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

153

- Gia đình Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

Phạm Văn Kính

Viện Sử học

167

- Lưu Trung và Phạm Cuống trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn

TS Nguyễn Đức Nhuận

Viện Sử học

185

417

- Lưu Nhân Chú và dấu ấn dòng họ Lưu ở Thanh Hóa

TS Hà Mạnh Khóa

Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử

Thanh Hóa

215.

- Bàn thêm về công lao và vai trò của gia tộc Lưu Nhân Chú trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV

TS Đỗ Đức Hùng

Viện Sử học

225

- Văn Yên - Đại Từ - Quê hương danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú

Nguyễn Văn Tiến

Chủ tịch UBND huyện Đại Từ

249

- Khu di tích Núi Văn - Núi Võ ... những chứng tích liên quan tới Lưu Nhân Chú và nghĩa quân của ông trước khi nổ ra khởi nghĩa Lam Sơn 1418 .

Thạc sỹ Hoàng Thị Diệp

Giám đốc Sở VH-TT Thái Nguyên

261

- Lưu Nhân Chú qua các dòng thư tịch cổ Việt Nam

TS Nguyễn Minh Tường

Viện Sử học

273

- Dũng tướng Lưu Nhân Chú - Danh nhân lịch sử

PGS. TS Trần Đức Cường

Viện trưởng Viện Sử học

295

- Giới thiệu vài nét về những tài liệu Hán Nôm mới sưu tầm được tại xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Th. sỹ Nguyễn Hữu Tâm

TS. Nguyễn Đức Nhuận

Viện Sử học

301

- Gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú xã Văn Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

(Bản phiên âm và dịch quốc ngữ)

315

- (Bản Hán - Nôm)

375

- Thư mục về Lưu Nhân Chú

Ngô Vũ Hải Hằng

Viện Sử học

401

- Mục lục

415

419

DANH NHÂN LỊCH SỬ LƯU NHÂN CHÚ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Thạc sĩ HOÀNG THỊ ĐIỆP

PGS. Tiến sĩ TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Tổ chức bản thảo:

Tiến sĩ TRẦN HỮU ĐÌNH

NGUYỄN THANH BÌNH

Biên tập:

Tiến sĩ: TRẦN HỮU ĐÌNH

Thạc sĩ: HOÀNG THỊ ĐIỆP

NGUYỄN THANH BÌNH

Trình bày bìa : VĂN SÁNG

Chế bản vi tính: TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ

LIỆU VIỆN SỬ HỌC

Sửa bản in:

PHẠM MINH HẢI

DIỄM HẰNG

In 600 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm. Tại Xí nghiệp in Bắc Thái. Số GPXB số: 42/GPXBVH do Sở VH-TT Thái Nguyên cấp ngày 26 tháng 9 năm 2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2001.